

**SUTTANTA PITAKA
KINH TẠNG**

Bộ Sách Chú Giải

**PUÑÑĀ - MERIT
PHƯỚC BÁU - THIỆN CÔNG ĐỨC**

Readings from the Pāli canon
Những bài kinh được đọc ở trong Kinh Tạng **Pāli**



Prepared by Thanissaro Bhikkhu
Tỳ Khuru Thanissaro đã chuẩn bị đầy đủ
Dịch Giả: Cittaratana - Hoàng Mai Trâm McCarthy

P.L. 2563

D.L. 2020

PUÑÑĀ - MERIT
PHƯỚC BÁU - THIỆN CÔNG ĐỨC
By Thanissaro Bhikkhu - Tỳ Khưu Thanissaro

Translated into Vietnamese in first edition
By Cittaratana - Hoàng Mai Trâm McCarthy

Copyright © 2020 by Bhikkhu PASĀDO

All right reserved.

ISBN 978-1-7923-2794-0

January 2020

Published by Library of CATUDDISA SAṄGHA VIHĀRA
5044 Old Shipps Store Road, Bealeton, VA 22712 – USA.

Printed by Diggy POD
301 Industrial Dr,
Tecumseh, MI 49286 – USA.

Contents

Mục Lục

1. Introduction.....	1
- Tự Ngôn	
2. Basic Wisdom.....	5
- Trí Tuệ Căn Bản	
3. Puñña: Merit.....	19
- Phước Báo: Thiện Công Đức	
4. Dāna: Giving.....	32
- Xả Thí: Việc Cho Ra	
5. Sīla: Virtue.....	85
- Giới Luật: Đức Hạnh	
6. Bhāvanā: Meditation.....	127
- Tu Tập: Thiền Định	
7. The Merit of Stream – Entry.....	192
- Thiện Công Đức Của Bạc Quả Dự Lưu	
8. Beyond Merit.....	198
- Siêu Xuất Thiện Công Đức	
9. Glossary.....	200
- Bảng Chú Giải	
10. Abbreviations.....	203
- Những Từ Ngữ Viết Tắt	

Introduction

Tự Ngôn

*Of all the concepts central to **Buddhism**, Merit (**Puñña**) is one of the least known and least appreciated in the West. This is perhaps because the pursuit of Merit seems to be a lowly practice, focused on getting and “selfing,” whereas higher **Buddhist** practice focuses on letting go, particularly of any sense of self. Because we in the West often feel pressed for time, we don’t want to waste our time on lowly practices and instead want to go straight to the higher levels. Yet the **Buddha** repeatedly warns that the higher levels cannot be practiced in a stable manner unless they develop on a strong foundation. The pursuit of Merit provides that foundation. To paraphrase a modern **Buddhist** psychologist, one cannot wisely let go of one’s sense of self until one has developed a wise sense of self. The pursuit of Merit is the **Buddhist** way to develop a wise sense of self.*

Trong tất cả những khái niệm chủ yếu của Phật Giáo thì ở phương Tây, Thiện Công Đức (**Phước Báu**) là một trong những khái niệm ít được biết đến nhất và ít được biết giá trị nhất. Điều này có lẽ là do sự tầm cầu về Thiện Công Đức được xem như là một việc thực hành một cách hạ liệt, tụ trung vào cái đạt được và vào “cái tự ngã,” trong khi đó sự thực hành ở những Pháp cao thượng hơn của Phật Giáo thì tập trung vào việc xả ly, một cách đặc biệt là bất luận mọi cảm quan về bản ngã. Bởi vì chúng ta ở phương Tây thì thường cảm thấy bị eo hẹp về thời gian, chúng ta không muốn lãng phí thời gian của mình vào những việc thực hành các Pháp hạ liệt và thay vào đó muốn đi thẳng lên những Pháp cao thượng hơn. Thế nhưng, Đức Phật đã nhiều lần cảnh báo rằng các Pháp ở trình độ cao hơn không thể được thực hành ở một mức độ bền vững trừ khi chúng được phát triển trên một nền tảng vững chắc. Sự tầm cầu về Thiện Công Đức cung cấp nền tảng đó. Đề thích nghĩa một nhà tâm lý học Phật Giáo hiện đại, người ta không thể từ bỏ một cách minh trí về cảm quan bản ngã của mình trừ khi người ta đã phát triển một tuệ tri cảm quan về bản ngã. Sự tầm cầu về Thiện Công Đức là đạo lộ của Phật Giáo để phát triển một tuệ tri cảm quan về bản ngã.

*The following readings show how this is done. They begin with a section on basic wisdom, which shows how the questions that lead ultimately to the wisdom of letting go first focus on things to hold onto: the skillful traits that, on the beginning level, provide a secure place to stand while letting go of character traits that are obviously harmful. **Buddhist** wisdom famously focuses on perceptions of inconstancy, stress and not - self; but the application of that wisdom grows out of the pursuit of what is relatively constant and pleasant and requires a mature sense of self: able to plan for the future, to anticipate dangers, to sacrifice short - term happiness for long - term happiness, to consider the needs of others, to substitute harmless pleasures for harmful ones and to develop a strong sense of self - reliance in the pursuit of a happiness that is wise, pure, and compassionate.*

Những bài Kinh được đọc sau đây trình bày cách thức đã thực hiện được điều này. Chúng bắt đầu với một phần về Trí Tuệ căn bản, trong đó cho thấy làm thế nào những vấn đề mà một cách tối hậu đưa đến Trí Tuệ cho việc xả ly trước tiên phải tập trung vào những điều cần nắm giữ: những đặc điểm thiện xảo, ở cấp độ ban đầu, cung cấp một vị trí an toàn để được đứng vững trong khi đang xả ly những tính cách đặc trưng mà một cách hiển nhiên là có tác hại. Một cách cực hảo, Trí Tuệ Phật Giáo tập trung vào những suy tưởng về sự đa biên, tinh thần áp lực và vô ngã; thế nhưng việc áp dụng Trí Tuệ ấy được phát triển từ sự tầm cầu về các Pháp tương đối ổn định và duyệt ý, và đòi hỏi một cảm quan thuần thực về bản ngã: có khả năng để hoạch định cho tương lai, để trừ tính những hiểm nguy, để hy sinh niềm hạnh phúc ngắn hạn cho niềm hạnh phúc dài hạn, để xem xét nhu cầu của những tha nhân, để thay thế những niềm vui thích vô hại cho những niềm tác hại, và để phát triển một ý thức mạnh mẽ của sự tự lực trong việc tầm cầu một niềm hạnh phúc minh trí, thuần khiết và hữu đồng tình tâm.

*The section on Merit then sets out in general terms the types of meritorious activities that conduce to that happiness, focusing primarily on three: **Giving, Virtue, and Meditation**. The next three sections focus on the ways in which each of these activities can be pursued so as to produce the most happiness. For instance, the section on **Giving** discusses how the happiness of generosity can be maximized by wisely*

*choosing the proper motivation for **Giving** a gift, a proper gift, and a proper recipient for one's gift. The section of **Virtue** shows how to learn from one's past mistakes without succumbing to debilitating feelings of guilt. The section on Meditation discusses not only how the development of **Good Will**—the meditative practice most often cited in conjunction with merit—can lead to happiness both now and in the present, but also how it can help minimize the bad results of one's past unwise actions.*

Sau đây, phần nói về Thiền Công Đức được sắp bày một cách tổng quát những thể loại hoạt động về công đức mà qua đó dẫn đến niềm hạnh phúc ấy, tập trung một cách chủ yếu vào ba điều: **Xả Thí**, **Giới Đức** và **Thiền Định**. Ba phần tiếp theo thì tập trung vào những phương thức mà từng mỗi hoạt động này có thể được tiếp tục thực hiện nhằm để tạo ra niềm hạnh phúc cự đại. Ví dụ như phần nói về **Xả Thí**, việc thảo luận làm thế nào niềm hạnh phúc ở lòng hảo tâm có thể được tăng lên đến cực đại bởi qua sự chọn lựa một cách minh trí động lực chính đáng trong việc cho ra một vật thí, một vật thí hợp lẽ, và một thụ thí giả thích đáng cho vật thí của mình. Phần nói về **Giới Đức** cho thấy làm thế nào để học hỏi được từ những khuyết điểm ở trong quá khứ của mình mà không chịu khuất phục, để làm suy yếu đi cảm giác thấy mình có lỗi. Phần nói về Thiền Định không chỉ thảo luận làm thế nào để sự phát triển về **Thiền Ý (Tứ Ái Tâm)** – việc thực hành thiền định thường được viện dẫn trong sự kết hợp với Thiền Công Đức – có thể dẫn đến niềm hạnh phúc ở cả hai - ngay bây giờ và trong hiện tại, mà nó còn có thể làm thế nào giúp những kết quả xấu xa của các hành động bất minh trí của mình ở trong quá khứ giảm đến mức tối thiểu.

*All three of these forms of Merit conduce to the highest form of Merit: the realization of Stream – Entry — entering the “Stream” to **Nibbāna**—the first glimpse of the deathless. Thus the penultimate section of this study guide focuses on the happiness and well - being that derive from this attainment.*

Cả ba hình thức Thiền Công Đức này đều dẫn đến hình thức Thiền Công Đức cao nhất: sự chứng tri “Quả Dự Lưu”- dự vào “khê lưu” đưa đến Níp Bàn – sự lĩnh hội đầu tiên về sự bất diệt. Do đó, phần áp chót của quyển sách hướng dẫn nghiên cứu này tập trung vào niềm hạnh phúc và sự an lạc là bắt nguồn từ sự thành đạt này.

*For all the rewards of meritorious action, however, the concluding section serves as a reminder that the pursuit of happiness ultimately leads beyond the pursuit of Merit. In fact, this book is planned as part of a two - part series covering the **Buddhist** approach to the pursuit of happiness, with the second part discussing the perceptions of inconstancy, stress and not - self as the next stage in approaching the deathless happiness attained with **Arahantship**. Still, it would be a mistake to view the two stages as radically separate. In the course of developing a wise sense of self in the pursuit of Merit, one is already learning how to let go of unwise ways of “selfing” as one learns to overcome stinginess, apathy, and hard - heartedness through the development of **Giving, Virtue, and Good Will**. The teachings on the three perceptions simply carry this same process of “de - selfing” for the sake of an even truer happiness to a higher pitch.*

Tuy nhiên, đối với tất cả các phần tương lệ của Công Đức Hạnh thì ở phần kết luận đã đóng vai trò như một lời nhắc nhở rằng việc tầm cầu niềm hạnh phúc một cách tối hậu dắt dẫn đến không gì khác ngoài sự tầm cầu Thiền Công Đức. Trên thực tế, quyển sách này đã được trù tính phân ra một chuỗi liên tiếp bao gồm hai phần về cách tiếp cận vào Phật Giáo để tầm cầu niềm hạnh phúc, với phần thứ hai được thảo luận về những suy tưởng về sự đa biến, tinh thần áp lực và vô ngã như là giai đoạn kế tiếp trong việc tiếp cận niềm hạnh phúc bất diệt đã được thành đạt với Quả vị Vô Sinh. Tuy nhiên, sẽ là một sự lầm lẫn khi xem hai giai đoạn là hoàn toàn tách biệt. Trong quá trình phát triển một tuệ tri cảm quan về bản ngã trong việc tầm cầu Thiền Công Đức thì người ta đã học được cách để xả ly những phương thức bất minh trí về “cái tự ngã” khi mà người ta học để khắc phục được sự keo kiệt, sự thờ ơ lãnh đạm và sự vô tình thông qua sự phát triển về **Xả Thí, Giới Đức** và **Thiền Ý (Tư Ái Tâm)**. Những huấn từ về ba suy tưởng - một cách đơn giản là chuyển tải cùng một quá trình về “diệt bản ngã” vì lợi ích của một chân hạnh phúc cao hơn thậm chí còn đạt đến một đỉnh cao hơn nữa.

Basic Wisdom

Trí Tuệ Căn Bản

“There are some cases in which a person overcome with pain, his mind exhausted, grieves, mourns, laments, beats his breast, and becomes bewildered. Or one overcome with pain, his mind exhausted, comes to search outside, “Who knows a way or two to stop this pain ?” I tell you, monks, that stress results either in bewilderment or in search.” (AN VI. # 63)

“Có một số trường hợp mà trong đó một người bị áp phục với sự đau đớn, tâm của vị ấy đã kiệt quệ, đau buồn, thương tiếc, than vãn, đập vào ngực của vị ấy, và trở nên bị khốn hoặc. Hoặc một người bị áp phục với sự đau đớn, tâm của vị ấy đã kiệt quệ, đi tìm kiếm ở bên ngoài “Có ai biết được một hoặc hai phương thức để chấm dứt sự đau đớn này không ?” Nay các vị tu sĩ, Ta nói với các người rằng chính tinh thần áp lực dẫn tới kết quả hoặc là ở trong sự khốn hoặc, hay là ở trong sự tìm kiếm. (Tăng Chi Bộ Kinh VI. # 63)

“This is the way leading to discernment: when visiting a priest or contemplative, to ask: ‘What is skillful, Venerable Sir ? What is unskillful ? What is blameworthy ? What is blameless ? What should be cultivated ? What should not be cultivated ? What, when I do it, will be for my long - term harm and suffering ? Or what, when I do it, will be for my long - term welfare and happiness?’” (MN. # 135)

“Đây là con đường đưa đến động sát lực: khi sự viếng thăm của một vị tế hành hoặc một bậc hảo trầm tư giả, để vấn hỏi: “Thế nào là sự thiện xảo, kính bạch Tôn Giả ? Thế nào là sự bất thiện xảo ? Thế nào là sự ứng thụ khiển trách ? Thế nào là sự vô khả trách bị ? Thế nào là nên được tu dưỡng ? Thế nào là không nên được tu dưỡng ? Điều chi, khi con làm điều đó, sẽ làm cho con bị tổn hại và sự khổ đau lâu dài không ? Hoặc điều chi, khi con làm điều đó, sẽ làm cho con được sự phúc lợi và niềm hạnh phúc lâu dài không ? (Trung Bộ Kinh # 135)

*“What do you think, **Rāhula**: What is a mirror for ?”*

“For reflection, Sir.”

*“In the same way, **Rāhula**, bodily acts, verbal acts and mental acts are to be done with repeated reflection.*

“Whenever you want to perform a bodily act, you should reflect on it: ‘This bodily act I want to perform—would it lead to self - affliction, to the affliction of others, or to both ? Is it an unskillful bodily act, with painful consequences, painful results ?’ If, on reflection, you know that it would lead to self - affliction, to the affliction of others, or to both; it would be an unskillful bodily act with painful consequences, painful results, then any bodily act of that sort is absolutely unfit for you to do. But if on reflection you know that it would not cause affliction... it would be a skillful bodily action with happy consequences, happy results, then any bodily act of that sort is fit for you to do.

- Con nghĩ thế nào, này **Rāhula**: Cái gương là để làm chi ?

- Để phản tỉnh, kính bạch Ngài.

- Trong cùng phương thức, này **Rāhula**, những hành động về Thân (*Thân Hành Nghiệp Lực*), những hành động về Lời (*Ngữ Hành Nghiệp Lực*) và những hành động về Ý (*Ý Hành Nghiệp Lực*) sẽ được thực hiện với sự phản tỉnh đã được lặp đi lặp lại nhiều lần.

“Bất luận khi nào con muốn thực hiện một hành động về Thân, con nên phản tỉnh về việc đó: Hành động về Thân này Ta muốn thực hiện – nó sẽ dẫn đến sự tự làm mình thống khổ, đến sự thống khổ ở tha nhân, hoặc đến cả hai chẳng ? Việc đó có phải là một hành động bất thiện xảo về Thân, với những hệ quả đau khổ, những kết quả đau khổ chẳng ? Nếu như, trong sự phản tỉnh, con biết được rằng việc đó sẽ dẫn đến sự tự làm mình thống khổ, đến sự thống khổ ở tha nhân, hoặc đến cả hai; việc đó sẽ là một hành động bất thiện xảo về Thân, với những hệ quả đau khổ, những kết quả đau khổ; thế rồi bất luận một hành động nào về Thân thuộc thể loại đó thì hoàn toàn không thích hợp cho con để làm. Thế nhưng, nếu như trong sự phản tỉnh, con biết được rằng việc đó sẽ không gây ra sự thống khổ... việc đó sẽ là một hành động thiện xảo về Thân với những hệ quả an lạc, những kết quả an lạc, thế rồi bất luận một hành động nào về Thân thuộc thể loại đó là thích hợp cho con để làm.

“While you are performing a bodily act, you should reflect on it: ‘This bodily act I am doing—is it leading to self - affliction, to the affliction of others, or to both ? Is it an unskillful bodily act, with painful consequences, painful results ?’ If, on reflection, you know that it is leading to self - affliction, to affliction of others, or both... you should

give it up. But if on reflection you know that it is not... you may continue with it.

“Khi con đang thực hiện một hành động về Thân, con nên phản tỉnh về việc đó: “Hành động về Thân Ta đang làm đây – nó có đang dẫn đến sự tự làm mình thống khổ, đến sự thống khổ ở tha nhân, hoặc đến cả hai chẳng ? Việc đó có phải là một hành động bất thiện xảo về Thân, với những hệ quả đau khổ, những kết quả đau khổ chẳng ? Nếu như, trong sự phản tỉnh, con biết được rằng việc đó đang dẫn đến sự tự làm mình thống khổ, đến sự thống khổ ở tha nhân, hoặc cả hai... con nên từ bỏ việc đó. Thế nhưng trong sự phản tỉnh con biết được rằng việc đó không ... con có thể tiếp tục với việc đó.

“Having performed a bodily act, you should reflect on it.... If, on reflection, you know that it led to self - affliction, to the affliction of others, or to both; it was an unskillful bodily act with painful consequences, painful results, then you should confess it, reveal it, lay it open to the Teacher or to a knowledgeable companion in the holy life. Having confessed it... you should exercise restraint in the future. But if on reflection you know that it did not lead to affliction... it was a skillful bodily action with happy consequences, happy results, then you should stay mentally refreshed and joyful, training day and night in skillful mental qualities.

“Khi đã thực hiện một hành động về Thân, con nên phản tỉnh về điều đó... Nếu như, trong sự phản tỉnh, con biết được rằng việc đó đã dẫn đến sự tự làm mình thống khổ, đến sự thống khổ ở tha nhân, hoặc đến cả hai; việc đó đã là một hành động bất thiện xảo về Thân với những hệ quả đau khổ, những kết quả đau khổ; thế rồi con nên sám tội việc đó, phát lộ việc đó, bố trí việc đó bộc bạch đến Bạc Đạo Sư hoặc đến một bạn Đồng Phạm Hạnh uyên bác trong đời sống Thánh Thiện. Đã sám tội việc đó... con nên huấn tập sự kiểm thúc trong tương lai. Thế nhưng, nếu như trong sự phản tỉnh, con biết được rằng việc đó đã không có dẫn đến sự thống khổ...việc đó đã là một hành động thiện xảo về Thân với những hệ quả an lạc, những kết quả an lạc; thế rồi con nên giữ tinh thần thanh khiết và hân hoan duyệt ý, tu dưỡng cả ngày lẫn đêm trong những phẩm chất tinh thần thiện xảo.

[Similarly with verbal and mental acts, except for the last paragraph under mental acts:]

“Having performed a mental act, you should reflect on it.... If, on reflection, you know that it led to self - affliction, to the affliction of others, or to both; it was an unskillful mental action with painful consequences, painful results, then you should feel distressed, ashamed, and disgusted with it. Feeling distressed... you should exercise restraint in the future. But if on reflection you know that it did not lead to affliction... it was a skillful mental action with happy consequences, happy results, then you should stay mentally refreshed and joyful, training day and night in skillful mental qualities.

[Một cách tương tự với các hành động về Lời và Ý, ngoại trừ ở đoạn văn cuối dưới tiêu đề các hành động về Ý:]

“Khi đã thực hiện một hành động về Ý, con nên phản tỉnh về điều đó... Nếu như, trong sự phản tỉnh, con biết được rằng việc đó đã dẫn đến sự tự làm mình thống khổ, đến sự thống khổ ở tha nhân, hoặc đến cả hai; việc đó đã là một hành động bất thiện xảo về Ý với những hệ quả đau khổ, những kết quả đau khổ; thế rồi con nên cảm thấy bị thống khổ, đã có tàm quý với việc đó. Đã cảm thấy bị thống khổ... con nên huân tập sự kiểm thúc trong tương lai. Thế nhưng, nếu như trong sự phản tỉnh, con biết được rằng việc đó đã không có dẫn đến sự thống khổ... việc đó đã là một hành động thiện xảo về Ý với những hệ quả an lạc, những kết quả an lạc; thế rồi con nên giữ tinh thần thanh khiết và hân hoan duyệt ý, tu dưỡng cả ngày lẫn đêm trong những phẩm chất tinh thần thiện xảo.

*“**Rāhula**, all those priests and contemplatives in the course of the past who purified their bodily acts, verbal acts and mental acts, did it through repeated reflection on their bodily acts, verbal acts and mental acts in just this way.*

“All those priests and contemplatives in the course of the future who will purify their bodily acts, verbal acts and mental acts, will do it through repeated reflection on their bodily acts, verbal acts and mental acts in just this way.

“All those priests and contemplatives at present who purify their bodily acts, verbal acts and mental acts, do it through repeated reflection on their bodily acts, verbal acts and mental acts in just this way.

“Này **Rāhula**, tất cả những vị tế hành hoặc các bậc hảo trầm tư giả ấy trong khoảng thời gian quá khứ, họ đã tịnh hóa các hành động về Thân, các hành động về Lời và các hành động về Ý của họ, đã làm việc đó thông qua sự phản tỉnh đã được lặp đi lặp lại nhiều lần về các hành động về Thân, các hành động về Lời và các hành động về Ý ngay chính trong phương thức này.

“Tất cả những vị tế hành và các bậc hảo trầm tư giả ấy trong khoảng thời gian vị lai, họ sẽ tịnh hóa các hành động về Thân, các hành động về Lời và các hành động về Ý, sẽ làm việc đó thông qua sự phản tỉnh đã được lặp đi lặp lại nhiều lần về các hành động về Thân, các hành động về Lời và các hành động về Ý ngay chính trong phương thức này.

“Tất cả những vị tế hành và các bậc hảo trầm tư giả ấy ngay hiện tại, họ tịnh hóa các hành động về Thân, các hành động về Lời và các hành động về Ý, làm việc đó thông qua sự phản tỉnh đã được lặp đi lặp lại nhiều lần về các hành động về Thân, các hành động về Lời và các hành động về Ý ngay chính trong phương thức này.

*“Thus, **Rāhula**, you should train yourself: ‘I will purify my bodily acts through repeated reflection. I will purify my verbal acts through repeated reflection. I will purify my mental acts through repeated reflection.’ That’s how you should train yourself.”(MN. # 61)*

“Như thế, này **Rāhula**, con cần phải tu dưỡng bản thân mình: “Ta sẽ tịnh hóa các hành động về Thân của mình thông qua sự phản tỉnh đã được lặp đi lặp lại nhiều lần. Ta sẽ tịnh hóa các hành động về Lời của mình thông qua sự phản tỉnh đã được lặp đi lặp lại nhiều lần. Ta sẽ tịnh hóa các hành động về Ý của mình thông qua sự phản tỉnh đã được lặp đi lặp lại nhiều lần.” Đó là cách thức con cần phải tu dưỡng bản thân mình. (Trung Bộ Kinh # 61)

“As for the course of action that is unpleasant to do but that, when done, leads to what is profitable, it’s in light of this course of action that one may be known—in terms of manly stamina, manly persistence, manly effort—as a fool or a wise person. For a fool doesn’t reflect, ‘Even though this course of action is unpleasant to do, still when it is done it leads to what is profitable.’ So he doesn’t do it, and thus the non-doing of that course of action leads to what is unprofitable for him. But a wise person reflects, ‘Even though this course of action is unpleasant to do,

still when it is done it leads to what is profitable.’ So he does it, and thus the doing of that course of action leads to what is profitable for him.

“Theo quan niệm – là một xuẩn nhân hoặc là một bậc trí nhân - về quá trình hành động mà người ta có thể được biết đến – được xem như là có sức quả cảm chịu đựng, sự quả cảm bền chí, sự quả cảm nỗ lực - đối với quá trình hành động mà bất duyệt ý để làm, nhưng mà điều đó, khi đã được làm xong thì lại dắt dẫn đến bao điều hoạch lợi. Thì đối với một xuẩn nhân không có phản tỉnh, nghĩ suy rằng: “Dù cho quá trình hành động này là bất duyệt ý để làm, tuy vậy khi nó đã được làm xong, nó dắt dẫn đến bao điều hoạch lợi.” Vì vậy, vị ấy không làm điều đó, và bởi do không thực hiện quá trình hành động ấy dắt dẫn đến bao điều bất hoạch lợi cho vị ấy. Thế nhưng một bậc trí nhân phản tỉnh rằng “Mặc dù quá trình hành động ấy là bất duyệt ý để làm, tuy vậy khi nó đã được làm xong, nó dắt dẫn đến bao điều hoạch lợi.” Do vậy, vị ấy làm điều đó và bởi do thực hiện quá trình hành động ấy dắt dẫn đến bao điều hoạch lợi cho vị ấy.

As for the course of action that is pleasant to do but that, when done, leads to what is unprofitable, it’s in light of this course of action that one may be known—in terms of manly stamina, manly persistence, manly effort—as a fool or a wise person. For a fool doesn’t reflect, ‘Even though this course of action is pleasant to do, still when it is done it leads to what is unprofitable.’ So he does it, and thus the doing of that course of action leads to what is unprofitable for him. But a wise person reflects, ‘Even though this course of action is pleasant to do, still when it is done it leads to what is unprofitable.’ So he doesn’t do it, and thus the non - doing of that course of action leads to what is profitable for him.” (AN IV. # 115)

“Theo quan niệm – một xuẩn nhân hoặc là một bậc trí nhân - về quá trình hành động mà người ta có thể được biết đến – được xem như là có sức quả cảm chịu đựng, sự quả cảm bền chí, sự quả cảm nỗ lực - đối với quá trình hành động mà duyệt ý để làm, nhưng mà điều đó, khi đã được làm xong thì lại dắt dẫn đến bao điều bất hoạch lợi. Thì đối với một xuẩn nhân không có phản tỉnh, nghĩ suy rằng: “Dù cho quá trình hành động này là duyệt ý để làm, tuy vậy khi nó đã được làm xong, nó dắt dẫn đến bao điều bất hoạch lợi.” Vì vậy, vị ấy làm điều đó, và bởi do thực hiện quá trình hành động ấy dắt dẫn đến bao điều bất hoạch lợi

cho vị ấy. Thế nhưng một bậc trí nhân phản tỉnh rằng “Mặc dù quá trình hành động ấy là duyệt ý để làm, tuy vậy khi nó đã được làm xong, nó dắt dẫn đến bao điều bất hoạch lợi.” Do vậy, vị ấy không làm điều đó, và bởi do không thực hiện quá trình hành động ấy dắt dẫn đến bao điều hoạch lợi cho vị ấy. (Tăng Chi Bộ Kinh IV. # 115)

*Your own self is
your own mainstay,
for who else could your mainstay be ?
With you yourself well-trained
you obtain the mainstay
hard to obtain. (Dhp. # 160)*
Tự mình y chỉ mình,
Nào có y chỉ khác.
Nhờ khéo điều phục mình,
Được y chỉ khó được. (Pháp Cú # 160)

*Evil is done by oneself,
by oneself is one defiled.
Evil is left undone by oneself,
by oneself is one cleansed.
Purity and impurity are one's own doing.
No one purifies another.
No other purifies one. (Dhp. # 165)*
Tự mình làm điều ác,
Tự mình làm nhiễm ô,
Tự mình không làm ác,
Tự mình làm thanh tịnh,
Tịnh, không tịnh tự mình.
Không ai thanh tịnh ai ! (Pháp Cú # 165)

*You yourself should reprove yourself,
should examine yourself.
As a self-guarded monk
with guarded self,
mindful, you dwell at ease. (Dhp. # 379)*
Tự mình chỉ trích mình,

Tự mình dò xét mình,
 Tỳ Khuru tự phòng hộ,
 Chính Niệm , trú an lạc. (Pháp Cú # 379)

“And what is the self as a governing principle ? There is the case where a monk, having gone to a wilderness, to the foot of a tree, or to an empty dwelling, reflects on this: ‘It’s not for the sake of robes that I have gone forth from the home life into homelessness; it’s not for the sake of almsfood, for the sake of lodgings, or for the sake of this or that state of [future] becoming that I have gone forth from the home life into homelessness. Simply that I am beset by birth, aging, and death; by sorrows, lamentations, pains, distresses and despairs; beset by stress, overcome with stress, [and I hope,] “Perhaps the end of this entire mass of suffering and stress might be known !” Now, if I were to seek the same sort of sensual pleasures that I abandoned in going forth from home into homelessness—or a worse sort—that would not be fitting for me.’ So he reflects on this: ‘My persistence will be aroused and not lax; my mindfulness established and not confused; my body calm and not aroused; my mind centered and unified.’ Having made himself his governing principle, he abandons what is unskillful, develops what is skillful, abandons what is blameworthy, develops what is unblameworthy, and looks after himself in a pure way. This is called the self as a governing principle.” (AN III. # 40)

“Và thế nào là bản ngã như là một yếu tố cơ bản điều hành đặc trưng ? Có trường hợp nơi mà một vị tu sĩ đã đi đến một vùng hoang dã, đến một gốc cây, hoặc đến ngôi nhà trống rỗng, phản tỉnh về điều này: “Không phải vì lợi ích của những y áo mà Ta đã thụ giáo từ đời sống gia đình đi vào tình trạng vô gia cư; không phải vì lợi ích của món ăn khát thực, vì lợi ích của những trú xứ, hoặc vì lợi ích của tình trạng này hoặc tình trạng ấy [ở vị lai] của việc trở thành mà Ta đã thụ giáo từ đời sống gia đình đi vào tình trạng vô gia cư. Một cách đơn giản là Ta đã bị khốn nhiều do bởi sự sản sinh, sự lão邁 và sự tử vong; do bởi những nỗi buồn phiền, những sự than khóc, những nỗi đau đớn, những sự thống khổ và những nỗi thất vọng; bị khốn nhiều do bởi tinh thần áp lực, bị áp phục do bởi tinh thần áp lực, [và Ta hy vọng] “Có lẽ sự kết thúc của toàn bộ khối khổ đau và tinh thần áp lực này có thể là được biết đến !” Bây giờ, nếu như Ta sẽ đi mưu cầu cùng một thể loại của những dục trần mà Ta

đã từ bỏ trong khi đã được thụ giáo từ đời sống gia đình đi vào tình trạng vô gia cư – hoặc một thể loại xấu xa tệ hại nhất – thì điều đó sẽ không phù hợp cho Ta.” Thế là vị ấy phản tỉnh về điều này: “Sự bền chí của Ta sẽ được kích hoạt lên và không có buông lỏng; niệm của Ta đã được an trú và không bị thất niệm; cơ thể của Ta an tĩnh và không bị dao động; tâm thức của Ta đã được tập trung và nhất thống.” Khi tự bản thân đã thực hiện được yếu tố cơ bản chủ quản đặc trưng, vị ấy xả ly điều mà bất thiện xảo, phát triển điều thiện xảo; xả ly điều mà ứng thụ khiển trách, phát triển điều vô khả trách bị, và khán hộ bản thân một cách thuần khiết. Điều này đã gọi bản ngã là một yếu tố cơ bản điều hành đặc trưng”. (Tăng Chi Bộ Kinh III. # 40)

Ānanda: “‘This body comes into being through conceit. And yet it is by relying on conceit that conceit is to be abandoned.’ Thus it was said. And in reference to what was it said ? There is the case, sister, where a monk hears, ‘The monk named such – and - such, they say, through the ending of the fermentations, has entered and remains in the fermentation - free Awareness - Release and Discernment - Release, having directly known and realized them for himself right in the here and now.’ The thought occurs to him, ‘The monk named such – and - such, they say, through the ending of the fermentations, has entered and remains in the fermentation - free Awareness - Release and Discernment - Release, having directly known and realized them for himself right in the here and now. Then why not me ?’ Then, at a later time, he abandons conceit, having relied on conceit.” (AN IV.# 159)

Trưởng Lão **Ānanda**: “Cơ thể này hình thành tốt đẹp bởi do sự kiêu mạn. Tuy thế nó thì y cứ vào sự kiêu mạn mà sự kiêu mạn sẽ được xả ly. Như thế nó đã được nói đến. Và hữu quan đến cái chi mà nó đã được nói đến ? Có một trường hợp, này người Chị, nơi mà một vị tu sĩ nghe rằng: “Vị tu sĩ có tên gọi như thế như thế, họ nói rằng, bởi do sự chấm dứt các Lậu Hoặc, đã có dự vào và vẫn còn trong việc thoát khỏi Lậu Hoặc, Tỉnh Giác Giải Thoát và Động Sát Lược Giải Thoát, đã liễu tri một cách trực tiếp và đã chứng tri chúng đối với chính tự bản thân mình ngay tức thời.” Sự nghĩ suy nảy sinh đến vị ấy: “Vị tu sĩ có tên gọi như thế như thế, họ nói rằng, bởi do sự chấm dứt các “Pháp lên men” (*Lậu Hoặc*), đã có dự vào và vẫn còn trong việc thoát khỏi “Pháp lên men” (*Lậu Hoặc*), Tỉnh Giác Giải Thoát và Động Sát Lược Giải Thoát, đã liễu

tri một cách trực tiếp và đã chứng tri chúng đối với chính tự bản thân mình ngay tức thời. Thế thì vì sao không là Ta ? Thế rồi, vào một thời gian sau, vị ấy xả ly sự kiêu mạn [dù] đã đang có y cứ vào sự kiêu mạn,.” (Tăng Chi Bộ Kinh IV. # 159)

*Gentle sages,
constantly restrained in body,
go to the unwavering state
where, having gone,
there's no grief. (Dhp. # 225)*
Bậc hiền không hại ai,
Thân thường được chế ngự,
Đạt được cảnh bất tử,
Đến đây, không ưu sầu. (Pháp Cú # 225)

*They awaken, always wide awake:
Gotama's disciples
whose mindfulness, both day and night,
is constantly immersed
in the Buddha...the Dhamma...the Saṅgha.*

*They awaken, always wide awake:
Gotama's disciples
whose mindfulness, both day and night,
is constantly immersed
in the body. (Dhp. # 296 – 299)*
Đệ tử **Gotama**,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tưởng **Phật Đà** thường niệm.”
Đệ tử **Gotama**,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,
Tưởng **Chánh Pháp** thường niệm
Đệ tử **Gotama**,
Luôn luôn tự tỉnh giác,
Vô luận ngày hay đêm,

Tướng **Tăng Đoàn** thường niệm.
(Pháp Cú # 296 – 299)

*If, by forsaking a limited ease,
he would see an abundance of ease,
the enlightened man would forsake the limited ease
for the sake of the abundant. (Dhp. # 290)*

Nhờ từ bỏ lạc nhỏ,
Thấy được lạc lớn hơn,
Bậc trí nhân bỏ lạc nhỏ,
Thấy được lạc lớn hơn. (Pháp Cú # 290)

“These four types of action have been understood, realized, and made known by me. Which four ? There is action that is dark with dark result; action that is bright with bright result; action that is dark and bright with dark and bright result; and action that is neither dark nor bright with neither dark nor bright result, leading to the ending of action.

“Bốn thể loại Tác Hành (*Nghiệp Lực*) này đã được Ta liễu tri, đã được chứng tri và đã được tuệ tri. Thế nào là bốn ? Có Tác Hành (*Nghiệp Lực*) hắc ám với kết quả hắc ám; có Tác Hành (*Nghiệp Lực*) minh lượng với kết quả minh lượng; có Tác Hành (*Nghiệp Lực*) hắc ám và minh lượng với kết quả hắc ám và minh lượng; và có Tác Hành (*Nghiệp Lực*) không có hắc ám mà cũng không có minh lượng với kết quả không có hắc ám mà cũng không có minh lượng, dắt dẫn đến sự chấm dứt Tác Hành.

“And what is action that is dark with dark result ? There is the case where a certain person fabricates an injurious bodily fabrication ... an injurious verbal fabrication... an injurious mental fabrication ... He rearises in an injurious world where he is touched by injurious contacts... He experiences feelings that are exclusively painful, like those of the beings in hell. This is called action that is dark with dark result.

“Và thế nào là Tác Hành (*Nghiệp Lực*) hắc ám với kết quả hắc ám ? Có trường hợp nơi mà một người nào đó tạo tác ra một sự tổn hại về Thân... một sự tổn hại về Lời... một sự tổn hại về Ý... Vị ấy tục sinh trong một thế giới đầy tổn hại nơi mà vị ấy phải bị tiếp xúc với những

xúc chạm tổn hại... Vị ấy trải nghiệm đặc hữu nhất những cảm giác đau khổ, giống như chúng hữu tình ở trong Địa Ngục. Điều này đã được gọi là Tác Hành (Nghệp Lực) hắc ám với kết quả hắc ám.

*“And what is action that is bright with bright result ? There is the case where a certain person fabricates an uninjurious bodily fabrication... an uninjurious verbal fabrication... an uninjurious mental fabrication.... He rearises in an uninjurious world where he is touched by uninjurious contacts.... He experiences feelings that are exclusively pleasant, like those of the **Ever - radiant Devas**. This is called **Kamma** that is bright with bright result.*

“Và thế nào là Tác Hành (Nghệp Lực) minh lượng với kết quả minh lượng ? Có trường hợp nơi mà một người nào đó tạo tác ra một sự bất tổn hại về Thân... một sự bất tổn hại về Lời... một sự bất tổn hại về Ý... Vị ấy tục sinh trong một thế giới bất tổn hại nơi mà vị ấy đã được tiếp xúc với những xúc chạm bất tổn hại... Vị ấy trải nghiệm đặc hữu nhất những cảm giác duyệt ý, giống như **Chúng Phạm Thiên ở Cõi Quang Âm Thiên Giới (Cõi Biến Quang Thiên Giới)**. Điều này đã được gọi là Nghiệp Lực minh lượng với kết quả minh lượng.

*“And what is action that is dark and bright with dark and bright result ? There is the case where a certain person fabricates a bodily fabrication that is injurious and uninjurious... a verbal fabrication that is injurious and uninjurious... a mental fabrication that is injurious and uninjurious.... He rearises in an injurious and uninjurious world where he is touched by injurious and uninjurious contacts.... He experiences injurious and uninjurious feelings, pleasure mingled with pain, like those of human beings, some **Devas**, and some beings in the lower realms. This is called **Kamma** that is dark and bright with dark and bright result.*

“Và thế nào là Tác Hành (Nghệp Lực) hắc ám và minh lượng với kết quả hắc ám và minh lượng ? Có trường hợp nơi mà một người nào đó tạo tác ra một sự tổn hại và sự bất tổn hại về Thân... một sự tổn hại và sự bất tổn hại về Lời... một sự tổn hại và sự bất tổn hại về Ý... Vị ấy tục sinh trong một thế giới tổn hại và bất tổn hại nơi mà vị ấy đã phải bị tiếp xúc với những xúc chạm tổn hại và bất tổn hại... Vị ấy trải nghiệm đặc hữu nhất những cảm giác tổn hại và bất tổn hại, niềm vui sướng pha trộn với nỗi đau khổ, giống như Chúng Nhân Loại, một số Chư Thiên và

một số Chúng Hữu Tình trong các Cõi Giới thấp kém. Điều này đã được gọi là Nghiệp Lực hắc ám và minh lượng với kết quả hắc ám và minh lượng.

“And what is action that is neither dark nor bright with neither dark nor bright result, leading to the ending of action ? The intention right there to abandon this action that is dark with dark result ... this action that is bright with bright result... this action that is dark and bright with dark and bright result. This is called action that is neither dark nor bright with neither dark nor bright result, leading to the ending of action.” (AN IV: # 232)

“Và thế nào là Tác Hành (Nghiệp Lực) không có hắc ám mà cũng không có minh lượng với kết quả không có hắc ám mà cũng không có minh lượng, dắt dẫn đến sự chấm dứt Tác Hành (Nghiệp Lực) ? Tác ý chính ở ngay lúc xả ly Tác Hành (Nghiệp Lực) mà hắc ám với kết quả hắc ám này... Tác Hành (Nghiệp Lực) mà minh lượng với kết quả minh lượng này... Tác Hành (Nghiệp Lực) mà hắc ám và minh lượng với kết quả hắc ám và minh lượng này. Điều này đã được gọi là Tác Hành (Nghiệp Lực) không có hắc ám mà cũng không có minh lượng với kết quả không có hắc ám mà cũng không có minh lượng, dắt dẫn đến sự chấm dứt Tác Hành (Nghiệp Lực).” (Tăng Chi Bộ Kinh IV. # 232)

[A related discourse repeats most of the above, defining dark action with dark result with the following example: “There is the case of a certain person who kills living beings, steals what is not given, engages in sexual misconduct, tells lies, and drinks fermented and distilled liquors that are the basis for heedlessness,” and bright action with bright result with the following example: “There is the case of a certain person who abstains from killing living beings, abstains from stealing what is not given, abstains from engaging in sexual misconduct, abstains from telling lies, and abstains from drinking fermented and distilled liquors that are the basis for heedlessness.”]

(AN IV. # 234)

[Một bài Pháp Thoại được lặp đi lặp lại đã hữu quan hầu hết với những điều trên, khi đã định nghĩa Tác Hành (Nghiệp Lực) hắc ám có kết quả hắc ám với ví dụ điển hình như sau: “Có trường hợp ở một người nào đó sát mạng những chúng sinh hữu tình, tham đạo điều mà đã không

được cho, dự phần trong tính dục tà hạnh, vọng ngữ và uống những chất say đã lên men và đã chưng cất mà đó là cơ sở để cho mạn bất kinh tâm,” và Tác Hành (*Nghiệp Lực*) minh lượng có kết quả minh lượng với ví dụ điển hình như sau: “Có trường hợp ở một người nào đó giới trừ việc sát mạng những chúng sinh hữu tình, giới trừ việc tham đạo điều mà đã không được cho, giới trừ việc dự phần trong tính dục tà hạnh, giới trừ việc vọng ngữ, và giới trừ việc đắm tửu với rượu lên men và đã được chưng cất mà đó là cơ sở để cho mạn bất kinh tâm.”] (Tăng Chi Bộ Kinh IV. # 234)

“And what is action that is neither dark nor bright with neither dark nor bright result, leading to the ending of action ? Right view, right resolve, right speech, right action, right livelihood, right effort, right mindfulness, right concentration.” (AN 4:# 237)

“Và thế nào là Tác Hành (*Nghiệp Lực*) không có hắc ám mà cũng không có minh lượng với kết quả không có hắc ám mà cũng không có minh lượng, dắt dẫn đến sự chấm dứt Tác Hành (*Nghiệp Lực*) ? Chính Kiến, Chính Quyết Định (*Chính Tư Duy*), Chính Ngữ, Chính Nghiệp, Chính Mạng, Chính Tinh Tấn, Chính Niệm Chính Định.” (Tăng Chi Bộ Kinh IV. # 237)

*So, aiming at **Suppabuddha** the leper, the Blessed One gave a step – by – step talk, i.e., a talk on generosity, on virtue, on heaven; he declared the drawbacks, degradation, and corruption of sensual passions, and the rewards of renunciation. Then when he saw that **Suppabuddha** the leper’s mind was ready, malleable, free from hindrances, elated, and bright, he then gave the **Dhamma** - talk peculiar to Awakened Ones, i.e., stress, origination, cessation, and path. And just as a clean cloth, free of stains, would properly absorb a dye, in the same way, as **Suppabuddha** the leper was sitting in that very seat, the dustless, stainless **Dhamma** eye arose within him, “Whatever is subject to origination is all subject to cessation.” (Ud. V: # 3)*

Như thế, hướng vào người mắc bệnh phong hủi **Suppabuddha**, Đức Thế Tôn đã tuần tự khai thuyết, tức là một sự khai thuyết về lòng hảo tâm (*Xả Thí*), về Giới Đức, về Thiên Giới; Ngài đã tuyên bố những khuyết điểm, sự thoái hóa và sự hủ hóa đọa lạc của những đam mê tình dục, và sự tường lệ về sự tuyên bố phóng khí (*Ly Dục*). Sau đó, khi Ngài

đã thăm thị rằng tâm thức của người mắc bệnh phong hủi **Suppabuddha** đã dễ dàng uốn nắn, thoát khỏi những Pháp chướng ngại, phần chân và minh lượng; thế rồi Ngài đã ban bố Pháp đàm đặc thù đưa đến các Bạc Đã Được Giác Ngộ, tức là Khổ, Tập, Diệt và Đạo. Và cũng như một tấm vải trong sạch, không có những vấy bẩn, sẽ thích hợp hấp thụ một thuốc nhuộm thì trong cùng phương thức, trong khi người mắc bệnh phong hủi **Suppabuddha** đã đang ngồi chính tại chỗ nơi ấy, Pháp Nhân xa trần ly cấu đã khởi sinh lên ở trong vị ấy “Bất luận điều chi tùy thuộc vào sự khởi nguyên thì đều phải chịu sự chấm dứt.” (Tự Thuyết Kinh V.# 3)

-----00000-----

Puñña: Merit

Phước Báu: Thiện Công Đức

*A blessing: friends when the need arises.
A blessing: contentment with whatever there is.
Merit at the ending of life is a blessing.
A blessing: the abandoning of all suffering and stress.*

*A blessing in the world:
reverence to your mother.
A blessing: reverence to your father as well.
A blessing in the world:
reverence to a contemplative.*

*A blessing: reverence for a **Brahmin**, too.
A blessing into old age is virtue.
A blessing: conviction established.
A blessing: discernment attained.
The non - doing of evil things is a blessing.
(Dhp. # 331–333)*

Vui thay, bạn lúc cần !
Vui thay, sống biết đủ,
Vui thay, chết có đức !
Vui thay, mọi khổ đoạn.”

Vui thay, hiếu kính Mẹ,

Vui thay, hiếu kính Cha,
 Vui thay, kính Sa Môn,
 Vui thay, kính Hiền Thánh.

Vui thay, già có giới !
 Vui thay, tín an trú !
 Vui thay, được trí tuệ,
 Vui thay, ác không làm. (Pháp Cú # 331- 333)

*This was said by the Blessed One, said by the **Arahant**, so I have heard:*

*“Monks, don’t be afraid of acts of merit. This is another way of saying what is blissful, desirable, pleasing, endearing, charming—i.e., acts of merit. I am cognizant that, having long performed meritorious deeds, I long experienced desirable, pleasing, endearing, charming results. Having developed a mind of **Good Will** for seven years, then for seven aeons of contraction and expansion I didn’t return to this world. Whenever the aeon was contracting, I went to the realm of Streaming Radiance. Whenever the aeon was expanding, I reappeared in an empty **Brahma** - abode. There I was the Great **Brahman**, the Unconquered Conqueror, All - seeing, and Wielder of Power. Then for thirty - six times I was **Sakka**, ruler of the **Devas**. For many hundreds of times I was a king, a wheelturning emperor, a righteous king of **Dhamma**, conqueror of the four corners of the earth, maintaining stable control over the countryside, endowed with the seven treasures*—to say nothing of the times I was a local king. The thought occurred to me: ‘Of what action of mine is this the fruit, of what action the result, that I now have such great power and might?’ Then the thought occurred to me: ‘This is the fruit of my three [types of] action, the result of three types of action, that I now have such great power and might: i.e., generosity, selfcontrol and restraint.’*

Điều này đã được Đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc Bậc Vô Sinh nói đến, và như thế Tôi đã được nghe:

“Này các vị tu sĩ, đừng có e ngại những Thiện Công Đức Hạnh. Điều này - nói theo một cách thức khác là, với điều mà tinh lạc, khả vọng, duyệt ý, khả ái, mê nhân – tức là những thiện công đức hạnh. Ta đã liễu tri được rằng, khi đã có thực hiện những thiện công đức hạnh thời gian

dài thì Ta đã được trải nghiệm lâu dài những hệ quả khả vọng, duyệt ý, mê nhân. Khi đã có được phát triển một tâm thức **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** trong bảy năm, thế rồi Ta đã không quay trở lại thế gian này trong bảy thiên kỷ của sự Tiêu Hoại và sự Thành Trụ. Bất luận khi nào thiên kỷ đã đang là sự Tiêu Hoại thì Ta đã đi đến Cõi Biến Quang Thiên Giới. Bất luận khi nào thiên kỷ đã đang là Thành Trụ thì Ta đã tái tục trong một Cõi Phạm Thiên trống không. Ở nơi ấy, Ta đã là Bậc Đại Phạm Thiên, Bậc Chiến Thắng và Đã Không Bị Chinh Phục, Bậc Thiện Kiến và Kim Cang Thủ Lực. Sau đó Ta đã là **Đế Thích**, Thiên Chủ Chúng Thiên trong ba mươi sáu lần. Trong hàng trăm lần Ta đã là vị vua, một Bậc Chuyển Luân Vương, một Bậc Chánh Pháp Vương, Bậc Chiến Thắng cả tứ phương thiên hạ, đã duy trì sự an ổn ở khắp cả thôn quê, đã hội đủ phúc duyên với bảy trân báu*- hướng hồ kể chi đến những lần Ta đã từng là một nhà vua ở địa phương. Thế rồi sự nghĩ suy đã nảy sinh đến Ta như sau: Đây là thành quả của Tác Hành mà Ta đã làm, hệ quả của Tác Hành nào mà bây giờ Ta đã có được đại thần lực và đại năng lực như vậy ? Thế rồi sự nghĩ suy đã nảy sinh đến Ta: Đây là thành quả của ba [thể loại] Tác Hành, kết quả của ba thể loại Tác Hành, mà bây giờ Ta đã có được đại thần lực và đại năng lực như vậy: tức là lòng hảo tâm (*Xả Thí*), sự tự chủ và sự kiểm thúc.”

*Train in acts of merit
that bring long - lasting bliss—
develop generosity,
a life in tune,
a mind of Good Will.*

*Developing these
three things
that bring about bliss,
the wise reappear
in a world of bliss unalloyed.*

* **NOTE:** *The seven treasures are a divine wheel, an ideal jewel, an ideal elephant, an ideal horse, an ideal wife, an ideal treasurer, an ideal counselor. (It.# 22)*

Hãy để cho vị ấy,
Học tập về công đức,
Công đức là lạc căn,

Tối thượng trong tương lai,
 Hãy tu tập xả thí,
 Sống nếp sống an tịnh,
 Và tu tập Từ Tâm.
 Sau khi đã tu tập,
 Các Pháp này như vậy,
 Tức là cả ba Pháp,
 Khiến an lạc sinh khởi,
 Bạc Hiên Trí được sinh
 Trong thế giới an lạc,
 Thế giới không Sân Hận.

***Ghi chú:** Bảy trân báu là xa báu, ngọc báu, voi báu, ngựa báu, nữ báu, tướng quân trân báu và gia chủ báu. (Như Thị Ngũ Kinh. # 22)

*Here he rejoices
 he rejoices hereafter.
 In both worlds
 the merit - maker rejoices.
 He rejoices, is jubilant,
 seeing the purity of his deeds.*

*Here he delights
 he delights hereafter.
 In both worlds
 the merit - maker delights.
 He delights at the thought,
 'I've made merit.'
 Having gone to a good destination,
 he delights all the more. (Dhp. # 16 – 18)*

Nay vui, đời sau vui,
 Làm Phước, hai đời vui,
 Nó vui, nó an vui,
 Thấy Nghiệp tịnh mình làm.

Nay sướng, đời sau sướng,
 Làm Phước, hai đời sướng.

Nó sướng: ‘Ta làm Thiện’,
Sinh Cõi lành, sướng hơn. (Pháp Cú, # 16 – 18)

*Be quick in doing
what's admirable.
Restrain your mind
from what's evil.
When you're slow
in making merit,
evil delights the mind. (Dhp. # 116)*
Hãy gấp làm điều lành,
Ngăn Tâm làm điều ác.
Ai chậm làm việc lành,
Ý ưa thích việc ác. (Pháp Cú. # 116)

*Even the evil
meet with good fortune
as long as their evil
has yet to mature.
But when it's matured
that's when they meet with evil.*

*Even the good
meet with bad fortune
as long as their good
has yet to mature.
But when it's matured
that's when they meet with good fortune.*

*Don't be heedless of evil
(‘It won't come to me’).
A water jar fills,
even with water
falling in drops.
With evil—even if
bit by bit, habitually—
the fool fills himself full.*

*Don't be heedless of merit
 ('It won't come to me').
 A water jar fills,
 even with water
 falling in drops.
 With merit—even if
 bit by bit, habitually—
 the enlightened one fills himself full. (Dhp. # 119–122)*
 Người ác thấy là hiền.
 Khi ác chưa chín muối,
 Khi Ác Nghiệp chín muối,
 Người ác mới thấy ác.

Người hiền thấy là ác,
 Khi Thiện chưa chín muối.
 Khi Thiện được chín muối,
 Người hiền thấy là Thiện.

Chớ chê khinh điều ác,
 Cho rằng “chưa đến mình”,
 Như nước nhỏ từng giọt,
 Rồi bình cũng đầy tràn.
 Xuân nhân chứa đầy ác
 Do chất chứa dần dần.

Chớ chê khinh điều Thiện
 Cho rằng “Chưa đến mình,”
 Như nước nhỏ từng giọt,
 Rồi bình cũng đầy tràn.
 Bạc trí chứa đầy Thiện,
 Do chất chứa dần dần. (Pháp Cú. # 119-122)

*This was said by the Blessed One, said by the **Arahant**, so I have heard:*

*“There are these three grounds for meritorious activity. Which three ? The ground for meritorious activity made of **Generosity**, the*

ground for meritorious activity made of **Virtue**, and the ground for meritorious activity made of development [**Meditation**]. These are the three grounds for meritorious activity.”

*Train in acts of merit
that bring long - lasting bliss—
develop generosity,
a life in tune,
a mind of Good Will.*

*Developing these
three things
that bring about bliss,
the wise reappear
in a world of bliss unalloyed. (Iti. # 60)*

Điều này đã được Đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc Bạc Vô Sinh nói đến, và như thế Tôi đã được nghe:

“Có những ba lãnh vực này cho sự hoạt động công đức. Thế nào là ba ? Lãnh vực cho sự hoạt động công đức đã được tạo ra từ lòng hảo tâm (**Xả Thí**), lãnh vực cho sự hoạt động công đức đã được tạo ra từ **Giới Đức**, và lãnh vực cho sự hoạt động công đức đã được tạo ra từ sự phát triển [**Thiền Định**]. Những điều này là ba lãnh vực cho sự hoạt động công đức.

Hãy để cho người ấy,
Học tập làm công đức,
Hướng dẫn đến tương lai
Đem lại căn an lạc.
Hãy tu tập xả thí,
Tập sở hành an tịnh,
Và tu tập Từ Tâm,
Tu xong ba Pháp ấy,
Những Pháp khởi lạc thọ.
Bậc Hiền Trí được sinh,
Tại thế giới an lạc,
Không phiền não hận thù. (Như Thị Ngũ Kinh. # 60)

This was said by the Blessed One, said by the Arahant, so I have heard:

“I have seen beings who—endowed with bodily good conduct, verbal good conduct, and mental good conduct; who did not revile noble ones, who held right views and undertook actions under the influence of right views—at the break - up of the body, after death, have re - appeared in a good destination, a heavenly world. It is not from having heard this from other priests and contemplative that I tell you that I have seen beings who—endowed with bodily good conduct, verbal good conduct and mental good conduct; who did not revile noble ones, who held right views and undertook actions under the influence of right views—at the break - up of the body, after death, have re-appeared in a good destination, a heavenly world. It’s from having known it myself, seen it myself, realized it myself that I tell you that I have seen beings who—endowed with bodily good conduct, verbal good conduct, and mental good conduct; who did not revile noble ones, who held right views and undertook actions under the influence of right views—at the break - up of the body, after death, have re - appeared in a good destination, a heavenly world. ”

*With mind rightly directed,
speaking right speech,
doing right deeds with the body:
a person here of much learning,
a doer of merit
here in this life so short,
at the break-up of the body,
discerning, reappears in heaven. (Iti. # 71)*

Điều này đã được Đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc Bậc Vô Sinh nói đến, và như thế Tôi đã được nghe:

“Ta đã thăm thị chúng hữu tình – họ đã hội đủ phúc duyên với hảo phẩm hạnh về Thân, hảo phẩm hạnh về Lời và hảo phẩm hạnh về Ý; họ đã không có phi báng các Bậc Thánh Nhân, là các Bậc đã gìn giữ Chính Kiến và đã thông hiểu các Tác Hành dưới ảnh hưởng của Chính Kiến – khi thân hoại và sau khi mạng chung, đã tái tục trong một Thiện Thú, một Cõi Thiên Giới. Không phải là đã được nghe điều này từ những vị tế hành hoặc các bậc hảo trầm tư giả mà Ta đã nói với các người rằng Ta đã thăm thị chúng hữu tình họ – đã hội đủ phúc duyên với hảo phẩm

hạnh về Thân, hảo phẩm hạnh về Lời và hảo phẩm hạnh về Ý; họ đã không có phỉ báng các Bậc Thánh Nhân, là các Bậc đã gìn giữ Chính Kiến và đã thông hiểu các Tác Hành dưới ảnh hưởng của Chính Kiến – khi thân hoại và sau khi mạng chung, đã tái tục trong một Thiên Thú, một Cõi Thiên Giới. Đó là chính tự nơi Ta liễu tri điều đó, đã chính tự Ta đã thẩm thị điều đó, chính tự Ta đã chứng tri điều đó mà Ta đã nói với các người rằng Ta đã thẩm thị chúng hữu tình họ – đã hội đủ phúc duyên với hảo phẩm hạnh về Thân, hảo phẩm hạnh về Lời và hảo phẩm hạnh về Ý; họ đã không có phỉ báng các Bậc Thánh Nhân, là các Bậc đã gìn giữ Chính Kiến và đã thông hiểu các Tác Hành dưới ảnh hưởng của Chính Kiến – khi thân hoại và sau khi mạng chung, đã tái tục trong một Thiên Thú, một Cõi Thiên Giới.

Dẫn ý vào đường chánh,
 Nói những lời Chính Ngữ,
 Với thân làm Nghiệp chánh,
 Người ở đời làm vậy.
 Nghe nhiều học hỏi nhiều
 Làm các việc công đức,
 Ở đây sống trong đời,
 Với sinh mạng ít oi,
 Khi thân hoại mạng chung,
 Người ấy với trí tuệ.
 Người ấy làm như vậy,
 Được sinh lên Cõi Trời. (Như Thị Ngữ Kinh. # 71)

*As he was sitting to one side, King **Pasenadi Kosala** said to the Blessed One: “Just now, Lord, while I was alone in seclusion, this train of thought arose in my awareness: ‘Who are dear to themselves, and who are not dear to themselves?’ Then it occurred to me: ‘Those who engage in bodily misconduct, verbal misconduct, and mental misconduct are not dear to themselves. Even though they may say, “We are dear to ourselves,” still they aren’t dear to themselves. Why is that? Of their own accord, they act toward themselves as an enemy would act toward an enemy; thus they aren’t dear to themselves. But those who engage in good bodily conduct, good verbal conduct, and good mental conduct are dear to themselves. Even though they may say, “We aren’t dear to*

ourselves,” still they are dear to themselves. Why is that ? Of their own accord, they act toward themselves as a dear one would act toward a dear one; thus they are dear to themselves.’”

Khi đã ngồi xuống một bên, Đức Vua **Pasenadi** Xứ **Kosala** đã tác bạch với Đức Thế Tôn: “Thoạt mới đây, bạch Đức Thế Tôn, trong khi chỉ có mình con ở trong sự tịch tịnh, một loạt nghĩ suy này đã khởi sinh lên trong sự nhận thức của con thấy rằng: “Những ai là trân ái với tự ngã của mình và những ai là bất trân ái với tự ngã của mình ? Thế rồi nó đã nảy sinh đến với con: “Những ai mà dự phần trong việc bất đoan hành vi về Thân, bất đoan hành vi về Lời và bất đoan hành vi về Ý thì bất trân ái với tự ngã của mình. Cho dù là họ có thể nói rằng: “Chúng tôi trân ái với tự ngã của mình” nhưng họ vẫn bất trân ái với tự ngã của mình. Vì sao vậy ? Thế theo tự nguyện của họ, họ hành động đối với tự ngã của mình như thể một kẻ thù sẽ hành động đối với một kẻ thù; bởi do vậy họ bất trân ái với tự ngã của mình. Thế nhưng những ai dự phần trong hảo phẩm hạnh về Thân, hảo phẩm hạnh về Lời và hảo phẩm hạnh về Ý thì trân ái với tự ngã của mình. Cho dù là họ có thể nói rằng: “Chúng tôi bất trân ái với tự ngã của mình” nhưng họ vẫn trân ái với tự ngã của mình. Vì sao vậy ? Thế theo tự nguyện của họ, họ hành động đối với tự ngã của mình như thể một người trân ái sẽ hành động đối với một người trân ái; bởi do vậy họ trân ái với tự ngã của mình.

“That’s the way it is, great king ! That’s the way it is ! Those who engage in bodily misconduct, verbal misconduct, and mental misconduct are not dear to themselves. Even though they may say, ‘We are dear to ourselves,’ still they aren’t dear to themselves. Why is that? Of their own accord, they act toward themselves as an enemy would act toward an enemy; thus they aren’t dear to themselves. But those who engage in good bodily conduct, good verbal conduct, and good mental conduct are dear to themselves. Even though they may say, ‘We aren’t dear to ourselves,’ still they are dear to themselves. Why is that? Of their own accord, they act toward themselves as a dear one would act toward a dear one; thus they are dear to themselves.”

“Phương thức thì nó là như thế đấy, này Đại Vương ! Phương thức thì nó là như thế đấy, này Đại Vương ! “Những ai mà dự phần trong việc bất đoan hành vi về Thân, bất đoan hành vi về Lời và bất đoan hành vi về Ý thì bất trân ái với tự ngã của họ. Cho dù là họ có thể nói rằng:

“Chúng tôi trân ái với chính tự ngã của mình” nhưng họ vẫn bắt trân ái với tự ngã của họ. Vì sao vậy ? Thế theo tự nguyện của họ, họ hành động đối với bản thân của họ như thể một kẻ thù sẽ hành động đối với một kẻ thù; bởi do vậy họ bắt trân ái với tự ngã của họ. Thế nhưng những ai dự phần trong hảo phẩm hạnh về Thân, hảo phẩm hạnh về Lời và hảo phẩm hạnh về Ý thì trân ái với tự ngã của họ. Cho dù là họ có thể nói rằng: “Chúng tôi bắt trân ái với chính tự ngã của mình” nhưng họ vẫn trân ái với tự ngã của họ. Vì sao vậy ? Thế theo tự nguyện của họ, họ hành động đối với chính họ như thể một người trân ái sẽ hành động đối với một người trân ái; bởi do vậy họ trân ái với tự ngã của họ.”

That is what the Blessed One said. Having said that, the One Well - Gone, the Teacher, said further:

*“If you hold yourself dear
then don’t fetter yourself with evil,
for happiness isn’t easily gained
by one who commits a wrong-doing.
When seized by the End-maker
as you abandon the human state,
what’s truly your own ?
What do you take along when you go?
What follows behind you
like a shadow
that never leaves ?
Both the merit and evil
that you as a mortal perform here:
that’s what’s truly your own,
what you take along when you go;
that’s what follows behind you
like a shadow
that never leaves.
So do what is admirable,
as an accumulation for the future life.
Deeds of merit are the support for beings
when they arise
in the other world.” (SN III. # 4)*

Đó là điều mà Đức Thế Tôn đã nói đến. Khi đã nói điều ấy xong, Bậc Thiện Thệ, Bậc Đạo Sư đã nói thêm rằng:

“Nếu những ai biết được,
Tự ngã là trần ái,
Họ sẽ không liên hệ,
Với các điều ác hạnh.
Kẻ làm điều ác hạnh,
Khó được chơn hạnh phúc,
Bị thân chết cầm tù,
Từ bỏ thân làm người.
Kẻ có Nghiệp Lực như vậy,
Cái chi là của mình ?
Lấy cái chi đem đi ?
Cái chi theo dõi họ,
Như bóng theo dõi hình ?
Ở đây kẻ bị chết,
Làm các Nghiệp Lực công đức,
Làm các Nghiệp Lực ác đức,
Lấy cả hai đem đi.
Cả hai của kẻ ấy,
Như bóng theo dõi hình.
Cả hai theo kẻ ấy,
Do vậy hãy làm lành,
Tích lũy cho đời sau,
Công đức cho đời sau,
Là hậu cứ cho người. (Tương Ứng Bộ Kinh III. # 4)

As he was sitting to one side, King **Pasenadi Kosala** said to the Blessed One: “Is there, Lord, any one quality that keeps both kinds of benefits secure—benefits in this life and benefits in lives to come ?”

“There is one quality, great king, that keeps both kinds of benefits secure—benefits in this life and benefits in lives to come.”

“But what, Venerable Sir, is that one quality... ?”

“Heedfulness, great king. Just as the footprints of all living beings with legs can be encompassed by the footprint of the elephant, and the elephant’s footprint is declared to be supreme among them in terms of its great size; in the same way, heedfulness is the one quality that keeps

both kinds of benefits secure—benefits in this life and benefits in lives to come.”

Khi đã ngồi xuống một bên, Đức Vua **Pasenadi** Xứ **Kosala** đã tác bạch với Đức Thế Tôn: “Kính bạch Đức Thế Tôn, liệu có một phẩm chất nào mà gìn giữ an ổn cho cả hai thể loại phúc lợi – những phúc lợi ở trong đời sống này và những phúc lợi ở trong đời sống sắp tới không?”

“Có một phẩm chất, này Đại Vương, mà gìn giữ an ổn cho cả hai thể loại phúc lợi – những phúc lợi ở trong đời sống này và những phúc lợi ở trong đời sống sắp tới.

“Thế nhưng, kính bạch Ngài, một phẩm chất ấy là chi ?

“**Bất phóng dật**, này Đại Vương. Cũng như những dấu chân của tất cả chúng sinh hữu tình có những chân thì có thể được bao bọc bởi dấu chân của con voi, dấu chân của con voi có thể được tuyên bố là cùng tột trong số chúng, được xem như là kích thước cự đại của nó; trong cùng phương thức, bất phóng dật là một phẩm chất mà gìn giữ an ổn cho cả hai thể loại phúc lợi – những phúc lợi ở trong đời sống này và những phúc lợi ở trong đời sống sắp tới.”

That is what the Blessed One said. Having said that, the One Well - Gone, the Teacher, said further:

*“For one who desires
long life, health,
beauty, heaven and noble birth,
—lavish delights, one after another—
the wise praise heedfulness
in doing acts of merit.*

*When heedful, wise,
you achieve both kinds of benefit:
benefits in this life,
and benefits in lives to come.*

*By breaking through to your benefit,
you’re called enlightened, wise. (SN. III. # 17)*

Đó là điều mà Đức Thế Tôn đã nói đến. Khi đã nói điều ấy xong, Bạc Thiện Thệ, Bạc Đạo Sư đã nói thêm rằng:

Ai ước nguyện tuổi thọ,
Không bệnh, có diệu sắc,

Được Sinh lên Thiên Giới,
 Sinh các nhà quý tộc,
 Phải liên tục tăng thượng,
 Tinh tấn, không dừng nghỉ.
 Người hiền triết tán thán,
 Hạnh lành không phóng dật,
 Đối với những người lành,
 Làm các hạnh công đức,
 Người hiền không phóng dật,
 Được cả hai lợi ích,
 Lợi ích trong đời này,
 Lợi ích cả đời sau.
 Kẻ anh hùng được gọi,
 Là bậc chơn hiền trí,
 Nếu biết nắm chụp lấy,
 Hạnh phúc cho chính mình. (Tương Ưng Bộ Kinh III. #17)

-----00000-----

Dana: Giving

Xả Thí: Việc Cho Ra

*“Without abandoning these five qualities, one is incapable of entering and remaining in the first **Jhāna**... second **Jhāna** ... the third **Jhāna** ... the fourth **Jhāna**; incapable of realizing the fruit of stream - entry... the fruit of once - returning... the fruit of non - returning... **Arahantship**. Which five ? Stinginess as to one’s monastery [lodgings] ... one’s family [of supporters]... one’s gains... one’s status, and stinginess as to the **Dhamma**.” (AN 5. # 256 – 257)*

“Không xả ly năm thể loại Pháp này thì người ta không đủ năng lực để dự tri và duy trì trong tầng Sơ Thiền... Nhị Thiền... Tam Thiền... Tứ Thiền; vô năng lực để chứng tri được Quả Vị Dự Lưu... Quả Vị Nhất Lai... Quả Vị Bất Lai... Quả Vị Vô Sinh. Thế nào là năm ? Lận sác về tu viện của mình [những trú xứ], ...gia đình của mình [của những người hỗ trợ], ...những lợi lộc của mình, ...địa vị của mình,...và lận sác về Giáo Pháp. (Tăng Chi Bộ Kinh V. # 256 – 257)

Conquer the angry one by not getting angry
 (i.e. by loving kindness);
 Conquer the wicked by goodness;
 Conquer the stingy by generosity, and
 The liar by speaking the truth. (Dhp. # 223)
 Lấy không giận thắng giận (tức là bằng với Từ Ái),
 Lấy Thiện thắng không Thiện,
 Lấy Thí thắng xan Tham,
 Lấy chơn thắng hư ngụy. (Pháp Cú # 223)

“And what is the treasure of generosity ? There is the case of a
 disciple of the noble ones, his awareness cleansed of the stain of
 stinginess, living at home, freely generous, openhanded, delighting in
 being magnanimous, responsive to requests, delighting in the
 distribution of alms. This is called the treasure of generosity.” (AN VII.
 #6)

“Và cái chi là trân báu của lòng hảo tâm (*Xả Thí*) ? Có trường hợp
 một đệ tử của Chư Thánh Nhân, sự nhận thức của vị ấy đã được gột rửa
 sự vấy bẩn của Pháp lặn sắc, đang sống ở tại gia, một cách tự do phóng
 khí, đã hào phóng, vui thích trong việc khoan hồng đại lượng, dễ dàng
 đáp lại những yêu cầu và vui thích trong việc phân phát các vật xả thí.
 Điều này đã được gọi là trân báu của lòng hảo tâm (*Xả Thí*) (Tăng Chi
 Bộ Kinh VII. # 6)

Then another **Deva** exclaimed in the Blessed One's presence:

“Giving is good, dear Sir!
 Even when there's next to nothing,
 giving is good.
 Giving with conviction is good !
 The giving of what's righteously gained
 is good !
 And further:
 Giving with discretion is good !
 It's praised by the One Well - Gone:
 giving with discretion,
 to those worthy of offerings
 here in the world of the living.

*What's given to them bears great fruit
like seeds sown in a good field.” (SN I. # 33)*

Thế rồi, một vị Thiên Tử khác đã nói lên lời cảm thán trước sự hiện diện của Đức Thế Tôn:

Lành thay sự xả thí,
Kính thưa Bạc Tôn Giả !
Nhưng thật tốt lành thay,
Xả thí trong thiếu thốn !
Lành thay sự xả thí,
Phát xuất từ lòng tin !
Lành thay sự xả thí,
Với tài sản hợp Pháp !
Lành thay sự xả thí,
Có suy tư sáng suốt !
Xả thí có suy tư,
Bạc Thiện Thệ tán thán.
Xả thí cho những vị,
Đáng kính trọng ở đời,
Xả thí những vị ấy,
Được hưởng quả Phước lớn,
Như hạt giống tốt đẹp,
Gieo vào ruộng tốt lành.” (Tương Ưng Bộ Kinh I. # 33)

“These are the five rewards of generosity: One is dear and appealing to people at large, one is admired by good people, one's good name is spread about, one does not stray from the rightful duties of the householder, and with the break - up of the body at death, one reappears in a good destination, a heavenly world.” (AN V.# 35)

“Đây là năm sự tưởng lệ của lòng hảo tâm (*Xả Thí*): người ta được trân ái và hữu hấp dẫn lực đối với một số lượng lớn người, người ta được Thiện Nhân ngưỡng mộ, hảo danh xưng của mình được lan truyền ra, người ta không có lầm lạc rời khỏi những bổn phận chính đáng của người gia chủ, và khi thân hoại và sau khi mạng chung, đã tái tục trong một Thiện Thú, một Cõi Thiên Giới.” (Tăng Chi Bộ Kinh V. # 35)

“If beings knew, as I know, the results of giving and sharing, they would not eat without have given, nor would the stain of miserliness

overcome their minds. Even if it were their last bite, their last mouthful, they would not eat without having shared, if there were someone to receive their gift. But because beings do not know, as I know, the results of giving and sharing, they eat without have given. The stain of miserliness overcomes their minds.” (Iti. # 26)

“Nếu như chúng hữu tình đã được tuệ tri như Ta tuệ tri, những kết quả của việc cho ra và sự cộng hưởng thì họ sẽ không thọ thực mà không có cho ra, và sự vấy bẩn của Pháp lận sắc cũng sẽ không có áp phục tâm thức của họ. Dù đó đã là lần cắn cuối cùng của họ, miếng ăn cuối cùng của họ, họ sẽ không thọ thực mà không có cộng hưởng, nếu như có ai đó đón nhận vật thí của họ. Thế nhưng vì chúng hữu tình đã không được tuệ tri như Ta tuệ tri, những kết quả của việc cho ra và sự cộng hưởng, họ thọ thực mà không có cho ra. Sự vấy bẩn của Pháp lận sắc áp phục tâm thức của họ. (Như Thị Ngũ Kinh. # 26)

***Asibandhakaputta** the headman said to the Blessed One, “Venerable Sir, doesn’t the Blessed One in many ways praise kindness, protection, and sympathy for families?”*

*“Yes, headman, the **Tathāgata** in many ways praises kindness, protection, and sympathy for families.”*

*“Then how, Venerable Sir, is the Blessed One, together with a large community of monks, wandering on tour around **Nālandā** in the midst of famine, a time of scarcity, when the crops are white with blight and turned to straw ? The Blessed One is practicing for the ruin of families. The Blessed One is practicing for the demise of families. The Blessed One is practicing for the downfall of families.”*

“Headman, recollecting back over 91 aeons, I do not know any family to have been brought to downfall through the giving of cooked alms. On the contrary: Whatever families are rich, with much wealth, with many possessions, with a great deal of money, a great many accoutrements of wealth, a great many commodities, all have become so from giving, from truth, from restraint.” (SN XLII. # 9)

Vị thôn trưởng **Asibandhakaputta** đã tác bạch Đức Đức Thế Tôn:

“Kính bạch Ngài, có phải Đức Thế Tôn - trong nhiều phương thức, tán thán lòng thân ái, sự bảo hộ và sự thiện cảm cho các gia đình?

“Đúng vậy, này thôn trưởng, Như Lai - trong nhiều phương thức, tán thán lòng thân ái, sự bảo hộ và sự thiện cảm cho các gia đình.”

“Thế làm sao, kính bạch Ngài, Đức Thế Tôn cùng với một đại chúng các vị tu sĩ đã du hành đảo quanh tại thành phố **Nālandā** giữa thời lúc của nạn đói, một thời gian của sự khan hiếm, khi các vụ thu hoạch mùa màng đã trắng xóa với sự tàn rụi và đã chuyển sang rom rạ? Đức Thế Tôn đã đang thực hành làm cho sự tử vong của các gia đình. Đức Thế Tôn đã đang thực hành làm cho sự sụp đổ của các gia đình.”

- Nay thôn trưởng, khi đã được truy niệm hơn 91 thiên kỷ qua, Ta không biết bất luận gia đình nào đã bị đưa đến sự sụp đổ bởi do việc cho ra các vật thí thực đã được nấu chín. Trái lại, bất luận gia đình nào cũng đều rất giàu có, với lắm của cải, với nhiều tài sản, với rất nhiều tiền bạc, rất nhiều sự trang bị về của cải, rất nhiều hàng hóa, tất cả đã trở nên như vậy là từ việc xả thí cho ra, từ sự thành thật, từ sự kiểm thúc.” (Tương Ưng Bộ Kinh XLII. # 9)

*What the miser fears,
that keeps him from giving,
is the very danger that comes
when he doesn't give. (SN 1.# 32)*

Điều kẻ lận sắc sợ,
Nên không dám xả thí,
Sợ ấy đến với họ,
Chính vì không xả thí. (Tương Ưng Bộ Kinh I. # 32)

*No misers go
to the world of the **Devas**.
Those who don't praise giving
are fools.
The enlightened
express their approval for giving
and so find ease
in the world beyond. (Dhp.# 177)*

Lận sắc không sinh Thiên,
Xuân nhân ghét xả thí,
Bậc trí thích xả thí,
Đời sau, được hưởng lạc.” (Pháp Cú # 177)

“In giving a meal, the donor gives five things to the recipient. Which five ? He / she gives life, beauty, happiness, strength and quick-wittedness. Having given life, he / she has a share in long life, either human or divine. Having given beauty, he / she has a share in beauty, either human or divine. Having given happiness, he / she has a share in happiness, either human or divine. Having given strength, he / she has a share in strength, either human or divine. Having given quick-wittedness, he / she has a share in quick-wittedness, either human or divine. In giving a meal, the donor gives these five things to the recipient.”

“Trong việc xả thí một bữa ăn, vị thí chủ đã cho năm điều đến vị thụ thí giả. Thế nào là năm ? Ông ấy / bà ấy cho thọ mạng, mỹ lệ, niềm hạnh phúc, năng lực và cơ mẫn. Khi đã cho thọ mạng, ông ấy / bà ấy đã có một cổ phần trong sự trường thọ, hoặc là Nhân Loại hoặc là Chư Thiên. Khi đã cho mỹ lệ, ông ấy / bà ấy đã có một cổ phần trong sự mỹ lệ, hoặc là Nhân Loại hoặc là Chư Thiên. Khi đã cho niềm hạnh phúc, ông ấy / bà ấy đã có một cổ phần trong niềm hạnh phúc, hoặc là Nhân Loại hoặc là Chư Thiên. Khi đã cho năng lực, ông ấy / bà ấy đã có một cổ phần trong năng lực, hoặc là Nhân Loại hoặc là Chư Thiên. Khi đã cho cơ mẫn, ông ấy / bà ấy đã có một cổ phần trong cơ mẫn, hoặc là Nhân Loại hoặc là Chư Thiên. Trong việc xả thí một bữa ăn, vị thí chủ đã cho năm điều đến vị thụ thí giả.”

*The enlightened person giving life, strength,
beauty, quick-wittedness—
the wise person, a giver of happiness—
attains happiness himself.
Having given life, strength, beauty,
happiness, and quick-wittedness,
he has long life and status wherever he arises.
(AN V.# 37)*

Bậc hiền cho thọ mạng,
Năng lực, sắc, cơ mẫn,
Bậc trí cho an lạc,
Được chia phần an lạc,
Cho thọ mạng, năng lực,
Sắc, an lạc, cơ mẫn,

Được trường thọ, danh xưng,
 Tại chỗ được tái sinh. (Tăng Chi Bộ Kinh V.# 37)

*Then a certain **Devatā**, in the far extreme of the night, her extreme radiance lighting up the entirety of **Jeta's** Grove, went to the Blessed One and, on arrival, having bowed down to him, stood to one side. As she was standing there, she recited these verses in the Blessed One's presence:*

*When a house is on fire,
 the vessel salvaged
 is the one that will be of use,
 not the one left there to burn.*

*So when the world is on fire
 with aging and death,
 you should salvage [your wealth] by giving:
 what's given is well salvaged.*

*What's given bears fruit as pleasure.
 What isn't given does not:
 Thieves take it away, or kings;
 it gets burnt by fire or lost.*

*Then in the end
 you leave the body
 together with your possessions.
 Knowing this, the intelligent man
 enjoys possessions and gives.*

*Having enjoyed and given
 in line with your means,
 uncensured you go
 to the heavenly state. (SN I.# 41)*

Thế rồi một vị Thiên Tử nọ, sau khi đêm đã gần mãn, hào quang cực kỳ chói lọi của cô ấy đã làm cho sáng ngời toàn bộ khu vườn của Hoàng Tử **Jeta** (Kỳ Viên), đã đi đến Đức Thế Tôn và khi đến nơi, đã cúi đầu đánh lễ đến Ngài, rồi đã đứng sang một bên. Khi cô ấy đã đang đứng

nơi đó, cô ấy đã trùng tụng những câu kệ này trong sự hiện diện của Đức Thế Tôn:

Trong ngôi nhà thiêu cháy,
Vật dụng đem ra ngoài,
Vật ấy có lợi ích,
Không phải vật bị thiêu.

Cũng vậy trong đời này,
Bị già chết thiêu cháy,
Hãy đem ra, bằng Thí,
Vật Thí, khéo đem ra.

Có Thí, có Lạc Quả,
Không Thí, không như vậy.
Kẻ trộm, Vua cướp đoạt,
Lửa thiêu đốt hủy hoại.

Khi giờ cuối cùng đến,
Bỏ thân, bỏ sở hữu,
Kẻ trí hiểu biết vậy,
Thọ dụng và xả thí.

Thí xong, thọ dụng xong,
Theo lực hành động ấy,
Không bị ai chỉ trích,

Vị ấy được sinh Thiên. (Tương Ưng Bộ Kinh I. # 41)

Now on that occasion Princess **Sumanā**—with an entourage of 500 ladies-in-waiting riding on 500 carriages—went to where the **Buddha** was staying. On arrival, having bowed down, she sat to one side. As she was sitting there, she said to the Blessed One, “Suppose there were two disciples of the Blessed One, equal in conviction, virtue, and discernment, but one was a giver of alms and the other was not. At the break - up of the body, after death, they would reappear in a good destination, a heavenly world. Having become devas, would there be any distinction, any difference between the two ?”

*“Yes, there would,” said the Blessed One. “The one who was a giver of alms, on becoming a **Deva**, would surpass the other in five areas: in divine life span, divine beauty, divine pleasure, divine status, and divine power....”*

Bấy giờ vào dịp nọ, Công Chúa **Sumanā** với một đoàn tùy tùng gồm 500 nữ hầu đang cười trên 500 cỗ xe ngựa – đã đi đến nơi mà Đức Phật đã đang trú ngụ. Khi đến nơi, sau khi đã cúi đầu đánh lễ, cô ấy đã ngồi sang một bên. Khi cô ấy đã đang ngồi ở nơi đó, cô ấy đã tác bạch đến Đức Thế Tôn: “Giả sử đã có hai môn đồ của Đức Thế Tôn, tương đồng trong kiên định tín niệm, giới đức và động sát lực, thế nhưng một người đã là một vị thí chủ các vật thí và người kia thì không. Khi thân hoại và sau khi mạng chung, họ đã tái tục trong một Thiên Thú, trong một Cõi Thiên Giới. Khi đã trở thành Chúng Thiên, liệu sẽ có tính chất đặc thù nào, sự sai biệt nào giữa hai người không ?

“Có, sẽ có” Đức Thế Tôn đã nói. “Người mà đã là một thí chủ các vật thí, khi đã trở thành một Thiên Tử thì sẽ vượt trội hơn người kia trong năm lĩnh vực: trong Thiên thọ mạng, Thiên mỹ lệ, Thiên lạc thú, Thiên địa vị và Thiên quyền lực...”

“And if they were to fall from there and reappear in this world: Having become human beings, would there be any distinction, any difference between the two ?”

“Yes, there would,” said the Blessed One. “The one who was a giver of alms, on becoming a human being, would surpass the other in five areas: in human life span, human beauty, human pleasure, human status, and human power....”

“Và nếu như họ đã từ nơi đó đọa xuống và tái tục ở trong thế gian này: khi đã trở thành Nhân Loại, liệu sẽ có tính chất đặc thù nào, sự sai biệt nào giữa hai người không ?

“Có, sẽ có” Đức Thế Tôn đã nói. “Người mà đã là một thí chủ các vật thí, khi đã trở thành một Nhân Loại thì sẽ vượt trội hơn người kia trong năm lĩnh vực: trong Nhân thọ mạng, Nhân mỹ lệ, Nhân lạc thú, Nhân địa vị và Nhân quyền lực...”

“And if they were to go forth from home into the homeless life of a monk: Having gone forth, would there be any distinction, any difference between the two ?”

“Yes, there would,” said the Blessed One. “The one who was a giver of alms, on going forth, would surpass the other in five areas: He would often be asked to make use of robes; it would be rare that he wouldn’t be asked. He would often be asked to take food... to make use of shelter... to make use of medicine; it would be rare that he wouldn’t be asked. His companions in the holy life would often treat him with pleasing actions... pleasing words... pleasing thoughts... and present him with pleasing gifts, and rarely with unpleasing....”

“Và nếu như họ đã thụ giáo từ trong nhà đi vào đời sống vô gia cư của một vị tu sĩ: sau khi đã thụ giáo, liệu sẽ có tính chất đặc thù nào, sự sai biệt nào giữa hai người không ?

“Có, sẽ có” Đức Thế Tôn đã nói. “Người mà đã là một thí chủ các vật thí, khi đã được thụ giáo thì sẽ vượt trội hơn người kia trong năm lĩnh vực: vị ấy sẽ thường được yêu cầu để thọ dụng về các y áo, sẽ hiếm khi là vị ấy sẽ không được yêu cầu. Vị ấy sẽ thường được yêu cầu để thọ thực...để thọ dụng về trú xứ...để thọ dụng về dược phẩm; sẽ hiếm khi là vị ấy sẽ không được yêu cầu. Các bạn đồng Phạm Hạnh trong đời sống Thánh Thiện sẽ thường đối đãi vị ấy với những tác hành duyệt ý.. những lời nói duyệt ý...những nghĩ suy duyệt ý... và dâng tặng vị ấy với những quà tặng duyệt ý, và hiếm khi với sự bất duyệt ý...

*“And if both were to attain **Arahantship**, would there be any distinction, any difference between their attainments of **Arahantship** ?”*

“In that case, I tell you that there would be no difference between the two as to their release.”

*“It’s awesome, Lord, and astounding. Just this is reason enough to give alms, to make merit, in that it benefits one as a **Deva**, as a human being and as a monk.” (AN V. # 31)*

“Và nếu như cả hai đã thành đạt Quả vị Vô Sinh, liệu sẽ có tính chất đặc thù nào, sự sai biệt nào giữa sự thành đạt Quả vị Vô Sinh của họ không ?

“Trong trường hợp đó, Ta nói với người rằng sẽ không có sự khác biệt giữa hai người về sự giải thoát của họ.

“Thật vi diệu thay, kính bạch Đức Thế Tôn, và thật đáng kinh ngạc. Chính ngay điều này đã hội đủ lý tính để cho việc xả thí các vật thí, để tạo tác công đức, mà qua đó đã mang lại những quả phúc lợi cho

người thành một Thiên Tử, thành một Nhân Loại và thành một vị tu sĩ.”
(Tăng Chi Bộ Kinh V. # 31)

*A person stashes a fund away,
deep underground, at the water line:
“When a need or duty arises,
this will provide for my needs,
for my release if I’m denounced by the king,
molested by thieves,
in case of debt, famine, or accidents.”
With aims like this in the world
a reserve fund is stashed away.*

*But no matter how well it’s stored,
deep underground, at the water line,
it won’t all always serve one’s need.
The fund gets shifted from its place,
or one’s memory gets confused;
or—unseen—water serpents make off with it,
spirits steal it, or hateful heirs run off with it.
When one’s merit’s ended, it’s totally destroyed.*

*But when a man or woman
has laid aside a well - stored fund
of generosity, virtue,
restraint and self - control,
with regard to a shrine, the **Saṅgha**,
a fine individual, guests,
mother, father, or elder sibling:
That’s a well - stored fund.
It can’t be wrested away.
It follows you along.
When, having left this world,
for wherever you must go,
you take it with you.
This fund is not held in common with others,
and cannot be stolen by thieves.*

*So, enlightened, you should make merit,
the fund that will follow you along.
This is the fund that gives all they want
to beings human, divine. (Khp. # 9)*

Một người cất kho báu,
Ở tận dưới giếng sâu,
Nghĩ: “Nếu cần giúp đỡ,
Nó ích lợi cho ta”.

Nếu bị Vua kết án,
Hoặc trả các nợ nần,
Hoặc bị cướp giam cầm,
Và đòi tiền chuộc mạng,

Khi mất mùa, tai nạn,
Vớ mục đích như vậy,
Ở trên Cõi đời này,
Sẽ đến giành kho báu.

Dẫu nó không bao giờ,
Được cất kỹ như vậy,
Ở tận dưới giếng sâu,
Vẫn không đủ hoàn toàn,
Giúp ích người mọi lúc.

Kho báu bị dời chỗ,
Hoặc người quên dấu vết,
Hoặc rắn thần lấy đi,
Hoặc thần linh tẩu tán,

Hoặc đám người thừa kế,
Kẻ ấy không chấp nhận,
Di chuyển khi báu đi,
Khi kẻ ấy không thấy.
Và khi Phước Đức tận,
Tất cả đều tiêu tan.

Những khi người nam, nữ,
Có Xả Thí, Trì Giới,
Hoặc Thiên Định, Trí Tuệ,
Kho báu khéo để dành.

Trong Chùa, Tháp, Tăng Đoàn,
Một cá nhân, lũ khách,
Hoặc người Mẹ, người Cha,
Hoặc là người Anh nữa.

Kho này khéo để dành,
Đi theo người, không mất,
Giữa mọi vật phải rời,
Người cùng đi với nó.

Không ai khác chia phần,
Không cướp nào lấy được,
Vây những kẻ tinh cần,
Hãy làm việc Phước Đức,
Kho báu ấy theo người,
Sẽ không bao giờ mất.

Đây là một kho báu,
Có thể làm thỏa mãn,
Mọi ước vọng Thiên, Nhân,
Dù họ mong muốn chi,
Đều đạt được tất cả,
Nhờ công đức Phước Nghiệp Lực. (Tiểu Bộ Kinh # 9)

Then *Jānussoni* the **Brahman** went to the Blessed One and, on arrival, exchanged courteous greetings with him. After an exchange of friendly greetings and courtesies, he sat to one side. As he was sitting there, he said to the Blessed One, “Master **Gotama**, you know that we **Brahmans** give gifts, make offerings, [saying,] ‘May this gift accrue to our dead relatives. May our dead relatives partake of this gift.’ Now,

*Master **Gotama**, does that gift accrue to our dead relatives ? Do our dead relatives partake of that gift ?”*

*“In possible places, **Brahman**, it accrues to them, but not in impossible places.”*

Thế rồi Bà La Môn **Jānussoni** đã đi đến Đức Thế Tôn, khi đến nơi, đã trao đổi những lời chào hỏi lịch sự với Ngài. Sau việc trao đổi những lời chào hỏi một cách thân hữu và lịch sự, vị ấy đã ngồi sang một bên. Khi vị ấy đã đang ngồi ở nơi đó, vị ấy đã tác bạch đến Đức Thế Tôn: “Thưa Tôn Giả **Gotama**, Ngài biết rằng chúng tôi là Bà La Môn xả thí các lễ vật, thực hiện các lễ cúng dường, [đang khi nói rằng] “Ước mong lễ vật này lũy tích đến các gia quyến đã quá vãng của chúng tôi. Ước mong các gia quyến đã quá vãng của chúng tôi hưởng dụng lễ vật này. Bấy giờ, thưa Tôn Giả **Gotama**, lễ vật ấy có lũy tích đến các gia quyến đã quá vãng của chúng tôi không ? Các gia quyến đã quá vãng của chúng tôi có hưởng dụng lễ vật ấy không ?”

“Trong những trú xứ khả thi, này Bà La Môn thì nó lũy tích đến cho họ, nhưng không có ở trong những trú xứ bất khả thi.”

*“And which, Master **Gotama**, are the possible places ? Which are the impossible places ?”*

*“There is the case, **Brahman**, where a certain person takes life, takes what is not given, engages in sexual misconduct, engages in false speech, engages in divisive speech, engages in abusive speech, engages in idle chatter, is covetous, bears ill will, and has wrong views. With the break - up of the body, after death, he reappears in **hell**. He lives there, he remains there, by means of whatever is the food of hell - beings. This is an impossible place for that gift to accrue to one staying there.*

“Và thưa Tôn Giả **Gotama**, thế nào là những trú xứ khả thi ? Thế nào là những trú xứ bất khả thi ?

“Có trường hợp, này Bà La Môn, nơi mà một người nào đó đoạt lấy sinh mạng, lấy điều mà đã không được cho, dự phần trong tính dục tà hạnh, dự phần trong việc nói lời dối trá, dự phần trong việc nói lời gây chia rẽ, dự phần trong việc nói lời thóa mạ, dự phần trong cuộc trò chuyện nhàn rỗi vô ích, có sự tham ái, giữ ở trong tâm ý tưởng cừu hận và có những kiến giải sai lầm (*Tà Kiến*). Khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục trong **Địa Ngục**. Vị ấy sống ở nơi đó, vị ấy tồn tại ở nơi đó, bằng bất luận thứ gì là thức ăn của chúng hữu tình Địa Ngục.

Đây là một trú xứ bất khả thi để cho lễ vật được lũy tích đối với người đang lưu lại nơi đó.

*“Then there is the case where a certain person takes life, takes what is not given, engages in sexual misconduct, engages in false speech, engages in divisive speech, engages in abusive speech, engages in idle chatter, is covetous, bears ill will, and has wrong views. With the break - up of the body, after death, he reappears in the **animal womb**. He lives there, he remains there, by means of whatever is the food of **common animals**. This, too, is an impossible place for that gift to accrue to one staying there.*

“Thế rồi có trường hợp nơi mà một người nào đó đoạt lấy sinh mạng, lấy điều mà đã không được cho, dự phần trong tính dục tà hạnh, dự phần trong việc nói lời dối trá, dự phần trong việc nói lời gây chia rẽ, dự phần trong việc nói lời thóa mạ, dự phần trong cuộc trò chuyện nhàn rỗi vô ích, có sự tham ái, giữ ở trong tâm ý tưởng cừu hận và có những kiến giải sai lầm (*Tà Kiến*). Khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục trong **thai bào động vật**. Vị ấy sống ở nơi đó, vị ấy tồn tại ở nơi đó, bằng bất luận thứ gì là **thức ăn của chúng động vật thông thường**. Đây cũng là một trú xứ bất khả thi để cho lễ vật được lũy tích đối với người đang lưu lại nơi đó.

*“Then there is the case where a certain person refrains from taking life, refrains from taking what is not given, refrains from sexual misconduct, refrains from false speech, refrains from divisive speech, refrains from abusive speech, refrains from idle chatter, is not covetous, bears no ill will, and has right views. With the break - up of the body, after death, he reappears in the company of **human beings**. He lives there, he remains there, by means of whatever is the food of **human beings**. This, too, is an impossible place for that gift to accrue to one staying there.*

“Thế rồi có trường hợp nơi mà một người nào đó tự kiểm thúc việc đoạt lấy sinh mạng, tự kiểm thúc việc lấy điều mà đã không được cho, tự kiểm thúc trong tính dục tà hạnh, tự kiểm thúc trong việc nói lời dối trá, tự kiểm thúc trong việc nói lời gây chia rẽ, tự kiểm thúc trong việc nói lời thóa mạ, tự kiểm thúc trong cuộc trò chuyện nhàn rỗi vô ích, không có sự tham ái, không giữ ở trong tâm ý tưởng cừu hận và có những

kiến giải chân chính (*Chính Kiến*). Khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục trong quần thể của **Nhân Loại**. Vị ấy sống ở nơi đó, vị ấy tồn tại ở nơi đó, bằng bất luận thứ gì là **thức ăn của Nhân Loại**. Đây cũng là một trú xứ bất khả thi để cho lễ vật được lũy tích đối với người đang lưu lại nơi đó.

*“Then there is the case where a certain person refrains from taking life, refrains from taking what is not given, refrains from sexual misconduct, refrains from false speech, refrains from divisive speech, refrains from abusive speech, refrains from idle chatter, is not covetous, bears no ill will, and has right views. With the break - up of the body, after death, he reappears in the company of the **Devas**. He lives there, he remains there, by means of whatever is the food of **Devas**. This, too, is an impossible place for that gift to accrue to one staying there.*

“Thế rồi có trường hợp nơi mà một người nào đó tự kiểm thúc việc đoạt lấy sinh mạng, tự kiểm thúc việc lấy điều mà đã không được cho, tự kiểm thúc trong tính dục tà hạnh, tự kiểm thúc trong việc nói lời dối trá, tự kiểm thúc trong việc nói lời gây chia rẽ, tự kiểm thúc trong việc nói lời thóa mạ, tự kiểm thúc trong cuộc trò chuyện nhàn rỗi vô ích, không có sự tham ái, không giữ ở trong tâm ý tưởng cừu hận và có những kiến giải chân chính (*Chính Kiến*). Khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục trong quần thể của **Chư Thiên**. Vị ấy sống ở nơi đó, vị ấy tồn tại ở nơi đó, bằng bất luận thứ gì là **thức ăn của Chư Thiên**. Đây cũng là một trú xứ bất khả thi để cho lễ vật được lũy tích đối với người đang lưu lại nơi đó.

*“Then there is the case where a certain person takes life, takes what is not given, engages in sexual misconduct, engages in false speech, engages in divisive speech, engages in abusive speech, engages in idle chatter, is covetous, bears ill will, and has wrong views. With the break - up of the body, after death, he reappears **in the realms of the hungry shades**. He lives there, he remains there, by means of whatever is **the food of hungry shades**. He lives there, he remains that, by means of whatever his friends or relatives give in dedication to him. This is the possible place for that gift to accrue to one staying there.*

“Thế rồi có trường hợp nơi mà một người nào đó đoạt lấy sinh mạng, lấy điều mà đã không được cho, dự phần trong tính dục tà hạnh,

dự phần trong việc nói lời dối trá, dự phần trong việc nói lời gây chia rẽ, dự phần trong việc nói lời thóa mạ, dự phần trong cuộc trò chuyện nhân rồi vô ích, có sự tham ái, giữ ở trong tâm ý tưởng cừu hận và có những kiến giải sai lầm (*Tà Kiến*). Khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục *trong những Cõi Giới của quỷ hồn đói khát (Cõi Ngạ Quỷ)*. Vị ấy sống ở nơi đó, vị ấy tồn tại ở nơi đó, bằng bất luận thứ gì là thực phẩm của *các quỷ hồn đói khát (Ngạ Quỷ)*. Vị ấy sống ở nơi đó, vị ấy tồn tại ở nơi đó, bằng bất luận thứ gì mà những bằng hữu hoặc gia quyến của vị ấy đã cúng tế cho vị ấy. Đây là một trú xứ khả thi để cho lễ vật được lũy tích đối với người đang lưu lại nơi đó.

*“But, Master **Gotama**, if that dead relative does not reappear in that possible place, who partakes of that gift ?”*

*“Other dead relatives, **Brahman**, who have reappeared in that possible place.”*

*“But, Master **Gotama**, if that dead relative does not reappear in that possible place, and other dead relatives have not reappeared in that possible place, then who partakes of that gift ?”*

*“It’s impossible, **Brahman**, it cannot be, that over this long time that possible place is devoid of one’s dead relatives (1). But at any rate, the donor does not go without reward.*

“Thế nhưng, thưa Tôn Giả **Gotama**, nếu như vị gia quyến đã quá vắng ấy không có tái tục ở trong trú xứ khả thi ấy, thì ai hưởng dụng lễ vật ấy ?”

“Các gia quyến khác đã quá vắng, này Bà La Môn, là người mà đã tái tục ở trong trú xứ khả thi ấy.”

“Thế nhưng, thưa Tôn Giả **Gotama**, nếu như vị gia quyến đã quá vắng ấy không có tái tục ở trong trú xứ khả thi ấy, và các gia quyến khác đã quá vắng đã không có tái tục ở trong trú xứ khả thi ấy, thế rồi ai hưởng dụng lễ vật ấy ?”

“Đó là bất khả thi, này Bà La Môn, không thể nào được, rằng trong thời gian dài ở trú xứ khả thi ấy đã chẳng có những gia quyến đã quá vắng của mình (1). Thế nhưng bằng với bất cứ giá nào, vị quyền hiển giả không phải là không có sự tương lệ.

*“Does Master **Gotama** describe any preparation for the impossible places ?”*

*“**Brahman**, I do describe a preparation for the impossible places. There is the case where a certain person takes life, takes what is not given, engages in sexual misconduct, engages in false speech, engages in divisive speech, engages in abusive speech, engages in idle chatter, is covetous, bears ill will, and has wrong views. But he gives food, drink, cloth, vehicles, garlands, scents, creams, bed, lodging and lamps to priests and contemplatives. With the break - up of the body, after death, he reappears in **the company of elephants**. There he receives food, drink, flowers, and various ornaments. It’s because he took life, took what is not given, engaged in sexual misconduct, engaged in false speech, engaged in divisive speech, engaged in abusive speech, engaged in idle chatter, was covetous, bore ill will, and had wrong views that he reappears **in the company of elephants**. But it’s because he gave food, drink, cloth, vehicles, garlands, scents, creams, bed, lodging and lamps to priests and contemplatives that he receives food, drink, flower, and various ornaments.*

“Có phải Tôn Giả **Gotama** miêu thuật bất cứ sự chuẩn bị nào cho những trú xứ bất khả thi ?”

“Này Bà La Môn, Ta miêu thuật một sự chuẩn bị cho những trú xứ bất khả thi. Có trường hợp nơi mà một người nào đó đoạt lấy sinh mạng, lấy điều mà đã không được cho, dự phần trong tính dục tà hạnh, dự phần trong việc nói lời dối trá, dự phần trong việc nói lời gây chia rẽ, dự phần trong việc nói lời thóa mạ, dự phần trong cuộc trò chuyện nhàn rỗi vô ích, có sự tham ái, giữ ở trong tâm ý tưởng cừu hận và có những kiến giải sai lầm (*Tà Kiến*). Thế nhưng vị ấy cho thức ăn, đồ uống, vải vóc, những xe cộ, các vòng tràng hoa, những hương liệu, các phấn sáp, giường nằm, trú xứ và đèn đuốc đến những vị tể hành hoặc các bậc hảo trầm tư giả. Khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục **trong quần thể của những con voi**. Nơi đó vị ấy đón nhận thức ăn, đồ uống, các bông hoa và các loại trang sức khác. Đó là vì vị ấy đã đoạt lấy sinh mạng, đã lấy điều mà đã không được cho, đã dự phần trong tính dục tà hạnh, đã dự phần trong việc nói lời dối trá, đã dự phần trong việc nói lời gây chia rẽ, đã dự phần trong việc nói lời thóa mạ, đã dự phần trong cuộc trò chuyện nhàn rỗi vô ích, đã có sự tham ái, đã giữ ở trong tâm ý tưởng cừu hận và đã có những kiến giải sai lầm (*Tà Kiến*) mà qua đó vị ấy tái tục ở **trong quần thể của những con voi**. Thế nhưng, đó là vì vị ấy đã cho thức ăn, đồ uống, vải vóc, những xe cộ, các vòng tràng hoa, những

hương liệu, các phần sáp, giường nằm, trú xứ và đèn đuốc đến những vị tế hành hoặc các bậc hảo trầm tư giả mà qua đó vị ấy đón nhận thức ăn, đồ uống, các bông hoa và các loại trang sức khác.”

*“Then there is the case where a certain person takes life... has wrong views. But he gives food... lamps to priests and contemplatives. With the break - up of the body, after death, he reappears **in the company of horses... in the company of cattle... in the company of poultry.** There he receives food, drink, flowers, and various ornaments (2) It’s because he took life... and had wrong views that he reappears **in the company of poultry.** But it’s because he gave food, drink... and lamps to priests and contemplatives that he receives food, drink, flowers and various ornaments.*

“Thế rồi có trường hợp nơi mà một người nào đó đoạt lấy sinh mạng, lấy điều mà đã không được cho, dự phần trong tính dục tà hạnh, dự phần trong việc nói lời dối trá, dự phần trong việc nói lời gây chia rẽ, dự phần trong việc nói lời thóa mạ, dự phần trong cuộc trò chuyện nhàn rỗi vô ích, có sự tham ái, giữ ở trong tâm ý tưởng cừu hận và có những kiến giải sai lầm (*Tà Kiến*). Thế nhưng vị ấy cho thức ăn, đồ uống, vải vóc, những xe cộ, các vòng tràng hoa, những hương liệu, các phần sáp, giường nằm, trú xứ và đèn đuốc đến những vị tế hành hoặc các bậc hảo trầm tư giả. Khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục **trong quần thể của những con ngựa....**

“Có trường hợp nơi mà một người nào đó đoạt lấy sinh mạng, lấy điều mà đã không được cho, dự phần trong tính dục tà hạnh, dự phần trong việc nói lời dối trá, dự phần trong việc nói lời gây chia rẽ, dự phần trong việc nói lời thóa mạ, dự phần trong cuộc trò chuyện nhàn rỗi vô ích, có sự tham ái, giữ ở trong tâm ý tưởng cừu hận và có những kiến giải sai lầm (*Tà Kiến*). Thế nhưng vị ấy cho thức ăn, đồ uống, vải vóc, những xe cộ, các vòng tràng hoa, những hương liệu, các phần sáp, giường nằm, trú xứ và đèn đuốc đến những vị tế hành hoặc các bậc hảo trầm tư giả. Khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục **trong quần thể của những loài trâu bò...**

“Có trường hợp nơi mà một người nào đó đoạt lấy sinh mạng, lấy điều mà đã không được cho, dự phần trong tính dục tà hạnh, dự phần trong việc nói lời dối trá, dự phần trong việc nói lời gây chia rẽ, dự phần trong việc nói lời thóa mạ, dự phần trong cuộc trò chuyện nhàn rỗi vô

ích, có sự tham ái, giữ ở trong tâm ý tưởng cừu hận và có những kiến giải sai lầm (*Tà Kiến*). Thế nhưng vị ấy cho thức ăn, đồ uống, vải vóc, những xe cộ, các vòng tràng hoa, những hương liệu, các phấn sáp, giường nằm, trú xứ và đèn đuốc đến những vị tể hành hoặc các bậc hảo trầm tư giả. Khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục **trong quần thể của những loài gia cầm** (2). Đó là vì vị ấy đã đoạt lấy sinh mạng, đã lấy điều mà đã không được cho, đã dự phần trong tính dục tà hạnh, đã dự phần trong việc nói lời dối trá, đã dự phần trong việc nói lời gây chia rẽ, đã dự phần trong việc nói lời thóa mạ, đã dự phần trong cuộc trò chuyện nhàn rỗi vô ích, đã có sự tham ái, đã giữ ở trong tâm ý tưởng cừu hận và đã có những kiến giải sai lầm (*Tà Kiến*) mà qua đó vị ấy tái tục ở **trong quần thể của những loài gia cầm**. Thế nhưng đó là vì vị ấy đã cho thức ăn, đồ uống, vải vóc, những xe cộ, các vòng tràng hoa, những hương liệu, các phấn sáp, giường nằm, trú xứ và đèn đuốc đến những vị tể hành hoặc các bậc hảo trầm tư giả mà qua đó vị ấy đón nhận thức ăn, đồ uống, các bông hoa và các loại trang sức khác.”

*“Then there is the case where a certain person refrains from taking life, refrains from taking what is not given, refrains from sexual misconduct, refrains from false speech, refrains from divisive speech, refrains from abusive speech, refrains from idle chatter, is not covetous, bears no ill will, and has right views. And he gives food, drink, cloth, vehicles, garlands, scents, creams, bed, lodging, and lamps to priests and contemplatives. With the break - up of the body, after death, he reappears **in the company of human beings**. There he experiences the five strings of human sensuality [delightful sights, sounds, smells, tastes, tactile sensations]. It’s because he refrained from taking what is not given, refrained from sexual misconduct, refrained from false speech, refrained from divisive speech, refrained from abusive speech, refrained from idle chatter, was not covetous, bore no ill will, and had right views that he reappears **in the company of human beings**. And it’s because he gave food, drink, cloth, vehicles, garlands, scents, creams, bed, lodging and lamps to priests and contemplatives that he experiences the five strings of **human sensuality**.*

“Thế rồi có trường hợp nơi mà một người nào đó tự kiểm thúc việc đoạt lấy sinh mạng, tự kiểm thúc việc lấy điều mà đã không được cho, tự kiểm thúc trong tính dục tà hạnh, tự kiểm thúc trong việc nói lời dối

trá, tự kiểm thúc trong việc nói lời gây chia rẽ, tự kiểm thúc trong việc nói lời thóa mạ, tự kiểm thúc trong cuộc trò chuyện nhàn rỗi vô ích, không có sự tham ái, không giữ ở trong tâm ý tưởng cừu hận và có những kiến giải chân chính (*Chính Kiến*). Và vị ấy cho thức ăn, đồ uống, vải vóc, những xe cộ, các vòng tràng hoa, những hương liệu, các phấn sáp, giường nằm, trú xứ và đèn đuốc đến những vị tể hành hoặc các bậc hảo trầm tư giả. Khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục **trong quần thể của Nhân Loại**. Nơi đó vị ấy trải nghiệm năm chuỗi **hoặc quan mãn túc** [*những cảnh sắc, những âm thanh, những mùi hơi, những hương vị, những cảm thọ xúc chạm thích thú*] thuộc về nhân loại. Đó là vì vị ấy đã tự kiểm thúc việc lấy điều mà đã không được cho, đã tự kiểm thúc trong tính dục tà hạnh, đã tự kiểm thúc trong việc nói lời dối trá, đã tự kiểm thúc trong việc nói lời gây chia rẽ, đã tự kiểm thúc trong việc nói lời thóa mạ, đã tự kiểm thúc trong cuộc trò chuyện nhàn rỗi vô ích, đã không có sự tham ái, đã không giữ ở trong tâm ý tưởng cừu hận và đã có những kiến giải chân chính (*Chính Kiến*) mà qua đó vị ấy tái tục **trong quần thể của Nhân Loại**. Và đó là vì vị ấy đã cho thức ăn, đồ uống, vải vóc, những xe cộ, các vòng tràng hoa, những hương liệu, các phấn sáp, giường nằm, trú xứ và đèn đuốc đến những vị tể hành hoặc các bậc hảo trầm tư giả mà qua đó vị ấy trải nghiệm năm chuỗi **hoặc quan mãn túc** [*những cảnh sắc, những âm thanh, những mùi hơi, những hương vị, những cảm thọ xúc chạm thích thú*] thuộc về nhân loại.

*“Then there is the case where a certain person refrains from taking life... and has right views. And he gives food, drink, cloth, vehicles, garlands, scents, creams, bed, lodging, and lamps to priests and contemplatives. With the break - up of the body, after death, he reappears **in the company of Devas**. There he experiences the five strings of divine **sensuality** [delightful sights, sounds, smells, tastes, tactile sensations]. It’s because he refrained from taking what is not given... and had right views that he reappears **in the company of Devas**. And it’s because he gave food, drink, cloth, vehicles, garlands, scents, creams, bed, lodging and lamps to priests and contemplatives that he experiences the five strings of divine sensuality. But at any rate, **Brahman**, the donor does not go without reward.”*

“Thế rồi có trường hợp nơi mà một người nào đó tự kiểm thúc việc đoạt lấy sinh mạng, tự kiểm thúc việc lấy điều mà đã không được cho,

tự kiểm thúc trong tính dục tà hạnh, tự kiểm thúc trong việc nói lời dối trá, tự kiểm thúc trong việc nói lời gây chia rẽ, tự kiểm thúc trong việc nói lời thóa mạ, tự kiểm thúc trong cuộc trò chuyện nhàn rỗi vô ích, không có sự tham ái, không giữ ở trong tâm ý tưởng cừu hận và có những kiến giải chân chính (*Chính Kiến*). Và vị ấy cho thức ăn, đồ uống, vải vóc, những xe cộ, các vòng tràng hoa, những hương liệu, các phấn sáp, giường nằm, trú xứ và đèn đuốc đến những vị tể hành hoặc các bậc hảo trầm tư giả. Khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục **trong quần thể của Chư Thiên**. Nơi đó, vị ấy trải nghiệm năm chuỗi **hoặc quan mãn túc** [*những cảnh sắc, những âm thanh, những mùi hơi, những hương vị, những cảm thọ xúc chạm thích thú*] thuộc về Chư Thiên. Đó là vì vị ấy đã tự kiểm thúc việc lấy điều mà đã không được cho, đã tự kiểm thúc trong tính dục tà hạnh, đã tự kiểm thúc trong việc nói lời dối trá, đã tự kiểm thúc trong việc nói lời gây chia rẽ, đã tự kiểm thúc trong việc nói lời thóa mạ, đã tự kiểm thúc trong cuộc trò chuyện nhàn rỗi vô ích, đã không có sự tham ái, đã không giữ ở trong tâm ý tưởng cừu hận và đã có những kiến giải chân chính (*Chính Kiến*) mà qua đó vị ấy tái tục **trong quần thể của Chư Thiên**. Và đó là vì vị ấy đã cho thức ăn, đồ uống, vải vóc, những xe cộ, các vòng tràng hoa, những hương liệu, các phấn sáp, giường nằm, trú xứ và đèn đuốc đến những vị tể hành hoặc các bậc hảo trầm tư giả mà qua đó vị ấy trải nghiệm năm chuỗi **hoặc quan mãn túc** [*những cảnh sắc, những âm thanh, những mùi hơi, những hương vị, những cảm thọ xúc chạm thích thú*] thuộc về Chư Thiên. Thế nhưng bằng với bất cứ giá nào, này Bà La Môn, vị quyền hiển giả không phải là không có sự tương lệ.”

“It’s amazing, Master **Gotama**, it’s astounding, how it’s enough to make one want to give a gift, enough to make one want to make an offering, where the donor does not go without reward.”

“That’s the way it is, **Brahman**. That’s the way it is. The donor does not go without reward.”

“Magnificent, Master **Gotama** ! Magnificent ! Just as if he were to place upright what was overturned, to reveal what was hidden, to show the way to one who was lost, or to carry a lamp into the dark so that those with eyes could see forms, in the same way has Master **Gotama**—through many lines of reasoning—made the **Dhamma** clear. I go to Master **Gotama** for refuge, to the **Dhamma**, and to the community

*of monks. May Master **Gotama** remember me as a lay follower who has gone to him for refuge, from this day forward, for life.”*

“Thật vi diệu thay, thưa Tôn Giả **Gotama**, thật là đáng kinh ngạc, rằng đó quả là đủ để khiến cho người ta muốn xả thí một vật thí, đủ để khiến người ta muốn thực hiện một sự cúng dường, nơi mà vị quyên hiến giả không phải là không có sự tưởng lệ.”

“Phương thức thì nó là như thế đấy, này Bà La Môn ! Phương thức thì nó là như thế đấy. Vị quyên hiến giả không phải là không có sự tưởng lệ.”

“Thật tuyệt diệu thay, thưa Tôn Giả **Gotama**, thật là tuyệt diệu ! Cũng như người dựng đứng lại những gì đã bị quăng xuống, phơi bày những gì đã bị che kín, chỉ đường cho người đã bị lạc hướng, hoặc đem đèn sáng vào trong bóng tối để mà những người có đôi mắt có thể nhìn thấy các hình thái; trong cùng phương thức, Tôn Giả **Gotama** – thông qua rất nhiều lý luận dẫn chứng – đã làm cho Chánh Pháp được rõ ràng. Con xin đi đến để được nương nhờ vào Tôn Giả **Gotama**, nương nhờ vào Giáo Pháp, nương nhờ vào Tăng Đoàn. Ước mong Tôn Giả **Gotama** ghi nhớ đến con là một môn đồ tại gia đã đi đến Ngài để được nương nhờ, kể từ ngày hôm nay trở đi, cho đến trọn đời.”

NOTES:

(1). *The **Vinaya** counts as one’s relatives all those related back through seven generations past one’s grandparents—in other words, all those descended from one’s great – great – great – great – great – great – great - grandparents.*

(2). *Apparently, “ornaments” for poultry would consist of brilliant plumage. Similarly, “ornaments” for elephants, horses, and cattle might consist of attractive markings. (AN X.# 177)*

Ghi chú:

(1) Tạng Luật kể những gia quyền của mình với tất cả những bậc đã có liên hệ qua bảy thế hệ tổ phụ trong quá khứ - nói một cách khác, tất cả những người có nguồn gốc từ những bảy đời tổ phụ [trong quan hệ gia đình cách từ thứ hai thế hệ (theo quan hệ gián tiếp) và ba thế hệ (theo quan điểm trực tiếp), chẳng hạn như là “*great grandfather*”: *có*, “*great grandson*”: *chất*.]

(2) Một cách hiển nhiên, “những trang sức” cho loài gia cầm sẽ bao gồm bộ lông vũ rực rỡ. Một cách tương tự, “những trang sức” cho

những loài voi, ngựa, và trâu bò sẽ bao gồm những ban điểm hấp dẫn. (Tăng Chi Bộ Kinh X.# 177)

*Then Venerable **Sāriputta**, together with the lay followers from **Campā**, went to the Blessed One and on arrival, having bowed down to him, sat to one side. As he was sitting there, he said to the Blessed One: “Might there be the case where a person gives a gift of a certain sort and it does not bear great fruit or great benefit, whereas another person gives a gift of the same sort and it bears great fruit and great benefit?”*

*“Yes, **Sāriputta**, there would....”*

“Why, Lord...?”

Thế rồi Trưởng Lão **Sāriputta**, cùng với các môn đồ tại gia từ thành phố **Campā**, đã đi đến Đức Thế Tôn và khi đến nơi, đã cúi đầu đánh lễ đến Ngài, đã ngồi sang một bên. Khi đã Ngài đã đang ngồi nơi đó, Ngài đã tác bạch đến Đức Thế Tôn: “Có thể có trường hợp nơi mà một người xả thí một thể loại vật thí nào đó, và nó không mang lại thành quả to lớn hoặc quả phúc lợi to lớn, trong khi đó một người khác xả thí một thể loại vật thí nào đó và nó mang lại thành quả to lớn và quả phúc lợi to lớn không ?

“Có, này **Sāriputta**, sẽ có có trường hợp nơi mà một người xả thí một thể loại vật thí nào đó, và nó không mang lại thành quả to lớn hoặc quả phúc lợi to lớn, trong khi đó một người khác xả thí một thể loại vật thí nào đó và nó mang lại thành quả to lớn và quả phúc lợi to lớn.”

“Vì sao, kính bạch Đức Thế Tôn, có trường hợp nơi mà một người xả thí một thể loại vật thí nào đó, và nó không mang lại thành quả to lớn hoặc quả phúc lợi to lớn, trong khi đó một người khác xả thí một thể loại vật thí nào đó và nó mang lại thành quả to lớn và quả phúc lợi to lớn ?”

*“**Sāriputta**, there is the case where a person gives a gift seeking his own profit, with a mind attached [to the reward], seeking to store up for himself [with the thought], ‘I’ll enjoy this after death.’ He gives his gift—food, drink, clothing, a vehicle; a garland, perfume, and ointment; bedding, shelter, and a lamp—to a priests or a contemplative. What do you think, **Sāriputta** ? Might a person give such a gift as this?”*

“Yes, Lord.”

“Này **Sāriputta**, có trường hợp nơi mà một người xả thí một vật thí đang khi mưu cầu lợi ích của chính mình, với một tâm thức đã dính

mắc [đến sự tương lệ], đang khi mưu cầu để tích trữ cho bản thân mình [với sự nghĩ suy] “Ta sẽ thụ hưởng điều này sau khi đã tử vong.” Vị ấy xả thí vật thí của mình – thức ăn, đồ uống, y phục, xe cộ; một vòng tràng hoa, hương thơm và mỹ phẩm; giường nằm, trú xứ và đèn đuốc – đến những vị tể hành hoặc các bậc hảo tâm tư giả. Người nghĩ thế nào, này **Sāriputta** ? Có thể có một người xả thí một vật thí như thế này chăng ?

“Dạ có, kính bạch Đức Thế Tôn.”

“Having given this gift seeking his own profit—with a mind attached [to the reward], seeking to store up for himself, [with the thought], ‘I’ll enjoy this after death’—on the break - up of the body, after death, he reappears in the company of the Four Great Kings. Then, having exhausted that action, that power, that status, that sovereignty, he is a Returner, coming back to this world.

“Khi đã xả thí một vật thí đang khi mưu cầu lợi ích của chính mình, với một tâm thức đã dính mắc [đến sự tương lệ], đang khi mưu cầu để tích trữ cho bản thân mình [với sự nghĩ suy] “Ta sẽ thụ hưởng điều này sau khi đã tử vong”- đến khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục **trong quần thể của Tứ Đại Thiên Vương**. Thế rồi, khi đã cạn kiệt tác hành ấy, năng lực ấy, trạng thái ấy, chí cao vô thượng quyền lực ấy, vị ấy là một Phản Hồi Giả, sẽ quay trở lại thế gian này.

*“Then there is the case of a person who gives a gift not seeking his own profit, not with a mind attached [to the reward], not seeking to store up for himself, nor [with the thought], ‘I’ll enjoy this after death.’ Instead, he gives a gift with the thought, ‘Giving is good.’ He gives his gift—food, drink, clothing, a vehicle; a garland, perfume, and ointment; bedding, shelter, and a lamp—to a priests or a contemplative. What do you think, **Sāriputta** ? Might a person give such a gift as this ?”*

“Yes, Lord.”

“Thế rồi có trường hợp của một người xả thí một vật thí đang khi bất mưu cầu lợi ích của chính mình, với một tâm thức đã không có dính mắc [đến sự tương lệ], đang khi bất mưu cầu để tích trữ cho bản thân mình mà cũng không [với sự nghĩ suy] “Ta sẽ thụ hưởng điều này sau khi đã tử vong.” Thay vào đó vị ấy xả thí vật thí với sự nghĩ suy rằng: “Việc cho ra là thiện hảo.” Vị ấy xả thí vật thí của mình - thức ăn, đồ uống, y phục, xe cộ; một vòng tràng hoa, hương thơm và mỹ phẩm;

giường nằm, trú xứ và đèn đuốc – đến những vị tể hành hoặc các bậc hảo trầm tư giả. Người nghĩ thế nào, này **Sāriputta** ? Có thể có một người xả thí một vật thí như thế này chăng ?

“Dạ có, kính bạch Đức Thế Tôn.”

*“Having given this gift with the thought, ‘Giving is good,’ on the break - up of the body, after death, he reappears in **the company of the Devas of the Thirty - three**. Then, having exhausted that action, that power, that status, that sovereignty, he is a Returner, coming back to this world.*

“Khi đã xả thí vật thí này với sự nghĩ suy rằng: “Việc cho ra là thiện hảo,” đến khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục **trong quần thể của Cõi Chúng Thiên Tam Thập Tam (Đao Lợi Thiên)**. Thế rồi, khi đã cạn kiệt tác hành ấy, năng lực ấy, trạng thái ấy, chí cao vô thượng quyền lực ấy, vị ấy là một Phán Hồi Giả, sẽ quay trở lại thế gian này.

*“Or, instead of thinking, ‘Giving is good,’ he gives a gift with the thought, ‘This was given in the past, done in the past, by my father and grandfather. It would not be right for me to let this old family custom be discontinued’ ... on the break - up of the body, after death, he reappears in **the company of the Devas of the Hours**. Then, having exhausted that action, that power, that status, that sovereignty, he is a Returner, coming back to this world.*

“Hoặc, thay vì nghĩ suy rằng: “Việc cho ra là thiện hảo,” vị ấy xả thí một vật thí với sự nghĩ suy rằng “Điều này đã được Tổ Phụ Ta xả thí ở trong quá khứ, đã được thực hiện ở trong quá khứ. Sẽ là bất chính đối với Ta để cho tập tục cổ truyền này của gia đình mình bị ngưng lại”... đến khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục **trong quần thể của Cõi Chúng Thiên Ngập Trường Thời Gian (Dạ Ma Thiên)**. Thế rồi, khi đã cạn kiệt tác hành ấy, năng lực ấy, trạng thái ấy, chí cao vô thượng quyền lực ấy, vị ấy là một Phán Hồi Giả, sẽ quay trở lại thế gian này.

“Or, instead of thinking, ‘Giving is good,’ he gives a gift with the thought, ‘I am well - off. These are not well - off. It would not be right for me, being well - off, not to give a gift to those who are not well - off’

... on the break - up of the body, after death, he reappears **in the company of the Contented Devas**. Then, having exhausted that action, that power, that status, that sovereignty, he is a Returner, coming back to this world.

“Hoặc, thay vì nghĩ suy rằng: “Việc cho ra là thiện hảo,” vị ấy xả thí một vật thí với sự nghĩ suy rằng “Ta thì sung túc. Những người này thì không có đầy đủ. Sẽ là bất chính đối với Ta, là hữu tình sung túc, mà không có xả thí một vật thí đến những người ấy, họ thì không có được đầy đủ”... đến khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục **trong quần thể của Cõi Chúng Thiên Duyệt Ý (Đâu Xuất Đà Thiên)**. Thế rồi, khi đã cạn kiệt tác hành ấy, năng lực ấy, trạng thái ấy, chí cao vô thượng quyền lực ấy, vị ấy là một Phán Hồi Giả, sẽ quay trở lại thế gian này.

“Or, instead of thinking, ‘Giving is good,’ he gives a gift with the thought, ‘Just as there were the great sacrifices of the sages of the past—**Atthaka, Vamaka, Vamadeva, Vessamitta, Yamataggi, Angirasa, Bharadvaja, Vasettha, Kassapa and Bhagu**—in the same way will this be my distribution of gifts’ ... on the break - up of the body, after death, he reappears **in the company of the Devas who delight in creation**. Then, having exhausted that action, that power, that status, that sovereignty, he is a Returner, coming back to this world.

“Hoặc, thay vì nghĩ suy rằng: “Việc cho ra là thiện hảo,” vị ấy xả thí một vật thí với sự nghĩ suy rằng: “Cũng như có những đại lễ hiến tế của các bậc duệ trí ở trong quá khứ - **Atthaka, Vamaka, Vamadeva, Vessamitta, Yamataggi, Angirasa, Bharadvaja, Vasettha, Kassapa và Bhagu**—trong cùng phương thức, đây sẽ là sự phân phát các vật thí của Ta”... đến khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục **trong quần thể của Cõi Chúng Thiên Khoái Lạc Trong Sự Sáng Tạo (Hóa Lạc Thiên)**. Thế rồi, khi đã cạn kiệt tác hành ấy, năng lực ấy, trạng thái ấy, chí cao vô thượng quyền lực ấy, vị ấy là một Phán Hồi Giả, sẽ quay trở lại thế gian này.

“Or, instead of thinking, ‘Giving is good,’ he gives a gift with the thought, ‘When this gift of mine is given, it makes the mind serene. Gratification and joy arise’ ... on the break-up of the body, after death, he reappears **in the company of the Devas who have power over the**

creations of others. Then, having exhausted that action, that power, that status, that sovereignty, he is a Returner, coming back to this world.

“Hoặc, thay vì nghĩ suy rằng: “Việc cho ra là thiện hảo,” vị ấy xả thí một vật thí với sự nghĩ suy rằng: “Khi vật thí này của Ta đã được cho ra, nó làm cho tâm thức được thanh thản. Sự mãn ý và hân hoan duyệt ý khởi sinh lên”... đến khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục **trong quần thể của Cõi Chúng Thiên Có Quyền Lực Hơn Đối Với Sự Sáng Tạo Của Chúng Thiên Khác (Tha Hóa Tự Tại Thiên)**. Thế rồi, khi đã cạn kiệt tác hành ấy, năng lực ấy, trạng thái ấy, chí cao vô thượng quyền lực ấy, vị ấy là một Phản Hồi Giả, sẽ quay trở lại thế gian này.

*“Or, instead of thinking, ‘When this gift of mine is given, it makes the mind serene. Gratification and joy arise,’ he gives a gift with the thought, ‘This is an ornament for the mind, a support for the mind.’ He gives his gift—food, drink, clothing, a vehicle; a garland, perfume, and ointment; bedding, shelter, and a lamp—to a priests or a contemplative. What do you think, **Sāriputta** ? Might a person give such a gift as this?”*

“Yes, Lord.”

“Hoặc, thay vì nghĩ suy rằng: “Khi vật thí này của Ta đã được cho ra, nó làm cho tâm thức được thanh thản. Sự mãn ý và hân hoan duyệt ý khởi sinh lên,” vị ấy xả thí một vật thí với sự nghĩ suy rằng: “Đây là một sự trang sức cho tâm thức, một sự hỗ trợ cho tâm thức.” Vị ấy xả thí vật thí của mình - thức ăn, đồ uống, y phục, xe cộ; một vòng tràng hoa, hương thơm và mỹ phẩm; giường nằm, trú xứ và đèn đuốc – đến những vị tể hành hoặc các bậc hảo tâm tư giả. Người nghĩ thế nào, này **Sāriputta** ? Có thể có một người xả thí một vật thí như thế này chăng ?

“Dạ có, kính bạch Ngài.”

“Having given this, not seeking his own profit, not with a mind attached [to the reward], not seeking to store up for himself, nor [with the thought], ‘I’ll enjoy this after death,’

—nor with the thought, ‘Giving is good,’

—nor with the thought, ‘This was given in the past, done in the past, by my father and grandfather. It would not be right for me to let this old family custom be discontinued,’

“Khi đã xả thí điều này, mà bất mưu cầu lợi ích của chính mình, không có với một tâm thức đã dính mắc [đến sự tưởng lệ], đang khi bất

muu cầu để tích trữ cho bản thân mình mà cũng không [với sự nghĩ suy]
 “Ta sẽ thụ hưởng điều này sau khi đã tử vong,”

- mà cũng không với sự nghĩ suy rằng: “Việc cho ra là thiện hảo,”

- mà cũng không với sự nghĩ suy rằng: “Điều này đã được Tổ Phụ Ta xả thí ở trong quá khứ, đã được thực hiện ở trong quá khứ. Sẽ là bất chính đối với Ta để cho tập tục cổ truyền này của gia đình mình bị ngưng lại”

—nor with the thought, ‘I am well - off. These are not well - off. It would not be right for me, being well - off, not to give a gift to those who are not well - off,’ nor with the thought, ‘Just as there were the great sacrifices of the sages of the past—**Atthaka, Vamaka, Vamadeva, Vessamitta, Yamadaggi, Angirasa, Bharadvaja, Vasettha, Kassapa and Bhagu**—in the same way this will be my distribution of gifts,’

—nor with the thought, ‘When this gift of mine is given, it makes the mind serene. Gratification and joy arise,’

—but with the thought, ‘This is an ornament for the mind, a support for the mind’—on the break - up of the body, after death, he reappears **in the company of Brahma’s Retinue**. Then, having exhausted that action, that power, that status, that sovereignty, he is a Non - Returner. He does not come back to this world.

“This, **Sāriputta**, is the cause, this is the reason, why a person gives a gift of a certain sort and it does not bear great fruit or great benefit, whereas another person gives a gift of the same sort and it bears great fruit and great benefit.” (AN VII.# 49)

- mà cũng không với sự nghĩ suy rằng: “Ta thì sung túc. Những người này thì không có đầy đủ. Sẽ là bất chính đối với Ta, là hữu tình sung túc, mà không có xả thí một vật thí đến những người ấy, họ thì không có được đầy đủ,”

- mà cũng không với sự nghĩ suy rằng: “Cũng như có những đại lễ hiến tế của các bậc duệ trí ở trong quá khứ - **Atthaka, Vamaka, Vamadeva, Vessamitta, Yamadaggi, Angirasa, Bharadvaja, Vasettha, Kassapa** và **Bhagu**—trong cùng phương thức, đây sẽ là sự phân phát các vật thí của Ta,”

- mà cũng không với sự nghĩ suy rằng: “Khi vật thí này của Ta đã được cho ra, nó làm cho tâm thức được thanh thản. Sự mãn ý và hân hoan duyệt ý khởi sinh lên,”

– mà với sự nghĩ suy rằng: “Đây là một sự trang sức cho tâm thức, một sự hỗ trợ cho tâm thức”- đến khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục **trong quần thể của Cõi Phạm Phụ Thiên**. Thế rồi, khi đã cạn kiệt tác hành ấy, năng lực ấy, trạng thái ấy, chí cao vô thượng quyền lực ấy, vị ấy là một Bất Phản Hồi Giả (*Bạc Quả Bất Lai*). Vị ấy không có quay trở lại thế gian này.

“Này **Sāriputta**, đây là nguyên nhân, đây là lý do, vì sao một người xả thí một thể loại vật thí nào đó, và nó không mang lại thành quả to lớn hoặc quả phúc lợi to lớn, trong khi đó một người khác xả thí một thể loại vật thí nào đó và nó mang lại thành quả to lớn và quả phúc lợi to lớn.” (Tăng Chi Bộ Kinh VII. # 49)

“These five are a person of integrity’s gifts. Which five ? A person of integrity gives a gift with a sense of conviction. A person of integrity gives a gift attentively. A person of integrity gives a gift in season. A person of integrity gives a gift with an empathetic heart. A person of integrity gives a gift without adversely affecting himself or others.

“Đây là năm thể thức của một người chính trực với những vật thí. Thế nào là năm ? Một người chính trực xả thí một vật thí với một ý thức kiên định tín niệm. Một người chính trực xả thí một vật thí một cách ân cần. Một người chính trực xả thí một vật thí trong mùa nào thức nấy. Một người chính trực xả thí một vật thí với một trái tim đồng cảm. Một người chính trực xả thí một vật thí mà không làm ảnh hưởng một cách bất lợi đến bản thân mình hoặc đến tha nhân.

“Having given a gift with a sense of conviction, he—wherever the result of that gift ripens—is rich, with much wealth, with many possessions. And he is well - built, handsome, extremely inspiring, endowed with a lotus - like complexion.

“Khi đã xả thí một vật thí với một ý thức kiên định tín niệm, vị ấy – bất luận nơi nào kết quả của vật thí ấy đã trở nên chín muồi – thì được giàu có, với lắm của cải, với nhiều tài sản. Và vị ấy thì cường kiện, anh tuấn, một cách vô cùng khai phát linh cảm, được hội đủ phúc duyên với một dung sắc như hoa sen.

“Having given a gift attentively, he—wherever the result of that gift ripens —is rich, with much wealth, with many possessions. And his

children, wives, slaves, servants, and workers listen carefully to him, lend him their ears, and serve him with understanding hearts.

“Khi đã xả thí một vật thí một cách ân cần, vị ấy – bất luận nơi nào kết quả của vật thí ấy đã trở nên chín muồi – thì được giàu có, với lắm của cải, với nhiều tài sản. Và những người con, các bà vợ, những nô tì, các dụng nhân và các nhân công chú ý nghe vị ấy một cách cẩn trọng, lắng tai để nghe vị ấy và phục vụ vị ấy với thâm tâm hiểu biết.

“Having given a gift in season, he—wherever the result of that gift ripens—is rich, with much wealth, with many possessions. And his goals are fulfilled in season.

“Khi đã xả thí một vật thí trong mùa nào thức nấy, vị ấy – bất luận nơi nào kết quả của vật thí ấy đã trở nên chín muồi – thì được giàu có, với lắm của cải, với nhiều tài sản. Và những mục tiêu của vị ấy được hoàn thành viên mãn đúng thời vụ.

“Having given a gift with an empathetic heart, he—wherever the result of that gift ripens—is rich, with much wealth, with many possessions. And his mind inclines to the enjoyment of the five strings of lavish sensuality.

“Khi đã xả thí một vật thí với một trái tim đồng cảm, vị ấy – bất luận nơi nào kết quả của vật thí ấy đã trở nên chín muồi – thì được giàu có, với lắm của cải, với nhiều tài sản. Và tâm thức của vị ấy thiên hướng đến việc thụ hưởng một cách hào phóng về năm chuỗi **hoặc quan mãn túc** [những cảnh sắc, những âm thanh, những mùi hơi, những hương vị, những cảm thọ xúc chạm thích thú] thuộc về nhân loại.

“Having given a gift without adversely affecting himself or others, he—wherever the result of that gift ripens—is rich, with much wealth, with many possessions. And not from anywhere does destruction come to his property—whether from fire, from water, from kings, from thieves, or from hateful heirs.

“These five are a person of integrity’s gifts.” (AN V.# 148)

“Khi đã xả thí một vật thí mà không làm ảnh hưởng một cách bất lợi đến bản thân mình hoặc đến tha nhân, vị ấy - bất luận nơi nào kết quả của vật thí ấy đã trở nên chín muồi – thì được giàu có, với lắm của cải, với nhiều tài sản. Và không có sự tai họa bất luận từ nơi nào đi đến tàn

phá tài sản của vị ấy – cho dù là từ nơi hỏa tai, từ nơi thủy tai, từ nơi các vị vua chúa, từ nơi những bọn đạo tặc, hoặc từ những người thừa kế đáng ghét.

“Đây là năm thể thức của một người chính trực với những vật thí.
(Tăng Chi Bộ Kinh V. #148)

“There are these five seasonable gifts. Which five ? One gives to a newcomer. One gives to one going away. One gives to one who is ill. One gives in time of famine. One sets the first fruits of field and orchard in front of those who are virtuous. These are the five seasonable gifts.”

“Có năm vật thí đúng thời. Thế nào là năm ? Người ta xả thí đến một người mới tới. Người ta xả thí đến một người sắp đi xa. Người ta xả thí đến một người bị bệnh. Người ta xả thí trong thời gian của nạn đói khát. Người ta sắp bày những trái quả đầu tiên của cánh đồng và vườn cây ăn trái ở phía trước các bậc phẩm đức cao thượng. Đây là năm vật thí đúng thời.”

*In the proper season they give—
those with discernment,
responsive, free from stinginess.
Having been given in proper season,
with hearts inspired by the Noble Ones
—straightened, Such—
their offering bears an abundance.
Those who rejoice in that gift
or give assistance,
they, too, have a share of the merit,
and the offering isn't depleted by that.
So, with an unhesitant mind,
one should give where the gift bears great fruit.
Merit is what establishes
living beings in the next life. (AN V.# 36)*

Có Trí, Thí đúng thời,
Lời Từ Ái, không Tham,
Đúng thời, thì Bậc Thánh,
Bậc Chánh Trực, Đức Thế Tôn.
Cúng dường vậy to lớn,

Đưa đến lòng tịnh tín,
 Ở đây người tùy hỷ.
 Cùng người làm Nghiệp vụ.
 Không ai thiếu cúng dường,
 Họ san sẻ công đức,
 Do vậy hãy xả thí,
 Với Tâm không hạn chế,
 Chỗ nào với xả thí,
 Đưa đến kết quả lớn,
 Đối với các hữu hình,
 Công đức được an lập,
 Cho đến trong đời sau. (Tăng Chi Bộ Kinh V.# 36)

So Prince **Pāyāsi** established a donation for **Brahmans**, contemplatives, indigents, hoboos, paupers and beggars. And in that donation he gave food of this sort: unhusked rice porridge together with pickle brine. And he gave rough cloth with knotted fringe. Now a **Brahman** youth named **Uttāra** was the superintendent of that donation. As he was giving the donation he dedicated it in this way: “Through this donation may I be associated with Prince **Pāyāsi** in this life, but not in the next.” Prince **Pāyāsi** heard that **Uttāra**, when giving the donation, dedicated it in this way: “Through this donation may I be associated with Prince **Pāyāsi** in this life, but not in the next.” So, having summoned him, he said to him, “Is it true, dear boy, that when giving the donation you dedicated in this way: ‘Through this donation may I be associated with Prince **Pāyāsi** in this life, but not in the next’?”

“Yes, Sir.”

Thế là Thái Tử **Pāyāsi** đã thiết lập sự quyên tặng vật cho các vị Bà La Môn, những bậc hảo tâm tư giả, những bần dân, các vị lưu lã giả, những cùng nhân và những hàng khát cái. Và trong sự quyên tặng vật ấy, Ngài đã cho thể loại thực phẩm như sau: cháo yền mạch với gạo đã xay và ngâm ở trong nước muối. Và Ngài đã ban phát vải thô với nút thắt viền xung quanh. Bấy giờ một thanh niên Bà La Môn có tên gọi **Uttāra** đã là chủ quản nhân của việc quyên tặng vật ấy. Trong khi vị ấy đang ban phát sự quyên tặng vật, vị ấy đã phụng hiến ở tâm linh trong công việc ấy bằng với phương thức như sau: “Do bởi việc quyên tặng vật này, ước mong Tôi được câu hành với Thái Tử **Pāyāsi** ở trong kiếp

sống này, nhưng mà không có ở trong kiếp sống kế tiếp.” Thái Tử **Pāyāsi** đã nghe rằng **Uttāra**, trong khi đang ban phát việc quyên tặng vật, đã phụng hiến ở tâm linh trong công việc ấy bằng với phương thức như sau: “Do bởi việc quyên tặng vật này, ước mong Tôi được câu hành với Thái Tử **Pāyāsi** ở trong kiếp sống này, nhưng mà không có ở trong kiếp sống kế tiếp.” Vì thế, sau khi đã triệu tập vị ấy, Ngài đã nói với anh ta: “Có quả thật chẳng, này chàng trai thân yêu, rằng trong khi đang ban phát việc quyên tặng vật, người đã phụng hiến ở tâm linh trong phương thức như sau: “Do bởi việc quyên tặng vật này, ước mong Tôi được câu hành với Thái Tử **Pāyāsi** ở trong kiếp sống này, nhưng mà không có ở trong kiếp sống kế tiếp.”?

“Dạ có, kính bạch Ngài.”

“But why do you dedicate it in this way...? Don't we who wish to gain merit hope for the fruit of our donation ?”

“But, Sir, the food in the donation is like this: unhusked rice porridge together with pickle brine. You wouldn't want to touch it with your foot, much less eat it. And the rough cloth with knotted fringe: You wouldn't want to touch it with your foot, much less wear it. You are dear and charming to us, so how can we connect what is dear and charming with what is not charming?” “Then in that case, my dear boy, establish [a donation with] the sort of food that I eat and the sort of cloth that I wear.”

“Nhưng vì sao người phụng hiến ở tâm linh trong công việc ấy bằng với phương thức như vậy...? Không phải chúng ta, là những người mong cầu thiện công đức hy vọng rằng việc quyên tặng vật của chúng ta cho trở sinh kết quả tốt đẹp sao ?”

“Nhưng mà, kính bạch Ngài, thực phẩm trong việc quyên tặng vật thì như thế này: cháo yến mạch với gạo đã xay và ngâm ở trong nước muối. Ngài sẽ chẳng muốn với bàn chân của Ngài để đụng chạm vào nó, huống hồ là thọ lấy thực phẩm ấy. Và vải thô với nút thắt viền xung quanh: Ngài sẽ chẳng muốn với bàn chân của Ngài để đụng chạm vào nó, huống hồ là vận mặc lấy nó. Ngài là bậc trân ái và là bậc mê nhân đối với chúng tôi, vậy thì làm thế nào chúng ta có thể câu hành tương ứng với điều mà trân ái và mê nhân với điều mà bất trân ái và bất mê nhân được ?

“Thế thì trong trường hợp như thế ấy, này chàng trai thân yêu, hãy thiết lập [một quyên tặng vật] với thể loại thực phẩm mà Ta thọ thực và thể loại vải vóc mà Ta vận mặc.”

Responding, “Yes, Sir,” Uttāra the Brahman youth established [a donation with] the sort of food that Prince Pāyāsi ate and the sort of cloth that Prince Pāyāsi wore. Then Prince Pāyāsi —having given the donation inattentively, having given the donation not with his own hand, having given the donation thoughtlessly, having given the donation as if he were throwing it away—on the break - up of the body, after death, reappeared in the company of the devas of the Four Great Kings in the empty Serisaka palace. But Uttāra, the Brahman youth who was the superintendent of the donation—having given the donation attentively, having given the donation with his own hand, having given the donation thoughtfully, having given the donation not as if he were throwing it away—on the break - up of the body, after death, reappeared in a good destination, a heavenly world, in the company of the [higher] Devas of the Thirty - three.

(DN # 23)

Đáp lời: “Dạ vâng, kính bạch Ngài.” Nam thanh niên Bà La Môn Uttāra đã thiết lập [một quyên tặng vật] với thể loại thực phẩm mà Thái Tử Pāyāsi đã thọ thực và thể loại vải vóc mà Thái Tử Pāyāsi đã vận mặc. Thế rồi, Thái Tử Pāyāsi – sau khi đã ban phát việc quyên tặng vật một cách bất chú ý, sau khi đã ban phát việc quyên tặng vật không bởi chính bàn tay của mình, sau khi đã ban phát việc quyên tặng vật một cách bất khảo lự, sau khi đã ban phát việc quyên tặng vật y như thể Ngài đã liệng ném nó đi - đến khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy đã tái tục **trong quần thể Chúng Thiên của Tứ Đại Thiên Vương**, ngự trong tòa thiên cung trống không Serisaka. Trái lại, nam thanh niên Bà La Môn Uttāra là chủ quản nhân của việc quyên tặng vật ấy – sau khi đã ban phát việc quyên tặng vật một cách chú ý, sau khi đã ban phát việc quyên tặng vật bằng chính bàn tay của mình, sau khi đã ban phát việc quyên tặng vật một cách thâm tư thực lự, sau khi đã ban phát việc quyên tặng vật không như thể vị ấy đã liệng ném nó đi - đến khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy đã tái tục ở trong một Thiên Thú, một Cõi Thiên Giới, **trong quần thể Chúng Thiên [cao hơn] của Tam Thập Tam (Đao Lợi Thiên)**. (Trường Bộ Kinh # 23)

“And how is a donation endowed with six factors ? There is the case where the donor has three factors and the recipients have three. And which are the donor’s three factors. There is the case where the donor, before giving, is **happy**. While giving his/her mind is **clear and confident**. After giving, he/she is **gratified**. There are the donor’s three factors. And which are the recipients’ three factors ? There is the case where the recipients are free from **passion** or are practicing for the subduing of **passion**; they are free of **aversion** or are practicing for the subduing of **aversion**; they are free of **delusion** or are practicing for the subduing of **delusion**. These are the recipients’ three factors.... Now, it is not easy to take the measure of the merit of a donation thus endowed with six factors as ‘just this much **bonanza of Merit, bonanza of Skillfulness, nourishment of Bliss**, heavenly, ripening in bliss leading to heaven, leading to what is agreeable, pleasing, charming, happy and beneficial.’ It is reckoned simply as a great mass of merit that is unreckonable, immeasurable.

“Và thế nào là việc quyên tặng vật đã hội đủ phúc duyên với sáu yếu tố ? Có trường hợp nơi mà vị thí chủ đã hội đủ ba yếu tố và những thụ thí giả đã hội đủ ba yếu tố. Và những chi là ba yếu tố của vị thí chủ? Có trường hợp nơi mà vị thí chủ, trước khi cho ra, thì **an lạc**. Trong khi đang cho ra thì tâm thức của ông ấy / bà ấy **thanh tịnh và tín thành**. Sau khi đã cho ra, ông ấy / bà ấy đã được **mãn ý**. Đây là ba yếu tố của vị thí chủ. Và những chi là ba yếu tố của những thụ thí giả ? Có trường hợp nơi mà những thụ thí giả không có **sự khốc ái** hoặc đang thực hành để khắc phục **sự khốc ái**; họ không có **sự ác cảm** hoặc đang thực hành để khắc phục **sự ác cảm**; họ không có **sự si mê** hoặc đang thực hành để khắc phục **sự si mê**. Đây là ba yếu tố của những thụ thí giả...Bây giờ, thật là không dễ dàng để đo lường được về Thiên Công Đức của việc quyên tặng vật đã hội đủ phúc duyên với sáu yếu tố như thế vì “chính điều này **hoạch lợi phong hậu rất nhiều Thiên Công Đức, hoạch lợi phong hậu về Sự Thiện Xảo, bồi dưỡng Sự Tĩnh Lạc**, thuộc Thiên Giới, thành thực trong sự tĩnh lạc đưa đến Thiên Giới, dắt dẫn đến điều mà thân thiết hữu thiện, duyệt ý, mê nhân, an lạc và quả phúc lợi.” Một cách đơn giản nó được coi như là một khối lượng thiện công đức mà bất khả bàn toán, bất khả hạn lượng.

*“Just as it is not easy to take the measure of the water in the great ocean as ‘just this many pails of water or hundreds of pails of water or thousands of pails of water or hundreds of thousands of pails of water.’ It is reckoned simply as a great mass of water that is unreckonable, immeasurable. In the same way, it is not easy to take the measure of the merit of a donation thus endowed with six factors as ‘just this much **bonanza of Merit, bonanza of Skillfulness, nourishment of Bliss, heavenly, ripening in bliss leading to heaven, leading to what is agreeable, pleasing, charming, happy, and beneficial.**’ It is reckoned simply as a great mass of merit that is unreckonable, immeasurable.” (AN VI.# 37)*

“Cũng như thật là không dễ dàng để đo lường được lượng nước ở trong đại dương vì “chính điều này phải rất nhiều thùng nước, hoặc hàng trăm thùng nước, hoặc hàng ngàn thùng nước, hoặc hàng trăm ngàn thùng nước.” Một cách đơn giản nó được coi như là một khối lượng to lớn về nước mà bất khả bàn toán, bất khả hạn lượng. Trong cùng phương thức, thật là không dễ dàng để đo lường được về Thiên Công Đức của việc quyên tặng vật đã hội đủ phúc duyên với sáu yếu tố như thế vì “chính điều này **hoạch lợi phong hậu rất nhiều Thiên Công Đức, hoạch lợi phong hậu về Sự Thiện Xảo, bồi dưỡng Sự Tĩnh Lạc**, thuộc Thiên Giới, thành thực trong sự tĩnh lạc đưa đến Thiên Giới, dắt dẫn đến điều mà thân thiết hữu thiện, duyệt ý, mê nhân, an lạc và quả phúc lợi.” Một cách đơn giản nó được coi như là một khối lượng Thiên Công Đức mà bất khả bàn toán, bất khả hạn lượng.” (Tăng Chi Bộ Kinh VI. # 37)

*Then King **Pasenadi Kosala** went to the Blessed One in the middle of the day and, on arrival, having bowed down to the Blessed One, sat to one side. As he was sitting there the Blessed One said to him, “Well now, great king, where are you coming from in the middle of the day?”*

*“Just now, Lord, a money - lending householder died in **Sāvatthi**. I have come from conveying his heirless fortune to the royal palace: ten million in silver, to say nothing of the gold. But even though he was a money - lending householder, his enjoyment of food was like this: he ate broken rice and pickle brine. His enjoyment of clothing was like this: he wore three lengths of hempen cloth. His enjoyment of a vehicle was like this: he rode in a dilapidated little cart with an awning of leaves.”*

“Thế rồi Đức Vua **Pasenadi** Xứ **Kosala** đã đi đến Đức Thế Tôn vào giữa trưa và, khi đến nơi, đã cúi đầu đánh lễ đến Đức Thế Tôn, đã ngồi sang một bên. Khi Ngài đã đang ngồi nơi đó, Đức Thế Tôn đã nói với ông ta: “Này Đại Vương, Đại Vương đã đi từ đâu đến trong giữa trưa như thế này ?

“Thoạt mới đây, bạch Đức Thế Tôn, một gia chủ cho vay tiền lấy lãi đã mệnh chung ở trong thành **Sāvatthi**. Con đã đi đến từ sau việc chuyển tải tài sản của kẻ không có người kế thừa về hoàng cung: mười triệu tiền bằng bạc, hướng hồ kẻ chi đến vàng. Thế nhưng mặc dù ông ấy đã là một gia chủ cho vay tiền lấy lãi, sự thụ hưởng về thực phẩm của ông ấy đã là như thế này: ông ấy đã ăn gạo tám và ngâm trong nước muối. Sự thụ hưởng về y phục của ông ấy đã là như thế này: ông ấy đã mặc ba xấp vải được làm bằng sợi gai dầu. Sự thụ hưởng của ông ấy với một chiếc xe đã là như thế này: ông ấy đã cưỡi trên một chiếc thổ mộ nhỏ và hư nát với một mái hiên lợp với những chiếc lá.

*“That’s the way it is, great king. That’s the way it is. Once in the past that money - lending householder provided alms for the Private **Buddha** named **Tagarasikhi**. Saying [to his servant], ‘Give alms to the contemplative,’ he got up from his seat and left. After giving, though, he **felt regret**: ‘It would have been better if my slaves or servants had eaten those alms’.... Now, the result of his action in having provided alms for the Private **Buddha** named **Tagarasikhi** was that he appeared seven times in a good destination, a heavenly world. And through the remaining result of that action he acted as money-lender seven times in this very same **Sāvatthi**. But the result of his action **in feeling regret after giving** [those] alms—‘It would have been better if my slaves or servants had eaten those alms’—was that his mind didn’t lend itself to the lavish enjoyment of food, didn’t lend itself to the lavish enjoyment of clothing, didn’t lend itself to the lavish enjoyment of a vehicle, didn’t lend itself to the lavish enjoyment of the five strings of sensuality.”*
(SN III.# 20)

“Phương thức thì nó là như thế đây, này Đại Vương. Phương thức thì nó là như thế đây. Một thuở nọ trong thời quá khứ người gia chủ cho vay tiền lấy lãi ấy đã cung cấp món ăn khát thực cho vị Độc Giác Phật có tên gọi **Tagarasikkhi**. Sau khi đã nói với [người giúp việc của mình] “Hãy cho món ăn khát thực đến bậc hảo trầm tư giả đi,” ông ấy đã đứng

lên khỏi chỗ ngồi của mình và đã bỏ đi. Tuy nhiên, sau khi đã cho xong, ông ấy **đã cảm thấy hối tiếc**: “Sẽ là tốt hơn nếu như các nô tài và các dụng nhân của Ta đã được ăn những món ăn khát thực ấy”...Bây giờ, kết quả từ hành động của ông ta trong việc đã cung cấp món ăn khát thực cho Độc Giác Phật có tên gọi **Tagarasikkhi** mà qua đó ông ấy đã được hiện hữu bảy lần ở trong một Thiên Thủ, một Cõi Thiên Giới. Và bởi do kết quả vẫn tồn tại từ hành động ấy ông ta đã được làm vị phóng thái nhân bảy lần chính ngay ở trong thành **Sāvatthi** này. Thế nhưng kết quả từ hành động của ông ta **trong việc cảm thụ hối tiếc** sau khi đã xả thí món ăn khát thực ấy – “Sẽ là tốt hơn nếu như các nô tài và các dụng nhân của Ta đã được ăn những món ăn khát thực ấy”- mà qua đó tâm thức của ông ấy đã bất thích hợp để thụ hưởng một cách hào phóng về thực phẩm, đã bất thích hợp để thụ hưởng một cách hào phóng về y phục, đã bất thích hợp để thụ hưởng một cách hào phóng về xe cộ, đã bất thích hợp để thụ hưởng một cách hào phóng về việc thụ hưởng một cách hào phóng về năm chuỗi **hoặc quan mãn túc** [những cảnh sắc, những âm thanh, những mùi hơi, những hương vị, những cảm thọ xúc chạm thích thú] thuộc về nhân loại. (Tương Ứng Bộ Kinh III. # 20)

*Then Vacchagotta the wanderer went to the Blessed One and, on arrival, exchanged courteous greetings with him. After an exchange of friendly greetings and courtesies, he sat to one side. As he was sitting there, he said to the Blessed One: “Master **Gotama**, I have heard that ‘**Gotama** the contemplative says this: “Only to me should a gift be given, and not to others. Only to my disciples should a gift be given, and not to others. Only what is given to me bears great fruit, and not what is given to others. Only what is given to my disciples bears great fruit, and not what is given to the disciples of others.”’ Now those who report this: Are they reporting the Master **Gotama**’s actual words, are they not misrepresenting him with what is unfactual, are they answering in line with the **Dhamma**, so that no one whose thinking is in line with the **Dhamma** will have grounds for criticizing them ? For we don’t want to misrepresent the Master **Gotama**.”*

Thế rồi vị phiêu bạt giả **Vacchagotta** đã đi đến Đức Thế Tôn và, khi đến nơi, đã trao đổi những lời chào hỏi lịch sự với Ngài. Sau việc trao đổi những lời chào hỏi một cách thân hữu và lịch sự, vị ấy đã ngồi sang một bên. Khi vị ấy đã đang ngồi ở nơi đó, vị ấy đã tác bạch đến

Đức Thế Tôn: “Thưa Tôn Giả **Gotama**, tôi đã có được nghe rằng bậc hảo trầm tư giả **Gotama** nói như thế này: “Chỉ có Ta cần phải được xả thí một vật thí, và không phải để cho những người khác. Chỉ có các môn đồ của Ta cần phải được xả thí một vật thí, và không phải để cho những người khác. Chỉ có điều chi mà đã được xả thí đến Ta thì mang lại thành quả to lớn, và không phải điều chi mà đã được xả thí đến những người khác. Chỉ có điều chi mà đã được xả thí đến các môn đồ của Ta thì mang lại thành quả to lớn, và không phải điều chi mà đã được xả thí đến các môn đồ của những người khác.” Hiện giờ người ta thuật lại như vậy: là có phải họ đã đang thuật lại những lời nói xác thực của Tôn Giả **Gotama**, có phải là họ không có xuyên tạc Tôn Giả **Gotama** với điều không chính xác, có phải là họ đang đối đáp phù hợp với Giáo Pháp, nhằm để không một ai đang nghĩ suy phù hợp với Giáo Pháp sẽ có căn cứ để phê bình họ ? Vì chúng tôi không có muốn xuyên tạc Tôn Giả **Gotama**.

*“**Vaccha**, whoever says this: ‘**Gotama** the contemplative says this: “Only to me should a gift be given.... Only what is given to my disciples bears great fruit, and not what is given to the disciples of others,” is not reporting my actual words, is misrepresenting me with what is unfactual and untrue.*

“Này **Vacchagotta**, bất luận người nào nói như vậy: “Bậc hảo trầm tư giả **Gotama** nói như thế này: “Chỉ có Ta cần phải được xả thí một vật thí, và không phải để cho những người khác. Chỉ có các môn đồ của Ta cần phải được xả thí một vật thí, và không phải để cho những người khác. Chỉ có điều chi mà đã được xả thí đến Ta thì mang lại thành quả to lớn, và không phải điều chi mà đã được xả thí đến những người khác. Chỉ có điều chi mà đã được xả thí đến các môn đồ của Ta thì mang lại thành quả to lớn, và không phải điều chi mà đã được xả thí đến các môn đồ của những người khác” là đã không có thuật lại những lời xác thực của Ta, là đã đang xuyên tạc Ta với những gì không chính xác và không đúng sự thực.

*“**Vaccha**, whoever prevents another from giving a gift creates three obstructions, three impediments. Which three ? He creates an obstruction to the merit of the giver, an obstruction to the recipient’s gains, and prior to that he undermines and harms his own self. Whoever*

prevents another from giving a gift creates these three obstructions, these three impediments.

“Này **Vacchagotta**, bất luận người nào ngăn cản người khác không cho xả thí một vật thí thì sẽ tạo ra ba sự trở tắc, ba sự chướng ngại. Thế nào là ba ? Vị ấy tạo ra sự trở tắc đến Thiên Công Đức của vị thí chủ, sự trở tắc đến lợi lộc của vị thụ thí giả, và trước sự việc đó thì vị ấy ngấm ngấm phá hoại và làm tổn hại đến chính tự ngã của mình. Bất luận người nào ngăn cản người khác không cho xả thí một vật thí thì sẽ tạo ra ba sự trở tắc, ba sự chướng ngại này.

*“I tell you, **Vaccha**, even if a person throws the rinsings of a bowl or a cup into a village pool or pond, thinking, ‘May whatever animals live here feed on this,’ that would be a source of merit, to say nothing of what is given to human beings. But I do say that what is given to a virtuous person is of great fruit, and not so much what is given to an unvirtuous person.” (AN III.# 58)*

“Ta nói với người, này **Vacchagotta**, ngay cả khi một người đổ một bát hoặc một tách nước rửa bát vào trong một vũng nước đọng hoặc ao hồ ở nơi làng, nghĩ suy rằng : “Mong rằng bất luận loài động vật nào sinh sống ở đây được ăn thứ này,” chính điều ấy cũng sẽ là một nguồn Thiên Công Đức, hướng hồ kể chi về điều mà đã được xả thí đến Nhân Loại. Thế nhưng Ta có nói rằng điều chi mà đã được xả thí đến một bậc phẩm đức cao thượng thì đó là một thành quả to lớn, và tuyệt nhiên không có như thế với điều mà đã xả thí đến một người không có đạo đức.” (Tăng Chi Bộ Kinh III. # 58)

*As he was sitting to one side, King **Pasenadi Kosala** said to the Blessed One: “Where, Lord, should a gift be given ?”*

“Wherever the mind feels confidence, great king.”

“But a gift given where, Lord, bears great fruit ?”

“This [question] is one thing, great king—‘Where should a gift be given ?’—while this—‘A gift given where bears great fruit ?’—is something else entirely. What is given to a virtuous person—rather than to an unvirtuous one—bears great fruit. In that case, great king, I will ask you a counter - question. Answer as you see fit.

Khi đã ngồi xuống một bên, Đức Vua **Pasenadi** Xứ **Kosala** đã tác bạch với Đức Thế Tôn: “Nơi nào, bạch Đức thế Tôn, nên được xả thí một vật thí?”

“Bất luận nơi nào tâm thức cảm thấy sự tín thành, này Đại Vương.”

“Thế nhưng một vật thí được xả thí ở nơi nào, bạch Đức Thế Tôn, thì mang lại thành quả to lớn?”

“Câu hỏi này là một vấn đề [khác], này Đại Vương – “Nơi nào nên được xả thí một vật thí? – trong khi vấn đề này – “Một vật thí được xả thí ở nơi nào thì mang lại thành quả to lớn?” - lại là một vấn đề hoàn toàn khác nữa. Điều chi mà được xả thí đến một bậc phẩm đức cao thượng – hơn là đến một người không có đạo đức – thì mang lại thành quả to lớn. Trong trường hợp ấy, này Đại Vương, Ta sẽ vấn hỏi Ngài một câu hỏi ngược lại. Hãy trả lời khi Ngài thấy thích hợp.

“What do you think, great king? There is the case where you have a war at hand, a battle imminent. A noble - warrior youth would come along—untrained, unpracticed, undisciplined, undrilled, fearful, terrified, cowardly, quick to flee. Would you take him on? Would you have any use for a man like that?”

“No, Lord, I wouldn't take him on. I wouldn't have any use for a man like that.”

“Này Đại Vương, Ngài nghĩ thế nào? Có trường hợp nơi mà Ngài có một cuộc chiến ở trong tầm tay, một trận chiến sắp xảy ra. Một thanh niên Sát Đế Ly sẽ đi đến – không được huấn luyện, không được thực tập, vô kỷ luật, không được tập dượt, sợ hãi, khiếp sợ, hèn nhát, thấy động tẩu mất. Ngài sẽ thu nhận anh ấy không? Ngài sẽ muốn sử dụng bất luận một nam nhân nào như vậy không?”

“Dạ không, bạch Đức Thế Tôn, con sẽ không thu nhận anh ấy. Con sẽ không sử dụng bất luận một nam nhân nào như vậy.”

*“Then a **Brahman** youth... a merchant youth... a laborer youth would come along—untrained, unpracticed, undisciplined, undrilled, fearful, terrified, cowardly, quick to flee. Would you take him on? Would you have any use for a man like that?”*

“No, Lord, I wouldn't take him on. I wouldn't have any use for a man like that.”

“Thế rồi, một thanh niên Bà La Môn...một thanh niên thương nhân... một thanh niên lao động sẽ đi đến - không được huấn luyện, không được thực tập, vô kỷ luật, không được tập dượt, sợ hãi, khiếp sợ, hèn nhát, thấy động tẩu mất. Ngài sẽ thu nhận anh ấy không ? Ngài sẽ muốn sử dụng bất luận một nam nhân nào như vậy không ?

“Dạ không, bạch Đức Thế Tôn, con sẽ không thu nhận anh ấy. Con sẽ không sử dụng bất luận một nam nhân nào như vậy.”

“Now, what do you think, great king ? There is the case where you have a war at hand, a battle imminent. A noble - warrior youth would come along—trained, practiced, disciplined, drilled, fearless, unterrified, not cowardly, not quick to flee. Would you take him on ? Would you have any use for a man like that ?”

“Yes, Lord, I would take him on. I would have use for a man like that.”

“Bây giờ, này Đại Vương, Ngài nghĩ thế nào ? Có trường hợp nơi mà Ngài có một cuộc chiến ở trong tầm tay, một trận chiến sắp xảy ra. Một thanh niên Sát Đế Ly sẽ đi đến – đã được huấn luyện, đã được thực tập, có kỷ luật, đã được tập dượt, không có sợ hãi, không có khiếp sợ, không có hèn nhát, không có nhanh nhẩu tẩu thoát. Ngài sẽ thu nhận anh ấy không ? Ngài sẽ muốn sử dụng bất luận một nam nhân nào như vậy không ?

“Dạ có, bạch Đức Thế Tôn, con sẽ thu nhận anh ấy. Con sẽ sử dụng một nam nhân như vậy.”

*“Then a **Brahman** youth... a merchant youth... a laborer youth would come along—trained, practiced, disciplined, drilled, fearless, unterrified, not cowardly, not quick to flee. Would take you him on ? Would you have any use for a man like that ?”*

“Yes, Lord, I would take him on. I would have use for a man like that.”

“Thế rồi, một thanh niên Bà La Môn...một thanh niên thương nhân... một thanh niên lao động sẽ đi đến - đã được huấn luyện, đã được thực tập, có kỷ luật, đã được tập dượt, không có sợ hãi, không có khiếp sợ, không có hèn nhát, không có nhanh nhẩu tẩu thoát. Ngài sẽ thu nhận anh ấy không ? Ngài sẽ muốn sử dụng bất luận một nam nhân nào như vậy không ?

“Dạ có, bạch Đức Thế Tôn, con sẽ thâm nhận anh ấy. Con sẽ sử dụng một nam nhân như vậy.”

“In the same way, great king. When someone has gone forth from the home life into homelessness—no matter from what clan—and he has abandoned five factors and is endowed with five, what is given to him bears great fruit.

“And which five factors has he abandoned ? He has abandoned sensual desire... ill will... sloth and drowsiness... restlessness and anxiety ... uncertainty. These are the five factors he has abandoned. And with which five factors is he endowed ? He is endowed with the aggregate of virtue of one beyond training... the aggregate of concentration of one beyond training... the aggregate of discernment of one beyond training... the aggregate of release of one beyond training... the aggregate of knowledge and vision of release of one beyond training. These are the five factors with which he is endowed.

“What is given to one who has abandoned five factors and is endowed with five factors in this way bears great fruit.”

“Trong cùng phương thức, này Đại Vương. Khi một người nào đó đã thụ giáo từ đời sống gia đình đi vào tình trạng vô gia cư – bất luận từ gia tộc nào – và vị ấy đã xả ly năm yếu tố và đã hội đủ phúc duyên với năm, điều chi mà đã xả thí đến vị ấy thì mang lại thành quả to lớn.

“Và thế nào là năm yếu tố mà vị ấy đã xả ly ? Vị ấy đã xả ly dục trần (*Tham Dục*)... sự cừ hận (*Sân Độc*)... sự giải đãi và sự thụy miên (*Hôn Thùy*)... sự phóng dật và sự ưu não (*Trạo Hối*)... sự nghi lự (*Hoài Nghi*). Đây là năm yếu tố vị ấy đã xả ly. Và với năm yếu tố nào vị ấy đã hội đủ phúc duyên ? Vị ấy đã hội đủ phúc duyên với một tập hợp về Giới Đức (*Vô Học Giới Uẩn*) của một người đã được bất khả tư nghị huân tập... tập hợp về Định Thức (*Vô Học Định Uẩn*) của một người đã được bất khả tư nghị huân tập... tập hợp về Động Sát Lực (*Vô Học Tuệ Uẩn*) của một người đã được bất khả tư nghị huân tập ...tập hợp về sự Giải Thoát (*Vô Học Giải Thoát Uẩn*) của một người đã được bất khả tư nghị huân tập... tập hợp về Tri Kiến Giải Thoát (*Vô Học Giải Thoát Tri Kiến Uẩn*) của một người đã được bất khả tư nghị huân tập. Đây là năm yếu tố với những Pháp mà vị ấy đã hội đủ phúc duyên.

“Điều chi mà đã được xả thí đến Bạc mà đã xả ly năm yếu tố và đã hội đủ phúc duyên với năm yếu tố trong phương thức này thì mang lại thành quả to lớn.”

That is what the Blessed One said. Having said that, the One Well - Gone, the Teacher, said further:

*“As a king intent on battle
would hire a youth
in whom there are archery skills,
persistence, and strength,
and not, on the basis of birth, a coward;
so, too, you should honor
a person of noble conduct, wise,
in whom are established
composure and patience,
even though his birth may be lowly.
Let donors build pleasant hermitages
and there invite the learned to stay.
Let them make reservoirs
in dry forests and walking paths
where it’s rough
Let them, with a clear, calm awareness
give food, drink, snacks,
clothing and lodgings
to those who’ve become straightforward.
Just as a hundred - peaked,
Lightning - garlanded,
thundering cloud,
raining on the fertile earth,
fills the plateaus and gullies,
even so
a person of conviction and learning, wise,
having stored up provisions,
satisfies wayfarers
with food and drink.
Delighting in distributing alms,
‘Give to them !*

*Give !' he says.
That is his thunder,
like a raining cloud's.
That shower of merit,
abundant, rains back on the one
who gives." (SN III.# 24)*

*Đó là điều mà Đức Thế Tôn đã nói đến. Khi đã nói điều ấy xong,
Bậc Thiện Thệ, Bậc Đạo Sư đã nói thêm rằng:*

Vị vua đang lâm chiến,
Sẽ giữ lại thanh niên,
Cung thuật được Thiện xảo,
Đồng mãnh đầy khí lực.
Nhà vua không tuyển chọn,
Theo tiêu chuẩn thọ Sinh.
Cũng vậy, người có trí,
Kính lễ bậc hạ sinh,
Bậc này sống Thánh hạnh,
Nhẫn nhục và hiền hòa.
Hãy làm cốc thoải mái
Dựng nhà cho đa văn,
Rừng khô làm bể nước,
Hiềm trở, mở đường đi.
Với Tâm tư thanh tịnh,
Hãy cho kẻ trọc Tâm,
Cho đồ ăn, đồ uống,
Cho vải mặc, trú xá.
Như mây giông gầm thét,
Chớp sáng trăm đầu mây,
Nước mưa ào ào xuống,
Tràn đầy đất thấp cao.
Cũng vậy, bậc Thiện tín,
Đa văn, trừ đồ ăn,
Thỏa mãn kẻ khát sĩ.
Kẻ trí Tâm hoan hỷ,
Phân phát vật ăn uống,
Nói "Cho, hãy đem cho".
Như vậy, la, gầm, thét,

Mưa móc như thần mưa,
 Các công đức to lớn,
 Do xả thí mang lại,
 Đem mưa ân, mưa móc,
 Trên những người xả thí. (Tương Ưng Bộ Kinh III. #24)

*This was said by the Blessed One, said by the **Arahant**, so I have heard: “There are these three supreme objects of confidence. Which three ?”*

*“Among whatever beings there may be—footless, two - footed, fourfooted, many footed; with form or formless; percipient, non - percipient, neither percipient nor non - percipient—the **Tathāgata**, worthy and rightly Self - Awakened, is considered supreme. Those who have confidence in the Awakened One have confidence in what is supreme; and for those with confidence in the supreme, supreme is the result.*

Điều này đã được Đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc Bậc Vô Sinh nói đến, và như thế Tôi đã được nghe:

“Có ba đối tượng tối thượng của lòng tín thành. Thế nào là ba ?

“Trong số bất luận chúng hữu tình nào có thể có – là loài vô túc, nhị túc, tứ túc và loài đa túc; là với hình trạng hoặc vô hình trạng; là có sự sáng suốt nhận thức, không có sự sáng suốt nhận thức, cả hai đều không - có sự sáng suốt nhận thức và không có sự sáng suốt nhận thức—thì Đức Như Lai, Bậc Đã Tự Giác Ngộ, Chánh Đẳng Giác, đã được coi như là tối thượng. Những ai đã có sự tín thành Đấng Đã Giác Ngộ, đã có sự tín thành trong điều mà là tối thượng; và đối với những người ấy với sự tín thành trong sự tối thượng, thì tối thượng là kết quả.

“Among whatever qualities there may be, fabricated or unfabricated, dispassion—the subduing of intoxication, the elimination of thirst, the uprooting of attachment, the breaking of the round, the destruction of craving, dispassion, cessation, the realization of Unbinding—is considered supreme. Those who have confidence in the quality of dispassion have confidence in what is supreme; and for those with confidence in the supreme, supreme is the result.

“Trong số bất luận những phẩm chất nào có thể có, Hữu Vi hoặc Vô Vi, sự không có dục vọng (Ly Tham Ái) - việc chế phục sự say mê,

việc trừ khử sự khát vọng, việc nhổ bật gốc rễ sự dính mắc, việc bẻ gãy vòng luân hồi, việc hủy diệt ái dục, sự không có dục vọng, sự chấm dứt, việc chứng tri Pháp Phóng Thích – đã được coi như là tối thượng. Những ai đã có sự tín thành trong phẩm chất của Pháp Ly Tham Ái, đã có sự tín thành trong điều mà là tối thượng; và đối với những người ấy với sự tín thành trong sự tối thượng, thì tối thượng là kết quả.

“Among whatever fabricated qualities there may be, The Noble Eightfold Path—right view, right resolve, right speech, right action, right livelihood, right effort, right mindfulness, right concentration—is considered supreme. Those who have confidence in the quality of The Noble Path have confidence in what is supreme; and for those with confidence in the supreme, supreme is the result.”

“Trong số bất luận những phẩm chất hữu vi nào có thể có, Bát Bội Pháp Thánh Đạo – Chính Kiến, Chính Tư Duy (Sự Quyết Định Chân Chính), Chính Ngữ, Chính Nghiệp, Chính Mạng, Chính Tinh Tấn, Chính Niệm, Chính Định – đã được coi như là tối thượng. Những ai đã có sự tín thành trong phẩm chất của Thánh Đạo, đã có sự tín thành trong điều mà là tối thượng; và đối với những người ấy với sự tín thành trong sự tối thượng, thì tối thượng là kết quả.

“Among whatever communities or groups there may be, the Saṅgha of the Tathāgata’s disciples is considered supreme—i.e., the four [groups of noble disciples] when taken as pairs, the eight when taken as persons. Those who have confidence in the Saṅgha have confidence in what is supreme; and for those with confidence in the supreme, supreme will be the result. “These, monks, are the three supreme objects of confidence.”

“Trong số bất luận thể cộng đồng hoặc hội nhóm nào có thể có, Tăng Đoàn thuộc Chúng Đệ Tử của Đức Như Lai đã được coi như là tối thượng – tức là bốn đôi [hội nhóm của Chư Thánh Đệ Tử] khi đã phân tách thành đôi một, là tám Bạc khi đã phân tách theo từng người. Những ai đã có sự tín thành trong Tăng Đoàn, đã có sự tín thành trong điều mà là tối thượng; và đối với những người ấy với sự tín thành trong sự tối thượng, thì tối thượng là hệ quả. “Những Pháp này, này các vị tu sĩ, là ba đối tượng tối thượng của sự tín thành.”

With confidence,

*realizing the supreme **Dhamma**
 to be supreme,
 confidence in the supreme **Buddha**,
 unsurpassed in deserving offerings;
 confidence in the supreme **Dhamma**,
 the stilling of dispassion, bliss;
 confidence in the supreme **Saṅgha**,
 unsurpassed as a field of merit;
 having given gifts to the supreme,
 one develops supreme merit,
 supreme long life and beauty,
 status, honor, bliss and strength.
 Having given to the supreme,
 the wise person, centered
 in supreme **Dhamma**,
 whether becoming a divine or human being,
 rejoices, having attained the supreme. (Iti.# 90)*

Những ai có lòng tin,
 Lòng tin nơi tối thượng,
 Chính là sự rõ biết,
 Biết Chánh Pháp tối thượng.
 Những ai có lòng tin,
 Nơi Đức Phật tối thượng,
 Bạc Vô thượng xứng đáng,
 Xứng đáng được cúng dường.
 Những ai có lòng tin,
 Nơi Chánh Pháp tối thượng,
 Những Pháp rời bỏ Tham,
 An tịnh, thật tịnh lạc.
 Những ai có lòng tin,
 Nơi Tăng Chúng tối thượng.
 Những ruộng phước công đức,
 Vô thượng không chi hơn.

Những ai đã xả thí,
 Với đối tượng tối thượng,
 Công đức được tăng trưởng,

Tăng trưởng đến tối thượng,
 Thọ mạng được tối thượng,
 Dung sắc cũng tối thượng,
 Danh vọng, tiếng đồn tốt,
 An lạc và sức mạnh.
 Bạc trí nhân có xả thí,
 Xả thí vị tối thượng,
 Vị định tĩnh, thiền định,
 Trong Chánh Pháp tối thượng,
 Chư Thiên hay Nhân Loại,
 Đạt được sự tối thượng,
 Họ sung sướng hân hoan. (Nữ Thị Ngũ Kinh.# 90)

*This was said by the Blessed One, said by the **Arahant**, so I have heard: “There are these two kinds of gifts: a gift of material things and a gift of the **Dhamma**. Of the two, this is supreme: a gift of the **Dhamma**. There are these two kinds of sharing: sharing of material things and sharing of the **Dhamma**. Of the two, this is supreme: sharing of the **Dhamma**. There are these two kinds of assistance: assistance with material things and assistance with the **Dhamma**. Of the two, this is supreme: help with the **Dhamma**.”*

*The gift he describes
 as foremost and unsurpassed,
 the sharing the Blessed One has extolled:
 who—confident in the supreme field of merit,
 wise, discerning—
 wouldn’t give it at appropriate times?
 Both for those who proclaim it
 and those who listen,
 confident in the message of the One Well - Gone:
 it purifies their foremost benefit—
 those heeding the message
 of the One Well - Gone. (Iti.# 98)*

Điều này đã được Đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc Bậc Vô Sinh nói đến, và như thế Tôi đã được nghe:

“Có hai thể loại của các vật thí: vật thí thuộc tài vật (*Tài Thí*) và vật thí thuộc Giáo Pháp (*Pháp Thí*). Trong hai thể loại, điều này là tối

thượng: vật thí thuộc Giáo Pháp (*Pháp Thí*). Có hai thể loại của việc cộng hưởng: cộng hưởng tài vật và cộng hưởng Giáo Pháp. Trong hai thể loại, điều này là tối thượng: cộng hưởng Giáo Pháp. Có hai thể loại của sự bang trợ: bang trợ với tài vật và bang trợ với Giáo Pháp. Trong hai thể loại, điều này là tối thượng: giúp đỡ với Giáo Pháp.

Điều được gọi xả thí,
Thù thắng và vô thượng,
Và sự phân phát nào,
Được Đức Thế Tôn tán thán,
Với Tâm tư tín thành,
Trong ruộng phước tối thượng,
Bậc trí nhân rõ biết vậy,
Ai lại không cúng dường,
Ai làm được cả hai,
Nói lên và lắng nghe,
Với Tâm tư tịnh tín,
Trong lời dạy Thiền Thế,
Lợi ích ấy của họ,
Là tối thắng thanh tịnh,
Những ai không phóng dật,
Trong lời dạy Thiền Thế. (Như Thị Ngữ Kinh.# 98)

*“It’s not easy to teach the **Dhamma** to others, **Ānanda**. The **Dhamma** should be taught to others only when five qualities are established within the person teaching. Which five ?*

*“The **Dhamma** should be taught with the thought, ‘I will speak step – by - step’... ‘I will speak explaining the sequence [of cause and effect]’ ... ‘I will speak out of compassion’ ... ‘I will speak not for the purpose of material reward’ ... ‘I will speak without hurting myself or others.’” (AN V.# 159)*

“**Này Ānanda**, thật là không dễ dàng để giáo đạo Giáo Pháp đến những tha nhân. Giáo Pháp chỉ nên được giáo đạo đến tha nhân một khi năm phẩm chất đã được thiết lập ở trong con người giảng dạy. Thế nào là năm ?

“Giáo Pháp chỉ nên được giáo đạo với sự nghĩ suy: “Ta sẽ thuyết từng bước một”.. “Ta sẽ thuyết giảng giải trình tự về [nhân và quả]”... “Ta

sẽ thuyết với lòng bi mẫn”...“Ta sẽ thuyết không vì mục đích của việc tưởng lệ vật chất”...“Ta sẽ thuyết mà không làm tổn thương bản thân hoặc tha nhân.” (Tăng Chi Bộ KinhV. # 159)

A Deva:

“A giver of what is a giver of strength ?

A giver of what, a giver of beauty ?

A giver of what, a giver of ease ?

A giver of what, a giver of vision ?

And who is a giver of everything ?

Being asked, please explain this to me.”

Một vị Thiên Tử:

Cho chi là cho sức lực ?

Cho chi là cho sắc đẹp ?

Cho chi là cho an lạc ?

Cho chi là cho nhãn mục ?

Cho chi là cho tất cả ?

Xin đáp điều con hỏi.

The Buddha:

“A giver of food is a giver of strength.

A giver of clothes, a giver of beauty.

A giver of a vehicle, a giver of ease.

A giver of a lamp, a giver of vision.

*And the one who gives a residence
is the one's who's a giver of everything.*

*But the one who teaches the **Dhamma**
is a giver of the Deathless.” (SN I.# 42)*

Đức Phật:

Cho ăn là cho sức lực,

Cho mặc là cho sắc đẹp,

Cho xe là cho an lạc,

Cho đèn là cho nhãn mục.

Ài cho chỗ trú xứ,

Vị ấy là cho tất cả,

Ài giảng dạy Chánh Pháp,

Vị ấy là cho bất tử. (Tương Ưng Bộ Kinh I. # 42)

-----00000-----

Sila: Virtue

Giới Luật: Đức Hạnh

Irrigators guide the water.

Fletchers shape the arrow shaft.

Carpenters shape the wood.

Those of good practices control themselves. (Dhp.# 145)

“Người trị thủy dẫn nước,

Kẻ làm tên nắn tên,

Người thợ mộc uốn ván,

Bậc tự điều, điều thân.” (Pháp Cú # 145)

Through initiative, heedfulness,

restraint, and self - control,

the wise would make an island

no flood can submerge. (Dhp.# 25)

Nỗ lực, không phóng dật,

Tự điều, khéo chế ngự.

Bậc trí xây hòn đảo,

Nước lụt khó ngập tràn. (Pháp Cú # 25)

“And what is the treasure virtue ? There is the case where a disciple of the noble ones abstains from taking life, abstains from stealing, abstains from sexual misconduct, abstains from lying, abstains from taking intoxicants that cause heedlessness. This, monks, is called the treasure of virtue.” (AN VII.# 6)

“Và thế nào là trân báu đức hạnh ? Có trường hợp nơi mà một đệ tử của Chư Thánh Nhân giới trừ việc đoạt lấy sinh mạng, giới trừ việc trộm cắp, giới trừ việc tính dục tà hạnh, giới trừ việc vọng ngữ, giới trừ việc dùng các chất say mà đó là nguyên nhân của mạn bất kinh tâm. (Tăng Chi Bộ Kinh VII.# 6)

“Now what is unskillful ? Taking life is unskillful, taking what is not given... sexual misconduct... lying... harsh speech... divisive tale -

bearing... idle chatter is unskillful. Covetousness... ill will... wrong views are unskillful. These things are termed unskillful.

“And what is skillful ? Abstaining from taking life is skillful, abstaining from taking what is not given... from sexual misconduct ... from lying... from harsh speech... from divisive tale - bearing... abstaining from idle chatter is skillful. Lack of covetousness... lack of ill will... right views are skillful. These things are termed skillful.” (MN # 9)

“Bấy giờ thế nào là sự bất thiện xảo ? Việc đoạt lấy sinh mạng là bất thiện xảo, việc lấy điều mà đã không được cho... tính dục tà hạnh... nói lời dối trá... nói lời thóa mạ... nói lời mách lẻo gây chia rẽ... trò chuyện nhàn rỗi vô ích là bất thiện xảo. Tham ái... sự cừu hận... những kiến giải sai lầm (Tà Kiến) là bất thiện xảo. Những Pháp này được gọi là bất thiện xảo.

“Và thế nào là thiện xảo ? Giới trừ việc đoạt lấy sinh mạng là thiện xảo, giới trừ việc lấy điều mà đã không được cho... tính dục tà hạnh... nói lời dối trá... nói lời thóa mạ... nói lời mách lẻo gây chia rẽ... giới trừ cuộc trò chuyện nhàn rỗi vô ích là thiện xảo. Khiếm khuyết lòng tham ái... khiếm khuyết sự cừu hận... những kiến giải chân chính (Chính Kiến) là thiện xảo. Những Pháp này được gọi là thiện xảo.” (Trung Bộ Kinh # 9)

*Then King **Pasenadi Kosala**, descending from the palace, went to the Blessed One and, on arrival, having bowed down to him, sat to one side. As he was sitting there, he said to the Blessed One: “Just now I was together with Queen **Mallikā** in the upper palace. I said to her, ‘Is there anyone more dear to you than yourself ?’*

“‘No, your majesty,’ she answered. ‘There is no one more dear to me than myself. And what about you, your majesty ? Is there anyone more dear to you than yourself ?’

*“‘No, **Mallikā**. There is no one more dear to me than myself.’*

Thế rồi Đức Vua **Pasenadi Xứ Kosala**, đã xuất phát từ ở nơi cung điện, đã đi đến Đức Thế Tôn và, khi đến nơi, đã cúi đầu đánh lễ đến Ngài, đã ngồi sang một bên. Khi Ngài đã đang ngồi nơi đó, Ngài đã tác bạch đến Đức Thế Tôn: “Thoạt mới đây, con đã cùng với Hoàng Hậu **Mallikā** ở trên lầu thượng của hoàng cung. Con đã nói với cô ấy: “Có ai trân ái với HẬU hơn là tự ngã của mình ?”

“Dạ không có, thưa Hoàng Thượng,” cô ấy đã trả lời. “Không có một ai trân ái với thiếp hơn là tự ngã của mình. Và còn Ngài thì sao, thưa Hoàng Thượng ? Có ai trân ái với Ngài hơn là tự ngã của mình ?

“Không có, này **Mallikā**. “Không có một ai trân ái với Trẫm hơn là tự ngã mình.”

Then, on realizing the significance of that, the Blessed One on that occasion exclaimed:

*Searching all directions
with your awareness,
you find no one dearer
than yourself.*

*In the same way, others
are fiercely dear to themselves.*

*So you shouldn't hurt others
if you love yourself. (Ud V.# 1)*

Thế rồi, sau khi đã nhận biết rõ ý nghĩa của điều đấy, Đức Thế Tôn nhân cơ duyên ấy đã thốt lên:

Tâm ta đi cùng khắp,
Tất cả mọi phương trời,
Cũng không tìm thấy được,
Ai thân hơn tự ngã,
Tự ngã đối mọi người,
Quá trân ái như vậy,

Vậy ai yêu tự ngã,
Chớ hại tự ngã người. (Tự Thuyết Kinh V.# 1)

“There are these five gifts, five great gifts—original, long - standing, traditional, ancient, unadulterated, unadulterated from the beginning—are not open to suspicion, will never be open to suspicion, and are unfaulted by knowledgeable contemplatives and priests. Which five ?

“Có năm vật thí này, năm vật thí to lớn – nguyên thủy, lâu đời, cổ truyền, rất cổ xưa, vô tạp chất, vô tạp chất từ giai đoạn ban đầu – không bị phát lộ sự hoài nghi, sẽ không bao giờ bị phát lộ sự hoài nghi, và vô khả khiêu tích đối với những vị tể hành và các bậc hảo trầm tư giả thông tuệ. Thế nào là năm ?

“There is the case where a noble disciple, abandoning the taking of life, abstains from taking life. In doing so, he gives freedom from danger, freedom from animosity, freedom from oppression to limitless numbers of beings. In giving freedom from danger, freedom from animosity, freedom from oppression to limitless numbers of beings; he gains a share in limitless freedom from danger, freedom from animosity, and freedom from oppression....

“Có trường hợp nơi mà một Thánh Đệ Tử, xả ly việc đoạt lấy sinh mạng, giới trừ sự đoạt lấy sinh mạng. Trong khi đang làm như vậy, vị ấy ban phát sự thoát khỏi điều nguy hiểm (Vô Úy Thí), sự thoát khỏi lòng thù địch, sự thoát khỏi điều áp bức đến vô số lượng chúng hữu tình; vị ấy có được một sự cộng hưởng vô hạn lượng về sự thoát khỏi điều nguy hiểm, về sự thoát khỏi lòng thù địch, và về sự thoát khỏi điều áp bức...

“Abandoning taking what is not given (stealing), he abstains from taking what is not given....

“Abandoning sexual misconduct, he abstains from sexual misconduct....

“Abandoning lying, he abstains from lying....

“Abandoning the use of intoxicants, he abstains from taking intoxicants.

“Xả ly việc lấy điều mà đã không được cho (sự thâu đạo), vị ấy giới trừ sự lấy điều mà đã không được cho...

“Xả ly việc tính dục tà hạnh, vị ấy giới trừ tính dục tà hạnh....

“Xả ly việc vọng ngữ, vị ấy giới trừ vọng ngữ...

“Xả ly việc sử dụng các chất say, vị ấy giới trừ việc dùng các chất say...

In doing so, he gives freedom from danger, freedom from animosity, freedom from oppression to limitless numbers of beings. In giving freedom from danger, freedom from animosity, freedom from oppression to limitless numbers of beings, he gains a share in limitless freedom from danger, freedom from animosity, and freedom from oppression.... This is the fifth gift, the fifth great gift—original, long-standing, traditional, ancient, unadulterated, unadulterated from the beginning—that is not open to suspicion, will never be open to suspicion,

and is unfaulted by knowledgeable contemplatives and priests.” (AN VIII.# 39)

Trong khi đang làm như vậy, vị ấy ban phát sự thoát khỏi điều nguy hiểm (Vô Úy Thí), sự thoát khỏi lòng thù địch, sự thoát khỏi điều áp bức đến vô số lượng chúng hữu tình; vị ấy có được một sự cộng hưởng vô hạn lượng về sự thoát khỏi điều nguy hiểm, về sự thoát khỏi lòng thù địch, và về sự thoát khỏi điều áp bức... Đây là vật thí thứ năm, vật thí thứ năm to lớn – nguyên thủy, lâu đời, cổ truyền, rất cổ xưa, vô tạp chất, vô tạp chất từ giai đoạn ban đầu – không bị phát lộ sự hoài nghi, sẽ không bao giờ bị phát lộ sự hoài nghi, và vô khả khiêu tích đối với những vị tể hành và các bậc hảo trầm tư giả thông tuệ. (Tăng Chi Bộ Kinh VIII.# 39)

*“Cleansing with regard to the body, **Cunda**, is threefold; cleansing with regard to speech is fourfold; and cleansing with regard to the mind, threefold. And how is cleansing with regard to the body threefold ? There is the case where a certain person, abandoning the taking of life, abstains from the taking of life. He dwells with his rod laid down, his knife laid down, scrupulous, merciful, compassionate for the welfare of all living beings. Abandoning the taking of what is not given, he abstains from taking what is not given. He does not take the ungiven property of another, whether in a village or in the wilderness, with thievish intent. Abandoning sexual misconduct, he abstains from sexual misconduct. He does not get sexually involved with those who are protected by their mothers, their fathers, their brothers, their sisters, their relatives, or their **Dhamma**; those with husbands, those who entail punishments, or even those crowned with flowers by another man. This is how cleansing with regard to the body is threefold.*

“Tịnh hạnh về Thân, này **Cunda**, có Tam Bội Pháp; tịnh hạnh về Lời có Tứ Bội Pháp và tịnh hạnh về Ý có Tam Bội Pháp. Và thế nào là Tam Bội Pháp tịnh hạnh về Thân ? Có trường hợp nơi mà một người nào đó, xả ly việc đoạt lấy sinh mạng, giới trừ việc đoạt lấy sinh mạng. Vị ấy đã dừng lại với gậy gộc của mình đã đặt xuống, với con dao của mình đã đặt xuống, nhân từ, hữu đồng tình tâm vì phúc lợi của tất cả chúng sinh hữu tình. Xả ly việc lấy điều mà đã không được cho, vị ấy giới trừ việc lấy điều mà đã không được cho. Vị ấy không lấy tài sản không được cho của tha nhân, cho dù ở trong một làng mạc hoặc ở nơi

hoang dã, với tác ý thâm đạo. Xả ly việc tính dục tà hạnh, vị ấy giới trừ việc tính dục tà hạnh. Vị ấy không có quan hệ tính dục với những ai đã được những người Mẹ của họ bảo hộ, những người Cha của họ, những người Anh của họ, những người Chị của họ, những gia quyến của họ, hoặc Giáo Pháp của họ bảo hộ; những ai với những người Chồng, những ai cần phải bị những hình phạt, hoặc ngay cả những ai đã đăng trình với những bông hoa của người nam khác. Đây là cách thức tịnh hạnh về Thân với Tam Bội Pháp.

*“And how is cleansing with regard to speech fourfold ? There is the case where a certain person, abandoning false speech, abstains from false speech. When he has been called to a town meeting, a group meeting, a gathering of his relatives, his guild, or of the royalty [i.e., a court proceeding], if he is asked as a witness, ‘Come and tell, good man, what you know’: If he doesn’t know, he says, ‘I don’t know.’ If he does know, he says, ‘I know.’ If he hasn’t seen, he says, ‘I haven’t seen.’ If he has seen, he says, ‘I have seen.’ Thus he doesn’t consciously tell a lie for his own sake, for the sake of another, or for the sake of any reward. Abandoning divisive speech, he abstains from divisive speech. What he has heard here he does not tell there to break those people apart from these people here. What he has heard there he does not tell here to break these people apart from those people there. Thus reconciling those who have broken apart or cementing those who are united, he loves concord, delights in concord, enjoys concord, speaks things that create concord. Abandoning harsh speech, he abstains from harsh speech. He speaks words that are soothing to the ear, that are affectionate, that go to the heart, that are polite, appealing and pleasing to people at large. Abandoning idle chatter, he abstains from idle chatter. He speaks in season, speaks what is factual, what is in accordance with the goal, the **Dhamma**, and the **Vinaya**. He speaks words worth treasuring, seasonable, reasonable, circumscribed, connected with the goal. This is how cleansing with regard to speech is fourfold.*

“Và thế nào là Tứ Bội Pháp tịnh hạnh về Lời ? Có trường hợp nơi mà một người nào đó, xả ly việc nói lời dối trá, giới trừ việc nói lời dối trá. Khi vị ấy đã được gọi đến một cuộc họp ở thành thị, một cuộc họp nhóm, một sự tụ tập những gia quyến của vị ấy, một đoàn thể của vị ấy, hoặc thuộc về Vương Quyền [tức là một phiên tòa], nếu như vị ấy đã

được vấn hỏi với tư cách là một nhân chứng: “Hãy đến và nói, này bậc thiện nhân, những gì mà bạn biết”: nếu như vị ấy không biết, vị ấy nói: “Tôi không biết.” Nếu như vị ấy biết, vị ấy nói: “Tôi biết.” Nếu như vị ấy đã không có thấy, vị ấy nói: “Tôi đã không có thấy.” Nếu như vị ấy đã có thấy, vị ấy nói: “Tôi đã có thấy.” Do đó, vị ấy đã không có ý thức, nói lời dối trá vì lợi ích của riêng mình, vì lợi ích của tha nhân, hoặc vì lợi ích của bất luận phần tướng lệ nào. Xả ly việc nói lời gây chia rẽ, vị ấy giới trừ việc nói lời gây chia rẽ. Điều chi mà vị ấy đã có nghe ở chỗ này thì vị ấy không nói ở chỗ đó, để tách những người ở nơi đó ra khỏi những người này ở nơi đây. Điều chi mà vị ấy đã có nghe ở chỗ đó thì vị ấy không có nói ở chỗ này, để tách những người ở nơi đây ra khỏi những người người ở nơi đó. Do vậy, hòa giải những ai đã bị chia lìa nhau hoặc củng cố những ai đã đoàn kết, vị ấy yêu thương sự hòa hợp, hoan hỷ trong sự hòa hợp, vui thích hòa hợp, nói những điều để tạo ra sự hòa hợp. Xả ly việc nói lời thóa mạ, vị ấy giới trừ việc nói lời thóa mạ. Vị ấy nói những ngôn từ để an ủi đến tai, để thân ái, để đi vào trái tim, đó là những lời lịch sự, hữu cảm nhiệm lực và duyệt ý đến mọi người nói chung. Xả ly cuộc trò chuyện nhàn rỗi vô ích, vị ấy giới trừ cuộc trò chuyện nhàn rỗi vô ích. Vị ấy nói đúng thời, nói những gì là xác thực, những gì phù hợp với mục tiêu, phù hợp với Giáo Pháp và Giới Luật. Vị ấy nói những ngôn từ đáng trân trọng, đúng lúc hợp thời, hợp lý, hạn chế, kết nối với mục tiêu. Đây là cách thức tịnh hạnh về Lời với Tứ Bội Pháp.

“And how is cleansing with regard to the mind threefold ? There is the case where a certain person is not covetous. He does not covet the property of another, thinking, ‘O, if only what belongs to another were mine !’ He is not malevolent at heart or destructive in his resolves. He thinks, ‘May these beings—free from animosity, free from oppression, and free from trouble—look after themselves with ease.’ He has right views and an unperverted outlook. He believes, ‘There is what is given, what is offered, what is sacrificed. There are fruits and results of good and bad actions. There is this world and the next world. There is mother and father. There are spontaneously reborn beings; there are priests and contemplatives who, living rightly and practicing rightly, proclaim this world and the next after having directly known and realized it for themselves.’ This is how cleansing with regard to the mind is threefold.”
(AN X.# 176)

“Và thế nào là Tam Bội Pháp tịnh hạnh về Ý ? Có trường hợp nơi mà một người nào đó không có sự tham ái. Vị ấy không có ham muốn tài sản của tha nhân, nghĩ suy: “Ồ, giả như thật tuyệt hảo những chi thuộc về tha nhân đã là của mình !” Vị ấy không có ác tâm hoặc hủy diệt ở trong những quyết định của mình. Vị ấy nghĩ suy: “Mong rằng chúng hữu tình này - thoát khỏi sự thù địch, thoát khỏi điều áp bức và thoát khỏi sự hệ lụy –chăm sóc tự ngã của mình với lòng thanh thản.” Vị ấy có những kiến giải chân chính (*Chính Kiến*) và một quan điểm không sai lệch. Vị ấy tin tưởng: “Có Pháp đã được xả thí, có Pháp đã cúng dường và có Pháp đã hiến tể. Có những thành quả và các kết quả của những tác hành tốt và xấu. Có đời này và đời kế tiếp. Có người Mẹ và người Cha. Có chúng hữu tình tái tục một cách hóa sinh. Có những vị tể hành hoặc các bậc hảo trầm tư giả, là các vị đã đang sống một cách chân chính và đã đang thực hành một cách đúng đắn, chỉ cho thấy đời này và đời kế tiếp sau khi chính tự các Ngài đã tuệ tri và đã chứng tri một cách trực tiếp về điều đó. Đây là cách thức tịnh hạnh về Ý với Tam Bội Pháp. (Tăng Chi Bộ Kinh X.# 176)

*As he was sitting to one side, King **Pasenadi Kosala** said to the Blessed One: “Just now, Lord, while I was alone in seclusion, this train of thought arose in my awareness: ‘Who have themselves protected, and who leave themselves unprotected ?’ Then it occurred to me: ‘Those who engage in bodily misconduct, verbal misconduct, and mental misconduct leave themselves unprotected. Even though a squadron of elephant troops might protect them, a squadron of cavalry troops, a squadron of chariot troops, a squadron of infantry troops might protect them, still they leave themselves unprotected. Why is that? Because that’s an external protection, not an internal one. Therefore they leave themselves unprotected. But those who engage in good bodily conduct, good verbal conduct, and good mental conduct have themselves protected. Even though neither a squadron of elephant troops, a squadron of cavalry troops, a squadron of chariot troops, nor a squadron of infantry troops might protect them, still they have themselves protected. Why is that ? Because that’s an internal protection, not an external one. Therefore they have themselves protected.’”*

Khi đã ngồi xuống một bên, Đức Vua **Pasenadi Xú Kosala** đã tác bạch với Đức Thế Tôn: “Thoạt mới đây, bạch Đức Thế Tôn, trong khi

chỉ có mình con ở trong sự tịch tịnh, một loạt nghĩ suy này đã khởi sinh lên trong sự nhận thức của con thấy rằng: “Những ai đã bảo vệ được tự ngã của mình và những ai đã để tự ngã không được bảo vệ ? Thế rồi nó đã nảy sinh đến với con: “Những ai mà dự phần trong việc bắt đoan hành vi về Thân, bắt đoan hành vi về Lời và bắt đoan hành vi về Ý thì đã để tự ngã của họ không được bảo vệ. Cho dù là một đội tượng binh có thể bảo vệ họ, một đội kỵ binh, một đội mã binh, một đội bộ binh có thể bảo vệ họ, họ vẫn để tự ngã của mình không được bảo vệ. Vì sao vậy ? Bởi vì đó là một sự bảo vệ ở bên ngoài, không phải là sự bảo vệ ở bên trong. Vì lý do như thế họ đã để tự ngã của mình không được bảo vệ. Thế nhưng những ai dự phần trong hảo phẩm hạnh về Thân, hảo phẩm hạnh về Lời và hảo phẩm hạnh về Ý thì họ đã bảo vệ được tự ngã của mình. Cho dù không phải là một đội tượng binh, một đội kỵ binh, một đội mã binh mà cũng phải là một đội bộ binh có thể bảo vệ họ, họ vẫn bảo vệ được tự ngã của mình. Vì sao vậy ? Bởi vì đó là một sự bảo vệ ở bên trong, không phải là sự bảo vệ ở bên ngoài. Vì lý do như thế họ đã bảo vệ được tự ngã của mình.”

“That’s the way it is, great king ! That’s the way it is ! Those who engage in bodily misconduct, verbal misconduct, and mental misconduct leave themselves unprotected. Even though a squadron of elephant troops might protect them, a squadron of cavalry troops, a squadron of chariot troops, a squadron of infantry troops might protect them, still they leave themselves unprotected. Why is that ? Because that’s an external protection, not an internal one. Therefore they leave themselves unprotected. But those who engage in good bodily conduct, good verbal conduct, and good mental conduct have themselves protected. Even though neither a squadron of elephant troops, a squadron of cavalry troops, a squadron of chariot troops, nor a squadron of infantry troops might protect them, still they have themselves protected. Why is that ? Because that’s an internal protection, not an external one. Therefore they have themselves protected.”

“Phương thức thì nó là như thế đây, này Đại Vương ! Phương thức thì nó là như thế đây, này Đại Vương ! “Những ai mà dự phần trong việc bắt đoan hành vi về Thân, bắt đoan hành vi về Lời và bắt đoan hành vi về Ý thì đã để tự ngã của mình không được bảo vệ. Cho dù là một đội tượng binh có thể bảo vệ họ, một đội kỵ binh, một đội mã binh, một đội

bộ binh có thể bảo vệ họ, họ vẫn để tự ngã của mình không được bảo vệ. Vì sao vậy ? Bởi vì đó là một sự bảo vệ ở bên ngoài, không phải là sự bảo vệ ở bên trong. Vì lý do như thế họ đã để tự ngã của mình không được bảo vệ. Thế nhưng những ai dự phần trong hảo phẩm hạnh về Thân, hảo phẩm hạnh về Lời và hảo phẩm hạnh về Ý thì họ đã bảo vệ được tự ngã của mình. Cho dù không phải là một đội tượng binh, một đội kỵ binh, một đội mã binh mà cũng phải là một đội bộ binh có thể bảo vệ họ, họ vẫn bảo vệ được tự ngã của mình. Vì sao vậy ? Bởi vì đó là một sự bảo vệ ở bên trong, không phải là sự bảo vệ ở bên ngoài. Vì lý do như thế họ đã bảo vệ được tự ngã của mình.”

That is what the Blessed One said. Having said that, the One Well - Gone, the Teacher, said further:

*“Restraint with the body is good,
good is restraint with speech.
Restraint with the heart is good,
good is restraint everywhere.
Restrained everywhere,
conscientious,
one is said to be protected.” (SN III.# 5)*

Đó là điều mà Đức Thế Tôn đã nói đến. Khi đã nói điều ấy xong, Bạc Thiên Thệ, Bạc Đạo Sư đã nói thêm rằng:

*Lành thay bảo vệ thân !
Lành thay bảo vệ lời !
Lành thay bảo vệ ý !
Lành thay tổng bảo vệ !
Kẻ liêm sỉ bảo vệ,
Tổng quát và cùng khắp,
Vị ấy có tên gọi,
Là vị được bảo vệ. (Tương Ứng Bộ Kinh III.# 5)*

*As he was sitting to one side, King **Pasenadi Kosala** said to the Blessed One: “Just now, Lord, as I was sitting in judgment, I saw that even affluent nobles, affluent brahmins, and affluent householders—rich, with great wealth and property, with vast amounts of gold and silver, vast amounts of valuables and commodities, vast amounts of wealth and grain—tell deliberate lies with **sensuality** as the cause, **sensuality** as the*

reason, simply for the sake of **sensuality**. Then, the thought occurred to me: ‘I’ve had enough of this judging ! Let some other fine fellow be known for his judgments !’”

“That’s the way it is, great king! That’s the way it is ! Even affluent nobles, affluent **Brahmans**, and affluent householders... **tell deliberate lies with sensuality as the cause, sensuality as the reason, simply for the sake of sensuality**. That will lead to their long - term harm and pain.”

Khi đã ngồi xuống một bên, Đức Vua **Pasenadi** Xứ **Kosala** đã tác bạch với Đức Thế Tôn: “Thoạt mới đây, bạch Đức Thế Tôn, trong khi con đang ngồi phán xử, con đã trông thấy ngay cả những vị Sát Đế Ly phú túc, các vị Bà La Môn phú túc và những gia chủ phú túc - giàu có, với của cải và tài sản to lớn, với một số lượng to lớn về vàng và bạc, một số lượng to lớn về những vật quý giá và hàng hóa, một số lượng to lớn về của cải và ngũ cốc – **nói những lời dối trá có chủ ý** với **hoặc quan mãn túc** [những cảnh sắc, những âm thanh, những mùi hơi, những hương vị, những cảm thọ xúc chạm thích thú] là nguyên nhân, **hoặc quan mãn túc** [những cảnh sắc, những âm thanh, những mùi hơi, những hương vị, những cảm thọ xúc chạm thích thú] là lý do, một cách đơn giản chỉ vì lợi ích của **hoặc quan mãn túc** [những cảnh sắc, những âm thanh, những mùi hơi, những hương vị, những cảm thọ xúc chạm thích thú]. Thế rồi sự nghĩ suy đã nảy sinh đến với con như sau: “Con đã có đủ mức độ cần thiết cho việc phán xử này rồi ! Hãy để một số hảo đồng nghiệp khác được biết đến trong những xét xử của mình !”

“Phương thức thì nó là như thế đấy, này Đại Vương ! Phương thức thì nó là như thế đấy, này Đại Vương ! Ngay cả những Sát Đế Ly phú túc, các Bà La Môn phú túc và những gia chủ phú túc - giàu có, với của cải và tài sản to lớn, với một số lượng to lớn về vàng và bạc, một số lượng to lớn về những vật quý giá và hàng hóa, một số lượng to lớn về của cải và ngũ cốc – **nói những lời dối trá có chủ ý** với **hoặc quan mãn túc** [những cảnh sắc, những âm thanh, những mùi hơi, những hương vị, những cảm thọ xúc chạm thích thú] là nguyên nhân, **hoặc quan mãn túc** [những cảnh sắc, những âm thanh, những mùi hơi, những hương vị, những cảm thọ xúc chạm thích thú] là lý do, một cách đơn giản chỉ vì lợi ích của **hoặc quan mãn túc** [những cảnh sắc, những âm thanh, những mùi hơi, những hương vị, những cảm thọ xúc chạm thích thú]. Điều đó sẽ dắt dẫn sự tổn hại và nỗi đau khổ đến cho họ một thời gian lâu dài.”

That is what the Blessed One said. Having said that, the One Well - Gone, the Teacher, said further:

*“Impassioned with sensual possessions,
greedy, dazed by sensual pleasures,
they don’t awaken to the fact
that they’ve gone too far—
like fish into trap set out.
Afterwards it’s bitter for them:
evil for them the result.” (SN III.# 7)*

Đó là điều mà Đức Thế Tôn đã nói đến. Khi đã nói điều ấy xong, Bậc Thiện Thệ, Bậc Đạo Sư đã nói thêm rằng:

*Nhân Loại bị đắm say,
Trong tài sản, trong dục,
Họ tham lam, điên dại,
Trong các dục ở đời.
Không ý thức rõ ràng,
Đã quá độ say mê,
Chẳng khác chi con cá,
Không thấy đặt bẫy sập.
Về sau họ khổ đau,
Chịu quả báo Ác Nghiệp. (Tương Ưng Bộ Kinh III.# 7)*

*This was said by the Blessed One, said by the **Arahant**, so I have heard:*

*“For the person who transgresses in one thing, I tell you, there is no evil deed that is not to be done. Which one thing ? This: **telling a deliberate lie.**”*

*The person who lies,
who transgress in this one thing,
transcending concern for the world beyond:
there’s no evil
he might not do. (Iti.# 25)*

Điều này đã được Đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc Bậc Vô Sinh nói đến, và như thế Tôi đã được nghe:

*“Với người mà họ vi phạm một Pháp, Ta nói với các người rằng, không có Ác Hạnh nào mà vi ấy không được thực hiện. Thế nào là một Pháp ? Điều này: **nói một lời dối trá có chủ ý.**”*

Người nào đã nói láo,
 Là vi phạm một Pháp,
 Không kể đến đời sau,
 Không ác chi không làm. (Như Thị Ngữ Kinh # 25)

“Monks, there are these five kinds of loss. Which five ? Loss of relatives, loss of wealth, loss through disease, loss in terms of virtue, loss in terms of views. It’s not by reason of loss of relatives, loss of wealth, or loss through disease that beings—with the break - up of the body, after death—reappear in deprivation, a bad destination, a lower realm, hell. It’s by reason of loss in terms of virtue and loss in terms of views that beings—with the break - up of the body, after death—reappear in deprivation, a bad destination, a lower realm, hell. These are the five kinds of loss.

“Này các vị tu sĩ, có năm thể loại này về sự tổn thất. Thế nào là năm ? Tổn thất về gia quyến, tổn thất về của cải, tổn thất bởi do bệnh tật, tổn thất hữu quan về Giới Đức, tổn thất hữu quan về Kiến Giải. Không phải vì lý do của sự mất mát về gia quyến, mất mát về của cải hoặc mất mát bởi do bệnh tật mà chúng hữu tình – với thân hoại và sau khi mạng chung, tái tục trong sự bần khốn, một Khổ Thú, một Cõi Giới thấp kém hơn, Địa Ngục. Đó là vì lý do của sự mất mát hữu quan về Giới Đức và sự mất mát hữu quan về Kiến Giải mà chúng hữu tình – đến khi thân hoại và sau khi mạng chung – tái tục trong sự bần khốn, một Khổ Thú, một Cõi Giới thấp kém hơn, Địa Ngục. Đây là năm thể loại về sự tổn thất.

“There are these five ways of being consummate. Which five ? Being consummate in terms of relatives, being consummate in terms of wealth, being consummate in terms of freedom from disease, being consummate in terms of virtue, being consummate in terms of views. It’s not by reason of being consummate in terms of relatives, being consummate in terms of wealth, or being consummate in terms of freedom from disease that beings—with the break - up of the body, after death—reappear in a good destination, a heavenly world. It’s by reason of being consummate in virtue and being consummate in terms of views that beings—with the break - up of the body, after death—reappear in a

good destination, a heavenly world. These are the five ways of being consummate.” (AN V.# 130)

“Có năm phương thức này để được hoàn hảo. Thế nào là năm ? Được hoàn hảo về mặt gia quyến, được hoàn hảo về mặt của cải, được hoàn hảo hữu quan đến sự thoát khỏi bệnh tật, được hoàn hảo hữu quan về Giới Đức, được hoàn hảo hữu quan về Kiến Giải. Không phải vì lý do được hoàn hảo về mặt gia quyến, được hoàn hảo về của cải hoặc được hoàn hảo hữu quan đến sự thoát khỏi bệnh tật mà chúng hữu tình – đến khi thân hoại và sau khi mạng chung, tái tục trong một Thiện Thú, một Cõi Thiên Giới. Đó là vì lý do được hoàn hảo hữu quan về Giới Đức và được hoàn hảo hữu quan về Kiến Giải mà chúng hữu tình – đến khi thân hoại và sau khi mạng chung – tái tục trong một Thiện Thú, một Cõi Thiên Giới. Đây là năm phương thức để được hoàn hảo. (Tăng Chi Bộ Kinh V.# 130)

“There are these five benefits in being virtuous, in being consummate in virtue. Which five ? There is the case where a virtuous person, consummate in virtue, through not being heedless in his affairs amasses a great quantity of wealth.... His good name is spread about.... When approaching an assembly of nobles, priests, householders, or contemplatives, he does so unabashed and with assurance.... He dies without becoming delirious.... With the break - up of the body, after death, he reappears in a good destination, a heavenly world. These are the five benefits in being virtuous, in being consummate in virtue.” — DN # 16

“Có năm điều phúc lợi trong việc có được phẩm đức cao thượng, trong việc có được hoàn hảo ở trong Giới Đức. Thế nào là năm ? Có trường hợp nơi mà một bậc phẩm đức cao thượng, hoàn hảo ở trong Giới Đức, bởi do bất khinh suất trong công việc tích lũy một số lượng to lớn về tài sản của mình... Hào danh xưng của vị ấy được lan truyền về... Khi được tiếp cận một hội nhóm của các Bậc Cao Nhân, những vị tể hành, các vị gia chủ hoặc các bậc hảo trầm tư giả, vị ấy không hề nao núng và tự tin... Vị ấy mệnh chung không trở nên mê sảng... Và khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục trong một Thiện Thú, một Cõi Thiên Giới. Đây là năm điều phúc lợi trong việc có được phẩm đức cao thượng, trong việc có được hoàn hảo ở trong Giới Đức. (Trường Bộ Kinh. # 16)

This was said by the Blessed One, said by the Arahant, so I have heard: “Aspiring to these three forms of bliss, a wise person should guard his virtue. Which three ? [Thinking] ‘May praise come to me,’ a wise person should guard his virtue. [Thinking] ‘May wealth come to me,’ a wise person should guard his virtue. [Thinking] ‘At the break - up of the body, after death, may I reappear in a good destination, in heaven,’ a wise person should guard his virtue. Aspiring to these three forms of bliss, a wise person should guard his virtue.”

Điều này đã được Đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc Bậc Vô Sinh nói đến, và như thế Tôi đã được nghe:

“Nguyện vọng đến ba hình thức của sự tĩnh lạc, một bậc trí tuệ nên cẩn phòng Giới Đức của mình. Thế nào là ba ? [Nghĩ suy] “Mong rằng sự tán thán đến với Ta, một bậc trí tuệ nên cẩn phòng Giới Đức của mình. [Nghĩ suy] “Mong rằng sự giàu sang đến với Ta, một bậc trí tuệ nên cẩn phòng Giới Đức của mình. [Nghĩ suy] “Khi thân hoại và sau khi mạng chung, mong rằng Ta tái tục trong một Thiên Thú, trong Cõi Thiên Giới,” một bậc trí tuệ nên cẩn phòng Giới Đức của mình. Nguyện vọng đến ba hình thức của sự tĩnh lạc, một bậc trí tuệ nên cẩn phòng Giới Đức của mình.

*Intelligent, you should guard your virtue,
aspiring to three forms of bliss:
praise; the obtaining of wealth;
and, after death, rejoicing in heaven.*

*Even if you do no evil
but seek out one who does,
you’re suspected of evil.
Your bad reputation grows.
The sort of person you make a friend,
the sort you seek out,
that’s the sort you yourself become—
for your living together is of that sort.*

*The one associated with,
the one who associates,
the one who’s touched,*

*the one who touches another
—like an arrow smeared with poison—
contaminates the quiver.
So, fearing contamination, the enlightened
should not be comrades with evil people.*

*A man who wraps rotting fish
in a blade of kusa grass
makes the grass smelly: so it is
if you seek out fools.
But a man who wraps powdered incense
in the leaf of a tree
makes the leaf fragrant: so it is
if you seek out the enlightened.*

*So, knowing your own outcome
as like the leaf - wrapper's,
you shouldn't seek out
those who aren't good.
The wise would associate
with those who are.
Those who aren't good
lead you to hell.*

*The good help you reach
a good destination. (Iti.# 76)*

Bậc trí nhân hộ trì Giới,
Hy vọng được ba lạc,
Được khen, được tài sản,
Đời sau sống hoan hỷ,
Trong cảnh giới Chư Thiên.

Nếu không làm điều ác,
Nhưng theo kẻ làm ác,
Thì bị nghi làm ác,
Và bị tăng tiếng xấu.
Giống như người làm bạn,
Giống như người làm theo,

Người này giống người ấy
Giống như người cộng trú.

Người theo, người được theo,
Xúc chạm, được xúc chạm,
N như cây tên nhiễm độc
Nhiễm bó tên chưa nhiễm,
Bạc trí nhân vì sợ nhiễm,
Nên không bạn kẻ ác.

Với ngọn cỏ **Kusa**,
Dùng gói đồ cá thúì,
Kusa hay mùi thúì,
Cũng vậy, gần hạng xuẩn nhân.
Còn người dùng ngọn lá,
Gói hương **Ta-ga-ra**,
Ngọn lá bay mùi thơm
Cũng vậy, gần bậc trí nhân.

Do vậy, nhờ nghĩ đến
Cái giỏ bằng lá ấy,
Biết được những cái chi
Sẽ rơi vào tự mình,
Bậc Hiền Trí không theo,
Những hạng người Bất Thiện,
Chỉ biết làm bạn thân,
Những người lành hiền Thiện.
Những kẻ ác, Bất Thiện,
Dắt dẫn đến Địa Ngục,
Còn những kẻ tốt lành,
Đạt đến cảnh Thiện Thú. (Như Thị Ngũ Kinh # 76)

*All tremble at the rod,
All are fearful of death.
Drawing the parallel to yourself,
neither kill nor get others to kill.*

*All tremble at the rod,
All hold their life dear.
Drawing the parallel to yourself,
neither kill nor get others to kill.*

*Whoever takes a rod
to harm living beings desiring ease,
when he himself is looking for ease,
will meet with no ease after death.*

*Whoever doesn't take a rod
to harm living beings desiring ease,
when he himself is looking for ease,
will meet with ease after death.*

*Speak harshly to no one,
or the words will be thrown
right back at you.
Contentious talk is painful,
for you get struck by rods in return.*

*If, like a flattened metal pot
you don't resound,
you've attained an Unbinding;
in you there's found no contention. (Dhp.# 129–134)*
“Mọi người sợ hình phạt,
Mọi người sợ tử vong.
Lấy mình làm ví dụ
Không giết, không bảo giết.”

“Mọi người sợ hình phạt,
Mọi người thích sống còn;
Lấy mình làm ví dụ,
Không giết, không bảo giết.”

“Chúng sinh cầu an lạc,
Ai dùng trượng hại người,

Để tìm lạc cho mình,
Đời sau không được lạc.”

“Chúng sinh cầu an lạc,
Không dùng trượng hại người,
Để tìm lạc cho mình,
Đời sau được hưởng lạc.”

“Chớ nói lời ác độc,
Nói ác, bị nói lại,
Khổ thay lời phản nộ,
Đao trượng phản chạm mình.”

Nếu tự mình yên lặng,
Như chiếc chuông bị bể.
Người đã chứng Níp Bàn
Người không còn phản nộ.” (Pháp Cú.# 129–134)

*Whoever, with a rod,
harasses an innocent man, unarmed,
quickly falls into any of ten things:*

*harsh pains, devastation, a broken body, grave illness, mental
derangement, trouble with the government, violent slander, relatives
lost, property dissolved, houses burned down.*

*At the break - up of the body,
this one with no discernment
reappears in hell. (Dhp 137–140)*

Dùng trượng phạt không trượng,
Làm ác người không ác.
Trong mười loại khổ đau,
Chịu gấp một loại khổ.”

Hoặc khổ thọ khóc liệt,
Thân thể bị thương vong,
Hoặc thọ bệnh kịch liệt,
Hay loạn ý tán Tâm.”

Hoặc tai họa từ vua,
 Hay bị vu trọng tội;
 Bà con phải ly tán,
 Tài sản bị nát tan.”

Hoặc phòng ốc nhà cửa
 Bị hỏa tai thiêu đốt.
 Khi thân hoại mạng chung,
 Ác Tuệ sinh Địa Ngục.” (Pháp Cú.# 137–140)

“There are four kinds of person to be found in the world. Which four ? There is the case where a certain person takes life, takes what is not given (steals), engages in sexual misconduct, lies, speaks divisively, speaks abusively, engages in idle chatter; is covetous, malevolent and holds wrong views. On the break - up of the body, after death, he reappears in the plan of deprivation, the bad destination, the lower realms, in hell.

“Có bốn thể loại về con người đã được nghiệm thấy ở trong thế gian. Thế nào là bốn ? Có trường hợp nơi mà một người nào đó đoạt lấy sinh mạng, lấy điều mà đã không được cho (thâu đạo), dự phần trong tính dục tà hạnh, nói lời dối trá, nói lời gây chia rẽ, nói lời thóa mạ, dự phần trong cuộc trò chuyện nhàn rỗi vô ích, có sự tham ái, giữ ở trong tâm ý tưởng cừu hận và chấp giữ những kiến giải sai lầm (*Tà Kiến*). Khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục trong Cõi Giới bần khổ, Khổ Thú, những Cõi Giới thấp kém hơn, trong **Địa Ngục**.

“But there is also the case where a certain person takes life... holds wrong views [yet], on the break - up of the body, after death, he reappears in the good destinations, in the heavenly world.

“And there is the case where a certain person abstains from taking life, abstains from taking what is not given... is not covetous, not malevolent and holds right views. On the break - up of the body, after death, he reappears in the good destinations, in the heavenly world.

“Thế nhưng cũng có trường hợp nơi mà một người nào đó đoạt lấy sinh mạng, lấy điều mà đã không được cho (thâu đạo), dự phần trong tính dục tà hạnh, nói lời dối trá, nói lời gây chia rẽ, nói lời thóa mạ, dự phần trong cuộc trò chuyện nhàn rỗi vô ích, có sự tham ái, [hãy còn] giữ

ở trong tâm ý tưởng cừu hận và chấp giữ những kiến giải sai lầm (Tà Kiến). Khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục trong những Thiện Thú, trong Cõi Thiên Giới.

“Và có trường hợp nơi mà một người nào đó giới trừ việc đoạt lấy sinh mạng, giới trừ việc lấy điều mà đã không được cho (thâu đạo), giới trừ việc dự phần trong tính dục tà hạnh, giới trừ việc nói lời dối trá, giới trừ việc nói lời gây chia rẽ, giới trừ việc nói lời thóa mạ, giới trừ việc dự phần trong cuộc trò chuyện nhàn rỗi vô ích, không có sự tham ái, không giữ ở trong tâm ý tưởng cừu hận và chấp giữ những kiến giải chân chính (Chính Kiến). Khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục trong những Thiện Thú, trong Cõi Thiên Giới.

“But there is also the case where a certain person abstains from taking life, abstains from taking what is not given... is not covetous, not malevolent, and holds right views [yet], on the break - up of the body, after death, he reappears in the plane of deprivation, the bad destination, the lower realms, in hell....

“Thế nhưng cũng có trường hợp nơi mà một người nào đó giới trừ việc đoạt lấy sinh mạng, giới trừ việc lấy điều mà đã không được cho (thâu đạo), giới trừ việc dự phần trong tính dục tà hạnh, giới trừ việc nói lời dối trá, giới trừ việc nói lời gây chia rẽ, giới trừ việc nói lời thóa mạ, giới trừ việc dự phần trong cuộc trò chuyện nhàn rỗi vô ích, không có sự tham ái, không còn giữ ở trong tâm ý tưởng cừu hận và hãy còn chấp giữ những kiến giải chân chính (Chính Kiến), đến khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục trong Cõi Giới bần khốn, Khổ Thú, những Cõi Giới thấp kém hơn, trong **Địa Ngục**...

*“In the case of the person who takes life... [yet] on the break - up of the body, after death, he reappears in the good destinations, in the heavenly world: Either earlier he performed fine **Kamma** that is to be felt as pleasant, or later he performed fine **Kamma** that is to be felt as pleasant, or at the time of death he adopted and carried out right views. Because of that, on the break - up of the body, after death, he reappears in the good destinations, in the heavenly world. But as for the results of taking life... holding wrong views, he will feel them either right here and now, or later [in this lifetime], or following that....*

“Trong trường hợp nơi mà một người nào đó đoạt lấy sinh mạng, ... [hãy còn] giữ ở trong tâm ý tưởng cừu hận và chấp giữ những kiến giải sai lầm (*Tà Kiến*), đến khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục trong những Thiện Thú, trong Cõi Thiên Giới: Hoặc là trước đó vị ấy đã thực hiện Thiện Nghiệp Lực mà qua đó đã cảm thụ duyệt ý, hoặc là sau đó vị ấy đã thực hiện Thiện Nghiệp Lực mà qua đó đã cảm thụ duyệt ý, hoặc là ngay lúc lâm chung vị ấy đã thu dưỡng và đã tiến tu những kiến giải chân chính (*Chính Kiến*). Vì lý do như thế, đến khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục trong những Thiện Thú, trong Cõi Thiên Giới. Thế nhưng do bởi những kết quả của việc đoạt lấy sinh mạng... đã chấp giữ những kiến giải sai lầm (*Tà Kiến*), vị ấy sẽ cảm thụ chúng hoặc là ngay tức thời, hoặc là về sau [trong chính kiếp sống này] hoặc là ngay sau đó...

*“In the case of the person who abstains from taking life... but on the break - up of the body, after death, he reappears in the plane of deprivation, the bad destination, the lower realms, in hell: Either earlier he performed evil **Kamma** that is to be felt as painful, or later he performed evil **Kamma** that is to be felt as painful, or at the time of death he adopted and carried out wrong views. Because of that, on the break - up of the body, after death, he reappears in the plane of deprivation, the bad destination, the lower realms, in hell. But as for the results of abstaining from taking life... holding right views, he will feel them either right here and now, or later [in this lifetime], or following that.” (MN.# 136)*

“Trong trường hợp nơi mà một người nào đó giới trừ việc đoạt lấy sinh mạng... thế nhưng khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục trong Cõi Giới bần khốn, Khổ Thú, những Cõi Giới thấp kém hơn, trong **Địa Ngục**: Hoặc là trước đó vị ấy đã thực hiện Ác Nghiệp Lực mà qua đó đã cảm thụ đau khổ, hoặc là sau đó vị ấy đã thực hiện Ác Nghiệp Lực mà qua đó đã cảm thụ đau khổ, hoặc là ngay lúc lâm chung vị ấy đã thu dưỡng và đã đi theo những kiến giải sai lầm (*Tà Kiến*). Vì lý do như thế, đến khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục trong Cõi Giới bần khốn, Khổ Thú, những Cõi Giới thấp kém hơn, trong **Địa Ngục**. Thế nhưng do bởi những kết quả của sự giới trừ việc đoạt lấy sinh mạng... đã chấp giữ những kiến giải chân chính (*Chính Kiến*), vị ấy sẽ cảm thụ

chúng hoặc là ngay tức thời, hoặc là về sau [trong chính kiếp sống này] hoặc là ngay sau đó...” (Trung Bộ Kinh # 136)

“There are, headman, some priests and contemplatives who hold a doctrine and view like this: ‘All those who kill living beings experience pain and distress in the here and now. All those who take what is not given... who engage in sexual misconduct... who tell lies experience pain and distress in the here and now.’

“Này thôn trưởng, có một số những vị tể hành hoặc các bậc hảo trầm tư giả họ nắm giữ một học thuyết và quan điểm như thế này: “Tất cả những ai sát mạng chúng sinh hữu tình đều trải nghiệm nỗi đau đớn và sự thống khổ ngay tức thời. Tất cả những ai lấy điều mà đã không được cho... những ai dự phần trong tính dục tà hạnh... những ai nói lời dối trá đều trải nghiệm nỗi đau đớn và sự thống khổ ngay tức thời.”

*“Now there is the case where a certain person is seen garlanded and adorned, freshly bathed and groomed, with hair and beard trimmed, enjoying the **sensualities** of women as if he were a king. They ask about him: ‘My good man, what has this man done that he has been garlanded and adorned... as if he were a king?’ They answer: ‘My good man, this man attacked the king’s enemy and took his life. The king, gratified with him, rewarded him. That is why he is garlanded and adorned... as if he were a king.’*

“Bây giờ có trường hợp nơi mà một người nào đó đã được trông thấy đeo tràng hoa và trang điểm, đã được tắm rửa và làm cho sạch sẽ một cách tươi nhuận, với mái tóc và râu được cắt tỉa, đã đang thụ hưởng những **hoặc quan mãn túc** [những cảnh sắc, những âm thanh, những mùi hơi, những hương vị, những cảm thọ xúc chạm thích thú] của nữ giới y như thể vị ấy đã là một nhà vua. Họ vấn hỏi về ông ta: “Này người bạn tốt của tôi, người đàn ông này đã làm điều chi mà ông ấy đã được đeo tràng hoa và trang điểm, đã được tắm rửa và làm cho sạch sẽ một cách tươi nhuận, với mái tóc và râu được cắt tỉa, đã đang thụ hưởng những **hoặc quan mãn túc** [những cảnh sắc, những âm thanh, những mùi hơi, những hương vị, những cảm thọ xúc chạm thích thú] của nữ giới y như thể vị ấy đã là một nhà vua vậy? Họ trả lời: “Này người bạn tốt của tôi, người đàn ông này đã tấn công kẻ thù nghịch của nhà vua và đã đoạt lấy sinh mạng của kẻ ấy. Nhà vua, đã mãn ý với ông ta, đã tưởng lệ ông ta.

Đó là lý do tại sao ông ấy đã được đeo tràng hoa và trang điểm, đã được tắm rửa và làm cho sạch sẽ một cách tươi nhuận, với mái tóc và râu được cắt tỉa, đã đang thụ hưởng những **hoặc quan mãn túc** [những cảnh sắc, những âm thanh, những mùi hơi, những hương vị, những cảm thọ xúc chạm thích thú] của nữ giới y như thể vị ấy đã là một nhà vua.

“Then there is the case where a certain person is seen bound with a stout rope with his arms pinned tightly against his back, his head shaved bald, marched to a harsh - sounding drum from street to street, crossroads to crossroads, evicted through the south gate, and beheaded to the south of the city. They ask about him: ‘My good man, what has this man done that he is bound with a stout rope... and beheaded to the south of the city?’ They answer: ‘My good man, this man, an enemy of the king, has taken the life of a man or a woman. That is why the rulers, having had him seized, inflicted such a punishment upon him.’

“Thế rồi có trường hợp nơi mà một người nào đó đã được trông thấy bị trói chặt với những cánh tay của ông ta ở đằng sau lưng với một sợi dây thừng thật chắc, đầu của ông ta đã cạo trọc, đã bị dẫn đi với một tiếng trống chói tai từ đường này đến đường khác, ngã tư đến ngã tư, đã bị xua đuổi qua cổng thành phía nam, và đã bị chặt đầu tại phía nam của thành phố. Họ vấn hỏi về ông ta: “Này người bạn tốt của tôi, người đàn ông này đã làm điều chi mà ông ấy đã bị trói chặt với những cánh tay của ông ta ở đằng sau lưng với một sợi dây thừng thật chắc, đầu của ông ta đã cạo trọc, đã bị dẫn đi với một tiếng trống chói tai từ đường này đến đường khác, ngã tư đến ngã tư, đã bị xua đuổi qua cổng thành phía nam, và đã bị chặt đầu tại phía nam của thành phố vậy ? Họ trả lời: “Này người bạn tốt của tôi, người đàn ông này, một kẻ thù của nhà vua, đã đoạt lấy sinh mạng của một người nam hoặc một người nữ. Đó là lý do tại sao những nhà cai trị, đã bắt lấy ông ta, đã trừng trị một hình phạt như vậy đối với ông ta.”

“Now, what do you think, headman: Have you ever seen or heard of such a case ?” “I have seen this, Lord, have heard of it, and will hear of it (again in the future).”

“So, headman, when those priests and contemplatives who hold a doctrine and view like this say: ‘All those who kill living beings

experience pain and distress in the here and now,’ do they speak truthfully or falsely ?” — “Falsely, Lord.”

“Bây giờ, ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng: ông đã có bao giờ được trông thấy hoặc được nghe nói về một trường hợp như vậy ?”

“Con đã có trông thấy điều này, bạch Đức Thế Tôn, đã có nghe nói về nó, và sẽ nghe về nó (một lần nữa trong tương lai).

“Như vậy, này thôn trưởng, khi những vị tể hành hoặc các bậc hảo trầm tư giả ấy họ nắm giữ một học thuyết và quan điểm nói như thế này: “Tất cả những ai sát mạng chúng sinh hữu tình đều trải nghiệm nỗi đau đớn và sự thống khổ ngay tức thời,” họ nói một cách chân thực hoặc một cách sai trật ? “Một cách sai trật, bạch Đức Thế Tôn.”

“And those who babble empty falsehood: are they moral or immoral ?” — “Immoral, Lord.”

“And those who are immoral and of evil character: are they practicing wrongly or rightly?” — “Wrongly, Lord.”

“And those who are practicing wrongly: do they hold wrong view or right view?” — “Wrong view, Lord.”

“And is it proper to place confidence in those who hold wrong view ?” — “No, Lord.”

“Và những ai thốt ra những lời trống rỗng vô nghĩa và hoang thoại: họ là đạo đức hay là vô đạo đức ? – “Vô đạo đức, bạch Đức Thế Tôn.”

“Và những ai là vô đạo đức và thuộc ác hạnh: họ đang thực hành một cách sai trật hoặc một cách đúng đắn ?”- “Một cách sai trật, bạch Đức Thế Tôn.”

“Và những ai đang thực hành một cách sai trật: họ nắm giữ kiến giải sai lầm (*Tà Kiến*) hoặc kiến giải chân chính (*Chính Kiến*) ?” - “Kiến giải sai lầm (*Tà Kiến*), bạch Đức Thế Tôn.”

“Và nó có hợp lý chăng để đặt sự tín thành vào những ai nắm giữ kiến giải sai lầm (*Tà Kiến*) ?” - “Dạ không, bạch Đức Thế Tôn.”

“Then, headman, there is the case where a certain person is seen garlanded and adorned... as if he were a king. They ask about him: ‘My good man, what has this man done that he has been garlanded and adorned... as if he were a king ?’ They answer: ‘My good man, this man attacked the king’s enemy and stole a treasure. The king, gratified with him, rewarded him....’

“Thế rồi, này thôn trưởng, có trường hợp nơi mà một người nào đó đã được trông thấy đeo tràng hoa và trang điểm, đã được tắm rửa và làm cho sạch sẽ một cách tươi nhuận, với mái tóc và râu được cắt tỉa, đã đang thụ hưởng những **hoặc quan mãn túc** [những cảnh sắc, những âm thanh, những mùi hơi, những hương vị, những cảm thọ xúc chạm thích thú] của nữ giới y như thể vị ấy đã là một nhà vua. Họ vẫn hỏi về ông ta: “Này người bạn tốt của tôi, người đàn ông này đã làm điều chi mà ông ấy đã được đeo tràng hoa và trang điểm, đã được tắm rửa và làm cho sạch sẽ một cách tươi nhuận, với mái tóc và râu được cắt tỉa, đã đang thụ hưởng những **hoặc quan mãn túc** [những cảnh sắc, những âm thanh, những mùi hơi, những hương vị, những cảm thọ xúc chạm thích thú] của nữ giới y như thể vị ấy đã là một nhà vua vậy ? Họ trả lời: “Này người bạn tốt của tôi, người đàn ông này đã tấn công kẻ thù nghịch của nhà vua và đã đánh cắp một trân báu. Nhà vua, đã mãn ý với ông ta, đã tưởng lệ ông ta...”

“Then there is the case where a certain person is seen bound with a stout rope... and beheaded to the south of the city. They ask about him: ‘My good man, what has this man done that he is bound with a stout rope... and beheaded to the south of the city?’ They answer: ‘My good man, this man, an enemy of the king, has committed a theft, stealing something from a village or a forest....’

“Thế rồi có trường hợp nơi mà một người nào đó đã được trông thấy bị trói chặt với những cánh tay của ông ta ở đằng sau lưng với một sợi dây thừng thật chắc, đầu của ông ta đã cạo trọc, đã bị dẫn đi với một tiếng trống chói tai từ đường này đến đường khác, ngã tư đến ngã tư, đã bị xua đuổi qua cổng thành phía nam, và đã bị chặt đầu tại phía nam của thành phố. Họ vẫn hỏi về ông ta: “Này người bạn tốt của tôi, người đàn ông này đã làm điều chi mà ông ấy đã bị trói chặt với những cánh tay của ông ta ở đằng sau lưng với một sợi dây thừng thật chắc, đầu của ông ta đã cạo trọc, đã bị dẫn đi với một tiếng trống chói tai từ đường này đến đường khác, ngã tư đến ngã tư, đã bị xua đuổi qua cổng thành phía nam, và đã bị chặt đầu tại phía nam của thành phố vậy ? Họ trả lời: “Này người bạn tốt của tôi, người đàn ông này, một kẻ thù của nhà vua, đã phạm tội một sự trộm cắp, đã ăn trộm thứ gì đó từ một làng mạc hoặc từ một khu rừng...”

“Then there is the case where a certain person is seen garlanded and adorned... as if he were a king. They ask about him: ‘My good man, what has this man done that he has been garlanded and adorned ... as if he were a king ?’ They answer: ‘My good man, this man seduced the wives of the king’s enemy....’

“Thế rồi có trường hợp nơi mà một người nào đó đã được trông thấy đeo tràng hoa và trang điểm, đã được tắm rửa và làm cho sạch sẽ một cách tươi nhuận, với mái tóc và râu được cắt tỉa, đã đang thụ hưởng những **hoặc quan mãn túc** [những cảnh sắc, những âm thanh, những mùi hơi, những hương vị, những cảm thọ xúc chạm thích thú] của nữ giới y như thể vị ấy đã là một nhà vua. Họ vấn hỏi về ông ta: “Này người bạn tốt của tôi, người đàn ông này đã làm điều chi mà ông ấy đã được đeo tràng hoa và trang điểm, đã được tắm rửa và làm cho sạch sẽ một cách tươi nhuận, với mái tóc và râu được cắt tỉa, đã đang thụ hưởng những **hoặc quan mãn túc** [những cảnh sắc, những âm thanh, những mùi hơi, những hương vị, những cảm thọ xúc chạm thích thú] của nữ giới y như thể vị ấy đã là một nhà vua vậy ? Họ trả lời: “Này người bạn tốt của tôi, người đàn ông này đã quyến rũ những người vợ của kẻ thù nhà vua...”

“Then there is the case where a certain person is seen bound with a stout rope... and beheaded to the south of the city. They ask about him: ‘My good man, what has this man done that he is bound with a stout rope... and beheaded to the south of the city ?’ They answer: ‘My good man, this man seduced women and girls of good families...’

“Thế rồi có trường hợp nơi mà một người nào đó đã được trông thấy bị trói chặt với những cánh tay của ông ta ở đằng sau lưng với một sợi dây thừng thật chắc, đầu của ông ta đã cạo trọc, đã bị dẫn đi với một tiếng trống chói tai từ đường này đến đường khác, ngã tư đến ngã tư, đã bị xua đuổi qua cổng thành phía nam, và đã bị chặt đầu tại phía nam của thành phố. Họ vấn hỏi về ông ta: “Này người bạn tốt của tôi, người đàn ông này đã làm điều chi mà ông ấy đã bị trói chặt với những cánh tay của ông ta ở đằng sau lưng với một sợi dây thừng thật chắc, đầu của ông ta đã cạo trọc, đã bị dẫn đi với một tiếng trống chói tai từ đường này đến đường khác, ngã tư đến ngã tư, đã bị xua đuổi qua cổng thành phía nam, và đã bị chặt đầu tại phía nam của thành phố vậy ? Họ trả lời: “Này người bạn tốt của tôi, người đàn ông này đã quyến rũ những phụ nữ và những cô gái của những gia đình có đạo đức tốt...”

“Then there is the case where a certain person is seen garlanded and adorned... as if he were a king. They ask about him: ‘My good man, what has this man done that he has been garlanded and adorned ... as if he were a king ?’ They answer: ‘My good man, this man made the king laugh with a lie...’

“Thế rồi có trường hợp nơi mà một người nào đó đã được trông thấy đeo tràng hoa và trang điểm, đã được tắm rửa và làm cho sạch sẽ một cách tươi nhuận, với mái tóc và râu được cắt tỉa, đã đang thụ hưởng những **hoặc quan mãn túc** [những cảnh sắc, những âm thanh, những mùi hơi, những hương vị, những cảm thọ xúc chạm thích thú] của nữ giới y như thể vị ấy đã là một nhà vua. Họ vấn hỏi về ông ta: “Này người bạn tốt của tôi, người đàn ông này đã làm điều chi mà ông ấy đã được đeo tràng hoa và trang điểm, đã được tắm rửa và làm cho sạch sẽ một cách tươi nhuận, với mái tóc và râu được cắt tỉa, đã đang thụ hưởng những **hoặc quan mãn túc** [những cảnh sắc, những âm thanh, những mùi hơi, những hương vị, những cảm thọ xúc chạm thích thú] của nữ giới y như thể vị ấy đã là một nhà vua vậy ? Họ trả lời: “Này người bạn tốt của tôi, người đàn ông này đã làm cho nhà vua cười với một lời nói dối trá...”

“Then there is the case where a certain person is seen bound with a stout rope... and beheaded to the south of the city. They ask about him: ‘My good man, what has this man done that he is bound with a stout rope... and beheaded to the south of the city ?’ They answer: ‘My good man, this man has brought the aims of a householder or a householder’s son to ruin with a lie. That is why the rulers, having had him seized, inflicted such a punishment upon him.’

“Thế rồi có trường hợp nơi mà một người nào đó đã được trông thấy bị trói chặt với những cánh tay của ông ta ở đằng sau lưng với một sợi dây thừng thật chắc, đầu của ông ta đã cạo trọc, đã bị dẫn đi với một tiếng trống chối tai từ đường này đến đường khác, ngã tư đến ngã tư, đã bị xua đuổi qua cổng thành phía nam, và đã bị chặt đầu tại phía nam của thành phố. Họ vấn hỏi về ông ta: “Này người bạn tốt của tôi, người đàn ông này đã làm điều chi mà ông ấy đã bị trói chặt với những cánh tay của ông ta ở đằng sau lưng với một sợi dây thừng thật chắc, đầu của ông ta đã cạo trọc, đã bị dẫn đi với một tiếng trống chối tai từ đường này đến đường khác, ngã tư đến ngã tư, đã bị xua đuổi qua cổng thành phía nam,

và đã bị chặt đầu tại phía nam của thành phố vậy ? Họ trả lời: “Này người bạn tốt của tôi, người đàn ông này đã lèo lái với một lời nói dối trá nhằm vào mục đích để làm hủy hoại một gia chủ hoặc người con trai của gia chủ... Đó là lý do tại sao những nhà cai trị, đã bắt lấy ông ta, đã trừng trị một hình phạt như vậy đối với ông ta.”

“Now what do you think, headman: Have you ever seen or heard of such a case ?” “I have seen this, Lord, have heard of it, and will hear of it (again in the future).”

“So, headman, when those priests and contemplatives who hold a doctrine and view like this, say: ‘All those who tell lies experience pain and distress in the here and now,’ do they speak truthfully or falsely ?... Is it proper to place confidence in those who hold wrong view ?” — “No, Lord.” (SN XLII.# 13)

“Bấy giờ, ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng: ông đã có bao giờ được trông thấy hoặc được nghe nói về một trường hợp như vậy ?”

“Con đã có trông thấy điều này, bạch Đức Thế Tôn, đã có nghe nói về nó, và sẽ nghe về nó (một lần nữa trong tương lai).

“Như vậy, này thôn trưởng, khi những vị tể hành hoặc các bậc hảo trầm tư giả ấy họ nắm giữ một học thuyết và quan điểm như thế này, nói rằng: “Tất cả những ai sát mạng chúng sinh hữu tình đều trải nghiệm nỗi đau đớn và sự thống khổ ngay tức thời,” họ nói một cách chân thực hoặc một cách sai trật ? “Một cách sai trật, bạch Đức Thế Tôn.”

“Và những ai thốt ra những lời trống rỗng vô nghĩa và hoang thoại: họ là đạo đức hay là vô đạo đức ? – “Vô đạo đức, bạch Đức Thế Tôn.”

“Và những ai là vô đạo đức và thuộc ác hạnh: họ đang thực hành một cách sai trật hoặc một cách đúng đắn ?” - “Một cách sai trật, bạch Đức Thế Tôn.”

“Và những ai đang thực hành một cách sai trật: họ nắm giữ kiến giải sai lầm (*Tà Kiến*) hoặc kiến giải chân chính (*Chính Kiến*) ?” - “Kiến giải sai lầm (*Tà Kiến*), bạch Đức Thế Tôn.”

“Và nó có hợp lý chăng để đặt sự tín thành vào những ai nắm giữ kiến giải sai lầm (*Tà Kiến*) ?” - “Dạ không, bạch Đức Thế Tôn.” (Tương Ưng Bộ Kinh XLII.# 13)

“Monks, the taking of life—when indulged in, developed, and pursued—is something that leads to hell, leads to rebirth as a common

*animal, leads to **the realm of the hungry shades**. The slightest of all the results coming from the taking of life is that, when one becomes a human being, it leads to a short life span.*

“Này các vị tu sĩ, việc đoạt lấy sinh mạng – khi đã đắm say vào, đã phát triển và đã theo đuổi – đó là Pháp dắt dẫn đến Địa Ngục, dắt dẫn đến việc tái tục thành một bàng sinh thông thường, dắt dẫn đến **trong Cõi Giới của những quỷ hồn đói khát** (Cõi Ngạ Quỷ). Điều nhẹ nhất trong tất cả các kết quả bắt nguồn từ việc đoạt lấy sinh mạng, đó là khi người ta trở thành một Nhân Loại, nó dắt dẫn đến một đời sống đoản thọ.”

*“Stealing—when indulged in, developed, and pursued—is something that leads to hell, leads to rebirth as a common animal, leads to **the realm of the hungry shades**. The slightest of all the results coming from stealing is that, when one becomes a human being, it leads to the loss of one’s wealth.*

“Việc thâu đạo - khi đã đắm say vào, đã phát triển và đã theo đuổi – đó là Pháp dắt dẫn đến Địa Ngục, dắt dẫn đến việc tái tục thành một bàng sinh thông thường, dắt dẫn đến **trong Cõi Giới của những quỷ hồn đói khát** (Cõi Ngạ Quỷ). Điều nhẹ nhất trong tất cả các kết quả bắt nguồn từ việc thâu đạo, đó là khi người ta trở thành một Nhân Loại, nó dắt dẫn đến sự mất mát về của cải của mình.”

*“Sexual misconduct—when indulged in, developed, and pursued—is something that leads to hell, leads to rebirth as a common animal, leads to **the realm of the hungry shades**. The slightest of all the results coming from sexual misconduct is that, when one becomes a human being, it leads to rivalry and revenge.*

“Việc tính dục tà hạnh - khi đã đắm say vào, đã phát triển và đã theo đuổi – đó là Pháp dắt dẫn đến Địa Ngục, dắt dẫn đến việc tái tục thành một bàng sinh thông thường, dắt dẫn đến **trong Cõi Giới của những quỷ hồn đói khát** (Cõi Ngạ Quỷ). Điều nhẹ nhất trong tất cả các kết quả bắt nguồn từ việc tính dục tà hạnh, đó là khi người ta trở thành một Nhân Loại, nó dắt dẫn đến sự kình địch và sự báo thù.”

*“Telling falsehoods—when indulged in, developed, and pursued—is something that leads to hell, leads to rebirth as a common animal, leads to **the realm of the hungry shades**. The slightest of all the*

results coming from telling falsehoods is that, when one becomes a human being, it leads to being falsely accused.

“Việc nói lời dối trá - khi đã đắm say vào, đã phát triển và đã theo đuổi – đó là Pháp dắt dẫn đến Địa Ngục, dắt dẫn đến việc tái tục thành một bàng sinh thông thường, dắt dẫn đến **trong Cõi Giới của những quỷ hồn đói khát (Cõi Ngạ Quỷ)**. Điều nhẹ nhất trong tất cả các kết quả bắt nguồn từ việc nói lời dối trá, đó là khi người ta trở thành một Nhân Loại, nó dắt dẫn đến bị vu cáo một cách sai trật.”

*“Divisive tale - bearing—when indulged in, developed, and pursued—is something that leads to hell, leads to rebirth as a common animal, leads to **the realm of the hungry shades**. The slightest of all the results coming from divisive tale - bearing is that, when one becomes a human being, it leads to the breaking of one’s friendships.*

“Nói lời mách lẻo gây chia rẽ - khi đã đắm say vào, đã phát triển và đã theo đuổi – đó là Pháp dắt dẫn đến Địa Ngục, dắt dẫn đến việc tái tục thành một bàng sinh thông thường, dắt dẫn đến **trong Cõi Giới của những quỷ hồn đói khát (Cõi Ngạ Quỷ)**. Điều nhẹ nhất trong tất cả các kết quả bắt nguồn từ việc nói lời mách lẻo gây chia rẽ, đó là khi người ta trở thành một Nhân Loại, nó dắt dẫn đến sự đổ vỡ tình bạn của mình.”

*“Harsh speech—when indulged in, developed, and pursued—is something that leads to hell, leads to rebirth as a common animal, leads to **the realm of the hungry shades**. The slightest of all the results coming from harsh speech is that, when one becomes a human being, it leads to unappealing sounds.*

“Nói lời thóa mạ - khi đã đắm say vào, đã phát triển và đã theo đuổi – đó là Pháp dắt dẫn đến Địa Ngục, dắt dẫn đến việc tái tục thành một bàng sinh thông thường, dắt dẫn đến **trong Cõi Giới của những quỷ hồn đói khát (Cõi Ngạ Quỷ)**. Điều nhẹ nhất trong tất cả các kết quả bắt nguồn từ việc nói lời thóa mạ, đó là khi người ta trở thành một Nhân Loại, nó dắt dẫn đến những giọng nói không có hấp dẫn lực.”

*“Idle chatter—when indulged in, developed, and pursued—is something that leads to hell, leads to rebirth as a common animal, leads to **the realm of the hungry shades**. The slightest of all the results coming*

from idle chatter is that, when one becomes a human being, it leads to words that aren't worth taking to heart.

“Trò chuyện nhàn rỗi vô ích - khi đã đắm say vào, đã phát triển và đã theo đuổi – đó là Pháp dốt dẫn đến Địa Ngục, dốt dẫn đến việc tái tục thành một bàng sinh thông thường, dốt dẫn đến **trong Cõi Giới của những quỷ hồn đói khát** (Cõi Ngạ Quỷ). Điều nhẹ nhất trong tất cả các kết quả bắt nguồn từ việc trò chuyện nhàn rỗi vô ích, đó là khi người ta trở thành một Nhân Loại, nó dốt dẫn đến những ngôn từ không đáng để lưu tâm.”

“The drinking of fermented and distilled liquors—when indulged in, developed, and pursued—is something that leads to hell, leads to rebirth as a common animal, leads to the realm of the hungry shades. The slightest of all the results coming from drinking fermented and distilled liquors is that, when one becomes a human being, it leads to mental derangement.” (AN VIII.# 40)

“Việc uống các loại rượu đã lên men và đã chưng cất - khi đã đắm say vào, đã phát triển và đã theo đuổi – đó là Pháp dốt dẫn đến Địa Ngục, dốt dẫn đến việc tái tục thành một bàng sinh thông thường, dốt dẫn đến **trong Cõi Giới của những quỷ hồn đói khát** (Cõi Ngạ Quỷ). Điều nhẹ nhất trong tất cả các kết quả bắt nguồn từ việc uống các loại rượu đã lên men và đã chưng cất, đó là khi người ta trở thành một Nhân Loại, nó dốt dẫn đến tâm thần thác loạn.” (Tăng Chi Bộ VIII.# 40)

Then Asibandhakaputta the headman, a disciple of the Niganthas, went to the Blessed One and on arrival, having bowed down to him, sat to one side. As he was sitting there the Blessed One said to him: “Headman, how does Nigantha Nataputta teach the Dhamma to his disciples ?”

“Nigantha Nataputta teaches the Dhamma to his disciples in this way, Lord: ‘All those who take life are destined for the plane of deprivation, are destined for hell. All those who steal.... All those who indulge in sexual misconduct.... All those who tell lies are destined for the plane of deprivation, are destined for hell. Whatever one keeps doing frequently, by that is one led [to a state of rebirth].’ That’s how Nigantha Nataputta teaches the Dhamma to his disciples.”

Thế rồi thôn trưởng **Asibandhakaputta**, đệ tử của phái **Nigaṇṭha Nataputta** (Ni Kiền Tử) đã đi đến Đức Thế Tôn và khi đến nơi, đã cúi đầu đánh lễ đến Ngài, đã ngồi sang một bên. Khi ông ấy đã đang ngồi nơi đó, Đức Thế Tôn đã nói với ông ta: “Này thôn trưởng, **Nigaṇṭha Nataputta** (Ni Kiền Tử) đã thuyết Pháp cho chúng đệ tử của mình như thế nào?”

“**Nigaṇṭha Nataputta** thuyết Pháp cho chúng đệ tử của mình trong phương thức như thế này, bạch Đức Thế Tôn: “Tất cả những ai mà đoạt lấy sinh mạng thì đã có mệnh vận đọa vào Cõi Giới bần khốn, đã có mệnh vận đọa vào Địa Ngục. Tất cả những ai mà trộm cắp ...Tất cả những ai mà đắm say vào tính dục tà hạnh...Tất cả những ai mà nói lời dối trá thì đã có mệnh vận đọa vào Cõi Giới bần khốn, đã có mệnh vận đọa vào Địa Ngục. Bất luận điều chi mà người ta cứ hay làm một cách thường xuyên, bởi do thế người ta đã dắt dẫn [đến một trạng thái của việc tục sinh]. Đó là cách thức **Nigaṇṭha Nataputta** thuyết Pháp cho các đệ tử của mình.”

*“If it’s true that ‘Whatever one keeps doing frequently, by that is one led [to a state of rebirth],’ then no one is destined for the plane of deprivation or destined to hell in line with **Nigaṇṭha Nataputta**’s words. What do you think, headman: If a man is one who takes life, then taking into consideration time spent doing and not doing, whether by day or by night, which time is more: the time he spends taking life or the time he spends not taking life?”*

*“... the time he spends taking life is less, Lord, and the time he spends not taking life is certainly more. If it’s true that ‘Whatever one keeps doing frequently, by that is one led [to a state of rebirth],’ then no one is destined for the plane of deprivation or destined to hell in line with **Nigaṇṭha Nataputta**’s words.”*

“Nếu như đúng sự thực là: “Bất luận điều chi mà người ta cứ hay làm một cách thường xuyên, bởi do thế người ta đã dắt dẫn [đến một trạng thái của việc tục sinh] thế rồi phù hợp với những ngôn từ của **Nigaṇṭha Nataputta** thì không có ai đã có mệnh vận đọa vào Cõi Giới bần khốn, đã có mệnh vận đọa vào Địa Ngục cả. Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng: “Nếu như một người nam là người đoạt lấy sinh mạng, thế rồi hãy thẩm sát thời gian đã sử dụng trong việc tạo tác và không có tạo tác, cho dù là ban ngày hoặc ban đêm, thì thời gian nào nhiều hơn: thời

gian vị ấy dành cho việc đoạt lấy sinh mạng hoặc thời gian vị ấy không có dành cho việc đoạt lấy sinh mạng ?”

“...thời gian vị ấy dành cho việc đoạt lấy sinh mạng thì ít hơn, bạch Đức Thế Tôn, thời gian vị ấy không có dành cho việc đoạt lấy sinh mạng thì chắc chắn là nhiều hơn. Nếu như đúng sự thực là: “Bất luận điều chi mà người ta cứ hay làm một cách thường xuyên, bởi do thế người ta đã dắt dẫn [đến một trạng thái của việc tục sinh] thế rồi phù hợp với những ngôn từ của **Nigaṇṭha Nataputta** thì không có ai đã có mệnh vận đọa vào Cõi Giới bần khốn, đã có mệnh vận đọa vào Địa Ngục cả.”

“What do you think, headman: If a man is one who steals... indulges in sexual misconduct... tells lies, then taking into consideration time spent doing and not doing, whether by day or by night, which time is more: the time he spends telling lies or the time he spends not telling lies ?”

*“... the time he spends telling lies is less, Lord, and the time he spends not telling lies is certainly more. If it's true that ‘Whatever one keeps doing frequently, by that is one led [to a state of rebirth],’ then no one is destined for the plane of deprivation or destined to hell in line with **Nigaṇṭha Nataputta**’s words.”*

“Ông nghĩ thế nào, này thôn trưởng: “Nếu như một người nam là người trộm cắp..., đắm say trong tính dục tà hạnh..., nói những lời dối trá..., thế rồi hãy thẩm sát thời gian đã sử dụng trong việc tạo tác và không có tạo tác, cho dù là ban ngày hoặc ban đêm, thì thời gian nào nhiều hơn: thời gian vị ấy dành cho việc nói những lời dối trá hoặc thời gian vị ấy không có dành cho việc nói những lời dối trá ?”

“...thời gian vị ấy dành cho việc nói những lời dối trá thì ít hơn, bạch Đức Thế Tôn, thời gian vị ấy không có dành cho việc nói những lời dối trá thì chắc chắn là nhiều hơn. Nếu như đúng sự thực là: “Bất luận điều chi mà người ta cứ hay làm một cách thường xuyên, bởi do thế người ta đã dắt dẫn [đến một trạng thái của việc tục sinh] thế rồi phù hợp với những ngôn từ của **Nigaṇṭha Nataputta** thì không có ai đã có mệnh vận đọa vào Cõi Giới bần khốn, đã có mệnh vận đọa vào Địa Ngục cả.”

“There’s the case, headman, where a certain teacher holds this doctrine, holds this view: ‘All those who take life are destined for the plane of deprivation, are destined for hell. All those who steal.... All

those who indulge in sexual misconduct.... All those who tell lies are destined for the plane of deprivation, are destined for hell.’ A disciple has faith in that teacher, and the thought occurs to him, ‘Our teacher holds this doctrine, holds this view: “All those who take life are destined for the plane of deprivation, are destined for hell.” There are living beings that I have killed. I, too, am destined for the plane of deprivation, am destined for hell.’ He fastens onto that view. If he doesn’t abandon that doctrine, doesn’t abandon that state of mind, doesn’t relinquish that view, then as if he were to be carried off, he would thus be placed in hell.

“[The thought occurs to him,] ‘Our teacher holds this doctrine, holds this view: ‘All those who steal.... All those who indulge in sexual misconduct.... All those who tell lies are destined for the plane of deprivation, are destined for hell.’ There are lies that I have told. I, too, am destined for the plane of deprivation, am destined for hell.’ He fastens onto that view. If he doesn’t abandon that doctrine, doesn’t abandon that state of mind, doesn’t relinquish that view, then as if he were to be carried off, he would thus be placed in hell.

“Có trường hợp, này thôn trưởng, nơi mà một vị Giáo Thọ nào đó nắm giữ học thuyết như thế này, nắm giữ quan điểm như thế này: “Tất cả những ai mà đoạt lấy sinh mạng thì đã có mệnh vận đọa vào Cõi Giới bần khốn, đã có mệnh vận đọa vào Địa Ngục... Tất cả những ai mà trộm cắp... Tất cả những ai mà đắm say trong tính dục tà hạnh... Tất cả những ai mà nói những lời dối trá thì đã có mệnh vận đọa vào Cõi Giới bần khốn, đã có mệnh vận đọa vào Địa Ngục.” Một môn đồ có đức tin vào vị Giáo Thọ ấy, và sự nghĩ suy nảy sinh đến vị ấy: “Vị Giáo Thọ của chúng ta nắm giữ học thuyết như thế này, nắm giữ quan điểm như thế này: “Tất cả những ai mà đoạt lấy sinh mạng thì đã có mệnh vận đọa vào Cõi Giới bần khốn, đã có mệnh vận đọa vào Địa Ngục.” Có những chúng sinh hữu tình mà Ta đã sát mạng. Ta, cũng vậy, đã có mệnh vận đọa vào Cõi Giới bần khốn, đã có mệnh vận đọa vào Địa Ngục.” Vị ấy buộc chặt vào quan điểm ấy. Nếu như vị ấy không xả ly học thuyết ấy, không xả ly trạng thái tâm thức ấy, không từ bỏ quan điểm ấy, thế rồi y như thế vị ấy đã buộc lòng bị dẫn dắt đi, do vậy vị ấy sẽ bị đọa trong Địa Ngục.

“[Sự nghĩ suy nảy sinh đến vị ấy]: “Vị Giáo Thọ của chúng ta nắm giữ học thuyết như thế này, nắm giữ quan điểm như thế này: “Tất cả những ai mà trộm cắp... Tất cả những ai mà đắm say trong tính dục tà hạnh... Tất cả những ai mà nói những lời dối trá thì đã có mệnh vận đọa

vào Cõi Giới bần khốn, đã đọa vào Địa Ngục.” Có những chúng sinh hữu tình mà Ta đã sát mạng. Ta, cũng vậy, đã có mệnh vận đọa vào Cõi Giới bần khốn, đã có mệnh vận đọa vào Địa Ngục.” Vị ấy buộc chặt vào quan điểm ấy. Nếu như vị ấy không xả ly học thuyết ấy, không xả ly trạng thái tâm thức ấy, không từ bỏ quan điểm ấy, thế rồi y như thể vị ấy đã buộc lòng bị dắt dẫn đi, do vậy vị ấy sẽ bị đọa trong Địa Ngục.

*“There is the case, headman, where a **Tathāgata** appears in the world, worthy and rightly Self - Awakened, consummate in clear knowing and conduct, well - gone, a knower of the cosmos, unexcelled trainer of those to be tamed, teacher of human and divine beings, awakened, blessed. He, in various ways, criticizes and censures the taking of life, and says, ‘Abstain from taking life.’ He criticizes and censures stealing, and says, ‘Abstain from stealing.’ He criticizes and censures indulging in sexual misconduct, and says, ‘Abstain from indulging in sexual misconduct.’ He criticizes and censures the telling of lies, and says, ‘Abstain from the telling of lies.’*

“Có trường hợp, này thôn trưởng, nơi mà Đức Như Lai xuất hiện trong thế gian, Bạc Đà Tự Giác Ngộ, Chánh Đẳng Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thệ Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Bạc Đà Giác Ngộ, Thệ Tôn. Ngài, bằng nhiều phương thức khác nhau, đã phê bình và khiển trách việc đoạt lấy sinh mạng, và nói rằng: “Hãy tránh không làm việc đoạt lấy sinh mạng.” Ngài, đã phê bình và khiển trách việc trộm cắp, và nói rằng: “Hãy tránh không làm việc trộm cắp.” Ngài, đã phê bình và khiển trách việc đắm say trong tính dục tà hạnh, và nói rằng: “Hãy tránh không đắm say trong tính dục tà hạnh.” Ngài, đã phê bình và khiển trách việc nói những lời dối trá, và nói rằng: “Hãy tránh không nói những lời dối trá.”

“A disciple has faith in that teacher and reflects: ‘The Blessed One in a variety of ways criticizes and censures the taking of life, and says, “Abstain from taking life.” There are living beings that I have killed, to a greater or lesser extent. That was not right. That was not good. But if I become remorseful for that reason, that evil deed of mine will not be undone.’ So, reflecting thus, he abandons right then the taking of life, and in the future refrains from taking life. This is how

there comes to be the abandoning of that evil deed. This is how there comes to be the transcending of that evil deed.

“Một môn đồ có đức tin vào vị Giáo Thọ ấy và phản tỉnh: “Đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức khác nhau, phê bình và khiển trách việc đoạt lấy sinh mạng, và nói rằng: “Hãy tránh không làm việc đoạt lấy sinh mạng.” Có những chúng sinh hữu tình mà Ta đã sát mạng, đến một mức độ to lớn hơn hoặc ít ỏi hơn. Điều đó đã là không đúng. Điều đó đã là không tốt. Thế nhưng nếu như Ta trở nên hối hận vì lý do đó thì điều ác hạnh ấy của Ta sẽ không được giải khai. Bởi thế, sau khi đã phản tỉnh như vậy, ngay sau đó vị ấy xả ly việc đoạt lấy sinh mạng và tự kiểm thúc việc đoạt lấy sinh mạng ở trong thời vị lai. Đây là cách thức để sẽ đi đến việc xả ly điều ác hạnh ấy. Đây là cách thức để sẽ đi đến việc vượt lên trên điều ác hạnh ấy.

“[He reflects:] ‘The Blessed One in a variety of ways criticizes and censures stealing... indulging in sexual misconduct... the telling of lies, and says, “Abstain from the telling of lies.” There are lies I have told, to a greater or lesser extent. That was not right. That was not good. But if I become remorseful for that reason, that evil deed of mine will not be undone.’ So, reflecting thus, he abandons right then the telling of lies, and in the future refrains from telling lies. This is how there comes to be the abandoning of that evil deed. This is how there comes to be the transcending of that evil deed.” (SN XLII.# 8)

[Vị ấy phản tỉnh]: “Đức Thế Tôn bằng nhiều phương thức khác nhau, phê bình và khiển trách việc trộm cắp..., việc đắm say trong tính dục tà hạnh... việc nói những lời dối trá... và nói rằng: “Hãy tránh không nói những lời dối trá.” Có những lời dối trá mà Ta đã có nói, đến một mức độ to lớn hơn hoặc ít ỏi hơn. Điều đó đã là không đúng. Điều đó đã là không tốt. Thế nhưng nếu như Ta trở nên hối hận vì lý do đó thì điều ác hạnh ấy của Ta sẽ không được giải khai. Bởi thế, sau khi đã phản tỉnh như vậy, ngay sau đó vị ấy xả ly việc nói những lời dối trá và tự kiểm thúc việc nói những lời dối trá ở trong thời vị lai. Đây là cách thức để sẽ đi đến việc xả ly điều ác hạnh ấy. Đây là cách thức để sẽ đi đến việc vượt lên trên điều ác hạnh ấy. (Tương Ứng Bộ Kinh XLII.# 8)

On one occasion the Blessed One was staying near Nālandā in the Pāvārika Mango Grove. Then Asibandhakaputta the headman went to

*the Blessed One and on arrival, having bowed down to him, sat to one side. As he was sitting there he said to the Blessed One: “The **Brahmans** of the Western lands, Lord—those who carry water pots, wear garlands of water plants, purify with water, and worship fire—can take [the spirit of] a dead person, lift it out, instruct it, and send it to heaven. But the Blessed One, worthy and rightly Self - Awakened, can arrange it so that all the world, at the break - up of the body, after death, reappears in a good destination, a heavenly world.”*

“Vào dịp nọ Đức Thế Tôn đã đang lưu trú ở **Nālandā** trong khu rừng xoài **Pāvārikamba**. Thế rồi thôn trưởng **Asibandhakaputta** đã đi đến Đức Thế Tôn và khi đến nơi, đã cúi đầu đánh lễ đến Ngài, đã ngồi sang một bên. Khi ông ấy đã đang ngồi nơi đó, ông ấy đã tác bạch với Đức Thế Tôn: “Các vị Bà La Môn ở vùng đất Phương Tây, bạch Đức Thế Tôn, những người mà mang họ theo những bình nước, đeo những tràng hoa rong tảo, tịnh hóa với nước, và tôn thờ lửa – có thể lấy [linh hồn của] một người đã chết, nhắc nó ra, chỉ dẫn nó và gửi nó đến Cõi Thiên Giới. Thế nhưng Đức Thế Tôn, Bạc Đả Tự Giác Ngộ, Chánh Đẳng Giác, có thể bố trí được điều đó để mà tất cả thế gian, khi thân hoại và sau khi mạng chung, tái tục trong một Thiên Thú, một Cõi Thiên Giới.

“Very well, then, headman, I will question you on this matter. Answer as you see fit. What do you think: There is the case where a man is one who takes life, steals, indulges in sexual misconduct; is a liar, one who speaks divisive speech, harsh speech, and idle chatter; is greedy, bears thoughts of ill - will, and holds to wrong views. Then a great crowd of people, gathering and congregating, would pray, praise, and circumambulate with their hands palm - to - palm over the heart [saying,] ‘May this man, at the break - up of the body, after death, reappear in a good destination, a heavenly world !’ What do you think: Would that man—because of the prayers, praise, and circumambulation of that great crowd of people—at the break - up of the body, after death, reappear in a good destination, a heavenly world?”

“No, Lord.”

“Rất tốt, thế thì, này thôn trưởng, Ta sẽ hỏi Ông về vấn đề này. Hãy trả lời khi Ông thấy thích hợp. Ông nghĩ thế nào: Có trường hợp nơi mà một nam nhân là người mà đoạt lấy sinh mạng, trộm cắp, đắm say trong tính dục tà hạnh, là một kẻ nói lời dối trá, là người nói lời gây

chia rẽ, nói lời thóa mạ, và trò chuyện nhàn rỗi vô ích; là người tham lam, giữ ở trong tâm những ý tưởng cừu hận và chấp giữ những kiến giải sai lầm (*Tà Kiến*). Thế rồi một đám đông quần chúng, sau khi đã tập hợp và hội tụ lại với nhau, sẽ cầu nguyện, tán thán và đi nhiều vòng quanh với hai lòng bàn tay của họ chấp lại để ở trên ngực [nói rằng]: “Ước mong người nam này, khi thân hoại và sau khi mạng chung, được tái tục trong một Thiên Thú, một Cõi Thiên Giới !” Ông nghĩ thế nào: Người nam ấy – bởi vì những lời cầu nguyện, tán thán và việc đi nhiều vòng quanh của đám đông quần chúng ấy – thì khi thân hoại và sau khi mạng chung – sẽ tái tục trong một Thiên Thú, một Cõi Thiên Giới không ?”

“Dạ không, bạch Đức Thế Tôn.”

“Suppose a man were to throw a large boulder into a deep lake of water, and a great crowd of people, gathering and congregating, would pray, praise, and circumambulate with their hands palm – to – palm over the heart [saying,] ‘Rise up, O boulder ! Come floating up, O boulder ! Come float to the shore, O boulder !’ What do you think: Would that boulder—because of the prayers, praise, and circumambulation of that great crowd of people—rise up, come floating up, or come float to the shore ?”

“No, Lord.”

“Giả sử một người nam đã ném một tảng đá to lớn vào trong một hồ nước sâu và một đám đông quần chúng, sau khi đã tập hợp và hội tụ lại với nhau, sẽ cầu nguyện, tán thán và đi nhiều vòng quanh với hai lòng bàn tay của họ chấp lại để ở trên ngực [nói rằng]: “Hãy nổi lên, hỡi tảng đá ! Hãy nổi lên trên mặt nước, hỡi tảng đá !” Ông nghĩ thế nào: Tảng đá to lớn ấy – bởi vì những lời cầu nguyện, tán thán và việc đi nhiều vòng quanh của đám đông quần chúng đó – sẽ nổi lên, sẽ nổi lên trên mặt nước hoặc sẽ nổi trôi dạt vào bờ không ?”

“Dạ không, bạch Đức Thế Tôn.”

“So it is with any man who takes life, steals, indulges in sexual misconduct; is a liar, one who speaks divisive speech, harsh speech, and idle chatter; is greedy, bears thoughts of ill - will, and holds to wrong views. Even though a great crowd of people, gathering and congregating, would pray, praise, and circumambulate with their hands palm – to – palm over the heart—[saying,] ‘May this man, at the break -

up of the body, after death, reappear in a good destination, a heavenly world !’—still, at the break - up of the body, after death, he would reappear in deprivation, a bad destination, a lower realm, hell.”

“Nhu thế, thì với bất luận người nam nào mà đoạt lấy sinh mạng, trộm cắp, đắm say trong tính dục tà hạnh, là một kẻ nói lời dối trá, là người nói lời gây chia rẽ, nói lời thóa mạ, và trò chuyện nhàn rỗi vô ích; là người tham lam, giữ ở trong tâm những ý tưởng cừ hận và chấp giữ những kiến giải sai lầm (*Tà Kiến*). Cho dù là một đám đông quần chúng, sau khi đã tập hợp và hội tụ lại với nhau, sẽ cầu nguyện, tán thán và đi nhiều vòng quanh với hai lòng bàn tay của họ chấp lại để ở trên ngực [nói rằng]: “Ước mong người nam này, khi thân hoại và sau khi mạng chung, được tái tục trong một Thiện Thú, một Cõi Thiên Giới !” - mặc dù vậy, khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy sẽ tái tục trong Cõi Giới bần khốn, một Khổ Thú, một Cõi Giới thấp kém hơn, Địa Ngục.”

“Now what do you think: There is the case where a man is one who refrains from taking life, from stealing, and from indulging in sexual misconduct; he refrains from lying, from speaking divisive speech, from harsh speech, and from idle chatter; he is not greedy, bears no thoughts of ill - will, and holds to right view. Then a great crowd of people, gathering and congregating, would pray, praise, and circumambulate with their hands palm - to - palm over the heart [saying,] ‘May this man, at the break - up of the body, after death, reappear in deprivation, a bad destination, a lower realm, hell !’ What do you think: Would that man—because of the prayers, praise, and circumambulation of that great crowd of people—at the break - up of the body, after death, reappear in deprivation, a bad destination, a lower realm, hell ?”

“No, Lord.”

“Bây giờ Ông nghĩ thế nào: Có trường hợp nơi mà một nam nhân là người tự kiểm thúc việc đoạt lấy sinh mạng, tự kiểm thúc việc trộm cắp, và tự kiểm thúc việc đắm say trong tính dục tà hạnh; vị ấy tự kiểm thúc việc nói lời dối trá, tự kiểm thúc việc nói lời gây chia rẽ, tự kiểm thúc việc nói lời thóa mạ, và tự kiểm thúc trò chuyện nhàn rỗi vô ích; vị ấy không tham lam, không có giữ ở trong tâm những ý tưởng cừ hận và chấp giữ những kiến giải sai lầm (*Tà Kiến*). Thế rồi một đám đông quần chúng, sau khi đã tập hợp và hội tụ lại với nhau, sẽ cầu nguyện, tán thán và đi nhiều vòng quanh với hai lòng bàn tay của họ chấp lại để ở trên

ngực [nói rằng]: “Ước mong người nam này, sau khi thân hoại và mạng chung, tái tục trong Cõi Giới bần khốn, một Khổ Thú, một Cõi Giới thấp kém hơn, Địa Ngục !” Ông nghĩ thế nào: Người nam đó – bởi vì những lời cầu nguyện, tán thán và việc đi nhiều vòng quanh của đám đông quần chúng ấy – thì sau khi thân hoại và mạng chung – sẽ tái tục trong Cõi Giới bần khốn, một Khổ Thú, một Cõi Giới thấp kém hơn, Địa Ngục không ?”

“Dạ không, bạch Đức Thế Tôn.”

“Suppose a man were to throw a jar of ghee or a jar of oil into a deep lake of water, where it would break. There the shards and jar - fragments would go down, while the ghee or oil would come up. Then a great crowd of people, gathering and congregating, would pray, praise, and circumambulate with their hands palm - to - palm over the heart [saying,] ‘Sink, O ghee / oil ! Submerge, O ghee / oil ! Go down, O ghee / oil!’ What do you think: Would that ghee / oil, because of the prayers, praise, and circumambulation of that great crowd of people sink, submerge, or go down ?”

“No, Lord.”

“Giả sử một người nam đã ném một lọ bơ dùng nấu ăn hoặc một lọ dầu vào trong một hồ nước sâu, nơi mà nó sẽ tan chảy ra. Nơi đó những mảnh vỡ và từng mảnh vỡ của cái lọ sẽ chìm xuống, trong khi đó bơ dùng nấu ăn và dầu sẽ nổi lên. Thế rồi một đám đông quần chúng, sau khi đã tập hợp và hội tụ lại với nhau, sẽ cầu nguyện, tán thán và đi nhiều vòng quanh với hai lòng bàn tay của họ chấp lại để ở trên ngực [nói rằng]: “Hãy chìm xuống, bơ dùng nấu ăn ơi / dầu ơi ! Hãy chìm dưới nước, bơ dùng nấu ăn ơi, dầu ơi ! Hãy đi xuống, bơ dùng nấu ăn ơi /dầu ơi !” Ông nghĩ thế nào: bơ dùng nấu ăn ấy / dầu ấy – bởi vì những lời cầu nguyện, tán thán và việc đi nhiều vòng quanh của đám đông quần chúng ấy – sẽ chìm xuống, sẽ chìm dưới nước hoặc sẽ đi xuống không ?”

“Dạ không, bạch Đức Thế Tôn.”

“So it is with any man who refrains from taking life, from stealing, and from indulging in sexual misconduct; refrains from lying, from speaking divisive speech, from harsh speech, and from idle chatter; is not greedy, bears no thoughts of ill - will, and holds to right view. Even though a great crowd of people, gathering and congregating, would

pray, praise, and circumambulate with their hands palm – to – palm over the heart—[saying,] ‘May this man, at the break – up of the body, after death, reappear in deprivation, a bad destination, a lower realm, hell!’—still, at the break – up of the body, after death, he would reappear in a good destination, a heavenly world.” (SN XLII:6)

“Như thế, thì với bất luận người nam nào mà tự kiểm thúc việc đoạt lấy sinh mạng, tự kiểm thúc việc trộm cắp, tự kiểm thúc việc đắm say trong tính dục tà hạnh, tự kiểm thúc việc nói lời dối trá, tự kiểm thúc việc nói lời gây chia rẽ, tự kiểm thúc việc nói lời thóa mạ, và tự kiểm thúc việc trò chuyện nhàn rỗi vô ích; không có tham lam, không giữ ở trong tâm những ý tưởng cừu hận và chấp giữ những kiến giải chân chính (*Chính Kiến*). Cho dù là một đám đông quần chúng, sau khi đã tập hợp và hội tụ lại với nhau, sẽ cầu nguyện, tán thán và đi nhiều vòng quanh với hai lòng bàn tay của họ chấp lại để ở trên ngực [nói rằng]: “Ước mong người nam này, khi thân hoại và sau khi mạng chung, tái tục trong Cõi Giới bần khốn, một Khổ Thú, một Cõi Giới thấp kém hơn, Địa Ngục!”- mặc dù vậy, khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy sẽ tái tục trong một Thiện Thú, một Cõi Thiên Giới.” (Tương Ưng Bộ Kinh XLII.# 6)

-----00000-----

Bhāvanā: Meditation

Tu Tập: Thiền Định

*This was said by the Blessed One, said by the **Arahant**, so I have heard: “All the grounds for making merit leading to spontaneously arising (in heaven) do not equal one -sixteenth of Awareness - Release through **Good Will**. **Good Will**—surpassing them—shines, blazes, and dazzles.*

*“Just as the radiance of all the stars does not equal one - sixteenth of the radiance of the moon, as the moon—surpassing them—shines, blazes, and dazzles, even so, all the grounds for making merit leading to spontaneously arising in heaven do not equal one - sixteenth of Awareness - Release through **Good Will**. **Good Will**—surpassing them—shines, blazes, and dazzles.*

Điều này đã được Đức Thế Tôn nói đến, đã được bậc Bạc Vô Sinh nói đến, và như thế Tôi đã được nghe:

“Tất cả những nền tảng nhằm tạo tác ra Thiện Công Đức hầu dẫn đến việc hóa sinh (trong Cõi Thiên Giới) thì không bằng một phần mười sáu của Pháp Tinh Giác Giải Thoát thông qua **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)**. **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** – phi thường hơn chúng – tỏa sáng, chiếu sáng rực rỡ và chói sáng.

“Cũng giống như sự tỏa sáng của tất cả các vì sao thì không bằng một phần mười sáu sự phát quang của mặt trăng, vì mặt trăng – vượt trội hơn chúng – tỏa sáng, chiếu sáng rực rỡ và chói sáng; mặc dù vậy, tất cả những nền tảng nhằm tạo tác ra Thiện Công Đức hầu dẫn đến việc hóa sinh trong Cõi Thiên Giới thì không bằng một phần mười sáu của Pháp Tinh Giác Giải Thoát thông qua **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)**. **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** – phi thường hơn chúng – tỏa sáng, chiếu sáng rực rỡ và chói sáng.

*“Just as in the last month of the rains, in autumn, when the sky is clear and cloudless, the sun, on ascending the sky, overpowers the space immersed in darkness, shines, blazes, and dazzles, even so, all the grounds for making merit leading to spontaneously arising in heaven do not equal one - sixteenth of awareness - release through **Good Will**. **Good Will**—surpassing them—shines, blazes, and dazzles.*

“Cũng giống như vào tháng cuối cùng của mùa mưa, trong mùa thu, khi bầu trời trong sáng và không có mây, mặt trời đang dần mọc lên trên bầu trời, chinh phục hư không đã đắm chìm trong bóng tối, tỏa sáng, chiếu sáng rực rỡ và chói sáng; mặc dù vậy, tất cả những nền tảng nhằm tạo tác ra Thiện Công Đức hầu dẫn đến việc hóa sinh trong Cõi Thiên Giới thì không bằng một phần mười sáu của Pháp Tinh Giác Giải Thoát thông qua **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)**. **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** – phi thường hơn chúng – tỏa sáng, chiếu sáng rực rỡ và chói sáng.

*“Just as in the predawn darkness the morning star shines, blazes, and dazzles, even so, all the grounds for making merit leading to spontaneously arising in heaven do not equal one - sixteenth of awareness - release through **Good Will**. **Good Will**—surpassing them—shines, blazes, and dazzles.”*

“Cũng giống như khoảng thời gian trước rạng đông, sao mai tỏa sáng, chiếu sáng rực rỡ và chói sáng; mặc dù vậy, tất cả những nền tảng

nhằm tạo tác ra Thiện Công Đức hầu dẫn dắt đến việc hóa sinh trong Cõi Thiên Giới thì không bằng một phần mười sáu của Pháp Tinh Giác Giải Thoát thông qua **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)**. **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** – phi thường hơn chúng – tỏa sáng, chiếu sáng rực rỡ và chói sáng.

*When one develops—mindful—
good will immeasurable,
fetters are worn through,
on seeing the ending
of acquisitions.*

*If with uncorrupted mind
you feel good will
for even one being,
you become skilled from that.
But a Noble One produces
a mind of sympathy
for all beings,
an abundance of merit.*

*Kingly seers, who conquered the earth
swarming with beings,
went about making sacrifices:
the horse sacrifice, human sacrifice,
water rites, soma rites,
and the “Unobstructed,”
but these don’t equal
one sixteenth of a well - developed mind of good will—
as all the constellations don’t,
one sixteenth of the radiance of the moon.*

*One who neither kills
nor gets others to kill,
neither conquers,
nor gets others to conquer,
with good will for all beings,
has no hostility with anyone at all. (Iti.# 27)*

Ai tu tập Từ Tâm,
Không phóng dật Chính Niệm,
Các kiết sử giảm thiểu,
Nhờ thấy Sinh Y diệt.

Nếu Tâm không độc ác,
Đối với một hữu tình,
Với Từ Tâm như vậy,
Vị ấy là bậc Thiện.

Với Tâm tư từ mẫn,
Với tất cả hữu tình,
Bậc Thánh tự tác thành,
Công đức thật vô lượng.

Ai chiến thắng quả đất,
Đầy đầy những hữu tình,
Bậc Vua Chúa chân chính,
Như các vị tiên nhân,
Tổ chức khắp mọi nơi,
Đủ các loại tế đàn,
Lễ tế đàn với ngựa,
Lễ tế đàn với người,
Quảng cộc, rượu chiến thắng,
Lễ chót cửa đẹp lại,
Họ không tác thành được,
Một phần thứ mười sáu,
Với người khéo tu tập,
Tâm ý thật từ mẫn,
Như ánh sáng mặt trăng,
Thắng sáng mọi vì sao.
Ai không có giết hại,
Không khiến người giết hại,
Không có chinh phục người,
Không khiến người chinh phục,
Với Tâm tư từ mẫn,
Đối với mọi chúng sinh,

Vị ấy không hận thù.

Đối với bất cứ ai. (Như Thị Ngũ Kinh. # 27)

“Now, what are the roots of unskillful things ? Greed is a root of unskillful things, aversion is a root of unskillful things, delusion is a root of unskillful things. These are termed the roots of unskillful things...”

“And what are the roots of skillful things ? Lack of greed is a root of skillful things, lack of aversion is a root of skillful things, lack of delusion is a root of skillful things. These are termed the roots of skillful things.” (MN.# 9)

“Bây giờ, thế nào là những gốc rễ của các Pháp bất thiện xảo ? Tham lam là một gốc rễ của các Pháp bất thiện xảo, sự ác cảm là một gốc rễ của các Pháp bất thiện xảo, sự si mê là một gốc rễ của các Pháp bất thiện xảo. Các điều này được gọi là những gốc rễ của các Pháp bất thiện xảo...”

“Và thế nào là những gốc rễ của các Pháp thiện xảo ? Khiêm khuyết lòng tham lam là một gốc rễ của các Pháp thiện xảo, khiêm khuyết sự ác cảm là một gốc rễ của các Pháp thiện xảo, khiêm khuyết sự si mê là một gốc rễ của các Pháp thiện xảo. Các điều này được gọi là những gốc rễ của các Pháp thiện xảo. (Trung Bộ Kinh.# 9)

*Then the **Kālāmās** of **Kesaputta** went to the Blessed One. On arrival, some of them bowed down to the Blessed One and sat to one side. Some of them exchanged courteous greetings with him and, after an exchange of friendly greetings and courtesies, sat to one side. Some of them sat to one side having saluted him with their hands palm – to – palm over their hearts. Some of them sat to one side having announced their name and clan. Some of them sat to one side in silence.*

Thế rồi những người dân **Kālāmā** ở **Kesaputta** đã đi đến Đức Thế Tôn. Khi đến nơi, một vài người trong số của họ đã cúi đầu đánh lễ đến Đức Thế Tôn và đã ngồi sang một bên. Có vài người trong số của họ đã trao đổi những lời chào hỏi lịch sự với Đức Thế Tôn và sau việc trao đổi những lời thân hữu và lịch sự, đã ngồi sang một bên. Có một vài người trong số của họ đã ngồi sang một bên sau khi đã vái chào Ngài với hai lòng bàn tay của họ chấp lại để ở trên ngực của mình. Có vài người trong số của họ đã ngồi sang một bên sau khi đã công bố tên và gia tộc của họ. Có vài người trong số của họ đã ngồi sang một bên trong sự im lặng.

*As they sat there, the **Kālāmās** of **Kesaputta** said to the Blessed One, “Lord, there are some priests and contemplatives who come to **Kesaputta**. They expound and glorify their own doctrines, but as for the doctrines of others, they deprecate them, revile them, show contempt for them, and disparage them. And then other priests and contemplatives come to **Kesaputta**. They expound and glorify their own doctrines, but as for the doctrines of others, they deprecate them, revile them, show contempt for them, and disparage them. They leave us absolutely uncertain and in doubt: Which of these Venerable priests and contemplatives are speaking the truth, and which ones are lying ?”*

Khi họ đã ngồi ở nơi đó, những người dân **Kālāmā** ở **Kesaputta** đã tác bạch đến Đức Thế Tôn: “Bạch Đức Thế Tôn, có một vài vị tể hành hoặc các bậc hảo trầm tư giả họ đi đến **Kesaputta**. Họ giảng giải và tôn sùng những học thuyết của riêng họ, thế nhưng đối với các học thuyết của những người khác thì họ phản đối chúng, họ phỉ báng chúng, tỏ thái độ miệt thị chúng và đánh giá thấp chúng. Và sau đó những vị tể hành hoặc các bậc hảo trầm tư giả khác họ đi đến **Kesaputta**. Họ giảng giải và tôn sùng những học thuyết của riêng họ, thế nhưng đối với các học thuyết của những người khác thì họ phản đối chúng, họ phỉ báng chúng, tỏ thái độ miệt thị chúng và đánh giá thấp chúng. Họ để lại cho chúng tôi quả thật là bất xác tri và đang có sự nghi ngờ: Trong những vị tể hành hoặc các bậc hảo trầm tư giả này thì những ai là đã đang nói sự thực và những ai là đã đang nói lời dối trá ?”

*“Of course you are uncertain, **Kālāmās**. Of course you are in doubt. When there are reasons for doubt, uncertainty is born. So in this case, **Kālāmās**, don’t go by reports, by legends, by traditions, by scripture, by logical conjecture, by inference, by analogies, by agreement through pondering views, by probability, or by the thought, ‘This contemplative is our teacher.’ When you know for yourselves that, ‘These qualities are unskillful; these qualities are blameworthy; these qualities are criticized by the wise; these qualities, when undertaken and carried out, lead to harm and to suffering’—then you should abandon them.*

“Lẽ đương nhiên các ông bất xác tri, này những người dân **Kālāmā**. Lẽ đương nhiên các ông đang có sự nghi ngờ. Khi có những

lý do để nghi ngờ thì sự bất xác tri đã được sinh ra. Vì vậy trong trường hợp này, này những người dân **Kālāmā**, không dựa theo vì những bản báo cáo, vì những truyền thuyết, vì những truyền thống, vì văn bản kinh điển, vì sự suy đoán biện chứng, vì sự suy luận, vì Phép loại suy, vì sự đồng ý qua những kiến giải khảo luận cẩn trọng, vì theo xác suất hoặc vì sự nghĩ suy. Bậc hảo trầm tư giả này là vị Giáo Thọ của chúng ta.” Khi tự bản thân các ông liễu tri được rằng: “Những tính chất này là bất thiện xảo, những tính chất này là ứng thụ khiển trách, những tính chất này đã bị bậc trí tuệ phê bình; những tính chất này, khi đã thực hiện và đã tiến hành, dắt dẫn đến sự tổn hại và sự khổ đau” thế là các ông nên xả ly chúng.

“What do you think, **Kālāmās** ? When greed arises in a person, does it arise for welfare or for harm ?”

“For harm, Lord.”

“And this greedy person, overcome by greed, his mind possessed by greed, kills living beings, takes what is not given, goes after another person’s wife, tells lies, and induces others to do likewise, all of which is for long - term harm and suffering ?”

“Yes, Lord.”

“Các ông nghĩ thế nào, này các người dân **Kālāmā** ? Khi lòng tham lam khởi sinh lên ở trong một người, thì nó khởi sinh lên vì sự phúc lợi hay vì sự tổn hại ?

“Vì sự tổn hại, bạch Đức Thế Tôn.”

“Và người tham lam này, bị áp phục bởi lòng tham, tâm thức của vị ấy đã bị lòng tham chiếm hữu, sát mạng những chúng sinh hữu tình, lấy điều mà đã không được cho, chạy đuổi theo vợ của tha nhân, nói những lời dối trá và khuyến nủ những người khác cũng làm tương tự như vậy; tất cả những điều đó có làm cho sự tổn hại và sự khổ đau lâu dài không ?”

“Dạ có, bạch Đức Thế Tôn.”

[Similarly with aversion and delusion.]

[Một cách tương tự với sự ác cảm và sự si mê.]

“So, as I said, **Kālāmās**: ‘Don’t go by reports, by legends, by traditions, by scripture, by logical conjecture, by inference, by analogies, by agreement through pondering views, by probability, or by

the thought, “This contemplative is our teacher.” When you know for yourselves that, “These qualities are unskillful; these qualities are blameworthy; these qualities are criticized by the wise; these qualities, when undertaken and carried out, lead to harm and to suffering”—then you should abandon them.’ Thus was it said. And in reference to this was it said.

“Như thế, này những người dân **Kālāmā**, như Ta đã nói: “Không dựa theo vì những bản báo cáo, vì những truyền thuyết, vì những truyền thống, vì văn bản kinh điển, vì sự suy đoán biện chứng, vì sự suy luận, vì Phép loại suy, vì sự đồng ý qua những kiến giải khảo luận căn trọng, vì theo xác suất hoặc vì sự nghĩ suy. Bậc hảo trầm tư giả này là vị Giáo Thọ của chúng ta.” Khi tự bản thân các ông liễu tri được rằng: “Những tính chất này là bất thiện xảo, những tính chất này là ứng thụ khiển trách, những tính chất này đã bị bậc trí tuệ phê bình; những tính chất này, khi đã thực hiện và đã tiến hành thì dắt dẫn đến sự tổn hại và sự khổ đau” - thế là các ông nên xả ly chúng. Do vậy nó đã được nói đến. Và trong sự tham chiếu đến điều này, nó đã được nói đến.

*“Now, **Kālāmās**, don’t go by reports, by legends, by traditions, by scripture, by logical conjecture, by inference, by analogies, by agreement through pondering views, by probability, or by the thought, ‘This contemplative is our teacher.’ When you know for yourselves that, ‘These qualities are skillful; these qualities are blameless; these qualities are praised by the wise; these qualities, when undertaken and carried out, lead to welfare and to happiness’—then you should enter and remain in them.*

*“What do you think, **Kālāmās** ? When lack of greed arises in a person, does it arise for welfare or for harm ?”*

“For welfare, Lord.”

“And this ungreedy person, not overcome by greed, his mind not possessed by greed, doesn’t kill living beings, take what is not given, go after another person’s wife, tell lies, or induce others to do likewise, all of which is for long - term welfare and happiness.”

“Yes, Lord.”

“Bây giờ, này những người dân **Kālāmā**, không dựa theo vì những bản báo cáo, vì những truyền thuyết, vì những truyền thống, vì văn bản kinh điển, vì sự suy đoán biện chứng, vì sự suy luận, vì Phép loại suy, vì

sự đồng ý qua những kiến giải khảo lự cẩn trọng, vì theo xác suất hoặc vì sự nghĩ suy. Bậc hảo tâm tư giả này là vị Giáo Thọ của chúng ta.” Khi tự bản thân các ông liễu tri được rằng: “Những tính chất này là thiện xảo, những tính chất này là vô khả trách bị, những tính chất này đã được bậc trí tuệ tán thán; những tính chất này, khi đã thực hiện và đã được tiến hành thì dắt dẫn đến sự phúc lợi và niềm hạnh phúc”- thế là các ông nên tham dự phần vào và an trú ở trong chúng.”

“Các ông nghĩ thế nào, này các người dân **Kālāmā** ? Khi khiếm khuyết lòng tham khởi sinh lên ở trong một người, thì nó khởi sinh lên vì sự phúc lợi hay vì sự tổn hại ?

“Vì sự phúc lợi, bạch Đức Thế Tôn.”

“Và người không có tham lam này, không có bị áp phục bởi lòng tham, tâm thức của vị ấy đã không có bị lòng tham chiếm hữu, đã không có sát mạng những chúng sinh hữu tình, đã không có lấy điều mà đã không được cho, đã không có chạy đuổi theo vợ của tha nhân, đã không có nói những lời dối trá và đã không có khuyên nhủ những người khác cũng làm tương tự như vậy; tất cả những điều đó có làm cho sự phúc lợi và niềm hạnh phúc lâu dài không ?”

“Dạ có, bạch Đức Thế Tôn.”

[Similarly with lack of aversion and lack of delusion.]

[Một cách tương tự với sự khiếm khuyết lòng ác cảm và sự khiếm khuyết sự si mê.]

“So, as I said, **Kālāmās**: ‘Don’t go by reports, by legends, by traditions, by scripture, by logical conjecture, by inference, by analogies, by agreement through pondering views, by probability, or by the thought, “This contemplative is our teacher.” When you know for yourselves that, “These qualities are skillful; these qualities are blameless; these qualities are praised by the wise; these qualities, when undertaken and carried out, lead to welfare and to happiness”—then you should enter and remain in them.’ Thus was it said. And in reference to this was it said.

“Như thế, này những người dân **Kālāmā**, như Ta đã nói: “Không dựa theo vì những bản báo cáo, vì những truyền thuyết, vì những truyền

thống, vì văn bản kinh điển, vì sự suy đoán biện chứng, vì sự suy luận, vì Phép loại suy, vì sự đồng ý qua những kiến giải khảo luận cần trọng, vì theo xác suất hoặc vì sự nghĩ suy. Bậc hảo tâm tư giả này là vị Giáo Thọ của chúng ta.” Khi tự bản thân các ông liễu tri được rằng: “Những tính chất này là thiện xảo, những tính chất này là vô khả trách bị, những tính chất này đã được bậc trí tuệ tán thán; những tính chất này, khi đã thực hiện và đã được tiến hành thì dẫn đến sự phúc lợi và niềm hạnh phúc”- thế là các ông nên tham dự phần vào và an trú ở trong chúng.” Do vậy nó đã được nói đến. Và trong sự tham chiếu đến điều này, nó đã được nói đến.

“Now, *Kālāmās*, one who is a disciple of the noble ones—thus devoid of greed, devoid of ill will, undeluded, alert, and resolute—keeps pervading the first direction [the East]—as well as the second direction, the third, and the fourth—with an awareness imbued with **Good Will**. Thus he keeps pervading above, below, and all around, everywhere and in every respect the all - encompassing world with an awareness imbued with **Good Will**: abundant, expansive, immeasurable, free from hostility, free from ill will.

“Bây giờ, này những người dân **Kālāmā**, có một người là một đệ tử của Chư Thánh Nhân – do vậy chẳng có lòng tham, chẳng có sự cừ hận, chẳng có sự lừa gạt dối manh, cảnh tỉnh và cương quyết – được biến mãn tâm thức đến hướng thứ nhất (hướng Đông) – cũng như hướng thứ hai, thứ ba và thứ tư – với sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiện Ý (Tì Ái Tâm)**. Thế là vị ấy biến mãn đến hướng trên, hướng dưới và lan tỏa khắp chung quanh, khắp mọi nơi, và trên khắp mọi phương diện bao trùm cả thế gian với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiện Ý (Tì Ái Tâm)**: chan chứa tấm lòng vô lượng bác ái vị tha, không pha ác cảm, không vương tư thù.

“He keeps pervading the first direction—as well as the second direction, the third, and the fourth—with an awareness imbued with **Compassion**. Thus he keeps pervading above, below, and all around, everywhere and in every respect the all - encompassing world with an awareness imbued with **Compassion**: abundant, expansive, immeasurable, free from hostility, free from ill will.

“Vị ấy biến mãn tâm thức đến hướng thứ nhất— cũng như hướng thứ hai, thứ ba và thứ tư – với sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Lòng Bi Mẫn (sự đồng tình)**. Thế là vị ấy biến mãn đến hướng trên, hướng dưới và lan tỏa khắp chung quanh, khắp mọi nơi, và trên khắp mọi phương diện bao trùm cả thế gian với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Lòng Bi Mẫn (sự đồng tình)**: chan chứa tâm lòng vô lượng bác ái vị tha, không pha ác cảm, không vương tư thù.

*“He keeps pervading the first direction—as well as the second direction, the third, and the fourth—with an awareness imbued with **Empathetic Joy**. Thus he keeps pervading above, below, and all around, everywhere and in every respect the all -encompassing world with an awareness imbued with **Empathetic Joy**: abundant, expansive, immeasurable, free from hostility, free from ill will.*

“Vị ấy biến mãn tâm thức đến hướng thứ nhất— cũng như hướng thứ hai, thứ ba và thứ tư – với sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Sự Tùy Hỷ (Lạc Sự Vị Tha)**. Thế là vị ấy biến mãn đến hướng trên, hướng dưới và lan tỏa khắp chung quanh, khắp mọi nơi, và trên khắp mọi phương diện bao trùm cả thế gian với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Sự Tùy Hỷ (Lạc Sự Vị Tha)**: chan chứa tâm lòng vô lượng bác ái vị tha, không pha ác cảm, không vương tư thù.

*“He keeps pervading the first direction—as well as the second direction, the third, and the fourth—with an awareness imbued with **Equanimity**. Thus he keeps pervading above, below, and all around, everywhere and in every respect the all - encompassing world with an awareness imbued with **Equanimity**: abundant, expansive, immeasurable, free from hostility, free from ill will.*

“Vị ấy biến mãn tâm thức đến hướng thứ nhất— cũng như hướng thứ hai, thứ ba và thứ tư – với sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Sự Hành Xả (Sự Trán Tịnh)**. Thế là vị ấy biến mãn đến hướng trên, hướng dưới và lan tỏa khắp chung quanh, khắp mọi nơi, và trên khắp mọi phương diện bao trùm cả thế gian với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Sự Hành Xả (Sự Trán Tịnh)**: chan chứa tâm lòng vô lượng bác ái vị tha, không pha ác cảm, không vương tư thù.

*“Now, **Kālāmās**, one who is a disciple of the noble ones—his mind thus free from hostility, free from ill will, undefiled, and pure—acquires four assurances in the here – and - now:*

“‘If there is a world after death, if there is the fruit of actions rightly and wrongly done, then this is the basis by which, with the break-up of the body, after death, I will reappear in a good destination, a heavenly world.’ This is the first assurance he acquires.

“‘But if there is no world after death, if there is no fruit of actions rightly and wrongly done, then here in the present life I look after myself with ease—free from hostility, free from ill will, free from trouble.’ This is the second assurance he acquires.

Bây giờ, này những người dân **Kālāmā**, có một người vị ấy là một đệ tử của Chư Thánh Nhân – tâm thức của vị ấy do vậy không pha ác cảm, không vương tư thù, bất uế nhiễm và tinh khiết – có được bốn sự an ổn ngay tức thời:

“Nếu như có một đời sống sau khi tử vong, nếu như có thành quả của những tác hành đã được thực hiện một cách đúng đắn và một cách sai trật, thế thì đây là cơ sở để mà, khi thân hoại và mạng chung, Tôi sẽ tái tục trong một Thiện Thú, một Cõi Thiên Giới.” Đây là sự an ổn thứ nhất mà vị ấy có được.

“Nếu như không có đời sống sau khi tử vong, nếu như không có thành quả của những tác hành đã được thực hiện một cách đúng đắn và một cách sai trật, thế thì trong kiếp sống hiện tại Ta chăm sóc bản thân mình một cách dễ dàng - không pha ác cảm, không vương tư thù, không có sự hệ lụy. Đây là sự an ổn thứ nhất mà vị ấy có được.

“‘If evil is done through acting, still I have willed no evil for anyone. Having done no evil action, from where will suffering touch me?’ This is the third assurance he acquires.

“‘But if no evil is done through acting, then I can assume myself pure in both respects.’ This is the fourth assurance he acquires.

“One who is a disciple of the noble ones—his mind thus free from hostility, free from ill will, undefiled, and pure—acquires these four assurances in the here – and - now.” (AN III.# 66)

“Nếu như điều xấu ác được tạo là bởi do sự tác hành, mặc dù vậy Tôi đã không có ý muốn điều xấu ác cho bất cứ ai. Đã không có tạo tác

ác hạnh thì từ nơi đâu sự khổ đau sẽ can hệ đến Tôi ?” Đây là sự an ổn thứ ba mà vị ấy có được.

“Thế nhưng nếu như không có điều xấu ác nào được tạo bởi do sự tác hành, thế thì Tôi có thể tự cho bản thân mình tinh khiết ở cả hai phương diện.” Đây là sự an ổn thứ tư vị ấy có được.

“Một người vị ấy là một đệ tử của Chư Thánh Nhân – tâm thức của vị ấy do vậy không pha ác cảm, không vương tư thù, bất uế nhiễm và tinh khiết – có được bốn sự an ổn này ngay tức thời.” (Tăng Chi Bộ Kinh III.# 66)

*Then a large number of monks went to the Blessed One and, on arrival, having bowed down to him, sat to one side. As they were sitting there they said to him, “Lord, just now in **Sāvatthi** a certain monk died after having been bitten by a snake.”*

*“Then it’s certain, monks, that that monk didn’t suffuse the four royal snake lineages with a mind of **Good Will**. For if he had suffused the four royal snake lineages with a mind of **Good Will**, he would not have died after having been bitten by a snake. Which four ? The **Virūpakkha** royal snake lineage, the **Erāpatha** royal snake lineage, the **Chabyāputta** royal snake lineage, the Dark **Gotamaka** royal snake lineage. It’s certain that that monk didn’t suffuse these four royal snake lineages with a mind of **Good Will**. For if he had suffused these four royal snake lineages with a mind of **Good Will**, he would not have died after having been bitten by a snake. I allow you, monks, to suffuse these four royal snake lineages with a mind of **Good Will** for the sake of self - protection, self - guarding, self - preservation.”*

Thế rồi một số lượng lớn các vị tu sĩ đã đi đến Đức Thế Tôn và, khi đến nơi, đã cúi đầu đánh lễ đến Đức Thế Tôn và đã ngồi sang một bên. Khi họ đã đang ngồi ở nơi đó, họ đã tác bạch đến Ngài: “Bạch Đức Thế Tôn, thoát mới đây, có một vị tu sĩ nào đó ở **Sāvatthi** đã mệnh chung sau khi đã bị rắn cắn.”

“Thế là chắc chắn rằng, này các vị tu sĩ, vị tu sĩ ấy đã không có đượm nhuần với một tâm thức **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** đến bốn dòng giống xà vương. Vì nếu như vị ấy đã có đượm nhuần với một tâm thức **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** đến bốn dòng giống Xà Vương thì vị ấy sẽ không có mệnh chung sau khi đã bị rắn cắn. Thế nào là bốn ? Dòng giống Xà Vương **Virūpakkha**, dòng giống Xà Vương **Erāpattha**, dòng giống Xà

Vương **Chabyāputta**, dòng giống Xà Vương **Kaṇhāgotamaka**. Chắc chắn rằng vị tu sĩ ấy đã không có đượm nhuần với một tâm thức **Thiện Ý (Tỳ Ái Tâm)** đến bốn dòng giống xà vương. Nếu như vị ấy đã có đượm nhuần với một tâm thức **Thiện Ý (Tỳ Ái Tâm)** đến bốn dòng giống xà vương thì vị ấy sẽ không có mệnh chung sau khi đã bị rắn cắn. Ta cho phép các người, này các vị tu sĩ, hãy đượm nhuần với một tâm thức **Thiện Ý (Tỳ Ái Tâm)** đến bốn dòng giống Xà Vương này vì lợi ích trong việc tự ngã phòng hộ, tự ngã bảo vệ và tự ngã bảo hộ.”

*I have good will for the **Virūpakkhas**,
good will for the **Erāpathas**,
good will for the **Chabyāputtas**,
good will for the Dark **Gotamakas**.*

*I have good will for footless beings,
good will for two - footed beings,
good will for four - footed beings,
good will for many - footed beings.*

*May footless beings do me no harm.
May two - footed beings do me no harm.
May four - footed beings do me no harm.
May many - footed beings do me no harm.*

*May all creatures,
all breathing things,
all beings
—each and every one—
meet with good fortune.
May none of them come to any evil.
Limitless is the **Buddha**,
limitless the **Dhamma**,
limitless the **Saṅgha**.
There is a limit to creeping things:
snakes, scorpions, centipedes,
spiders, lizards, and rats.
I have made this safeguard,*

I have made this protection.
May the beings depart.
I pay homage
to the Blessed One,
homage to the seven
rightly Self - Awakened ones. (AN IV.# 67)
 Ta hãy có Từ Tâm
 Với **Virūpakkha,**
 Ta hãy có Từ Tâm với **Erāpattha,**
 Ta hãy có Từ Tâm
 Với **Chabyāputta,**
 Ta hãy có Từ Tâm
 Với **Kaīhāgotamaka;**

Ta hãy có Từ Tâm
 Với các loài không chân,
 Ta hãy có Từ Tâm
 Với các loài hai chân,
 Ta hãy có Từ Tâm
 Với các loài bốn chân,
 Ta hãy có Từ Tâm,
 Với các loài nhiều chân,

Mong rằng loài không chân
 Không có làm hại ta,
 Mong rằng loài hai chân
 Không có làm hại ta,
 Mong rằng loài bốn chân
 Không có làm hại ta,
 Mong rằng loài nhiều chân
 Không có làm hại ta,

Mọi chúng sinh, hữu tình
 Toàn thể mọi sinh vật,
 Mong chúng thấy hiền Thiện,
 Chớ đi đến điều ác. (Tăng Chi Bộ Kinh IV.# 67)

*“Monks, there are these five aspects of speech by which others may address you: timely or untimely, true or false, affectionate or harsh, beneficial or unbeneficial, with a mind of **Good Will** or with inner hate. Others may address you in a timely way or an untimely way. They may address you with what is true or what is false. They may address you in an affectionate way or a harsh way. They may address you in a beneficial way or an unbeneficial way. They may address you with a mind of **Good Will** or with inner hate. In any event, you should train yourselves: ‘Our minds will be unaffected and we will say no evil words. We will remain sympathetic to that person’s welfare, with a mind of **Good Will**, and with no inner hate. We will keep pervading him with an awareness imbued with **Good Will** and, beginning with him, we will keep pervading the all - encompassing world with an awareness imbued with **Good Will**—abundant, expansive, immeasurable, free from hostility, free from ill will.’ That’s how you should train yourselves.*

“Này các vị tu sĩ, có năm phương diện về ngôn từ mà các tha nhân có thể nói chuyện với các người: hợp thời hoặc phi thời, chân thực hoặc dối trá, hữu ái tâm hoặc thô ác ngữ, hữu phúc lợi hoặc phi phúc lợi, với một tâm thức **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** hoặc với sự tiềm ẩn hận thù. Các tha nhân có thể nói chuyện với các người trong một phương thức hợp thời hoặc một phương thức phi thời. Họ có thể nói chuyện với các người với điều chân thực hoặc với điều dối trá. Họ có thể nói chuyện với các người trong một phương thức hữu ái tâm hoặc trong một phương thức thô ác ngữ. Họ có thể nói chuyện với các người trong một phương thức hữu phúc lợi hoặc một phương thức phi phúc lợi. Họ có thể nói chuyện với các người với một tâm thức **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** hoặc với sự tiềm ẩn hận thù. Trong bất cứ sự kiện nào, các người cần phải tu dưỡng bản thân mình: “Tâm thức của chúng tôi sẽ không bị biến nhiễm và chúng tôi sẽ không nói những thô ác ngữ. Chúng tôi sẽ vẫn giữ sự thiện cảm đối với điều phúc lợi của người ấy, với một tâm thức **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** và không có sự tiềm ẩn hận thù. Chúng tôi sẽ biến mãn tâm thức đến vị ấy với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** và, bắt đầu với vị ấy, chúng ta sẽ biến mãn tâm thức đến khắp mọi phương diện bao trùm cả thế gian với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** - chan chứa tấm lòng vô lượng bác ái vị tha, không pha ác cảm, không vương tư thù.” Đó là cách thức mà các người cần phải tu dưỡng bản thân mình.

“Suppose that a man were to come along carrying a hoe and a basket, saying, ‘I will make this great earth be without earth.’ He would dig here and there, scatter soil here and there, spit here and there, urinate here and there, saying, ‘Be without earth. Be without earth.’ Now, what do you think—would he make this great earth be without earth?”

“No, Lord. Why is that ? Because this great earth is deep and enormous. It can’t easily be made to be without earth. The man would reap only a share of weariness and disappointment.”

“Giả sử rằng một nam nhân cầm một cái cuốc và một cái giỏ đã đi đến và nói rằng: “Tôi sẽ làm cho quả địa cầu to lớn này không còn là quả địa cầu.” Vị ấy sẽ đào chỗ này chỗ nọ, vung vãi đất chỗ này chỗ nọ, khác nhỏ chỗ này chỗ nọ, tiểu tiện chỗ này chỗ nọ, khi nói rằng: “Cho không còn là quả địa cầu. Cho không còn là quả địa cầu.” Bấy giờ, các người nghĩ thế nào – vị ấy sẽ làm cho quả địa cầu này không còn là quả địa cầu được không?”

“Dạ không, bạch Đức Thế Tôn. Vì sao vậy ? Bởi vì quả địa cầu to lớn này sâu thẳm và khổng lồ. Không thể nào dễ dàng để làm cho không còn quả địa cầu được. Vị ấy chỉ sẽ gặt hái một phần nào ngán ngẫm và thất vọng.”

*In the same way, monks, there are these five aspects of speech by which others may address you: timely or untimely, true or false, affectionate or harsh, beneficial or unbeneficial, with a mind of good will or with inner hate. Others may address you in a timely way or an untimely way. They may address you with what is true or what is false. They may address you in an affectionate way or a harsh way. They may address you in a beneficial way or an unbeneficial way. They may address you with a mind of **Good Will** or with inner hate. In any event, you should train yourselves: ‘Our minds will be unaffected and we will say no evil words. We will remain sympathetic to that person’s welfare, with a mind of **Good Will**, and with no inner hate. We will keep pervading him with an awareness imbued with **Good Will** and, beginning with him, we will keep pervading the all - encompassing world with an awareness imbued with **Good Will** equal to the great earth—abundant,*

expansive, immeasurable, free from hostility, free from ill will.’ That’s how you should train yourselves.

Trong cùng phương thức, này các vị tu sĩ, có năm phương diện về ngôn từ mà các tha nhân có thể nói chuyện với các người: hợp thời hoặc phi thời, chân thực hoặc dối trá, hữu ái tâm hoặc thô ác ngữ, hữu phúc lợi hoặc phi phúc lợi, với một tâm thức **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** hoặc với sự tiềm ẩn hận thù. Các tha nhân có thể nói chuyện với các người trong một phương thức hợp thời hoặc một phương thức phi thời. Họ có thể nói chuyện với các người với điều chân thực hoặc với điều dối trá. Họ có thể nói chuyện với các người trong một phương thức hữu ái tâm hoặc trong một phương thức thô ác ngữ. Họ có thể nói chuyện với các người trong một phương thức hữu phúc lợi hoặc một phương thức phi phúc lợi. Họ có thể nói chuyện với các người với một tâm thức **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** hoặc với sự tiềm ẩn hận thù. Trong bất cứ sự kiện nào, các người cần phải tu dưỡng bản thân mình: “Tâm thức của chúng tôi sẽ không bị biến nhiễm và chúng tôi sẽ không nói những thô ác ngữ. Chúng tôi sẽ vẫn giữ sự thiện cảm đối với điều phúc lợi của người ấy, với một tâm thức **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** và không có sự tiềm ẩn hận thù. Chúng tôi sẽ biến mãn tâm thức đến vị ấy với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** và, bắt đầu với vị ấy, chúng ta sẽ biến mãn tâm thức đến khắp mọi phương diện bao trùm cả thế gian với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** sánh tợ quả địa cầu to lớn - chan chứa tâm lòng vô lượng bác ái vị tha, không pha ác cảm, không vương tư thù.” Đó là cách thức mà các người cần phải tu dưỡng bản thân mình.

“Suppose that a man were to come along carrying lac, yellow orpiment, indigo, or crimson, saying, ‘I will draw pictures in space, I will make pictures appear.’ Now, what do you think—would he draw pictures in space and make pictures appear?”

“No, Lord. Why is that ? Because space is formless and featureless. It’s not easy to draw pictures there and to make them appear. The man would reap only a share of weariness and disappointment.”

“Giả sử rằng một nam nhân cầm màu đỏ cánh kiến, màu vàng huỳnh thạch, màu lam sẫm, hoặc màu đỏ thắm, đã đi đến và nói rằng: “Tôi sẽ vẽ những tranh ảnh trong hư không, Tôi sẽ làm cho những tranh

ảnh hiển lộ.” Bấy giờ, các người nghĩ thế nào – vị ấy sẽ vẽ những tranh ảnh trong hư không và làm cho những tranh ảnh hiển lộ được không?”

“Dạ không, bạch Đức Thế Tôn. Vì sao vậy? Bởi vì hư không thì vô định hình và vô đặc sắc. Không thể nào dễ dàng để vẽ những tranh ảnh ở nơi đó và làm cho chúng hiển lộ được. Vị ấy chỉ sẽ gặt hái một phần nào ngán ngẫm và thất vọng.”

*“In the same way, monks, there are these five aspects of speech by which others may address you.... In any event, you should train yourselves: ‘Our minds will be unaffected and we will say no evil words. We will remain sympathetic to that person’s welfare, with a mind of **Good Will**, and with no inner hate. We will keep pervading him with an awareness imbued with **Good Will** and, beginning with him, we will keep pervading the all - encompassing world with an awareness imbued with **Good Will** equal to space—abundant, expansive, immeasurable, free from hostility, free from ill will.’ That’s how you should train yourselves.*

“Trong cùng phương thức, này các vị tu sĩ, có năm phương diện về ngôn từ mà các tha nhân có thể nói chuyện với các người: hợp thời hoặc phi thời, chân thực hoặc dối trá, hữu ái tâm hoặc thô ác ngữ, hữu phúc lợi hoặc phi phúc lợi, với một tâm thức **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** hoặc với sự tiềm ẩn hận thù. Các tha nhân có thể nói chuyện với các người trong một phương thức hợp thời hoặc một phương thức phi thời. Họ có thể nói chuyện với các người với điều chân thực hoặc với điều dối trá. Họ có thể nói chuyện với các người trong một phương thức hữu ái tâm hoặc trong một phương thức thô ác ngữ. Họ có thể nói chuyện với các người trong một phương thức hữu phúc lợi hoặc một phương thức phi phúc lợi. Họ có thể nói chuyện với các người với một tâm thức **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** hoặc với sự tiềm ẩn hận thù. Trong bất cứ sự kiện nào, các người cần phải tu dưỡng bản thân mình: “Tâm thức của chúng tôi sẽ không bị biến nhiễm và chúng tôi sẽ không nói những thô ác ngữ. Chúng tôi sẽ vẫn giữ sự thiện cảm đối với điều phúc lợi của người ấy, với một tâm thức **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** và không có sự tiềm ẩn hận thù. Chúng tôi sẽ biến mãn tâm thức đến vị ấy với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** và, bắt đầu với vị ấy, chúng ta sẽ biến mãn tâm thức đến khắp mọi phương diện bao trùm cả thế gian với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** sánh tợ hư không - chan chứa tám lòng vô lượng bác ái vị tha, không pha ác cảm,

không vương tư thù.” Đó là cách thức mà các người cần phải tu dưỡng bản thân mình.

“Suppose that a man were to come along carrying a burning grass torch and saying, ‘With this burning grass torch I will heat up the river Ganges and make it boil.’ Now, what do you think—would he, with that burning grass torch, heat up the river Ganges and make it boil?”

“No, Lord. Why is that ? Because the river Ganges is deep and enormous. It’s not easy to heat it up and make it boil with a burning grass torch. The man would reap only a share of weariness and disappointment.”

“Giả sử rằng một nam nhân cầm một ngọn đuốc cỏ khô đang cháy đã đi đến và nói rằng: “Với ngọn đuốc cỏ khô đang cháy này Tôi sẽ hâm nóng sông Hằng lên và làm cho nó sôi lên.” Bây giờ, các người nghĩ thế nào – với ngọn đuốc cỏ khô đang cháy ấy, vị ấy sẽ hâm nóng sông Hằng lên và làm cho nó sôi lên được không ?”

“Dạ không, bạch Đức Thế Tôn. Vì sao vậy ? Bởi vì sông Hằng thì sâu thẳm và rộng lớn. Không thể nào dễ dàng với một ngọn đuốc cỏ khô đang cháy để hâm nóng nó lên và làm cho nó sôi lên được. Vị ấy chỉ sẽ gặt hái một phần nào ngán ngẫm và thất vọng.”

*“In the same way, monks, there are these five aspects of speech by which others may address you.... In any event, you should train yourselves: ‘Our minds will be unaffected and we will say no evil words. We will remain sympathetic to that person’s welfare, with a mind of Good Will, and with no inner hate. We will keep pervading him with an awareness imbued with **Good Will** and, beginning with him, we will keep pervading the all - encompassing world with an awareness imbued with **Good Will** equal to the river Ganges—abundant, expansive, immeasurable, free from hostility, free from ill will.’ That’s how you should train yourselves.*

“Trong cùng phương thức, này các vị tu sĩ, có năm phương diện về ngôn từ mà các tha nhân có thể nói chuyện với các người: hợp thời hoặc phi thời, chân thực hoặc dối trá, hữu ái tâm hoặc vô ái tâm, hữu phúc lợi hoặc phi phúc lợi, với một tâm thức **Thiện Ý (Tứ Ái Tâm)** hoặc với sự tiềm ẩn hận thù. Các tha nhân có thể nói chuyện với các người trong một phương thức hợp thời hoặc một phương thức phi thời. Họ có

thể nói chuyện với các người với điều chân thực hoặc với điều dối trá. Họ có thể nói chuyện với các người trong một phương thức hữu ái tâm hoặc trong một phương thức thô ác ngữ. Họ có thể nói chuyện với các người trong một phương thức hữu phúc lợi hoặc một phương thức phi phúc lợi. Họ có thể nói chuyện với các người với một tâm thức **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** hoặc với sự tiềm ẩn hận thù. Trong bất cứ sự kiện nào, các người cần phải tu dưỡng bản thân mình: “Tâm thức của chúng tôi sẽ không bị biến nhiễm và chúng tôi sẽ không nói những thô ác ngữ. Chúng tôi sẽ vẫn giữ sự thiện cảm đối với điều phúc lợi của người ấy, với một tâm thức **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** và không có sự tiềm ẩn hận thù. Chúng tôi sẽ biến mãn tâm thức đến vị ấy với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** và, bắt đầu với vị ấy, chúng ta sẽ biến mãn tâm thức đến khắp mọi phương diện bao trùm cả thế gian với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** sánh tợ sông Hằng - chan chứa tấm lòng vô lượng bác ái vị tha, không pha ác cảm, không vương tư thù.” Đó là cách thức mà các người cần phải tu dưỡng bản thân mình.

“Suppose there were a catskin bag—beaten, well - beaten, beaten through and through, soft, silky, free of rustling and crackling—and a man were to come along carrying a stick or shard and saying, ‘With this stick or shard I will take this catskin bag—beaten, well - beaten, beaten through and through, soft, silky, free of rustling and crackling—and I will make it rustle and crackle.’ Now, what do you think—would he, with that stick or shard, take that catskin bag—beaten, well - beaten, beaten through and through, soft, silky, free of rustling and crackling —and make it rustle and crackle ?”

“No, Lord. Why is that ? Because the catskin bag is beaten, well-beaten, beaten through and through, soft, silky, free of rustling and crackling. It’s not easy to make it rustle and crackle with a stick or shard. The man would reap only a share of weariness and disappointment.”

“Giả sử có một túi da mèo – đã được đập bẹp, đã được khéo đập bẹp, đã bị đập bẹp hoàn toàn, mềm mại, mịn màng, không còn tiếng sột soạt và tiếng lộp bộp, và một nam nhân cầm một cây gậy hoặc một mảnh vỡ, đã đi đến và nói rằng: “Với cây gậy hoặc mảnh vỡ này Tôi sẽ đập vào túi da mèo này – đã được đập bẹp, đã được khéo đập bẹp, đã bị đập bẹp hoàn toàn, mềm mại, mịn màng, không còn tiếng sột soạt và tiếng

lộp bộp, và Tôi sẽ làm cho nó phát ra tiếng sột soạt và tiếng lộp bộp.” Bấy giờ, các người nghĩ thế nào – vị ấy, với cây gậy hoặc mảnh vỡ ấy, sẽ đập vào túi da mèo ấy – đã được đập bẹp, đã được khéo đập bẹp, đã bị đập bẹp đập đi đập lại, mềm mại, mịn màng, không còn tiếng sột soạt và tiếng lộp bộp, và sẽ làm cho nó phát ra tiếng sột soạt và tiếng lộp bộp được không ?”

“Dạ không, bạch Đức Thế Tôn. Vì sao vậy ? Bởi vì tấm da mèo đã được đập bẹp, đã được khéo đập bẹp, đã bị đập bẹp hoàn toàn, mềm mại, mịn màng, không còn tiếng sột soạt và tiếng lộp bộp. Không thể nào dễ dàng với một cây gậy hoặc một mảnh vỡ để làm cho nó phát ra tiếng sột soạt và tiếng lộp bộp được. Vị ấy chỉ sẽ gạt hái một phần nào ngán ngẩm và thất vọng.”

*“In the same way, monks, there are these five aspects of speech by which others may address you.... In any event, you should train yourselves: ‘Our minds will be unaffected and we will say no evil words. We will remain sympathetic to that person’s welfare, with a mind of **Good Will**, and with no inner hate. We will keep pervading him with an awareness imbued with **Good Will** and, beginning with him, we will keep pervading the all - encompassing world with an awareness imbued with **Good Will** equal to a catskin bag—abundant, expansive, immeasurable, free from hostility, free from ill will.’ That’s how you should train yourselves.*

“Trong cùng phương thức, này các vị tu sĩ, có năm phương diện về ngôn từ mà các tha nhân có thể nói chuyện với các người: hợp thời hoặc phi thời, chân thực hoặc dối trá, hữu ái tâm hoặc thô ác ngữ, hữu phúc lợi hoặc phi phúc lợi, với một tâm thức **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** hoặc với sự tiềm ẩn hận thù. Các tha nhân có thể nói chuyện với các người trong một phương thức hợp thời hoặc một phương thức phi thời. Họ có thể nói chuyện với các người với điều chân thực hoặc với điều dối trá. Họ có thể nói chuyện với các người trong một phương thức hữu ái tâm hoặc trong một phương thức thô ác ngữ. Họ có thể nói chuyện với các người trong một phương thức hữu phúc lợi hoặc một phương thức phi phúc lợi. Họ có thể nói chuyện với các người với một tâm thức **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** hoặc với sự tiềm ẩn hận thù. Trong bất cứ sự kiện nào, các người cần phải tu dưỡng bản thân mình: “Tâm thức của chúng tôi sẽ không bị biến nhiễm và chúng tôi sẽ không nói những thô ác ngữ. Chúng

tôi sẽ vẫn giữ sự thiện cảm đối với điều phúc lợi của người ấy, với một tâm thức **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** và không có sự tiềm ẩn hận thù. Chúng tôi sẽ biến mãn tâm thức đến vị ấy với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** và, bắt đầu với vị ấy, chúng ta sẽ biến mãn tâm thức đến khắp mọi phương diện bao trùm cả thế gian với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** sánh tợ một túi da mèo - chan chứa tấm lòng vô lượng bác ái vị tha, không pha ác cảm, không vương tư thù.” Đó là cách thức mà các người cần phải tu dưỡng bản thân mình.

*“Monks, even if bandits were to carve you up savagely, limb by limb, with a two –handled saw, he among you who let his heart get angered even at that would not be doing my bidding. Even then you should train yourselves: ‘Our minds will be unaffected and we will say no evil words. We will remain sympathetic, with a mind of **Good Will**, and with no inner hate. We will keep pervading these people with an awareness imbued with **Good Will** and, beginning with them, we will keep pervading the all - encompassing world with an awareness imbued with **Good Will**—abundant, expansive, immeasurable, free from hostility, free from ill will.’ That’s how you should train yourselves.*

“Monks, if you attend constantly to this admonition on the simile of the saw, do you see any aspects of speech, slight or gross, that you could not endure?”

“No, Lord.”

“Then attend constantly to this admonition on the simile of the saw. That will be for your long - term welfare and happiness.(MN.# 21)

“Này các vị tu sĩ, cho dù là những kẻ cướp đã cắt xẻ các người ra từng mảnh một cách dã man, ra từng mỗi phần của tứ chi, với một máy cưa được cầm hai tay, một trong số của các người mà đã để cho đáy lòng của mình khởi lên sự tức giận vào ngay lúc ấy là sẽ không có thực hiện lời dạy bảo của Ta vậy. Mặc dù vậy các người cần phải tu dưỡng bản thân mình: “Tâm thức của chúng tôi sẽ không bị biến nhiễm và chúng tôi sẽ không nói những thô ác ngữ. Chúng tôi sẽ vẫn giữ sự thiện cảm, với một tâm thức **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** và không có sự tiềm ẩn hận thù. Chúng tôi sẽ biến mãn tâm thức đến những người này với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** và, bắt đầu với vị ấy, chúng ta sẽ biến mãn tâm thức đến khắp mọi phương diện bao trùm cả

thế gian với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiền Ý (Tư Ái Tâm)** - chan chứa tấm lòng vô lượng bác ái vị tha, không pha ác cảm, không vương tư thù.” Đó là cách thức mà các người cần phải tu dưỡng bản thân mình.

“Này các vị tu sĩ, nếu như các người quan tâm một cách thường xuyên đến lời khuyên cáo này qua ẩn dụ của cái cửa thì các người có nhận thấy bất kỳ phương diện nào về ngôn từ, thô thiển hoặc ty liệt, mà các người có thể không chịu đựng được không?”

“Dạ không, bạch Đức Thế Tôn.”

“Thế thì hãy quan tâm một cách thường xuyên đến lời khuyên cáo này qua ẩn dụ của cái cửa. Đó sẽ là điều phúc lợi và niềm hạnh phúc lâu dài cho các người.” (Trung Bộ Kinh.# 21)

*This is to be done by one skilled in aims
who wants to break through to the state of peace:
Be capable, upright, and straightforward,
easy to instruct, gentle, and not conceited,
content and easy to support,
with few duties, living lightly,
with peaceful faculties, masterful,
modest, and no greed for supporters.*

*Do not do the slightest thing
that the wise would later censure.*

*Think: Happy, at rest,
may all beings be happy at heart.
Whatever beings there may be,
weak or strong, without exception,
long, large,
middling, short,
subtle, blatant,
seen and unseen,
near and far,
born and seeking birth:
May all beings be happy at heart.*

*Let no one deceive another
 or despise anyone anywhere,
 or through anger or irritation
 wish for another to suffer.
 As a mother would risk her life
 to protect her child, her only child,
 even so should one cultivate
 an immeasurable heart
 with regard to all beings.
 With good will for the entire cosmos,
 cultivate an immeasurable heart:
 Above, below, and all around,
 unobstructed, without hostility or hate.
 Whether standing, walking,
 Sitting, or lying down,
 as long as one is alert,
 one should be resolved on this mindfulness.
 This is called a sublime abiding
 here and now.*

*Not taken with views,
 but virtuous and consummate in vision,
 having subdued desire for sensual pleasures,
 one never again
 will lie in the womb. (Khp.# 9)*

Vị Thiền xảo mục đích,
 Cần phải làm như sau:
 Sauk hi hiểu thông suốt,
 Con đường an tịnh ấy,
 Có khả năng trực tánh,
 Thật sự, khéo chân trực,
 Dễ nói và nhu hòa,
 Không có chi cao mạn.

Sống cảm thấy vừa đủ,
 Nuôi sống thật dễ dàng,
 Ít có sự rộn ràng,

Sống đạm bạc, giản dị,
Các căn được tịnh lạc,
Khôn ngoan và thận trọng,
Không xông xáo gia đình,
Không Tham Ái, Tham Vọng.

Các hành sở của mình,
Không nhỏ nhen, vụn vặt,
Khiến người khác có Trí,
Có thể sinh chỉ trích,
Mong mọi loài chúng sinh,
Được an lạc, an ổn,
Mong chúng chúng đạt được,
Hạnh phúc và an lạc.

Mong tất cả những ai,
Hữu tình có mạng sống,
Kẻ yếu hay kẻ mạnh,
Không bỏ sót một ai,
Kẻ dài hay kẻ lớn,
Trung thấp, loài lớn, nhỏ.

Loài được thấy, không thấy,
Loài sống xa, không xa,
Các loài hiện đang sống,
Các loài sẽ được sinh,
Mong mọi loài chúng sinh,
Sống hạnh phúc an lạc.

Mong rằng không có ai,
Lường gạt, lừa dối ai,
Không có ai khinh mạn,
Tại bất cứ chỗ nào,
Không vì giận hờn nhau,
Không vì tưởng chống đối.
Lại có người mong muốn,
Làm đau khổ cho nhau.

Như tâm lòng người Mẹ,
 Đối với con của mình,
 Trọn đời lo che chở,
 Con độc nhất mình sinh.
 Cũng vậy, đối tất cả
 Các hữu tình chúng sinh,
 Hãy tu tập Tâm Ý,
 Không hạn lượng, rộng lớn.
 Hãy tu tập Từ Tâm,
 Trong tất cả thế gian,
 Hãy tu tập Tâm Ý,
 Không hạn lượng, rộng lớn,
 Phía trên và phía dưới,
 Cũng vậy cả bề ngang,
 Không hận, không thù địch.

Khi đứng hay khi ngồi,
 Khi ngồi hay khi nằm,
 Lâu cho đến khi nào,
 Khi đang còn tỉnh thức,
 Hãy an trú Niệm này,
 Nếp sống này như vậy.
 Được đời đề cập đến,
 Là nếp sống tối thượng.

Ai từ bỏ Tà Kiến,
 Giữ Giới, đủ Chính Kiến,
 Nhiếp phục được Tham Ái,
 Đối với các dục vọng,
 Không còn phải tái sinh,
 Đi đến thai tạng nữa. (Tiểu Bộ Kinh.# 9)

*“Wise and mindful, you should develop immeasurable concentration [i.e., concentration based on immeasurable **Good Will, Compassion, Empathetic Joy, or Equanimity**]. When, wise and mindful,*

one has developed immeasurable concentration, five realizations arise right within oneself. Which five ?

“Với Trí Tuệ và Niệm, các người nên phát triển bất khả hạn lượng định thức [tức là sự định thức được dựa trên **Thiện Ý (Tì Ái Tâm)**, **Lòng Bi Mẫn (Sự Đồng Tình)**, **Lạc Sự Vị Tha (Tùy Hỷ)**, hoặc **Sự Trán Tĩnh (Hành Xả)**]. Khi, với Trí Tuệ và Niệm, người ta đã phát triển bất khả hạn lượng định thức thì năm sự chứng tri khởi sinh lên ngay trong tự ngã của mình. Thế nào là năm ?

“The realization arises right within oneself that ‘This concentration is blissful in the present and will result in bliss in the future.’

“The realization arises right within oneself that ‘This concentration is noble and not connected with the baits of the flesh.’

“The realization arises right within oneself that ‘This concentration is not obtained by base people.’

“The realization arises right within oneself that ‘This concentration is peaceful, exquisite, the acquiring of serenity, the attainment of unity, not kept in place by the fabrications of forceful restraint.’

“The realization arises right within oneself that ‘I enter into this concentration mindfully, and mindfully I emerge from it.’

“Wise and mindful, you should develop immeasurable concentration. When, wise and mindful, one has developed immeasurable concentration, these five realizations arise right within oneself.” (AN V.# 27)

“Sự chứng tri khởi sinh lên ngay trong tự ngã của mình rằng: “Sự định thức này là tĩnh lạc trong thời hiện tại và sẽ dẫn đến kết quả trong sự tĩnh lạc ở thời vị lai.”

“Sự chứng tri khởi sinh lên ngay trong tự ngã của mình rằng: “Sự định thức này là cao quý và bất hữu quan với các sự quyến rũ của dục trần.”

“Sự chứng tri khởi sinh lên ngay trong tự ngã của mình rằng: “Sự định thức này thì không có được ở hạng tiện dân.”

“Sự chứng tri khởi sinh lên ngay trong tự ngã của mình rằng: “Sự định thức này là an tịnh, tinh tế, có được sự thanh thản, thành đạt sự nhất

thống, không đặt ở trong những mãnh lực tạo tác của sự kiểm thúc thái quá.”

“Sự chứng tri khởi sinh lên ngay trong tự ngã của mình rằng: “Một cách chú niệm Ta nhập định an chỉ này, và một cách chú niệm Ta xuất ra khỏi nó.”

“Với Trí Tuệ và Niệm, các người nên phát triển bất khả hạn lượng định thức [tức là sự định thức được dựa trên **Thiện Ý (Tì Ái Tâm)**, **Lòng Bi Mẫn (sự đồng tình)**, **Lạc Sự Vị Tha (Tùy Hỷ)**, hoặc **Sự Trán Tĩnh (Hành Xả)**]. Một khi, với Trí Tuệ và Niệm, người ta đã phát triển bất khả hạn lượng định thức thì năm sự chứng tri này khởi sinh lên ngay trong tự ngã của mình. (Tăng Chi Bộ Kinh V.# 27)

*“Monks, for one whose Awareness - Release through **Good Will** is cultivated, developed, pursued, given a means of transport, given a grounding, steadied, consolidated, and well - undertaken, eleven benefits can be expected. Which eleven ?*

“Này các vị tu sĩ, đối với những ai mà Pháp Tinh Giác Giải Thoát thông qua **Thiện Ý (Tì Ái Tâm)** đã được tu dưỡng, đã được phát triển, đã được tiếp tục thực hiện, một sự cảm xúc mãnh liệt đã được xác lập, một nền tảng đã được xác lập, đã kiên định, đã gia cố, và đã được thực hiện tốt đẹp, thì mười một quả phúc lợi có thể được kỳ vọng. Thế nào là mười một ?

*“One sleeps easily, wakes easily, dreams no evil dreams. One is dear to human beings, dear to non - human beings. The **Devas** protect one. Neither fire, poison, nor weapons can touch one. One’s mind gains concentration quickly.*

*One’s complexion is bright. One dies unconfused and—if penetrating no higher —is headed for the **Brahma** worlds.*

*“These are the eleven benefits that can be expected for one whose awareness-release through **Good Will** is cultivated, developed, pursued, given a means of transport, given a grounding, steadied, consolidated, and well - undertaken.” (AN XI.# 16)*

“Người ấy ngủ một cách dễ dàng, thức dậy một cách dễ chịu, không có nằm mơ những mộng cảnh xấu ác. Người ấy được Nhân Loại trân ái, được Chúng Phi Nhân triu mến. Chư Thiên bảo hộ người ấy.

Không có lửa, thuốc độc mà cũng không có vũ khí có thể can hệ đến người ấy. Tâm thức của vị ấy đạt được sự định thức một cách mau lẹ.

Nhan sắc của người ấy được tươi sáng. Người ấy mệnh chung không có rối loạn tâm thức và – nếu như không có được thẩm thấu Pháp cao hơn – thì tâm thức đi đến những Cõi Phạm Thiên Giới.

“Đây là mười một quả phúc lợi mà có thể được kỳ vọng cho những ai mà Pháp Tinh Giác Giải Thoát thông qua **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** đã được tu dưỡng, đã được phát triển, đã được tiếp tục thực hiện, một sự cảm xúc mãnh liệt đã được xác lập, một nền tảng đã được xác lập, đã kiên định, đã gia cố, và đã được thực hiện tốt đẹp. (Tăng Chi Bộ Kinh XI.# 16)

“Having abandoned the taking of life, he [the disciple of the noble ones] refrains from taking life... he refrains from stealing... he refrains from sexual misconduct... he refrains from lies... he refrains from divisive speech... he refrains from harsh speech... he refrains from idle chatter. Having abandoned covetousness, he becomes uncovetous. Having abandoned malevolence and anger, he becomes one with a mind of no malevolence. Having abandoned wrong views, he becomes one who has right views.

“Khi đã xả ly việc đoạt lấy sinh mạng, vị ấy [đệ tử của Chư Thánh Nhân] tự kiểm thúc việc đoạt lấy sinh mạng... vị ấy tự kiểm thúc việc trộm cắp... vị ấy tự kiểm thúc trong tính dục tà hạnh... vị ấy tự kiểm thúc trong việc nói những lời dối trá... tự kiểm thúc trong việc nói lời gây chia rẽ... vị ấy tự kiểm thúc trong việc nói lời thóa mạ... vị ấy tự kiểm thúc trong cuộc trò chuyện nhàn rỗi vô ích. Khi đã xả ly sự tham ái, vị ấy trở nên không còn tham ái. Khi đã xả ly sự ác ý và lòng sân hận, vị ấy trở nên một người với tâm thức không có sự ác ý. Khi đã xả ly những kiến giải sai lầm (**Tà Kiến**), vị ấy trở nên một người có những kiến giải chân chính (**Chính Kiến**).

*“That disciple of the noble ones, headman—thus devoid of covetousness, devoid of malevolence, unbewildered, alert, mindful—keeps pervading the first direction [the east] with an awareness imbued with **Good Will**, likewise the second, likewise the third, likewise the fourth. Thus above, below, and all around, everywhere, in its entirety, he keeps pervading the all - encompassing cosmos with an awareness*

*imbued with **Good Will**—abundant, expansive, immeasurable, without hostility, without malevolence. Just as a strong conch - trumpet blower can notify the four directions without any difficulty, in the same way, when Awareness - Release through **Good Will** is thus developed, thus pursued, any deed done to a limited extent no longer remains there, no longer stays there.*

“Vị đệ tử ấy của Chư Thánh Nhân – này thôn trưởng – do vậy chẳng có sự tham ái, chẳng có sự ác ý, đã không bị khốn hoặc, cảnh tỉnh, chú niệm – được biến mãn tâm thức đến hướng thứ nhất [hướng Đông] với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)**, tương tự như vậy với hướng thứ hai, tương tự như vậy với hướng thứ ba, tương tự như vậy với hướng thứ tư. Rồi thì đến hướng trên, hướng dưới và lan tỏa khắp chung quanh, khắp mọi nơi, hoàn toàn ở trong đó, vị ấy biến mãn trên khắp mọi phương diện bao trùm cả vũ trụ với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)**: chan chứa tám lòng vô lượng bác ái vị tha, không pha ác cảm, không vương tư thù. Cũng như một người thổi kèn bằng vỏ ốc khỏe mạnh có thể thông báo cho bốn phương hướng mà không có gặp khó khăn nào, trong cùng phương thức, khi Pháp Tỉnh Giác Giải Thoát thông qua **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** đã được phát triển, đã được tiếp tục thực hiện - mà do vậy, bất luận tác hành (*Nghiệp Lực*) nào đã có thực hiện đến một mức độ hạn chế thì không còn tồn tại ở nơi đó, không còn ở nơi đó nữa.”

*“That disciple of the noble ones... keeps pervading the first direction with an awareness imbued with **Compassion... Empathetic Joy... Equanimity**, likewise the second, likewise the third, likewise the fourth. Thus above, below, and all around, everywhere, in its entirety, he keeps pervading the all - encompassing cosmos with an awareness imbued with **Equanimity**—abundant, expansive, immeasurable, without hostility, without malevolence. Just as a strong conch - trumpet blower can notify the four directions without any difficulty, in the same way, when Awareness - Release through **Equanimity** is thus developed, thus pursued, any deed done to a limited extent no longer remains there, no longer stays there.” (SN XLII.# 8)*

“Vị đệ tử ấy của Chư Thánh Nhân – này thôn trưởng – do vậy chẳng có sự tham ái, chẳng có sự ác ý, đã không bị khốn hoặc, cảnh tỉnh, chú niệm – được biến mãn tâm thức đến hướng thứ nhất [hướng Đông]

với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Lòng Bi Mẫn (sự đồng tình)... Lạc Sự Vị Tha(Tùy Hỷ)... Sự Trán Tịnh(Hành Xả)**, tương tự như vậy với hướng thứ hai, tương tự như vậy với hướng thứ ba, tương tự như vậy với hướng thứ tư. Rồi thì đến hướng trên, hướng dưới và lan tỏa khắp chung quanh, khắp mọi nơi, hoàn toàn ở trong đó, vị ấy biến mãn trên khắp mọi phương diện bao trùm cả vũ trụ với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Sự Trán Tịnh(Hành Xả)**: chan chứa tâm lòng vô lượng bác ái vị tha, không pha ác cảm, không vương tư thù. Cũng như một người thổi kèn bằng vỏ ốc khỏe mạnh có thể thông báo cho bốn phương hướng mà không có gặp khó khăn nào, trong cùng phương thức, khi Pháp Tỉnh Giác Giải Thoát thông qua **Sự Trán Tịnh(Hành Xả)** đã được phát triển, đã được tiếp tục thực hiện - mà do vậy, bất luận tác hành (Nghệp Lực) nào đã có thực hiện đến một mức độ hạn chế thì không còn tồn tại ở nơi đó, không còn ở nơi đó nữa.” (Tương Ứng Bộ Kinh XLII.# 8)

“Monks, I don’t speak of the wiping out of intentional actions that have been done and accumulated without [their results] having been experienced, either in the here and now or in a further state hereafter. Nor do I speak of the act of putting an end to suffering and stress without having experienced [the results of] intentional actions that have been done and accumulated.

“Này các vị tu sĩ, Ta không nói đến việc xóa sạch hết các hành động có chủ ý mà đã có thực hiện và đã có tích lũy mà không có [những kết quả của chúng] đã được trải nghiệm, hoặc ngay tức thời hoặc trong một trạng thái xa hơn nữa ở thời vị lai. Mà Ta cũng không nói đến hành động đưa đến một việc chấm dứt sự khổ đau và tinh thần áp lực mà không có được trải nghiệm [những kết quả của] các hành động có chủ ý mà đã có thực hiện và đã có tích lũy.

*“That disciple of the noble ones—thus devoid of covetousness, devoid of ill will, unbewildered, alert, mindful—keeps pervading the first direction [the east] with an awareness imbued with **Good Will**, likewise the second, likewise the third, likewise the fourth. Thus above, below, and all around, everywhere, in its entirety, he keeps pervading the all - encompassing cosmos with an awareness imbued with **Good Will**—abundant, expansive, immeasurable, without hostility, without ill will.*

He discerns, ‘Before, this mind of mine was limited and undeveloped. But now this mind of mine is immeasurable and well developed. And whatever action that was done in a measurable way does not remain there, does not linger there.’

“Vị đệ tử ấy của Chư Thánh Nhân – do vậy chẳng có sự tham ái, chẳng có sự cừ hận, đã không bị khốn hoặc, cảnh tỉnh, chú niệm – được biến mãn tâm thức đến hướng thứ nhất [hướng Đông] với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiện Ý (Tì Ái Tâm)**, tương tự như vậy với hướng thứ hai, tương tự như vậy với hướng thứ ba, tương tự như vậy với hướng thứ tư. Rồi thì đến hướng trên, hướng dưới và lan tỏa khắp chung quanh, khắp mọi nơi, hoàn toàn ở trong đó, vị ấy biến mãn trên khắp mọi phương diện bao trùm cả vũ trụ với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiện Ý (Tì Ái Tâm)**: chan chứa tâm lòng vô lượng bác ái vị tha, không pha ác cảm, không vương tư thù. Vị ấy nhận thức rõ: “Trước kia, tâm thức của Ta đây đã bị hạn chế và không có được phát triển. Thế nhưng, hiện giờ tâm thức của Ta đây đã là bất khả hạn lượng và đã được phát triển tốt đẹp. Và bất luận hành động nào mà đã có thực hiện trong một phương thức hạn lượng thì không còn tồn tại nơi đó, không có lưu tồn ở nơi đó.”

*“What do you think, monks: If that youth, from childhood, were to develop Awareness - Release through **Good Will**, would he do any evil action ?”*

“No, Lord.”

“Not doing any evil action, would he touch suffering ?”

*“No, Lord, for when one does no evil action, from where would he touch suffering ?” “This Awareness - Release through **Good Will** should be developed whether one is a woman or a man. Neither a woman nor a man can go taking this body along. Death, monks, is but a gap of a thought away. One [who practices this Awareness - Release] discerns, ‘Whatever evil action has been done by this body born of action, that will all be experienced here [in this life]. It will not come to be hereafter.’ Thus developed, Awareness - Release through **Good Will** leads to **Non - Returning** for the monk who has gained gnosis here and has penetrated to no higher release.*

“Các người nghĩ thế nào, này các vị tu sĩ: Nếu như nam thanh niên nọ, từ tuổi thơ ấu đã phát triển Tỉnh Giác Giải Thoát thông qua **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)**, liệu anh ấy có tạo tác Ác Hạnh nào không ?”

“Dạ không, bạch Đức Thế Tôn.”

“Đã không có tạo tác bất kỳ Ác Hạnh nào, liệu anh ấy sẽ can hệ đến sự khổ đau không ?

“Dạ không, bạch Đức Thế Tôn, vì khi một người không có tạo tác Ác Hạnh thì từ nơi đâu vị ấy can hệ đến sự khổ đau ?”

“Sự Tỉnh Giác Giải Thoát thông qua **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** này nên được phát triển bất luận người ấy là một nữ nhân hay là một nam nhân. Không có một người nữ mà cũng không có một người nam có thể đi theo cái thân xác này. Sự tử vong, này các vị tu sĩ, chỉ là một khoảng cách của một tâm thức mất đi. Với người [mà thực hành Pháp Tỉnh Giác Giải Thoát này] nhận thức rõ: “Bất luận Ác Hạnh nào đã có tạo tác do bởi thân xác này được sinh ra của Nghiệp Lực thì tất cả điều đó sẽ được trải nghiệm ở tại đây [trong kiếp sống này]. Nó sẽ không có trở sinh ở kiếp sau.” Bởi do vậy, Pháp Tỉnh Giác Giải Thoát thông qua **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** khi đã phát triển, dắt dẫn đến Quả vị Bất Lai cho vị tu sĩ đã đạt sự giác ngộ ở tại đây và đã không có được thẩm thấu sự giải thoát ở tầng cao hơn.

*“That disciple of the noble ones—thus devoid of covetousness, devoid of ill will, unbewildered, alert, mindful—keeps pervading the first direction [the east] with an awareness imbued with **Compassion**....*

“Vị đệ tử ấy của Chư Thánh Nhân – do vậy chẳng có sự tham ái, chẳng có sự cừ hận, đã không bị khốn hoặc, cảnh tỉnh, chú niệm – được biến mãn tâm thức đến hướng thứ nhất [hướng Đông] với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Lòng Bi Mẫn (sự đồng tình)**...

*“That disciple of the noble ones—thus devoid of covetousness, devoid of ill will, unbewildered, alert, mindful—keeps pervading the first direction [the east] with an awareness imbued with **Empathetic Joy**....*

“Vị đệ tử ấy của Chư Thánh Nhân – do vậy chẳng có sự tham ái, chẳng có sự cừ hận, đã không bị khốn hoặc, cảnh tỉnh, chú niệm – được biến mãn tâm thức đến hướng thứ nhất [hướng Đông] với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Lạc Sự Vị Tha (Tùy Hỷ)**...

*“That disciple of the noble ones—thus devoid of covetousness, devoid of ill will, unbewildered, alert, mindful—keeps pervading the first direction [the east] with an awareness imbued with **Equanimity**, likewise the second, likewise the third, likewise the fourth. Thus above, below, and all around, everywhere, in its entirety, he keeps pervading the all - encompassing cosmos with an awareness imbued with **Equanimity**—abundant, expansive, immeasurable, without hostility, without ill will. He discerns, ‘Before, this mind of mine was limited and undeveloped. But now this mind of mine is immeasurable and well developed. And whatever action that was done in a measurable way does not remain there, does not linger there.’*

“Vị đệ tử ấy của Chư Thánh Nhân – này thôn trưởng – do vậy chẳng có sự tham ái, chẳng có sự ác ý, đã không bị khốn hoặc, cảnh tỉnh, chú niệm – được biến mãn tâm thức đến hướng thứ nhất [hướng Đông] với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Sự Trán Tịnh (Hành Xả)**, tương tự như vậy với hướng thứ hai, tương tự như vậy với hướng thứ ba, tương tự như vậy với hướng thứ tư. Rồi thì đến hướng trên, hướng dưới và lan tỏa khắp chung quanh, khắp mọi nơi, hoàn toàn ở trong đó, vị ấy biến mãn trên khắp mọi phương diện bao trùm cả vũ trụ với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Sự Trán Tịnh (Hành Xả)**: chan chứa tâm lòng vô lượng bác ái vị tha, không pha ác cảm, không vương tư thù. Vị ấy nhận thức rõ: “Trước kia, tâm thức của Ta đây đã bị hạn chế và không có được phát triển. Thế nhưng, hiện giờ tâm thức của Ta đây đã là bất khả hạn lượng và đã được phát triển tốt đẹp. Và bất luận hành động nào mà đã có thực hiện trong một phương thức hạn lượng thì không còn tồn tại nơi đó, không có lưu tồn ở nơi đó.”

*“What do you think, monks: If that youth, from childhood, were to develop Awareness - Release through **Equanimity**, would he do any evil action ?”*

“No, Lord.”

“Not doing any evil action, would he touch suffering ?”

*“No, Lord, for when one does no evil action, from where would he touch suffering ?” “This Awareness - Release through **Equanimity** should be developed whether one is a woman or a man. Neither a woman nor a man can go taking this body along. Death, monks, is but a gap of a thought away. One [who practices this awareness - release] discerns,*

*‘Whatever evil action has been done by this body born of action, that will all be experienced here [in this life]. It will not come to be hereafter.’ Thus developed, Awareness - Release through **Equanimity** leads to **Non - Returning** for the monk who has gained gnosis here and has penetrated to no higher release.”*

“Các người nghĩ thế nào, này các vị tu sĩ: Nếu như nam thanh niên nọ, từ tuổi thơ ấu đã phát triển Pháp Tĩnh Giác Giải Thoát thông qua **Sự Trán Tĩnh (Hành Xả)**, liệu anh ấy có tạo tác Ác Hạnh nào không?”

“Dạ không, bạch Đức Thế Tôn.”

“Đã không có tạo tác bất kỳ Ác Hạnh nào, liệu anh ấy sẽ can hệ đến sự khổ đau không?”

“Dạ không, bạch Đức Thế Tôn, vì khi một người không có tạo tác Ác Hạnh thì từ nơi đâu vị ấy can hệ đến sự khổ đau?”

“Pháp Tĩnh Giác Giải Thoát thông qua **Sự Trán Tĩnh (Hành Xả)** này nên được phát triển bất luận người ấy là một nữ nhân hay là một nam nhân. Không có một người nữ mà cũng không có một người nam có thể đi theo cái thân xác này. Sự tử vong, này các vị tu sĩ, chỉ là một khoảng cách của một tâm thức mất đi. Với người [mà thực hành Pháp Tĩnh Giác Giải Thoát này] nhận thức rõ: “Bất luận Ác Hạnh nào đã có tạo tác do bởi xác thân này được sinh ra của Nghiệp Lực thì tất cả điều đó sẽ được trải nghiệm ở tại đây [trong kiếp sống này]. Nó sẽ không có trở sinh ở kiếp sau.” Bởi do vậy, Pháp Tĩnh Giác Giải Thoát thông qua **Sự Trán Tĩnh (Hành Xả)** khi đã phát triển, dắt dẫn đến Quả vị Bất Lai cho vị tu sĩ đã đạt sự giác ngộ ở tại đây và đã không có được thâm thấu sự giải thoát ở tầng cao hơn.

*NOTE : 1. F.L. Woodward—the Pāli Text Society translator of the **Aṅguttara Tens and Elevens**—notes that this **Sutta** seems patched together from various sources. As proof, he cites the abrupt breaks between this paragraph and the next, and between the next and the one following it. (AN X.# 208)*

Ghi chú: 1. F. L. Woodward — Dịch giả của Hội Văn Bản Pāli về Tăng Chi Bộ Kinh Chương Mười Chi Pháp và Mười Một Chi Pháp— ghi chú rằng bài Kinh này dường như đã được chắp vá từ nhiều nguồn gốc khác nhau. Để chứng minh, vị ấy trích dẫn các ngắt quãng đột ngột giữa đoạn văn này và đoạn văn kế tiếp, và giữa đoạn văn kế tiếp và đoạn văn nối tiếp theo nó. (Tăng Chi Bộ Kinh X.# 208)

*“Monks, for anyone who says, ‘In whatever way a person makes **Kamma**, that is how it is experienced,’ there is no living of the holy life, there is no opportunity for the right ending of stress. But for anyone who says, ‘When a person makes **Kamma** to be felt in such and such a way, that is how its result is experienced,’ there is the living of the holy life, there is the opportunity for the right ending of stress.*

“There is the case where a trifling evil deed done by a certain individual takes him to hell. There is the case where the very same sort of trifling deed done by another individual is experienced in the here and now, and for the most part barely appears for a moment.

“Now, a trifling evil deed done by what sort of individual takes him to hell ? There is the case where a certain individual is undeveloped [contemplating] in body [according to MN.# 36, this means that pleasure can invade his mind and remain there], undeveloped in virtue, undeveloped in mind [pain can invade his mind and remain there]: restricted, small - hearted, dwelling with suffering. A trifling evil deed done by this sort of individual takes him to hell.

“Này các vị tu sĩ, đối với bất luận ai nói rằng: “Dù cho một người tạo tác Nghiệp Lực như thế nào thì qua đó nó được trải nghiệm như thế đó,” thế thì không có đời sống Thánh Thiện, thời không có cơ hội cho việc hoàn toàn đoạn diệt được tinh thần áp lực. Thế nhưng đối với bất luận ai nói rằng: “Khi một người tạo tác Nghiệp Lực thì đã cảm thụ trong một phương thức như thế như thế thì qua đó kết quả của nó được trải nghiệm như thế,” thế thì có đời sống Thánh Thiện, thời có cơ hội cho việc hoàn toàn đoạn diệt được tinh thần áp lực.

Có trường hợp nơi mà một Ác Hạnh nhỏ nhặt (*Khinh Thiển Ác Nghiệp Lực*) đã được một cá nhân nào đó tạo tác đưa người ấy đọa Địa Ngục. Có trường hợp nơi mà chính cái Ác Hạnh nhỏ nhặt tương tự như vậy đã được tạo tác do bởi một cá nhân nào khác thì đã được trải nghiệm ngay tức thời, và phần lớn thì hầu như không có xuất hiện dù chỉ trong một khoảnh khắc.

“Bấy giờ, một Ác Hạnh nhỏ nhặt đã được tạo tác do bởi hạng cá nhân như thế nào thì đưa người ấy đọa Địa Ngục ? Có trường hợp nơi mà một hạng cá nhân nào đó đã không được phát triển [trong việc suy niệm] về thể xác [*thể theo bài Kinh Trung Bộ # 36, thì điều này có nghĩa là sự duyệt ý có thể thấm nhập vào tâm thức của vị ấy và tồn tại ở nơi*

đó], đã không được phát triển về Giới Đức, đã không được phát triển trong Tâm Thức [nỗi đau khổ có thể thấm nhập vào tâm thức của vị ấy và tồn tại ở nơi đó], đã không được phát triển trong Động Sát Lực: hạn chế, tâm tư nhỏ bé hạn hẹp, đang sống với sự khổ đau. Một Ác Hạnh nhỏ nhất (Kinh Thiện Nghiệp Lực) đã được tạo tác do bởi hạng cá nhân như vậy đưa người ấy đọa Địa Ngục.

“Now, a trifling evil deed done by what sort of individual is experienced in the here and now, and for the most part barely appears for a moment ? There is the case where a certain individual is developed in body, developed in virtue, developed in mind, developed in Discernment: unrestricted, large - hearted, dwelling with the immeasurable [Awareness - Release]. A trifling evil deed done by this sort of individual is experienced in the here and now, and for the most part barely appears for a moment.

“Suppose that a man were to drop a salt crystal into a small amount of water in a cup. What do you think ? Would the water in the cup become salty because of the salt crystal, and unfit to drink ?”

“Yes, Lord. Why is that ? There being only a small amount of water in the cup, it would become salty because of the salt crystal, and unfit to drink.”

“Bấy giờ, một Ác Hạnh đã được tạo tác do bởi hạng cá nhân như thế nào thì đã được trải nghiệm ngay tức thời, và phần lớn thì hầu như không có xuất hiện dù chỉ trong một khoảnh khắc ? Có trường hợp nơi mà một cá nhân nào đó đã được phát triển trong thể xác, đã được phát triển trong Giới Đức, đã được phát triển trong Tâm Thức, đã được phát triển trong Động Sát Lực: không hạn chế, tâm tư rộng lớn, đang an trú với bất khả hạn lượng [Pháp Tinh Giác Giải Thoát]. Một Ác Hạnh đã được tạo tác do bởi hạng cá nhân này thì đã được trải nghiệm ngay tức thời, và phần nhiều thì hầu như không có xuất hiện dù chỉ trong một khoảnh khắc.

“Giả sử rằng một người nam đã thả một tinh thể muối vào trong cái tách có một lượng nhỏ nước ít oi. Các người nghĩ thế nào ? Nước trong cái tách có trở nên bị mặn vì tinh thể muối và không thích hợp để uống không ?”

“Dạ có, bạch Đức Thế Tôn. Vì sao vậy ? Khi chỉ có một lượng nhỏ nước ít oi trong cái tách thì nó sẽ trở nên bị mặn vì tinh thể muối và không thích hợp để uống.”

“Now suppose that a man were to drop a salt crystal into the River Ganges. What do you think ? Would the water in the River Ganges become salty because of the salt crystal, and unfit to drink ?”

“No, Lord. Why is that ? There being a great mass of water in the River Ganges, it would not become salty because of the salt crystal or unfit to drink.”

“Bấy giờ giả sử rằng một người nam đã thả một tinh thể muối vào trong sông Hằng. Các người nghĩ thế nào ? Nước trong sông Hằng có trở nên bị mặn vì tinh thể muối và không thích hợp để uống không?”

“Dạ không, bạch Đức Thế Tôn. Vì sao vậy ? Khi có được một khối lượng lớn nước trong sông Hằng thì nó sẽ không trở nên bị mặn vì tinh thể muối hoặc không thích hợp để uống.”

“In the same way, there is the case where a trifling evil deed done by one individual [the first] takes him to hell; and there is the case where the very same sort of trifling deed done by the other individual is experienced in the here and now, and for the most part barely appears for a moment....

“Trong cùng phương thức, có trường hợp nơi mà một Ác Hạnh nhỏ nhất (*Khinh Thiển Nghiệp Lực*) đã được một cá nhân [người thứ nhất] tạo tác đưa người ấy đọa Địa Ngục; và có trường hợp nơi mà chính cái Ác Hạnh nhỏ nhất tương tự như vậy đã được tạo tác do bởi một cá nhân nào khác thì đã được trải nghiệm ngay tức thời, và phần lớn thì hầu như không có xuất hiện dù chỉ trong một khoảnh khắc...

*“There is the case where a certain person is thrown into jail for half a dollar [**Kahapana**], is thrown into jail for a dollar, is thrown into jail for one hundred dollars. And there is the case where another person is not thrown into jail for half a dollar, is not thrown into jail for a dollar, is not thrown into jail for one hundred dollars. Now what sort of person is thrown into jail for half a dollar... for a dollar... for one hundred dollars ? There is the case where a person is poor, of little wealth, of few possessions.*

This is the sort of person who is thrown into jail for half a dollar... for a dollar... for one hundred dollars. And what sort of person is not thrown into jail for half a dollar... for a dollar... for one hundred dollars ? There is the case where a person is wealthy, with many belongings, many possessions. This is the sort of person who is not thrown into jail for half a dollar.... for a dollar... for one hundred dollars.

“Có trường hợp nơi mà một người nào đó đã bị bỏ vào ngục tù vì nửa đồng tiền [đồng tiền Xứ Ấn Độ trị giá bằng 5 đồng tiền Anh], đã bị bỏ vào ngục tù vì một đồng tiền, đã bị bỏ vào ngục tù vì một trăm đồng tiền. Có trường hợp nơi mà người nào khác đã không bị bỏ vào ngục tù vì nửa đồng tiền, đã không bị bỏ vào ngục tù vì một đồng tiền, đã không bị bỏ vào ngục tù vì một trăm đồng tiền. Bây giờ, hạng người như thế nào thì đã bị bỏ vào ngục tù vì nửa đồng tiền... vì một đồng tiền... vì một trăm đồng tiền ? Có trường hợp nơi mà một người nghèo khổ, với chút ít của cải, một vài tài sản.

Đây là hạng người mà đã bị bỏ vào ngục tù vì nửa đồng tiền... vì một đồng tiền... vì một trăm đồng tiền. Và hạng người như thế nào thì không bị bỏ vào ngục tù vì nửa đồng tiền... vì một đồng tiền... vì một trăm đồng tiền ? Đó là trường hợp nơi mà một người giàu có, với lắm đồ đạc và nhiều tài sản. Đây là hạng người mà đã không bị bỏ vào ngục tù vì nửa đồng tiền... vì một đồng tiền... vì một trăm đồng tiền.

“In the same way, there is the case where a trifling evil deed done by one individual takes him to hell; and there is the case where the very same sort of trifling deed done by the other individual is experienced in the here and now, and for the most part barely appears for a moment...

“Trong cùng phương thức, có trường hợp nơi mà một Ác Hạnh nhỏ nhặt (Kinh Thiển Nghiệp Lực) đã được một cá nhân tạo tác đưa người ấy đọa Địa Ngục; và có trường hợp nơi mà chính cái Ác Hạnh nhỏ nhặt tương tự như vậy đã được tạo tác do bởi một cá nhân nào khác thì đã được trải nghiệm ngay tức thời, và phần lớn thì hầu như không có xuất hiện dù chỉ trong một khoảnh khắc...

“It’s just as when a goat butcher is empowered to beat or bind or slay or treat as he likes a certain person who steals a goat, but is not empowered to beat or bind or slay or treat as he likes another person who steals a goat. Now, when what sort of person has stolen a goat is

the goat butcher empowered to beat him or bind him or slay him or treat him as he likes ? There is the case where a person is poor, of little wealth, of few possessions. This is the sort of person who, when he has stolen a goat, the goat butcher is empowered to beat or bind or slay or treat as he likes. And when what sort of person has stolen a goat is the goat butcher not empowered to beat him or bind him or slay him or treat him as he likes ? There is the case where a person is wealthy, with many belongings, many possessions; a king or a king's minister. This is the sort of person who, when he has stolen a goat, the goat butcher is not empowered to beat or bind or slay or treat as he likes. All he can do is go with his hands clasped before his heart and beg: 'Please, dear Sir, give me a goat or the price of a goat.'

“Nó thì giống như một người bán thịt dê khi đã được trao quyền chính thức để đánh đập hoặc cột trói hoặc sát tử hoặc đối xử như vị ấy ưa thích; còn một người nào đó ăn cắp một con dê, nhưng đã không được trao quyền chính thức để đánh đập hoặc cột trói hoặc sát tử hoặc đối xử như vị ấy ưa thích. Bây giờ hạng người như thế nào mà đã ăn cắp một con dê, khi là người bán thịt dê đã được trao quyền chính thức để đánh đập nó hoặc cột trói nó hoặc sát tử nó hoặc đối xử nó như vị ấy ưa thích ? Có trường hợp nơi mà một người nghèo khổ, với chút ít của cải, một vài tài sản. Đây là hạng người mà, đã ăn cắp một con dê, khi vị ấy là người bán thịt dê đã được trao quyền chính thức để đánh đập hoặc cột trói hoặc sát tử hoặc đối xử như vị ấy ưa thích. Và hạng người như thế nào mà đã ăn cắp một con dê, khi là người bán thịt dê đã không được trao quyền chính thức để đánh đập nó hoặc cột trói nó hoặc sát tử nó hoặc đối xử nó như vị ấy ưa thích ? Có trường hợp nơi mà một người giàu có, với lắm đồ đạc và nhiều tài sản; một nhà vua hoặc một quan đại thần của nhà vua. Đây là hạng người mà, đã ăn cắp một con dê, khi vị ấy là người bán thịt dê đã không được trao quyền chính thức để đánh đập hoặc cột trói hoặc sát tử hoặc đối xử như vị ấy ưa thích. Tất cả vị ấy có thể làm là đi với hai bàn tay siết chặt với nhau ở trước ngực của mình và cầu xin: “Làm ơn, thưa Ngài, hãy cho tôi lại một con dê hoặc giá tiền của một con dê.”

“In the same way, there is the case where a trifling evil deed done by one individual takes him to hell; and there is the case where the very

same sort of trifling deed done by the other individual is experienced in the here and now, and for the most part barely appears for a moment.

“Now, a trifling evil deed done by what sort of individual takes him to hell ? There is the case where a certain individual is undeveloped in body, undeveloped in virtue, undeveloped in mind, undeveloped in discernment: restricted, small - hearted, dwelling with suffering. A trifling evil deed done by this sort of individual takes him to hell.

“Trong cùng phương thức, có trường hợp nơi mà một Ác Hạnh nhỏ nhất (*Khinh Thiển Ác Nghiệp Lực*) đã được một cá nhân tạo tác đưa người ấy đọa Địa Ngục; và có trường hợp nơi mà chính cái Ác Hạnh nhỏ nhất tương tự như vậy đã được tạo tác do bởi một cá nhân nào khác thì đã được trải nghiệm ngay tức thời, và phần lớn thì hầu như không có xuất hiện dù chỉ trong một khoảnh khắc.

“Bấy giờ, một Ác Hạnh nhỏ nhất đã được tạo tác do bởi hạng cá nhân như thế nào thì đưa người ấy đọa Địa Ngục ? Có trường hợp nơi mà một hạng cá nhân nào đó đã không được phát triển [trong việc suy niệm] về thể xác, đã không được phát triển về Giới Đức, đã không được phát triển trong Tâm Thức, đã không được phát triển trong Động Sát Lực: hạn chế, tâm tư nhỏ bé hạn hẹp, đang sống với sự khổ đau. Một Ác Hạnh nhỏ nhất (*Khinh Thiển Nghiệp Lực*) đã được tạo tác do bởi hạng cá nhân như vậy đưa người ấy đọa Địa Ngục.

“Now, a trifling evil deed done by what sort of individual is experienced in the here and now, and for the most part barely appears for a moment ? There is the case where a certain individual is developed in body, developed in virtue, developed in mind, developed in Discernment: unrestricted, large - hearted, dwelling with the immeasurable [Awareness - Release]. A trifling evil deed done by this sort of individual is experienced in the here and now, and for the most part barely appears for a moment.

*“Monks, for anyone who says, ‘In whatever way a person makes **Kamma**, that is how it is experienced,’ there is no living of the holy life, there is no opportunity for the right ending of stress. But for anyone who says, ‘When a person makes **Kamma** to be felt in such and such a way, that is how its result is experienced,’ there is the living of the holy life, there is the opportunity for the right ending of stress.” (AN III.*

101)

“Bấy giờ, một Ác Hạnh đã được tạo tác do bởi hạng cá nhân như thế nào thì đã được trải nghiệm ngay tức thời, và phần lớn thì hầu như không có xuất hiện dù chỉ trong một khoảnh khắc ? Có trường hợp nơi mà một cá nhân nào đó đã được phát triển trong thể xác, đã được phát triển trong Giới Đức, đã được phát triển trong Tâm Thức, đã được phát triển trong Động Sát Lực: không hạn chế, tâm tư rộng lớn, đang an trú với bất khả hạn lượng [Pháp Tinh Giác Giải Thoát]. Một Ác Hạnh đã được tạo tác do bởi hạng cá nhân này thì đã được trải nghiệm ngay tức thời, và phần nhiều thì hầu như không có xuất hiện dù chỉ trong một khoảnh khắc.

“Này các vị tu sĩ, đối với bất luận ai nói rằng: “Dù cho một người tạo tác Nghiệp Lực như thế nào thì qua đó nó được trải nghiệm như thế đó,” thế thì không có đời sống Thánh Thiện, thời không có cơ hội cho việc hoàn toàn đoạn diệt được tinh thần áp lực. Thế nhưng đối với bất luận ai nói rằng: “Khi một người tạo tác Nghiệp Lực thì đã cảm thụ trong một phương thức như thế như thế thì qua đó kết quả của nó được trải nghiệm như thế,” thế thì có đời sống Thánh Thiện, thời có cơ hội cho việc hoàn toàn đoạn diệt được tinh thần áp lực.” (Tăng Chi Bộ Kinh III.# 101)

*“There is the case where a monk might say, ‘Although **Good Will** has been developed, pursued, handed the reins, taken as a basis, steadied, consolidated, and well - undertaken by me as my Awareness - Release, still ill will keeps overpowering my mind.’ He should be told, ‘Don’t say that. You shouldn’t speak in that way. Don’t misrepresent the Blessed One, for it’s not right to misrepresent the Blessed One, and the Blessed One wouldn’t say that. It’s impossible, there is no way that—when **Good Will** has been developed, pursued, handed the reins, taken as a basis, steadied, consolidated, and well - undertaken as an Awareness – Release, ill will would still keeps overpowering the mind. That possibility doesn’t exist, for this is the escape from ill will: **Good Will** as an Awareness - Release.’*

“Có trường hợp nơi mà một vị tu sĩ có thể nói rằng: “Dù cho **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** đã được phát triển, đã được tiếp tục thực hiện, đã trong tầm kiểm soát, một nền tảng đã được xác lập, đã kiên định, đã gia cố và đã được Tôi thực hiện tốt đẹp với Pháp Tinh Giác Giải Thoát của mình, tuy vậy sự cừu hận vẫn cứ áp đảo tâm thức của mình.” Vị ấy cần phải

được nói như sau: “Đừng có nói như thế. Người không nên nói trong phương thức ấy. Đừng có xuyên tạc Đức Thế Tôn, thật không tốt để xuyên tạc Đức Thế Tôn, và Đức Thế Tôn sẽ không có nói điều đó. Đó là bất khả thi, không đời nào có như thế – khi **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** là Pháp Tinh Giác Giải Thoát đã được phát triển, đã được tiếp tục thực hiện, đã trong tầm kiểm soát, một nền tảng đã được xác lập, đã kiên định, đã gia cố và đã được thực hiện tốt đẹp – sự cừ hận sẽ vẫn cứ tiếp tục áp đảo tâm thức. Tính khả thi ấy không có xảy ra, vì đây là sự thoát khỏi sự cừ hận: **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** là một Pháp Tinh Giác Giải Thoát.”

*“Furthermore, there is the case where a monk might say, ‘Although **Compassion** has been developed, pursued, handed the reins, taken as a basis, steadied, consolidated, and well - undertaken by me as my Awareness - Release, still viciousness keeps overpowering my mind.’ He should be told, ‘Don’t say that. You shouldn’t speak in that way. Don’t misrepresent the Blessed One, for it’s not right to misrepresent the Blessed One, and the Blessed One wouldn’t say that. It’s impossible, there is no way that—when **Compassion** has been developed, pursued, handed the reins, taken as a basis, steadied, consolidated, and well - undertaken as an Awareness - Release—viciousness would still keep overpowering the mind. That possibility doesn’t exist, for this is the escape from viciousness: **Compassion as an Awareness - Release.**’*

“Hơn nữa, có trường hợp nơi mà một vị tu sĩ có thể nói rằng: “Dù cho **Lòng Bi Mẫn (sự đồng tình)** đã được phát triển, đã được tiếp tục thực hiện, đã trong tầm kiểm soát, một nền tảng đã được xác lập, đã kiên định, đã gia cố và đã được Tôi thực hiện tốt đẹp với Pháp Tinh Giác Giải Thoát của mình, tuy vậy tính hung ác vẫn cứ áp đảo tâm thức của mình.” Vị ấy cần phải được nói như sau: “Đừng có nói như thế. Người không nên nói trong phương thức ấy. Đừng có xuyên tạc Đức Thế Tôn, thật không tốt để xuyên tạc Đức Thế Tôn, và Đức Thế Tôn sẽ không có nói điều đó. Đó là bất khả thi, không đời nào có như thế – khi **Lòng Bi Mẫn (sự đồng tình)** là Pháp Tinh Giác Giải Thoát đã được phát triển, đã được tiếp tục thực hiện, đã trong tầm kiểm soát, một nền tảng đã được xác lập, đã kiên định, đã gia cố và đã được thực hiện tốt đẹp – tính hung ác sẽ vẫn cứ tiếp tục áp đảo tâm thức. Tính khả thi ấy không có xảy ra, vì đây là sự thoát khỏi tính hung ác: **Lòng Bi Mẫn (sự đồng tình)** là một Pháp Tinh Giác Giải Thoát.”

*“Furthermore, there is the case where a monk might say, ‘Although **Empathetic Joy** has been developed, pursued, handed the reins, taken as a basis, steadied, consolidated, and well - undertaken by me as my Awareness - Release, still resentment keeps overpowering my mind.’ He should be told, ‘Don’t say that. You shouldn’t speak in that way. Don’t misrepresent the Blessed One, for it’s not right to misrepresent the Blessed One, and the Blessed One wouldn’t say that. It’s impossible, there is no way that—when **Empathetic Joy** has been developed, pursued, handed the reins, taken as a basis, steadied, consolidated, and well - undertaken as an Awareness - Release—resentment would still keep overpowering the mind. That possibility doesn’t exist, for this is the escape from resentment: **Empathetic Joy** as an Awareness - Release.’*

“Hơn nữa, có trường hợp nơi mà một vị tu sĩ có thể nói rằng: “Dù cho **Lạc Sự Vị Tha (Tùy Hỷ)** đã được phát triển, đã được tiếp tục thực hiện, đã trong tầm kiểm soát, một nền tảng đã được xác lập, đã kiên định, đã gia cố và đã được Tôi thực hiện tốt đẹp với Pháp Tinh Giác Giải Thoát của mình, tuy vậy sự bức tức vẫn cứ áp đảo tâm thức của mình.” Vị ấy cần phải được nói như sau: “Đừng có nói như thế. Người không nên nói trong phương thức ấy. Đừng có xuyên tạc Đức Thế Tôn, thật không tốt để xuyên tạc Đức Thế Tôn, và Đức Thế Tôn sẽ không có nói điều đó. Đó là bất khả thi, không đời nào có như thế – khi **Lạc Sự Vị Tha (Tùy Hỷ)** là Pháp Tinh Giác Giải Thoát đã được phát triển, đã được tiếp tục thực hiện, đã trong tầm kiểm soát, một nền tảng đã được xác lập, đã kiên định, đã gia cố và đã được thực hiện tốt đẹp – sự bức tức sẽ vẫn cứ tiếp tục áp đảo tâm thức. Tính khả thi ấy không có xảy ra, vì đây là sự thoát khỏi sự bức tức: **Lạc Sự Vị Tha (Tùy Hỷ)** là một Pháp Tinh Giác Giải Thoát.”

*“Furthermore, there is the case where a monk might say, ‘Although **Equanimity** has been developed, pursued, handed the reins, taken as a basis, steadied, consolidated, and well - undertaken by me as my Awareness - Release, still passion keeps overpowering my mind.’ He should be told, ‘Don’t say that. You shouldn’t speak in that way. Don’t misrepresent the Blessed One, for it’s not right to misrepresent the Blessed One, and the Blessed One wouldn’t say that. It’s impossible,*

*there is no way that—when **Equanimity** has been developed, pursued, handed the reins, taken as a basis, steadied, consolidated, and well - undertaken as an Awareness - Release—passion would still keep overpowering the mind. That possibility doesn't exist, for this is the escape from passion: **Equanimity** as an Awareness - Release.” (AN VI.# 13)*

“Hơn nữa, có trường hợp nơi mà một vị tu sĩ có thể nói rằng: “Dù cho **Sự Trán Tĩnh (Hành Xả)** đã được phát triển, đã được tiếp tục thực hiện, đã trong tầm kiểm soát, một nền tảng đã được xác lập, đã kiên định, đã gia cố và đã được Tôi thực hiện tốt đẹp với Pháp Tĩnh Giác Giải Thoát của mình, tuy vậy sự khốc ái vẫn cứ áp đảo tâm thức của mình.” Vị ấy cần phải được nói như sau: “Đừng có nói như thế. Người không nên nói trong phương thức ấy. Đừng có xuyên tạc Đức Thế Tôn, thật không tốt để xuyên tạc Đức Thế Tôn, và Đức Thế Tôn sẽ không có nói điều đó. Đó là bất khả thi, không đời nào có như thế – khi **Sự Trán Tĩnh (Hành Xả)** là Pháp Tĩnh Giác Giải Thoát đã được phát triển, đã được tiếp tục thực hiện, đã trong tầm kiểm soát, một nền tảng đã được xác lập, đã kiên định, đã gia cố và đã được thực hiện tốt đẹp – sự khốc ái sẽ vẫn cứ tiếp tục áp đảo tâm thức. Tính khả thi ấy không có xảy ra, vì đây là sự thoát khỏi sự khốc ái: **Sự Trán Tĩnh (Hành Xả)** là một Pháp Tĩnh Giác Giải Thoát.” (Tăng Chi Bộ Kinh VI.# 13)

*“And how is Awareness - Release through **Good Will** developed, what is its destiny, its excellence, its reward, and its consummation ?*

*“There is the case where a monk develops mindfulness as a factor for Awakening accompanied by **Good Will**, dependent on seclusion... dispassion... cessation, resulting in letting go. He develops analysis of qualities as a factor for Awakening... Persistence as a factor for Awakening... Rapture as a factor for Awakening... Calm as a factor for Awakening... Concentration as a factor for Awakening... Equanimity as a factor for Awakening accompanied by **Good Will**, dependent on seclusion... dispassion... cessation, resulting in letting go. If he wants, he remains percipient of loathsomeness in the presence of what is not loathsome. If he wants, he remains percipient of unloathsomeness in the presence of what is loathsome. If he wants, he remains percipient of loathsomeness in the presence of what is not loathsome and what is. If he wants, he remains percipient of unloathsomeness in the presence of*

what is loathsome and what is not. If he wants—in the presence of what is loathsome and what is not—cutting himself off from both, he remains equanimous, alert, and mindful.

*Or he may enter and remain in **the beautiful liberation**. I tell you, monks, Awareness - Release through **Good Will** has **the beautiful** as its excellence — in the case of one who has penetrated to no higher release.*

“Và Pháp Tĩnh Giác Giải Thoát thông qua **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** đã được phát triển như thế nào, mệnh vận của nó, sự tuyệt luân của nó, sự tương lệ của nó, sự hoàn hảo của nó như thế nào ?

“Có trường hợp nơi mà một vị tu sĩ phát triển Sự Chú Niệm làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (*Niệm Giác Chi*) câu hành với **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)**, tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoài. Vị ấy phát triển Sự Tuyển Trạch các phẩm chất làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (*Trạch Pháp Giác Chi*), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoài. Vị ấy phát triển Sự Kiên Trì Bất Giải làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (*Tinh Tấn Giác Chi*), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoài. Vị ấy phát triển Pháp Lạc Bất Khả Chi làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (*Phi Lạc Giác Chi*), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoài. Vị ấy phát triển Pháp Ninh Tĩnh làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (*Khinh An Giác Chi*), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoài. Vị ấy phát triển Pháp Định Thức làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (*Định Giác Chi*), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoài. Vị ấy phát triển Pháp Trán Tĩnh làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (*Xả Giác Chi*), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoài. Nếu như vị ấy muốn, vị ấy duy trì sự sáng suốt nhận thức về Pháp đáng ghê tởm trong sự hiện diện của điều mà không đáng ghê tởm. Nếu như vị ấy muốn, vị ấy duy trì sự sáng suốt nhận thức về Pháp không đáng ghê tởm trong sự hiện diện của điều mà đáng ghê tởm. Nếu như vị ấy muốn, vị ấy duy trì sự sáng suốt nhận thức về Pháp đáng ghê tởm trong sự hiện diện của điều mà không đáng ghê tởm và điều mà đáng ghê tởm. Nếu như vị ấy muốn, vị ấy duy trì sự sáng suốt nhận thức về Pháp không đáng ghê tởm trong sự hiện diện của điều mà đáng ghê tởm và điều mà không đáng ghê tởm. Nếu như vị ấy muốn – trong sự hiện diện của điều

mà đáng ghê tởm và điều mà không đáng ghê tởm – tự ngã của vị ấy thoát ra khỏi cả hai – vị ấy an trú sự trấn tĩnh, cảnh tỉnh và chú niệm.

Hoặc vị ấy có thể dự tri và an trú **trong sự giải thoát tuyệt hảo**. Ta nói với các người, này các vị tu sĩ, Pháp Tĩnh Giác Giải Thoát thông qua **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** có **sự tuyệt hảo** là sự tuyệt luân của nó – trong trường hợp đối với Bạc đã không có được thâm thấu sự giải thoát ở tầng cao hơn.

*“And how is Awareness - Release through **Compassion** developed, what is its destiny, its excellence, its reward, and its consummation ?*

*“There is the case where a monk develops mindfulness as a factor for Awakening accompanied by **Compassion**... etc.... If he wants—in the presence of what is loathsome and what is not—cutting himself off from both, he remains equanimous, alert, and mindful. Or, with the complete transcending of perceptions of [physical] form, with the disappearance of perceptions of resistance, and not heeding perceptions of diversity, thinking, ‘Infinite space,’ he enters and remains in the sphere of **the infinitude of space**. I tell you, monks, Awareness - Release through **Compassion** has the sphere of **the infinitude of space** as its excellence—in the case of one who has penetrated to no higher release.*

“Và Pháp Tĩnh Giác Giải Thoát thông qua **Lòng Bi Mẫn (sự đồng tình)** đã được phát triển như thế nào, mệnh vận của nó, sự tuyệt luân của nó, sự tướng lệ của nó, sự hoàn hảo của nó như thế nào ?

“Có trường hợp nơi mà một vị tu sĩ phát triển Sự Chú Niệm làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (**Niệm Giác Chi**) câu hành với **Lòng Bi Mẫn (sự đồng tình)**, tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoại. Vị ấy phát triển Pháp Tuyền Trạch các phẩm chất làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (**Trạch Pháp Giác Chi**), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoại. Vị ấy phát triển Pháp Kiên Trì Bất Giải làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (**Tĩnh Tấn Giác Chi**), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoại. Vị ấy phát triển Pháp Lạc Bất Khả Chi làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (**Phỉ Lạc Giác Chi**), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoại. Vị ấy phát triển Pháp Ninh Tĩnh làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (**Khinh An Giác Chi**), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự

đình chỉ, dẫn đến sự vong hoại. Vì ấy phát triển Pháp Định Thức làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (*Định Giác Chi*), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tĩnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoại. Vì ấy phát triển Pháp Trán Tịnh làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (*Xả Giác Chi*), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tĩnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoại. Nếu như vị ấy muốn, vị ấy duy trì sự sáng suốt nhận thức về Pháp đáng ghê tởm trong sự hiện diện của điều mà không đáng ghê tởm. Nếu như vị ấy muốn, vị ấy duy trì sự sáng suốt nhận thức về Pháp không đáng ghê tởm trong sự hiện diện của điều mà đáng ghê tởm. Nếu như vị ấy muốn, vị ấy duy trì sự sáng suốt nhận thức về Pháp đáng ghê tởm trong sự hiện diện của điều mà không đáng ghê tởm và điều mà đáng ghê tởm. Nếu như vị ấy muốn, vị ấy duy trì sự sáng suốt nhận thức về Pháp không đáng ghê tởm trong sự hiện diện của điều mà đáng ghê tởm và điều mà không đáng ghê tởm. Nếu như vị ấy muốn – trong sự hiện diện của điều mà đáng ghê tởm và điều mà không đáng ghê tởm – tự ngã của vị ấy thoát ra khỏi cả hai – vị ấy an trú sự trán tịnh, cảnh tỉnh và chú niệm.

Hoặc với sự vượt qua hoàn toàn những suy tưởng về hình sắc tướng [thuộc Sắc Pháp], cùng với sự biến mất về các suy tưởng kinh chống, và không chú ý đến những suy tưởng sai dị tính, nghĩ suy: “Hư không là vô hạn,” vị ấy dự tri và an trú **trong lĩnh vực của hư không vô hạn** (*Không Vô Biên Xứ*). Ta nói với các người, này các vị tu sĩ, Pháp Tỉnh Giác Giải Thoát thông qua **Lòng Bi Mẫn (sự đồng tình)** có **lĩnh vực của hư không vô hạn** (*Không Vô Biên Xứ*) là sự tuyệt luân của nó – trong trường hợp đối với Bạc đã không có được thẩm thấu sự giải thoát ở tầng cao hơn.

*“And how is Awareness - Release through **Empathetic Joy** developed, what is its destiny, its excellence, its reward, and its consummation?”*

*“There is the case where a monk develops mindfulness as a factor for awakening accompanied by **Empathetic Joy**... etc....If he wants—in the presence of what is loathsome and what is not—cutting himself off from both, he remains equanimous, alert, and mindful. Or, with the complete transcending of the sphere of infinitude of space, thinking ‘Infinite consciousness,’ he enters and remains in the sphere of **the infinitude of Consciousness**. I tell you, monks, Awareness - Release*

through Empathetic Joy has the sphere of the infinitude of Consciousness as its excellence—in the case of one who has penetrated to no higher release.

“Và Pháp Tinh Giác Giải Thoát thông qua **Lạc Sự Vị Tha (Tùy Hỷ)** đã được phát triển như thế nào, mệnh vận của nó, sự tuyệt luân của nó, sự tương lệ của nó, sự hoàn hảo của nó như thế nào ?

“Có trường hợp nơi mà một vị tu sĩ phát triển Sự Chú Niệm làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (*Niệm Giác Chi*) câu hành với **Lạc Sự Vị Tha (Tùy Hỷ)**, tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoài. Vị ấy phát triển Pháp Tuyền Trạch các phẩm chất làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (*Trạch Pháp Giác Chi*), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoài. Vị ấy phát triển Pháp Kiên Trì Bất Giải làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (*Tinh Tấn Giác Chi*), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoài. Vị ấy phát triển Pháp Lạc Bất Khả Chi làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (*Phỉ Lạc Giác Chi*), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoài. Vị ấy phát triển Pháp Ninh Tĩnh làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (*Khinh An Giác Chi*), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoài. Vị ấy phát triển Pháp Định Thức làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (*Định Giác Chi*), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoài. Vị ấy phát triển Pháp Trán Tĩnh làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (*Xả Giác Chi*), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoài. Nếu như vị ấy muốn, vị ấy duy trì sự sáng suốt nhận thức về Pháp đáng ghê tởm trong sự hiện diện của điều mà không đáng ghê tởm. Nếu như vị ấy muốn, vị ấy duy trì sự sáng suốt nhận thức về Pháp không đáng ghê tởm trong sự hiện diện của điều mà đáng ghê tởm. Nếu như vị ấy muốn, vị ấy duy trì sự sáng suốt nhận thức về Pháp đáng ghê tởm trong sự hiện diện của điều mà không đáng ghê tởm và điều mà đáng ghê tởm. Nếu như vị ấy muốn, vị ấy duy trì sự sáng suốt nhận thức về Pháp không đáng ghê tởm trong sự hiện diện của điều mà đáng ghê tởm và điều mà đáng ghê tởm. Nếu như vị ấy muốn – trong sự hiện diện của điều mà đáng ghê tởm và điều mà không đáng ghê tởm – tự ngã của vị ấy thoát ra khỏi cả hai – vị ấy an trú sự trán tịnh, cảnh tỉnh và chú niệm.

Hoặc với sự vượt qua hoàn toàn lĩnh vực của hư không vô hạn, nghĩ suy: “Tâm Ý Thức là vô hạn,” vị ấy dự tri và an trú trong **lĩnh vực**

vô hạn của Tâm Ý Thức (Thức Vô Biên Xứ). Ta nói với các người, này các vị tu sĩ, Pháp Tinh Giác Giải Thoát thông qua **Lạc Sự Vị Tha (Tùy Hỷ)** có **lĩnh vực vô hạn của Tâm Ý Thức** (Thức Vô Biên Xứ) là sự tuyệt luân của nó – trong trường hợp đối với Bạc đã không có được thâm thấu sự giải thoát ở tầng cao hơn.

*“And how is Awareness - Release through **Equanimity** developed, what is its destiny, its excellence, its reward, and its consummation ?*

*“There is the case where a monk develops mindfulness as a factor for Awakening accompanied by **Equanimity**... etc.... If he wants—in the presence of what is loathsome and what is not—cutting himself off from both, he remains equanimous, alert, and mindful. Or, with the complete transcending of the sphere of infinitude of consciousness, thinking ‘There is nothing,’ he enters and remains in **the sphere of Nothingness**. I tell you, monks, Awareness - Release through **Equanimity** has **the sphere of Nothingness** as its excellence—in the case of one who has penetrated to no higher release.” (SN XLVI.# 54)*

“Và Pháp Tinh Giác Giải Thoát thông qua **Sự Trán Tĩnh (Hành Xả)** đã được phát triển như thế nào, mệnh vận của nó, sự tuyệt luân của nó, sự tướng lệ của nó, sự hoàn hảo của nó như thế nào ?

“Có trường hợp nơi mà một vị tu sĩ phát triển Sự Chú Niệm làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (**Niệm Giác Chi**) câu hành với **Sự Trán Tĩnh (Hành Xả)**, tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoại. Vị ấy phát triển Pháp Tuyền Trạch các phẩm chất làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (**Trạch Pháp Giác Chi**), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoại. Vị ấy phát triển Pháp Kiên Trì Bất Giải làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (**Tĩnh Tấn Giác Chi**), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoại. Vị ấy phát triển Pháp Lạc Bất Khả Chi làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (**Phỉ Lạc Giác Chi**), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoại. Vị ấy phát triển Pháp Ninh Tĩnh làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (**Khinh An Giác Chi**), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoại. Vị ấy phát triển Pháp Định Thức làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (**Định Giác Chi**), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tịnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoại. Vị ấy phát triển Pháp Trán Tĩnh làm thành một yếu tố cho Sự Giác Ngộ (**Xả Giác**

Chi), tùy thuận với sự tịch tịnh... sự lãnh tĩnh... sự đình chỉ, dẫn đến sự vong hoại. Nếu như vị ấy muốn, vị ấy duy trì sự sáng suốt nhận thức về Pháp đáng ghê tởm trong sự hiện diện của điều mà không đáng ghê tởm. Nếu như vị ấy muốn, vị ấy duy trì sự sáng suốt nhận thức về Pháp không đáng ghê tởm trong sự hiện diện của điều mà đáng ghê tởm. Nếu như vị ấy muốn, vị ấy duy trì sự sáng suốt nhận thức về Pháp đáng ghê tởm trong sự hiện diện của điều mà không đáng ghê tởm và điều mà đáng ghê tởm. Nếu như vị ấy muốn, vị ấy duy trì sự sáng suốt nhận thức về Pháp không đáng ghê tởm trong sự hiện diện của điều mà đáng ghê tởm và điều mà không đáng ghê tởm. Nếu như vị ấy muốn – trong sự hiện diện của điều mà đáng ghê tởm và điều mà không đáng ghê tởm – tự ngã của vị ấy thoát ra khỏi cả hai – vị ấy an trú sự trấn tĩnh, cảnh tỉnh và chú niệm.

Hoặc với sự vượt qua hoàn toàn lĩnh vực vô hạn của Tâm Ý Thức, nghĩ suy: “Không có chi cả,” vị ấy dự tri và an trú trong **lĩnh vực vô hạn của Hư Vô** (Vô Sở Hữu Xứ). Ta nói với các người, này các vị tu sĩ, Pháp Tỉnh Giác Giải Thoát thông qua **Sự Trấn Tĩnh (Hành Xả)** có **lĩnh vực vô hạn của Hư Vô** (Thức Vô Biên Xứ) là sự tuyệt luân của nó – trong trường hợp đối với Bạc đã không có được thâm thấu sự giải thoát ở tầng cao hơn. (Tương Ứng Bộ Kinh XLVI.# 54)

*“There is the case where an individual keeps pervading the first direction [the east]—as well as the second direction, the third, and the fourth—with an awareness imbued with **Good Will**. Thus he keeps pervading above, below, and all around, everywhere and in every respect the all - encompassing cosmos with an awareness imbued with **Good Will**: abundant, expansive, immeasurable, free from hostility, free from ill will. He savors that, longs for that, finds satisfaction through that. Staying there—fixed on that, dwelling there often, not falling away from that—then when he dies he reappears in conjunction with the **Devas of Brahma’s** retinue. The **Devas of Brahma’s** retinue, monks, have a life - span of an aeon. A run - of - the - mill person, having stayed there, having used up all the life - span of those **Devas**, goes to **hell**, to **the animal womb**, to **the state of the hungry shades**. But a disciple of the Blessed One, having stayed there, having used up all the life - span of those **Devas**, is unbound right in that state of being. This, monks, is the difference, this the distinction, this the distinguishing factor, between an*

educated disciple of the noble ones and an uneducated run – of – the – mill person, when there is a destination, a reappearing.

“Có trường hợp nơi mà một cá nhân biến mãn tâm thức đến hướng thứ nhất (hướng Đông) – cũng như hướng thứ hai, thứ ba và thứ tư – với sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)**. Thế là vị ấy biến mãn đến hướng trên, hướng dưới và lan tỏa khắp chung quanh, khắp mọi nơi, và trên khắp mọi phương diện bao trùm cả vũ trụ với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)**: chan chứa tâm lòng vô lượng bác ái vị tha, không pha ác cảm, không vương tư thù. Vị ấy phẩm thưởng điều ấy, khát vọng điều ấy, (*do sự cố gắng*) đạt được niềm hân hoan toại ý qua điều ấy. Lưu trú ở nơi đó, khẩn khát nơi đó, thường luôn an trú ở nơi đó, bất thoải đọa khỏi nơi đó – thế rồi sau khi vị ấy mệnh chung, vị ấy tái tục trong sự cộng trú với **Chúng Phạm Thiên ở Cõi Phạm Phụ Thiên. Chúng Phạm Thiên ở Cõi Phạm Phụ Thiên**, này các vị tu sĩ, có thọ mạng một thiên kỷ. Một hạng Phạm Phụ - sau khi đã lưu trú ở nơi đó, sau khi đã thọ dụng hết thọ mạng của Chúng Thiên ở nơi đó - đi đến **Địa Ngục**, đi đến **thai bào động vật**, đi đến trạng thái của **những quỷ hồn đói khát** (Cõi Ngạ Quỷ). Thế nhưng, một đệ tử của Đức Thế Tôn - sau khi đã lưu trú ở nơi đó, sau khi đã thọ dụng hết thọ mạng của Chúng Thiên ở nơi đó – thì được phóng thích ngay trong trạng thái đang hiện hữu ấy. Điều này, này các vị tu sĩ, là sự khác biệt, đây là tính chất đặc thù, đây là yếu tố thù thắng, giữa một vị đệ tử hữu học của Chư Thánh Nhân và một hạng Vô Văn Phạm Phụ, khi có một mức đến quy định, một sự tái tục.

*“Again, there is the case where an individual keeps pervading the first direction—as well as the second direction, the third, and the fourth—with an awareness imbued with **Compassion**.... Staying there—fixed on that, dwelling there often, not falling away from that—then when he dies he reappears in conjunction with the **Abhassara** [Radiant] **Devas**.¹ The **Abhassara Devas**, monks, have a life - span of two aeons. A run – of – the – mill person, having stayed there, having used up all the life - span of those **Devas**, goes to **hell**, to **the animal womb**, to **the state of the hungry shades**. But a disciple of the Blessed One, having stayed there, having used up all the life - span of those **Devas**, is unbound right in that state of being. This, monks, is the difference, this the distinction, this the distinguishing factor, between an educated disciple of the noble*

ones and an uneducated run – of – the - mill person, when there is a destination, a reappearing.

“Lại nữa, có trường hợp nơi mà một cá nhân biến mãn tâm thức đến hướng thứ nhất – cũng như hướng thứ hai, thứ ba và thứ tư – với sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Lòng Bi Mẫn (sự đồng tình)**. Thế là vị ấy biến mãn đến hướng trên, hướng dưới và lan tỏa khắp chung quanh, khắp mọi nơi, và trên khắp mọi phương diện bao trùm cả vũ trụ với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Lòng Bi Mẫn (sự đồng tình)**: chan chứa tấm lòng vô lượng bác ái vị tha, không pha ác cảm, không vương tư thù. Vị ấy phẩm thưởng điều ấy, khát vọng điều ấy, (*do sự cố gắng*) đạt được niềm hân hoan toại ý qua điều ấy. Lưu trú ở nơi đó, khẩn khát nơi đó, thường luôn an trú ở nơi đó, bất thoái đọa khỏi nơi đó – thế rồi sau khi vị ấy mệnh chung, vị ấy tái tục trong sự cộng trú với **Chúng Phạm Thiên ở Cõi Quang Âm Thiên Giới (Cõi Biến Quang Thiên Giới)**. **Chúng Phạm Thiên ở Cõi Quang Âm Thiên Giới**, này các vị tu sĩ, có thọ mạng hai thiên kỷ. Một hạng Phạm Phu - sau khi đã lưu trú ở nơi đó, sau khi đã thọ dụng hết thọ mạng của Chúng Thiên ở nơi đó - đi đến **Địa Ngục**, đi đến **thai bào động vật**, đi đến trạng thái của **những quỷ hồn đói khát (Cõi Ngạ Quỷ)**. Thế nhưng, một đệ tử của Đức Thế Tôn - sau khi đã lưu trú ở nơi đó, sau khi đã thọ dụng hết thọ mạng của Chúng Thiên ở nơi đó – thì được phóng thích ngay trong trạng thái đang hiện hữu ấy. Điều này, này các vị tu sĩ, là sự khác biệt, đây là tính chất đặc thù, đây là yếu tố thù thắng, giữa một vị đệ tử hữu học của Chư Thánh Nhân và một hạng Vô Văn Phạm Phu, khi có một mức đến quy định, một sự tái tục.

“Again, there is the case where an individual keeps pervading the first direction—as well as the second direction, the third, and the fourth—with an awareness imbued with **Empathetic Joy**.... Staying there—fixed on that, dwelling there often, not falling away from that—then when he dies he reappears in conjunction with the **Subhakinhā [Beautiful Black] Devas**. The **Subhakinhā Devas**, monks, have a life - span of four aeons. A run – of – the - mill person, having stayed there, having used up all the life - span of those **Devas**, goes to **hell**, to **the animal womb**, to **the state of the hungry shades**. But a disciple of the Blessed One, having stayed there, having used up all the life - span of those **Devas**, is unbound right in that state of being. This, monks, is the

difference, this the distinction, this the distinguishing factor, between an educated disciple of the noble ones and an uneducated run – of – the-mill person, when there is a destination, a reappearing.

“Lại nữa, có trường hợp nơi mà một cá nhân biến mãn tâm thức đến hướng thứ nhất – cũng như hướng thứ hai, thứ ba và thứ tư – với sự tỉnh giác đã được thâm nhuần với **Lạc Sự Vị Tha (Tùy Hỷ)**. Thế là vị ấy biến mãn đến hướng trên, hướng dưới và lan tỏa khắp chung quanh, khắp mọi nơi, và trên khắp mọi phương diện bao trùm cả vũ trụ với một sự tỉnh giác đã được thâm nhuần với **Lạc Sự Vị Tha (Tùy Hỷ)**: chan chứa tâm lòng vô lượng bác ái vị tha, không pha ác cảm, không vương tư thù. Vị ấy phẩm thưởng điều ấy, khát vọng điều ấy, (*do sự cố gắng*) đạt được niềm hân hoan toại ý qua điều ấy. Lưu trú ở nơi đó, khẩn khát nơi đó, thường luôn an trú ở nơi đó, bất thoát đọa khỏi nơi đó – thế rồi sau khi vị ấy mệnh chung, vị ấy tái tục trong sự cộng trú với **Chúng Phạm Thiên ở Cõi Biến Tịnh Thiên Giới**. **Chúng Phạm Thiên ở Cõi Biến Tịnh Thiên Giới**, này các vị tu sĩ, có thọ mạng bốn thiên kỷ. Một hạng Phạm Phu - sau khi đã lưu trú ở nơi đó, sau khi đã thọ dụng hết thọ mạng của Chúng Thiên ở nơi đó - đi đến **Địa Ngục**, đi đến **thai bào động vật**, đi đến trạng thái của **những quỷ hồn đói khát (Cõi Ngạ Quỷ)**. Thế nhưng, một đệ tử của Đức Thế Tôn - sau khi đã lưu trú ở nơi đó, sau khi đã thọ dụng hết thọ mạng của Chúng Thiên ở nơi đó – thì được phóng thích ngay trong trạng thái đang hiện hữu ấy. Điều này, này các vị tu sĩ, là sự khác biệt, đây là tính chất đặc thù, đây là yếu tố thù thắng, giữa một vị đệ tử hữu học của Chư Thánh Nhân và một hạng Vô Văn Phạm Phu, khi có một mức đến quy định, một sự tái tục.

*“Again, there is the case where an individual keeps pervading the first direction [the east]—as well as the second direction, the third, and the fourth—with an awareness imbued with **Equanimity**. Thus he keeps pervading above, below, and all around, everywhere and in every respect the all - encompassing cosmos with an awareness imbued with **Equanimity**: abundant, expansive, immeasurable, free from hostility, free from ill will. He savors that, longs for that, finds satisfaction through that. Staying there—fixed on that, dwelling there often, not falling away from that—then when he dies he reappears in conjunction with the **Vehapphala [Sky - fruit] Devas**. The **Vehapphala Devas**, monks, have a life - span of 500 aeons. A run – of – the - mill person, having stayed*

there, having used up all the life - span of those **Devas**, goes to **hell**, to **the animal womb**, to **the state of the hungry shades**. But a disciple of the Blessed One, having stayed there, having used up all the life - span of those **Devas**, is unbound right in that state of being. This, monks, is the difference, this the distinction, this the distinguishing factor, between an educated disciple of the noble ones and an uneducated run - of - the - mill person, when there is a destination, a reappearing.

“These are four types of individuals to be found existing in the world.”

“Lại nữa, có trường hợp nơi mà một cá nhân biến mãn tâm thức đến hướng thứ nhất (hướng Đông) – cũng như hướng thứ hai, thứ ba và thứ tư – với sự tỉnh giác đã được thâm nhuần với **Sự Trán Tĩnh (Hành Xả)**. Thế là vị ấy biến mãn đến hướng trên, hướng dưới và lan tỏa khắp chung quanh, khắp mọi nơi, và trên khắp mọi phương diện bao trùm cả vũ trụ với một sự tỉnh giác đã được thâm nhuần với **Sự Trán Tĩnh (Hành Xả)**: chan chứa tấm lòng vô lượng bác ái vị tha, không pha ác cảm, không vương tư thù. Vị ấy phẩm thưởng điều ấy, khát vọng điều ấy, (do sự cố gắng) đạt được niềm hân hoan toại ý qua điều ấy. Lưu trú ở nơi đó, khẩn khít nơi đó, thường luôn an trú ở nơi đó, bất thoái đoạ khỏi nơi đó – thế rồi sau khi vị ấy mệnh chung, vị ấy tái tục trong sự cộng trú với **Chúng Phạm Thiên ở Cõi Quảng Quả Thiên Giới**. **Chúng Phạm Thiên ở Cõi Quảng Quả Thiên Giới**, này các vị tu sĩ, có thọ mạng năm trăm thiên kỷ. Một hạng Phạm Phu - sau khi đã lưu trú ở nơi đó, sau khi đã thọ dụng hết thọ mạng của Chúng Thiên ở nơi đó - đi đến **Địa Ngục**, đi đến **thai bào động vật**, đi đến trạng thái của **những quỷ hồn đói khát (Cõi Ngạ Quỷ)**. Thế nhưng, một đệ tử của Đức Thế Tôn - sau khi đã lưu trú ở nơi đó, sau khi đã thọ dụng hết thọ mạng của Chúng Thiên ở nơi đó – thì được phóng thích ngay trong trạng thái đang hiện hữu ấy. Điều này, này các vị tu sĩ, là sự khác biệt, đây là tính chất đặc thù, đây là yếu tố thù thắng, giữa một vị đệ tử hữu học của Chư Thánh Nhân và một hạng Vô Văn Phạm Phu, khi có một mức đến quy định, một sự tái tục.

“Đây là bốn hạng cá nhân được nghiệm thấy hiện hữu ở trong thế gian.”

NOTES:

1. The *Abhassara*, *Subhakinhā*, and *Vehapphala Devas* are all *Brahmas* on the level of form.

2. This **Sutta**, read in conjunction with AN IV.# 123, has given rise to the belief that the development of **Good Will** as an immeasurable state can lead only to the first **Jhāna**, and that the next two immeasurable states—**Compassion** and **Empathetic Joy**—can lead, respectively, only to the second and third **Jhānas**. However, as AN VIII.# 63 shows below, all four immeasurable states can lead all the way to the fourth **Jhāna**. The difference between that discourse and this lies in how the person practicing these states relates to them. In that **Sutta**, the person deliberately uses the state as a basis for developing all the **Jhānas**. In this **Sutta**, the person simply enjoys the state and remains in it. (AN IV.# 125)

Ghi Chú:

1. **Chúng Phạm Thiên ở Cõi Quang Âm Thiên Giới, Cõi Biến Tịnh Thiên Giới và Cõi Quảng Quả Thiên Giới** tất cả đều là **Chư Phạm Thiên** trong cấp độ của Sắc Pháp.

2. Bài Kinh này, đọc phối hợp với Tăng Chi Bộ Kinh.# 123, đã làm phát khởi lên niềm tin rằng sự phát triển về **Thiện Ý (Tứ Ái Tâm)** là một trạng thái bất khả hạn lượng chỉ có thể dẫn dắt đến tầng Thiền thứ nhất (**Sơ Thiền**), và rằng hai trạng thái bất khả hạn lượng tiếp theo – **Lòng Bi Mẫn (sự đồng tình)** và **Lạc Sự Vị Tha (Tùy Hỷ)** – chỉ có thể, lần lượt một cách tương ứng với mỗi trạng thái, đến tầng Nhị Thiền và Tam Thiền. Tuy nhiên, như Tăng Chi Bộ Kinh VIII.# 63 trình bày ở dưới đây, thì tất cả bốn trạng thái bất khả hạn lượng đều có thể dẫn dắt đến đạo lộ của Tứ Thiền. Sự khác biệt giữa bài Pháp Thoại ấy và bài Kinh này là nằm ở trong cách thức người đã đang thực hành những trạng thái hữu quan này đối với họ. Trong bài Kinh đó, hành giả sử dụng một cách cân nhắc thận trọng cái trạng thái làm thành một nền tảng (**Thiền Cơ Bản**) cho việc phát triển tất cả các tầng Thiền. Trong bài Kinh này, người ta một cách đơn giản thụ hưởng trạng thái và an trú ở trong đó. (Tăng Chi Bộ Kinh.# 125)

Then a certain monk went to the Blessed One and, on arrival, having bowed down to him, sat to one side. As he was sitting there he said to the Blessed One: “It would be good if the Blessed One would teach me the **Dhamma** in brief so that, having heard the **Dhamma** from

the Blessed One, I might dwell alone in seclusion: heedful, ardent, and resolute.”

*“But it is in just this way that some worthless men make a request but then, having been told the **Dhamma**, think they should tag along right behind me.”*

*“May the Blessed One teach me the **Dhamma** in brief ! May the One Well - Gone teach me the **Dhamma** in brief ! It may well be that I will understand the Blessed One’s words. It may well be that I will become an heir to the Blessed One’s words.”*

“Then, monk, you should train yourself thus: ‘My mind will be established inwardly, well - composed. No evil, unskillful qualities, once they have arisen, will remain consuming the mind.’ That’s how you should train yourself.

Thế rồi một vị tu sĩ nào đó đã đi đến Đức Thế Tôn và khi đến nơi, đã cúi đầu đánh lễ đến Ngài, đã ngồi sang một bên. Khi vị ấy đã đang ngồi nơi đó, vị ấy đã tác bạch đến Đức Thế Tôn: “Sẽ là tốt thay nếu như Đức Thế Tôn sẽ giáo đạo Giáo Pháp một cách ngắn gọn nhằm để, sau khi đã được nghe Giáo Pháp từ nơi Đức Thế Tôn, con sẽ sống một mình trong sự tịch tịnh: không phóng dật, nhiệt tâm và cương quyết.

“Thế nhưng chỉ bằng với phương thức này mà một số người bất trung dụng đưa một sự yêu cầu nhưng rồi, sau khi đã được Thuyết Pháp, họ nghĩ rằng cần phải theo sát bên Ta.”

“Ước mong Đức Thế Tôn giáo đạo Giáo Pháp một cách ngắn gọn đến cho con ! Ước mong Đấng Thiện Thệ giáo đạo Giáo Pháp một cách ngắn gọn đến cho con ! Rất có thể là con sẽ tuệ tri những huân từ của Đức Thế Tôn. Rất có thể là con sẽ trở thành một người thừa nhận những huân từ của Đức Thế Tôn.”

“Vậy thì, này vị tu sĩ, người cần phải tu dưỡng bản thân mình như vậy: “Tâm thức của Tôi sẽ được thiết lập tại nội tâm, được khéo trấn tịnh. Không có những đặc tính xấu ác, bất thiện xảo; một khi chúng đã khởi sinh lên thì sẽ vẫn cứ làm tổn hại đến tâm thức. Đó là cách thức mà người cần phải tu dưỡng bản thân mình.”

*“Then you should train yourself thus: ‘**Good Will** as my Awareness - Release, will be developed, pursued, given a means of transport, given a grounding, steadied, consolidated, and well - undertaken.’ That’s how you should train yourself. When you have*

developed this concentration in this way, you should develop this concentration with directed thought and evaluation, you should develop it with no directed thought and a modicum of evaluation, you should develop it with no directed thought and no evaluation, you should develop it accompanied by rapture... not accompanied by rapture... endowed with a sense of enjoyment; you should develop it endowed with equanimity.

“Sau đó người cần phải tu dưỡng bản thân mình như vậy: “**Thiền Ý (Tì Ái Tâm)** là Pháp Tinh Giác Giải Thoát của Tôi, sẽ được phát triển, sẽ được tiếp tục thực hiện, một sự cảm xúc mãnh liệt đã được xác lập, một nền tảng đã được xác lập, đã kiên định, đã gia cố, và đã được thực hiện tốt đẹp.” Đó là cách thức mà người cần phải tu dưỡng bản thân mình. Khi người đã phát triển được sự định thức này trong phương thức như vậy, người cần phải phát triển sự định thức này với việc nghĩ suy (**Tâm**) và sự bình giá (**Tứ**) trực tiếp, người cần phải phát triển nó với việc không nghĩ suy trực tiếp (**Vô Tâm**) và một lượng ít của sự bình giá (**Tứ**), người cần phải phát triển nó với việc không nghĩ suy (**Vô Tâm**) và không có sự bình giá (**Vô Tứ**) trực tiếp, người cần phải phát triển nó được câu hành với Lạc Bất Khả Chi (**Phỉ Lạc**)... bất câu hành với Lạc Bất Khả Chi (**Phỉ Lạc**)... được hội đủ phúc duyên với một cảm thọ hoan hỷ (**Lạc**), người cần phải phát triển nó được hội đủ phúc duyên với sự trấn tịnh (**Xả**).

“When this concentration is thus developed, thus well - developed by you, you should then train yourself thus: ‘**Compassion** as my Awareness - Release.... **Empathetic Joy** as my Awareness - Release.... **Equanimity** as my Awareness - Release, will be developed, pursued, given a means of transport, given a grounding, steadied, consolidated, and well - undertaken.’ That’s how you should train yourself. When you have developed this concentration in this way, you should develop this concentration with directed thought and evaluation, you should develop it with no directed thought and a modicum of evaluation, you should develop it with no directed thought and no evaluation, you should develop it accompanied by rapture... not accompanied by rapture... endowed with a sense of enjoyment; you should develop it endowed with equanimity.

“Khi sự định thức này đã được phát triển như vậy, đã được khéo phát triển như vậy, thế rồi người cần phải tu dưỡng bản thân mình như vậy: “**Lòng Bi Mẫn (sự đồng tình)** là Pháp Tĩnh Giác Giải Thoát của Tôi,... **Lạc Sự Vị Tha (Tùy Hỷ)** là Pháp Tĩnh Giác Giải Thoát của Tôi,... **Sự Trán Tĩnh (Hành Xả)** là Pháp Tĩnh Giác Giải Thoát của Tôi, sẽ được phát triển, sẽ được tiếp tục thực hiện, một sự cảm xúc mãnh liệt đã được xác lập, một nền tảng đã được xác lập, đã kiên định, đã gia cố, và đã được thực hiện tốt đẹp.” Đó là cách thức mà người cần phải tu dưỡng bản thân mình. Khi người đã phát triển được sự định thức này trong phương thức như vậy, người cần phải phát triển sự định thức này với việc nghĩ suy (*Tâm*) và sự bình giá (*Tứ*) trực tiếp, người cần phải phát triển nó với việc không nghĩ suy trực tiếp (*Vô Tâm*) và một thiếu lượng của sự bình giá (*Tứ*), người cần phải phát triển nó với việc không nghĩ suy (*Vô Tâm*) và không có sự bình giá (*Vô Tứ*) trực tiếp, người cần phải phát triển nó được câu hành với Lạc Bất Khả Chi (*Phỉ Lạc*)...bắt câu hành với Lạc Bất Khả Chi (*Phỉ Lạc*)...được hội đủ phúc duyên với một cảm thọ hoan hỷ (*Lạc*), người cần phải phát triển nó được hội đủ phúc duyên với sự trán tĩnh (*Xả*).

“When this concentration is thus developed, thus well - developed by you, you should then train yourself thus: ‘I will remain focused on the body in and of itself—ardent, alert, and mindful—putting aside greed and distress with reference to the world.’ That’s how you should train yourself. When you have developed this concentration in this way, you should develop this concentration with directed thought and evaluation, you should develop it with no directed thought and a modicum of evaluation, you should develop it with no directed thought and no evaluation, you should develop it accompanied by rapture... not accompanied by rapture... endowed with a sense of enjoyment; you should develop it endowed with equanimity.

“Khi sự định thức này đã được phát triển như vậy, đã được khéo phát triển như vậy, thế rồi người cần phải tu dưỡng bản thân mình như vậy: “Tôi sẽ vẫn cứ an định vào trong thể xác và tự ngã của nó (*Quán Thân Trong Thân*) – nhiệt tâm, cảnh tỉnh và chú niệm - gạt sang một bên sự tham lam và nổi thống khổ hữu quan ở trong đời.” Đó là cách thức mà người cần phải tu dưỡng bản thân mình. Khi người đã phát triển được sự định thức này trong phương thức như vậy, người cần phải phát

triển sự định thức này với việc nghĩ suy (*Tâm*) và sự bình giá (*Tứ*) trực tiếp, người cần phải phát triển nó với việc không nghĩ suy trực tiếp (*Vô Tâm*) và một thiếu lượng của sự bình giá (*Tứ*), người cần phải phát triển nó với việc không nghĩ suy (*Vô Tâm*) và không có sự bình giá (*Vô Tứ*) trực tiếp, người cần phải phát triển nó được câu hành với Lạc Bất Khả Chi (*Phỉ Lạc*)... bất câu hành với Lạc Bất Khả Chi (*Phỉ Lạc*)... được hội đủ phúc duyên với một cảm thọ hoan hỷ (*Lạc*), người cần phải phát triển nó được hội đủ phúc duyên với sự trấn tịnh (*Xả*).

“When this concentration is thus developed, thus well - developed by you, you should train yourself: ‘I will remain focused on feelings in and of themselves... the mind in and of itself... mental qualities in and of themselves—ardent, alert, and mindful—putting aside greed and distress with reference to the world.’ That’s how you should train yourself. When you have developed this concentration in this way, you should develop this concentration with directed thought and evaluation, you should develop it with no directed thought and a modicum of evaluation, you should develop it with no directed thought and no evaluation, you should develop it accompanied by rapture... not accompanied by rapture... endowed with a sense of enjoyment; you should develop it endowed with equanimity.

“Khi sự định thức này đã được phát triển như vậy, đã được khéo phát triển như vậy, người cần phải tu dưỡng bản thân mình: “Tôi sẽ vẫn cứ an định vào trong các cảm thọ và tự ngã của chúng (*Quán Thọ Trong Thọ*)..vào trong tâm thức và tự ngã của nó (*Quán Tâm Trong Tâm*)..vào trong những đặc tính tinh thần và tự ngã của chúng (*Quán Pháp Trong Pháp*) – nhiệt tâm, cảnh tỉnh và chú niệm - gạt sang một bên sự tham lam và nổi thống khổ hữu quan ở trong đời.” Đó là cách thức mà người cần phải tu dưỡng bản thân mình. Khi người đã phát triển được sự định thức này trong phương thức như vậy, người cần phải phát triển sự định thức này với việc nghĩ suy (*Tâm*) và sự bình giá (*Tứ*) trực tiếp, người cần phải phát triển nó với việc không nghĩ suy trực tiếp (*Vô Tâm*) và một thiếu lượng của sự bình giá (*Tứ*), người cần phải phát triển nó với việc không nghĩ suy (*Vô Tâm*) và không có sự bình giá (*Vô Tứ*) trực tiếp, người cần phải phát triển nó được câu hành với Lạc Bất Khả Chi (*Phỉ Lạc*)... bất câu hành với Lạc Bất Khả Chi (*Phỉ Lạc*)... được hội đủ phúc duyên với

một cảm thọ hoan hỷ (*Lạc*), người cần phải phát triển nó được hội đủ phúc duyên với sự trân tịnh (*Xả*).

“When this concentration is thus developed, thus well - developed by you, then wherever you go, you will go in comfort. Wherever you stand, you will stand in comfort. Wherever you sit, you will sit in comfort. Wherever you lie down, you will lie down in comfort.”

“Khi sự định thức này đã được phát triển như vậy, đã được khéo phát triển như vậy, thế rồi bất luận nơi nào người đi, người sẽ đi thoải mái. Bất luận nơi nào người đứng, người sẽ đứng thoải mái. Bất luận nơi nào người ngồi, người sẽ ngồi thoải mái. Bất luận nơi nào người nằm xuống, người sẽ nằm xuống thoải mái.”

*Then that monk, having been admonished by the admonishment from the Blessed One, got up from his seat and bowed down to the Blessed One, circled around him, keeping the Blessed One to his right side, and left. Then, dwelling alone, secluded, heedful, ardent, and resolute, he in no long time reached and remained in the supreme goal of the holy life for which clansmen rightly go forth from home into homelessness, knowing and realizing it for himself in the here and now. He knew: “Birth is ended, the holy life fulfilled, the task done. There is nothing further for the sake of this world.” And thus he became another one of the **Arahants**. (AN VIII.# 63)*

Thế rồi vị tu sĩ ấy, sau khi đã được khuyên bảo với sự khuyên bảo từ nơi Đức Thế Tôn, từ chỗ ngồi của mình đã đứng lên và đã cúi đầu đánh lễ đến Đức Thế Tôn, đã đi nhiều vòng quanh Ngài, giữ Đức Thế Tôn ở hướng bên phải của mình, và đã ra đi. Sau đó, sống một mình, đã tịch tịnh, không phóng dật, nhiệt tâm và cương quyết; không bao lâu vị ấy đã đạt được và đã an trú trong mục tiêu tối thượng của đời sống Thánh Nhân mà những thành viên của một thị tộc một cách chân chính đã thụ giáo từ trong nhà đi vào đời sống vô gia cư, đã liễu tri và đã chứng tri điều đó đối với chính tự bản thân mình ngay tức thời. Vị ấy đã tuệ tri: “Sự sinh đã chấm dứt, đời sống Thánh Nhân đã hoàn thành viên mãn, phận sự đã hoàn thành. Không có gì hơn nữa vì lợi ích của thế gian này.” Và thế là vị ấy đã trở thành một trong những bậc Vô Sinh nữa. (Tăng Chi Bộ Kinh VIII.# 63)

*“There is the case where an individual keeps pervading the first direction—as well as the second direction, the third, and the fourth—with an awareness imbued with **Good Will**. Thus he keeps pervading above, below, and all around, everywhere and in every respect the all-encompassing cosmos with an awareness imbued with **Good Will**: abundant, expansive, immeasurable, free from hostility, free from ill will. He regards whatever phenomena there that are connected with form, feeling, perception, fabrications, and consciousness, as inconstant, stressful, a disease, a cancer, an arrow, painful, an affliction, alien, a disintegration, an emptiness, not - self. At the break - up of the body, after death, he reappears in conjunction with the **Devas** of the Pure Abodes. This rebirth is not in common with run - of - the - mill people.”*

*[Similarly with **Compassion, Empathetic Joy, and Equanimity**.]*
(AN IV.# 126)

“Có trường hợp nơi mà một cá nhân biến mãn tâm thức đến hướng thứ nhất – cũng như hướng thứ hai, thứ ba và thứ tư – với sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)**. Thế là vị ấy biến mãn đến hướng trên, hướng dưới và lan tỏa khắp chung quanh, khắp mọi nơi, và trên khắp mọi phương diện bao trùm cả thế gian với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)**: chan chứa tâm lòng vô lượng bác ái vị tha, không pha ác cảm, không vương tư thù. Vị ấy thẩm thị bất luận ở hiện tượng nào nơi mà hữu quan với “sắc, thọ, tưởng, hành và thức,” là bất nhất, áp lực, một bệnh tật, một ung thư, một mũi tên, sự đau khổ, một sự thống khổ, xa lạ, một sự tan rã, một sự trống rỗng, vô ngã. Ngay khi thân hoại và sau khi mạng chung, vị ấy tái tục trong sự cộng trú với **Chúng Phạm Thiên của Cõi Tịnh Cư Thiên Giới**. Sự tái sinh này không có phổ thông với hạng Phàm Phu.

[Một cách tương tự với **Lòng Bi Mãn (Sự Đồng Tình)**, **Lạc Sự Vị Tha (Tùy Hỷ)**, hoặc **Sự Trán Tịnh (Hành Xả)**]. (Tăng Chi Bộ Kinh.# 126)

*“Then again, a monk keeps pervading the first direction with an awareness imbued with **Good Will**, likewise the second, likewise the third, likewise the fourth. Thus above, below, and all around, everywhere, in its entirety, he keeps pervading the all-encompassing cosmos with an awareness imbued with **Good Will**—abundant, expansive, immeasurable, without hostility, without ill will. He reflects*

*on this and discerns, ‘This Awareness - Release through **Good Will** is fabricated and intended. Now whatever is fabricated and intended is inconstant and subject to cessation.’ Staying right there, he reaches the ending of the mental effluents (fermentations). Or, if not, then—through this very **Dhamma** - passion, this **Dhamma** - delight, and from the total wasting away of the five Lower Fetters [self - identity views, uncertainty, grasping at habits and practices, sensual passion, and irritation]—he is due to be spontaneously reborn [in the Pure Abodes], there to be totally unbound, never again to return from that world.*

“Thế rồi một lần nữa, một vị tu sĩ biến mãn tâm thức đến hướng thứ nhất với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)**, tương tự như vậy với hướng thứ hai, tương tự như vậy với hướng thứ ba, tương tự như vậy với hướng thứ tư. Rồi thì đến hướng trên, hướng dưới và lan tỏa khắp chung quanh, khắp mọi nơi, hoàn toàn ở trong đó, vị ấy biến mãn trên khắp mọi phương diện bao trùm cả vũ trụ với một sự tỉnh giác đã được thấm nhuần với **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)**: chan chứa tấm lòng vô lượng bác ái vị tha, không pha ác cảm, không vương tư thù. Vị ấy phản tỉnh về điều này và nhận thức rõ: “Pháp Tỉnh Giác Giải Thoát này thông qua **Thiện Ý (Từ Ái Tâm)** là chế tạo và có tác ý (*Hữu Vi*). Bây giờ bất luận điều chi đã là chế tạo và có tác ý (*Hữu Vi*) thời bất nhất, và phải chịu sự đình chỉ.” Lưu trú ngay tại đó, vị ấy đạt được sự chấm dứt các Pháp rò rỉ (*lên men*) thuộc lĩnh vực tinh thần (*Pháp Lậu Hoặc*). Hoặc, nếu không, thời bấy giờ - thông qua chính Pháp Dục này, chính Pháp Hỷ này, và từ sự cạn kiệt dần toàn bộ năm Pháp Hạ Phần Kiết Sử [Hữu Thân Kiến, Hoài Nghi, Giới Cấm Thủ, Tham Dục và Sân Hận] – do vậy vị ấy tục sinh một cách Hóa Sinh [trong Cõi Tịnh Cư Thiên Giới] nơi đó thì hoàn toàn được phóng thích, không bao giờ còn trở lại thế gian đó nữa.

“This too, householder, is a single quality declared by the Blessed One—the one who knows, the one who sees, worthy and rightly Self - Awakened—where the unreleased mind of a monk who dwells there heedful, ardent, and resolute becomes released, or his unended effluents (fermentations) go to their total ending, or he attains the unexcelled security from the yoke that he had not attained before.”

*[Similarly with Awareness - Release through **Compassion**, through **Empathetic Joy**, and through **Equanimity**.] (MN # 52)*

“Điều này cũng vậy, này gia chủ, là một phẩm chất ưu tú duy nhất đã được Đức Thế Tôn – Bạc Trí Giả, Bạc Kiến Giả và Bạc Đã Tự Giác Ngộ, Chánh Đẳng Giác tuyên bố - nơi mà tâm thức chưa được giải thoát của một vị tu sĩ mà trú ở nơi đó không phóng dật, nhiệt tâm và cương quyết thì trở nên được giải thoát; hoặc các Pháp Lậu Hoặc chưa được diệt tận của vị ấy đi đến sự đình chỉ chúng một cách viên mãn, hoặc vị ấy đạt được sự vô thượng an ổn khỏi các ách phược mà vị ấy đã không đạt được trước đó.”

[Một cách tương tự với Pháp Tinh Giác Giải Thoát thông qua **Lòng Bi Mẫn (Sự Đồng Tình)**, thông qua **Lạc Sự Vị Tha (Tùy Hỷ)**, hoặc thông qua **Sự Trán Tĩnh (Hành Xả)**]. (Trung Bộ.# 52)

-----00000-----

The Merit of Stream - Entry

Thiện Công Đức Của Bạc Dự Lưu

“Monks, there are these four **bonanzas of Merit, bonanzas of Skillfulness, nourishments of Bliss**. Which four ?

“There is the case where the disciple of the Noble Ones is endowed with verified confidence in the Awakened One: ‘Indeed, the Blessed One is worthy and rightly Self - Awakened, consummate in knowledge and conduct, Well - Gone, an expert with regard to the world, unexcelled as a trainer for those people fit to be tamed, the Teacher of divine and human beings, awakened, blessed.’ This is the first **bonanza of Merit, bonanza, of Skillfulness, nourishment of Bliss**.

“Này các vị tu sĩ, có **Pháp hoạch lợi phong hậu về Thiện Công Đức, hoạch lợi phong hậu về Sự Thiện Xảo, bồi dưỡng Sự Tĩnh Lạc**. Thế nào là bốn ?

“Có trường hợp nơi mà vị đệ tử của Chư Thánh Nhân đã hội đủ phúc duyên với niềm xác tín về Bạc Đã Giác Ngộ: “Đúng vậy, Đức Thế Tôn là Bạc **Ứng Cúng, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Bạc Đã Giác Ngộ, Thế Tôn**.” Đây là **Pháp hoạch lợi phong hậu về Thiện Công Đức, hoạch lợi phong hậu về Sự Thiện Xảo, bồi dưỡng Sự Tĩnh Lạc** thứ nhất.

“Furthermore, the disciple of the noble ones is endowed with verified confidence in the **Dhamma**: ‘The **Dhamma** is well - expounded by the Blessed One, to be seen here and now, timeless, inviting verification, pertinent, to be realized by the wise for themselves.’ This is the second **bonanza of Merit, bonanza, of Skillfulness, nourishment of Bliss**.

“Thêm nữa, vị đệ tử của Chư Thánh Nhân đã hội đủ phúc duyên với niềm xác tín về Giáo Pháp: “Giáo Pháp đã được Đức Thế Tôn khéo giảng giải (*Svākkhāto Bhagavatā*), thiết thực hiện tại (*Sandittiko – Kiến Tính Thấu Minh*), không chậm trễ thời gian (*Akāliko – Bất Đoạn Thời*), đến để mà thấy (*Ehipassiko – Tha Nhân Khả Khán Tri*), có khả năng hướng thượng (*Opanāyiko – Hữu Quan Tính*), được bậc Trí Tuệ tự chứng tri (*Paccattam veditabbo viññūhīti – Trí Giả Tự Ngã Chứng Tri*).” Đây là **Pháp hoạch lợi phong hậu về Thiện Công Đức, hoạch lợi phong hậu về Sự Thiện Xảo, bồi dưỡng Sự Tĩnh Lạc** thứ hai.

“Furthermore, the disciple of the noble ones is endowed with verified confidence in the **Saṅgha**: ‘The **Saṅgha** of the Blessed One’s disciples who have practiced well... who have practiced straight - forwardly... who have practiced methodically... who have practiced masterfully—in other words, the four types of noble disciples when taken as pairs, the eight when taken as individual types—they are the **Saṅgha** of the Blessed One’s disciples: worthy of gifts, worthy of hospitality, worthy of offerings, worthy of respect, the incomparable field of Merit for the world.’ This is the third **bonanza of Merit, bonanza, of Skillfulness, nourishment of Bliss**.

“Thêm nữa, vị đệ tử của Chư Thánh Nhân đã hội đủ phúc duyên với niềm xác tín về Tăng Đoàn: “Tăng Đoàn Chư Đệ Tử của Đức Thế Tôn là các bậc đã thực hành một cách chính chắn y theo Chánh Pháp (*Diệu Hạnh*), là các bậc đã thực hành một cách chính trực y theo Chánh Pháp (*Trực Hạnh*), là các bậc đã thực hành một cách hữu điều lý (*Như Lý Hạnh*), là các bậc đã thực hành một cách nhàn thực (*Chính Hạnh*) – nói cách khác, bốn thể loại Chư Thánh Đệ Tử khi được chia ra thành các đôi một, có tám bậc khi được chia ra thành các thể loại cá nhân – thích đáng được nhận các lễ vật, thích đáng được sự khoản đãi, thích đáng được sự kính trọng, là Phước Điền bất thành tỷ lệ cho thế gian.” Đây là

Pháp hoạch lợi phong hậu về Thiện Công Đức, hoạch lợi phong hậu về Sự Thiện Xảo, bồi dưỡng Sự Tĩnh Lạc thứ ba.

*“Furthermore, the disciple of the noble ones is endowed with virtues that are appealing to the noble ones: untorn, unbroken, unspotted, unsplattered, liberating, praised by the wise, untarnished, leading to concentration. This is the fourth **bonanza of Merit, bonanza, of Skillfulness, nourishment of Bliss.***

*“These are four **bonanzas of Merit, bonanzas of Skillfulness, nourishments of Bliss.**” (SN LV.# 31)*

“Thêm nữa, vị đệ tử của Chư Thánh Nhân đã hội đủ phúc duyên với Giới Đức mà hữu cảm nhiễm lực đối với Chư Thánh Nhân: không có bị rách, còn nguyên vẹn, không bị lôm đóm, không bị rơi lộp độp, được phóng thích, được các bậc Trí Tuệ tán dương, không có bị hoen ố, dấy dẫn đến sự định thức. Đây là **Pháp hoạch lợi phong hậu về Thiện Công Đức, hoạch lợi phong hậu về Sự Thiện Xảo, bồi dưỡng Sự Tĩnh Lạc** thứ tư. Những Pháp này là bốn Pháp **Pháp hoạch lợi phong hậu về Thiện Công Đức, hoạch lợi phong hậu về Sự Thiện Xảo, bồi dưỡng Sự Tĩnh Lạc.** (Tương Ứng Bộ Kinh LV.# 31)

SN LV.# 32 defines the fourth **bonanza of Merit** as follows: *“Furthermore, the disciple of the noble ones lives at home with an awareness cleansed of the stain of stinginess, freely generous, openhanded, delighting in being magnanimous, responsive to requests, delighting in the distribution of alms.*

Tương Ứng Bộ Kinh LV.# 32 định nghĩa Pháp hoạch lợi phong hậu về Thiện Công Đức như sau: “Thêm nữa, vị đệ tử của Chư Thánh Nhân sinh sống ở tại gia với sự tỉnh giác được tỉnh khiết khỏi sự cấu uế của Pháp Lận Sắc, nhân từ một cách hào phóng, khảng khái, hân hoan duyệt ý trong việc khoan hồng đại lượng, đáp ứng yêu cầu, hân hoan duyệt ý trong việc phân phát những vật xả thí.

SN LV.# 33 defines it as follows: *“Furthermore, the disciple of the noble ones is discerning, endowed with Discernment of arising and passing away—noble, penetrating, leading to the right ending of stress.”*

Tương Ứng Bộ Kinh LV.# 33 định nghĩa Pháp ấy như sau: “Thêm nữa, vị đệ tử của Chư Thánh Nhân nhận thức rõ, hội đủ phúc duyên với

Động Sát Lực về sự khởi sinh lên và sự diệt vong – thánh thiện, thẩm thấu, dắt dẫn đến việc hoàn toàn đoạn diệt được tinh thần áp lực.”

*“Just as it’s not easy to take the measure of the water in the great ocean as ‘just this many pails of water or hundreds of pails of water or thousands of pails of water or hundreds of thousands of pails of water.’ It is reckoned simply as a great mass of water that is unreckonable, immeasurable. In the same way, when a disciple of the noble ones is endowed with these four **bonanzas of Merit, bonanzas of Skillfulness**, it’s not easy to take the measure of the Merit as ‘just this much **bonanza of Merit, bonanza of Skillfulness, nourishment of Bliss**, heavenly, ripening in bliss leading to heaven, leading to what is agreeable, pleasing, charming, happy, and beneficial.’ It is reckoned simply as a great mass of Merit that is unreckonable, immeasurable.” (SN LV.# 41)*

“Cũng như thật là không dễ dàng để đo lường được lượng nước ở trong đại dương vì “chính điều này phải rất nhiều thùng nước, hoặc hàng trăm thùng nước, hoặc hàng ngàn thùng nước, hoặc hàng trăm ngàn thùng nước.” Một cách đơn giản nó được coi như là một khối lượng to lớn về nước mà bất khả bàn toán, bất khả hạn lượng. Trong cùng phương thức, khi một vị đệ tử của Chư Thánh Nhân với bốn Pháp **hoạch lợi phong hậu về Thiện Công Đức, hoạch lợi phong hậu về Sự Thiện Xảo** này; thật là không dễ dàng để đo lường được về Thiện Công Đức vì “chính điều này **hoạch lợi phong hậu rất nhiều về Thiện Công Đức, hoạch lợi phong hậu về Sự Thiện Xảo, bồi dưỡng Sự Tĩnh Lạc**, thuộc Thiên Giới, thành thực trong sự tĩnh lạc đưa đến Thiên Giới, dắt dẫn đến điều mà thân thiết hữu thiện, duyệt ý, mê nhân, an lạc và quả phúc lợi.” Một cách đơn giản nó được coi như là một khối lượng to lớn về Thiện Công Đức mà bất khả bàn toán, bất khả hạn lượng.” (Tăng Chi Bộ Kinh VI. # 41)

*[Venerable Ānanda is speaking to Anāthapindika concerning the first list of **bonanzas of Merit**:] “A well - instructed disciple of the noble ones, when endowed with these four qualities, has no terror, no trepidation, no fear at death with regard to the next life.” (SN LV.# 27)*

[Trưởng Lão Ānanda đã nói với bá hộ Anāthapindika hữu quan đến danh sách đầu tiên của **Pháp hoạch lợi phong hậu về Thiện Công Đức**:] “Một đệ tử được khéo dạy bảo của Chư Thánh Nhân, khi đã hội

đủ phúc duyên với bốn phẩm chất ưu tú này, không có nỗi khiếp đảm, không có sự hoảng hốt, không có sợ hãi lúc cận tử lâm chung hữu quan đến kiếp sống kế tiếp. (Tương Ưng Bộ Kinh LV.# 27)

*“Then there is the case of the person who has no doubt or perplexity, who has arrived at certainty with regard to the True **Dhamma**. Then he comes down with a serious disease. As he comes down with a serious disease, the thought occurs to him, ‘I have no doubt or perplexity. I have arrived at certainty with regard to the True **Dhamma**.’ He doesn’t grieve, isn’t tormented; doesn’t weep, beat his breast, or grow delirious. This, too, is a person who, subject to death, is not afraid or in terror of death.” (AN IV.# 184)*

“Thế rồi có trường hợp của người mà không có sự nghi ngờ hoặc sự khốn hoặc, người mà nhất định đã đạt đến phương diện của Chân Pháp. Thế rồi vì ấy sụp đổ với một căn bệnh nghiêm trọng. Trong khi vì ấy sụp đổ với một căn bệnh nghiêm trọng, sự nghĩ suy nảy sinh đến vị ấy: “Tôi không có sự nghi ngờ hoặc sự khốn hoặc. Tôi nhất định đã đạt đến phương diện của Chân Pháp.” Vị ấy không có sầu khổ, đã không có ưu phiền; không có khóc lóc, không có đập vào ngực của mình, hoặc không có hôn mê. Cũng vậy, đây là một hạng người, không tránh khỏi sự chết, mà không có sợ hãi hoặc nỗi khiếp đảm về sự chết. (Tăng Chi Bộ Kinh IV.# 184)

*[The **Buddha** is speaking to **Nandaka**, the chief minister of the **Licchavis**, concerning the first list of **bonanzas of Merit**.] “A disciple of the noble ones endowed with these four qualities is a Stream - Winner, steadfast, never again destined for states of woe, headed for Self - Awakening.*

“Furthermore, a disciple of the noble ones endowed with these four qualities is linked with long life, human or divine; is linked with beauty, human or divine; is linked with happiness, human or divine; is linked with status, human or divine; is linked with influence, human or divine.

*“I tell you this, **Nandaka**, not having heard it from any other **Brahman** or contemplative. Instead, I tell you this having known, seen, and realized it for myself.”*

*When this was said, a certain man said to **Nandaka**, the chief minister of the **Licchavis**, “It is now time for your bath, Sir.”*

*[**Nandaka** responded,] “Enough, I say, with this external bath. I am satisfied with this internal bath: confidence in the Blessed One.” (SN LV.# 30)*

[Đức Phật đã đang nói với **Nandaka**, vị quan đại thần của những người dân **Licchavi**, hữu quan đến danh sách đầu tiên của **Pháp hoạch lợi phong hậu về Thiền Công Đức:**] “Một vị đệ tử của Chư Thánh Nhân đã hội đủ phúc duyên với bốn phẩm chất ưu tú này là một Bạc Dữ Lưu, kiên định, không bao giờ còn có mệnh vận đọa vào các trạng thái thống khổ nữa, đã hướng tới Sự Tự Giác Ngộ.

“Thêm nữa, một vị đệ tử của Chư Thánh Nhân đã hội đủ phúc duyên với bốn phẩm chất ưu tú này đã được liên kết với sự trường thọ, thuộc Nhân Loại hoặc Chư Thiên; đã được liên kết với sự mỹ lệ, thuộc Nhân Loại hoặc Chư Thiên; đã được liên kết với niềm hạnh phúc, thuộc Nhân Loại hoặc Chư Thiên; đã được liên kết với địa vị, thuộc Nhân Loại hoặc Chư Thiên; đã được liên kết với quyền thế lực, thuộc Nhân Loại hoặc Chư Thiên.

“Ta nói với người về điều này, này **Nandaka**, không phải đã được nghe điều đó từ bất luận một vị Bà La Môn hoặc một bậc hảo tâm tư gia nào khác. Thay vào đó, Ta nói với người điều này là do chính Tự Ta đã được tuệ tri, đã được kiến tri và đã được chứng tri về nó.”

Khi điều này đã được nói ra, một nam nhân nọ đã thưa với **Nandaka**, vị quan đại thần của những người dân **Licchavi**: “Thưa Ngài, bây giờ là thời gian để tắm của Ngài.”

[**Nandaka** trả lời] “Đủ rồi, Tôi nói, với việc tắm rửa này là ở ngoại thân. Tôi đã mãn ý với việc tắm rửa ở nội thân như thế này: sự tín thành vào Đức Thế Tôn.” (Tương Ứng Bộ Kinh LV.# 30)

Then the Blessed One, picking up a little bit of dust with the tip of his fingernail, said to the monks, “What do you think, monks ? Which is greater: the little bit of dust I have picked up with the tip of my fingernail, or the great earth ?”

“The great earth is far greater, Lord. The little bit of dust the Blessed One has picked up with the tip of his fingernail is next to nothing. It’s not a hundredth, a thousandth, a one hundred - thousandth—this

little bit of dust the Blessed One has picked up with the tip of his fingernail—when compared with the great earth.”

*“In the same way, monks, for a disciple of the noble ones who is consummate in view, an individual who has broken through [to Stream - Entry], the suffering and stress totally ended and extinguished is far greater. That which remains in the state of having at most seven remaining lifetimes is next to nothing: it’s not a hundredth, a thousandth, a one hundred - thousandth, when compared with the previous mass of suffering. That’s how great the benefit is of breaking through to the **Dhamma**, monks. That’s how great the benefit is of obtaining the **Dhamma** eye.” (SN XIII.# 1)*

Thế rồi Đức Thế Tôn, sau khi đã nhặt lên một chút ít bụi với đầu ngón tay của Ngài, đã nói với các vị tu sĩ: “Các người nghĩ thế nào, này các vị tu sĩ ? Cái nào thì to lớn hơn: chút ít bụi Ta đã nhặt lên với đầu ngón tay của mình, hoặc trái đất to lớn này ?”

“Quả địa cầu to lớn thì to lớn hơn nhiều, bạch Đức Thế Tôn. Chút ít bụi Đức Thế Tôn đã nhặt lên với đầu ngón tay của mình thì hầu như không có chi cả. Nó không bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần trăm ngàn – chút ít bụi này Đức Thế Tôn đã nhặt lên với đầu ngón tay của mình – khi đã được so sánh với quả địa cầu to lớn.”

“Trong cùng phương thức, này các vị tu sĩ, đối với một đệ tử của Chư Thánh Nhân là Bạc đã được Kiến Giải cụ túc, một cá nhân mà đã vượt qua [đạt đến Bạc Dự Lưu], sự khổ đau và tinh thần áp lực đã hoàn toàn đoạn diệt và đã diệt tắt thì to lớn hơn nhiều. Cái mà còn lại trong tình trạng hiện hữu nhiều nhất của bảy kiếp sống còn lại thì hầu như không có chi cả: nó không bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần trăm ngàn, khi đã được so sánh với khối lượng to lớn của sự khổ đau trước đó. Như thế quả phúc lợi to lớn biết bao là việc đã vượt qua đạt đến Giáo Pháp, này các vị tu sĩ. Như thế quả phúc lợi to lớn biết bao là việc đạt được Pháp Nhãn.” (Tương Ứng Bộ Kinh III.# 1)

*Sole dominion over the earth,
going to heaven,
Lordship over all worlds:
the fruit of Stream - Entry
excels them. (Dhp.# 178)*
Hơn thống lãnh Cõi đất,

Hơn được sinh Cõi trời,
 Hơn chủ trì vũ trụ,
 Quả Dự Lưu tối thắng.” (Pháp Cú.# 178)

-----00000-----

Beyond Merit Siêu Xuất Thiện Công Đức

As he was standing to one side, Uttara the Deva's son recited this verse in the Blessed One's presence:

Khi vị ấy đã đang đứng sang một bên, **Uttara** con trai vị Thiên Tử đã trùng tụng câu kệ này trong sự hiện diện của Đức Thế Tôn:

*“Life is swept along,
 Next – to - nothing its span.
 For one swept on by aging
 no shelters exist.
 Perceiving this danger in death,
 one should do deeds of Merit
 that bring about bliss.”*

Mạng sống bị dắt dẫn,
 Tuổi thọ chẳng là bao,
 Bị dẫn đến già nua,
 Không có nơi dừng bước.
 Ai đem Tâm quán tưởng,
 Sợ hãi Tử Vong này,
 Hãy làm các công đức,
 Đưa đến chơn an lạc.

The Buddha:
 Đức Phật:

*“Life is swept along,
 Next – to - nothing its span.
 For one swept to old age*

no shelters exist.

*Perceiving this danger in death,
one should drop the world's bait
and look for peace.” (SN II.# 19)*

Mạng sống bị dắt dẫn,
Tuổi thọ chẳng là bao,
Bị dẫn đến già nua,
Không có nơi dừng bước.
Ai đem Tâm quán tưởng,
Sợ hãi Tử Vong này,
Hãy bỏ mọi Thế lợi,
Tâm hướng cầu tịch tịnh. (Tương Ưng Bộ Kinh II.# 19)

*For a person of unsoddened mind,
unassaulted awareness,
abandoning merit and evil, wakeful,
there is no danger, no fear. (Dhp.# 39)*

Tâm không đầy tràn dục,
Tâm không (hận) công phá,
Đoạn tuyệt mọi Thiện Ác,
Kẻ tỉnh không sợ hãi. (Pháp Cú.# 39)

*He has gone
beyond attachment here
for both merit and evil—
sorrowless, dustless, and pure:
he's what I call a **Brahman**. (Dhp 412)*

Người sống ở đời này,
Không nhiễm cả Thiện Ác,
Không sâu, sạch không bụi,
Ta gọi Bà La Môn. (Pháp Cú, Phẩm Bà La Môn, 412)

Glossary

Bảng Chú Giải

Arahant: A “worthy one” or “pure one”; a person whose mind is free of defilement and is thus not subject to further rebirth. A title for the **Buddha** and his highest level of noble disciples.

Bậc Vô Sinh: là "một Bậc xứng đáng có phẩm giá - Ứng Cúng" hoặc là "một Bậc tinh khiết"; một Bậc với Tâm không có Pháp uế nhiễm và do đó không còn phải chịu sự tục sinh nữa. Một danh hiệu dành cho Đức Phật và Chư Thánh Đệ Tử tôn quý bậc nhất của Ngài.

Āsava: Effluent; fermentation. Four qualities—sensuality, views, becoming, and ignorance—that “flow out” of the mind and create the flood of the round of death and rebirth.

Lậu Hoặc: Pháp rò rỉ, Pháp lên men thuộc lĩnh vực tinh thần (Pháp Lậu Hoặc). Bốn tính chất (Tứ Lậu Hoặc): Dục Lậu, Kiến Lậu, Hữu Lậu và Vô Minh Lậu - là chất thải ra từ nơi Tâm và tạo ra dòng cuộn cuộn của vòng sinh tử luân hồi.

Brahma: An inhabitant of the highest heavenly realms of form and formlessness.

Phạm Thiên: Một cư dân của các Cõi Thiên Giới cao nhất thuộc về Sắc Giới và Vô Sắc Giới.

Brahman: A member of the priestly caste, which claimed to be the highest caste in India, based on birth. In a specifically **Buddhist** usage, “**Brahman**” can also mean an **Arahant**, conveying the point that excellence is based not on birth or race, but on the qualities attained in the mind.

Vị Bà La Môn: Một thành viên thuộc đẳng cấp Giáo Sĩ, đã tuyên bố là đẳng cấp cao nhất ở Xứ Ấn Độ, dựa trên sinh chủng. Theo cách sử dụng cụ thể của Phật giáo, “Bà La Môn” cũng có nghĩa là một Bậc Vô Sinh, được truyền đạt quan điểm rằng sự hoàn hảo không dựa trên sinh chủng hoặc chủng tộc, nhưng trên những phẩm chất ưu tú đã dĩ đắc trong tâm thức.

Deva (Devata): Literally, “shining one.” An inhabitant of the heavenly realms.

Chư Thiên: Theo nghĩa đen, “Bậc chiếu sáng.” Một cư dân thuộc các Cõi Thiên Giới.

Dhamma: (1) Event; action; (2) a phenomenon in and of itself; (3) mental quality; (4) doctrine, teaching; (5) *Nibbāna* (although there are passages describing *Nibbāna* as the abandoning of all **Dhammas**). Sanskrit form: **Dharma**.

Pháp: (1) Việc xảy ra; hành động; (2) một hiện tượng ở bên trong và thuộc tự ngã của nó; (3) phẩm chất ưu tú tinh thần; (4) giáo lý, huấn từ; (5) Níp Bàn (mặc dù có những đoạn văn miêu tả Níp Bàn là sự xả ly tất cả các Pháp). Tiếng Bắc Phạn: **Dharma**.

Jhāna: Mental absorption. A state of strong concentration focused on a single sensation or mental notion. This term is related to the verb **Jhayati**, which means to burn with a still, steady flame.

Thiền Na: Trạng thái nhập định (*Tập Trung Định Mục*). Một trạng thái của sự định thức mạnh mẽ vào một cảm giác hoặc ý niệm tinh thần. Thuật ngữ này có liên quan đến động từ **Jhayati**, có nghĩa là thiêu đốt với một ngọn lửa tĩnh lặng, ổn định.

Kamma: Intentional action. Sanskrit form: **Karma**.

Nghiệp Lực: Sự tạo tác có chủ ý. Tiếng Bắc Phạn: **Karma**.

Nibbāna: Literally, the “unbinding” of the mind from passion, aversion, and delusion, and from the entire round of death and rebirth. As this term also denotes the extinguishing of a fire, it carries connotations of stilling, cooling, and peace. Sanskrit form: **Nirvana**.

Níp Bàn: Theo nghĩa đen, sự cởi bỏ của tâm thức khỏi Tham, Sân Hận và Si và thoát khỏi toàn bộ vòng sinh tử luân hồi. Vì thuật ngữ này cũng biểu thị việc dập tắt ngọn lửa, nó mang ý nghĩa tĩnh lặng, mát dịu và an lạc. Tiếng Bắc Phạn: **Nirvana**.

Saṅgha: Community. On the conventional level, this term denotes the communities of **Buddhist** monks and nuns. On the ideal level, it

denotes those followers of the **Buddha**, lay or ordained, who have attained at least the first level of Awakening.

Tăng Đoàn: Đoàn thể. Theo cấp độ quy ước, từ ngữ này có nghĩa là Giáo Hội của các vị Tu Sĩ và những Nữ Tu thuộc Phật giáo. Theo ý nghĩa lý tưởng, nó dùng để chỉ những người môn đồ của Đức Phật, tại gia hoặc xuất gia, người đã đạt được ít nhất Quả Vị đầu tiên của Sự Giác Ngộ (bậc Dự Lưu).

Sutta: Discourse. **Sanskrit form:** **Sutra.**

Kinh Điển: Pháp Thoại. Tiếng Bắc Phạn: **Sutra.**

Tathāgata: Literally, “one who has become authentic (**Tatha-Agata**)” or “one who is truly gone (**Tatha-Agata**).” An epithet used in ancient **India** for a person who has attained the highest religious goal. In **Buddhism**, it usually denotes the **Buddha**, although occasionally it also denotes any of his **Arahant** disciples.

Như Lai: Theo nghĩa đen, “một Bậc đã trở thành thuần chủng (**Tatha-Agata**) hoặc một Bậc đã thật sự giải thoát (**Tatha-Agata**). Một biểu tượng sử dụng ở Xứ Ấn Độ cổ đại cho một người đã đạt được mục tiêu tôn giáo cao nhất. Trong Phật Giáo, nó thường biểu thị Đức Phật, mặc dù đôi khi nó cũng biểu thị những Đệ Tử Vô Sinh của Ngài.

Vinaya: The monastic discipline.

Luật: Giới luật chốn thiền tự.

-----00000-----

Abbreviations

Những Từ Ngữ Viết Tắt

AN: Aṅguttara Nikaya

Tăng Chi Bộ Kinh

Dhp: Dhammapada

Kinh Pháp Cú

DN: Dīgha Nikāya

Trường Bộ Kinh

Iti: Itivuttaka

Như Thị Ngữ Kinh

Khp: Khuddakapatha

Tiểu Bộ Kinh

MN: Majjhima Nikāya

Trung Bộ Kinh

Mv: Mahāvagga

Đại Phẩm

SN: Samyutta Nikāya

Tương Ưng Bộ Kinh

Ud: Udāna

Tự Thuyết Kinh



Sādhū, Sādhū, Sādhū.

Lành thay, Lành thay, Lành thay